

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ



KỶ VIỆU

LỄ TƯỞNG NIỆM LẦN THỨ 30
NI TRƯỞNG HUỲNH LIÊN
Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ



Ngày 13, 14, 15 tháng 04 năm 2017
(Nhằm ngày 17, 18, 19 tháng 3 năm Đinh Dậu)

LỜI NÓI ĐẦU

*Thời gian vật đổi sao dời,
Tình Thầy vẫn sáng rạng ngời muôn niên.
Bao la tựa thể Mẹ hiền,
Vĩ thương trẻ tạo phước điền từ bi.*

Ba mươi mùa xuân trôi qua, là ba mươi mùa xuân dài dằng dằng, lời vàng tiếng ngọc của Ni trưởng chúng con không bao giờ được nghe nữa, nhưng tấm gương cao cả vĩ đại của Ni trưởng vẫn luôn luôn là kim chỉ nam soi đường dẫn lối chúng con. Về công đức của Ni trưởng thì ngôn từ thế gian quá hạn hẹp, không làm sao đủ để dùng lời diễn tả. Thầy ơi! Người vừa là Mẹ hiền, với tấm lòng khoan dung từ ái, luôn vì chúng con mà gánh vác nhọc nhằn. Người vừa là Bạc Thầy, với tâm hồn nhiệt huyết, kiên cường dui dặt bảo ban đàn đệ tử chúng con đi vào con đường chánh pháp. Người vừa là Bồ tát hiện thân ở cõi đời ô trược, không nề cực khổ để cứu độ chúng sanh.

Với tinh thần ấy, hơn 40 năm trên lộ trình hoằng truyền đạo pháp Thích Ca, bước chân mạnh mẽ của Ni trưởng đã đi khắp cùng thành thị, thôn quê, để thấp lên ngọn lửa từ bi trí huệ, nơi nào được đón bước chân Ni trưởng, nơi đó như được thấm nhuần hương vị đạo pháp thiêng liêng, hương vị đạo pháp đó vô cùng huyền diệu, dường như dòng sữa ngọt ngào thấm sâu vào lòng dân tộc và mãi mãi không phai cùng năm tháng, vì hương vị ấy không phải được làm bằng những chất liệu tầm thường của thế gian, mà được đúc kết bằng lửa từ bi, hương trí huệ, hạt giống công đức và tình thương bao la bất diệt.

Không chỉ là hoằng dương đạo pháp đến với chúng sanh, Ni trưởng còn là Bạc Anh Hùng cứu nước của dân tộc, theo quan điểm tinh thần Nhập Thế, Ni trưởng đã hai vai gánh vác đạo đời. Đúng như lời Phật Thế Tôn dạy: “Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, đời và đạo, sáng và tối, chúng sanh và Phật, phiền não và Bồ đề, sanh tử và Niết bàn” chỉ là một tánh không có hai, chỉ khác người được giác ngộ gọi là Phật, người còn vô minh ô trược gọi là chúng sanh, có đức tuệ là sáng tỏ, không đức tuệ là mờ tối, Người thanh thản ung dung bước trên chặng đường gian nan khổ ải, như chiến sĩ dày dạn không hề khuất phục trước khó khăn chông chát:

“Chiến tranh khốc liệt tô bồi vững tâm hồn người chiến sĩ.

Pháp nạn cam go đúc kết cao nghĩa khí bậc tu hành.

Lấy nghĩa non sông làm nghĩa đạo vun đắp tình thương cùng tứ chúng.

Dùng tâm Phật Thánh tạo mầm nhân rải ban kiến thức đến ngàn phương”.

Công trạng của Ni trưởng cứ như dòng nước mát, nhẹ nhàng, êm ả in sâu vào lòng dân tộc, vào lòng chúng sanh, vào tim gan hàng đệ tử. Cuộc đời của Ni trưởng là cả những cuộc chiến đấu dài không mỏi mệt. Ứng dụng tinh thần nhập thế tùy duyên, Ni trưởng đã mở cho Ni giới Khất sĩ một trang sử mới. Ngọn đèn trí huệ của Ni trưởng đã soi đường dẫn lối cho đàn hậu bối. Với hai hàng đệ tử xuất gia và tại gia, Ni trưởng đã dùng tình thương bác ái, cùng bàn tay dịu dàng, ấm áp, nâng đỡ dìu dắt đàn con dại. Với sự nghiệp văn hóa, Ni trưởng đã đóng góp cả một kho bảo tàng cho nền văn hóa nhân loại, làm lợi lạc khắp quần sanh, ngôn từ sâu sắc, uyên chuyên của Người sử dụng biến hóa thật tinh vi, ảo diệu, cho lời kinh, nghĩa kệ thêm đậm phần thâm áo, súc tích. Với quê hương, Người đã dũng cảm không nề khó khăn, cùng chung vai gánh vác sơn hà, đúng như Người từng nói:

*“Nguy thời dựng nước cứu dân,
An thời giữ áo am vân tu trì”.*

Và Ni trưởng đã thật kiên cường:

*“Bằng tâm hồn bất khuất nào e vất vả,
kiên trì chèo lái đem hạnh phúc giữ sơn hà.*

*Với ý chí hiên ngang không ngại khó khăn,
nỗ lực đấu tranh giành hòa bình vì dân tộc”.*

Ba mươi năm trôi qua, những gì Ni trưởng đã tạo dựng, không hề mai một với thời gian, trái lại còn đơm hoa kết trái khắp toàn thế giới, tán nhánh từ bi vươn cao tỏa mát, hạt giống pháp bảo đã nảy mầm phát triển thành đại thụ và tỏa sáng rực rỡ hơn bao giờ hết. Nhân ngày đại lễ kỷ niệm, đệ tử chúng con với ngôn từ thô thiển vụng dại, kính dâng lên Ni trưởng, Bạc Thầy khả kính của chúng con, lời tri ân sâu sắc thành kính nhất. Chúng con nguyện sẽ cố gắng tu hành tinh tấn, đem những lời vàng ngọc của Người truyền lưu hậu thế, để không phụ công ơn giáo dưỡng như trời biển của Người.

*Thấp ngọn đuốc soi đường cho nhân loại,
Đề dương trần rạng rỡ lửa bình yên.
Thầy chúng con đại thụ chốn cửa thiền,
Nói hạnh nguyện Thích Ca truyền chánh pháp.
Mặc trở ngại cùng phong ba bão táp,
Người ung dung vững đại nguyện vào đời.
Tâm chân tình sâu rộng quá biển khơi,
Đề hậu thế muôn đời trân trọng mãi.*

*Chúng đệ tử với đôi lời vụng dại,
Dâng lên Người với tất cả thành tâm.
Tạ Ân Sư đã chũng hạt gieo mầm,
Làm cuộc sống đầy hương hoa bác ái.
Tạo chiến tích thật vô cùng vĩ đại,
Để đời sau dạ kính cần tôn thờ.
Tâm chân thành phác họa mấy vần thơ,
Ghi chép lại công ơn Người Hướng Đạo.*

Ban Biên Tập

LƯỢC SỬ TƯỢNG NIỆM NI TRƯỞNG HUỲNH LIÊN

Nhân kỷ niệm lần thứ 30 (1987 - 2017)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Giáo phẩm Hòa thượng Hội Đồng Chứng minh;

Kính bạch chư tôn đức Hội đồng Trị sự GHPGVN;

Kính bạch chư tôn đức Ban Trị sự GHPGVN Tp. Hồ Chí Minh, chư tôn đức Ban Trị sự GHPGVN quận Gò Vấp và các quận, huyện;

Kính bạch chư tôn đức Giáo phẩm Hệ phái Khất sĩ;

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng;

Kính bạch Quý Ni trưởng, Ni sư, chư tôn đức Ni;

Kính thưa chư vị khách quý cùng toàn thể Quý Phật tử,

Từ ngày Ni trưởng Thích nữ Huỳnh Liên – Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam tọa bửu liên đài cao đẳng Phật quốc, đến nay đã tròn 30 năm. Tuy rằng, một phần ba thế kỷ đã trôi qua, với bao sự đổi thay và phát triển của đất nước cũng như Giáo hội và Hệ phái, nhưng hình ảnh tôn quý và công hạnh tuyệt vời của Ni trưởng luôn hiện hữu trong lòng Ni giới chúng con.

Hôm nay, nhân lễ kỷ niệm lần thứ 30 ngày Ni trưởng viên tịch, chúng con xin được phép bày tỏ lòng tri ân sâu xa đối với bậc Thầy hiền khả kính.

Kính bạch chư tôn đức,

Kính thưa chư vị khách quý,

Ni trưởng Huỳnh Liên, thế danh Nguyễn Thị Trừ, sinh năm 1923 tại làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Vận; thân mẫu là cụ Bà Lê Thị Thảo, pháp danh Thiện Liên, xuất gia, thọ giới Tỳ kheo Ni.

Sinh trưởng trong một gia đình thâm nho, đạo đức và tin Phật, Ni trưởng đã được nuôi dưỡng tinh thần bằng chất liệu từ bi, sớm nhận thức cõi đời giả tạm, thế sự phù vân, chỉ có đạo giải thoát là cứu cánh, cho nên vào ngày mùng 1 tháng 4 năm 1947, duyên lành hội đủ, khi Đức Tổ sư Minh Đăng Quang – Tổ khai sáng Hệ phái Khất sĩ Việt Nam hành đạo đến làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho, sau khi thỉnh pháp, Ni trưởng bước ra quỳ xin Đức Thầy cho xuất gia. Đức Tổ sư hỏi: *Tín nữ xuất gia với hạnh nguyện gì?* Ni trưởng thưa: *Bạch Đức Thầy, con xuất gia với hạnh nguyện “Làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ”*. Đức Tổ Sư khen: *“Đó là hạnh nguyện của Bồ tát, chỉ có Bồ tát mới có hạnh nguyện xuất gia rộng lớn như thế”*. Rồi Đức Tổ Sư dạy: *Tín nữ nên tìm thêm 3 vị nữa cùng đi thì Thầy mới nhận*. Hôm

sau, Ni trưởng cùng ba bạn đồng hành được Đức Tổ sư chứng minh cho xuất gia tại Linh Bửu tự với pháp danh Huỳnh Liên, Bạch Liên, Thanh Liên, Bửu Liên. Cả bốn Ni trưởng đều được Tổ sư truyền thọ giới pháp Y Bát Khất sĩ, làm Tỳ kheo Ni. Ni trưởng được Tổ sư thọ ký làm Trưởng tử Ni để hướng dẫn Ni chúng tu học và hành đạo.

Năm 1954, Tổ Sư vắng bóng, Ni trưởng kế tục sự nghiệp Tổ Thầy, cùng Tăng đoàn hoàn thành sứ mạng truyền bá Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam.

Với cương vị Trưởng Ni giới, bằng hạnh nguyện làm chiếc thuyền từ chở chuyên phái nữ, qua sứ mạng nổi truyền Thích Ca Chánh pháp, trong suốt 41 năm thực hành hạnh nguyện độ sanh (1947-1987), Ni trưởng đã cùng Quý Trưởng lão Ni trải bước hóa duyên hành đạo khắp hai miền Nam Trung, nỗ lực đưa Giáo hội Ni giới Khất sĩ phát triển song song với Giáo hội Tăng già Khất sĩ, truyền thừa Phật pháp rộng sâu trong quần chúng nhân dân trên khắp mọi miền đất nước. Nhờ bi nguyện độ sanh, đức độ từ hòa, sức tinh tấn kiên trì, Ni trưởng đã hội nhập vào lòng người, thành lập trên trăm ngôi Tịnh xá, tiếp độ hàng trăm Ni chúng và tín đồ Phật tử tu học theo chánh pháp, nuôi dưỡng trẻ mồ côi, giúp người nghèo khó. Từ đó, Ni trưởng đã un đúc cho những cánh hoa tâm linh đẹp nhất nở rộ từ Tổ đình Ngọc Phương tỏa đến các tỉnh, thành trong cả nước để phụng sự nhơn sanh và xã hội.

Bên cạnh sự xả thân cầu đạo, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức, Ni trưởng đã hướng đến mục tiêu thiết thực là tìm cầu sự an lạc lợi ích cho mọi người, đặc biệt cho quê hương đất nước trong giai đoạn chiến tranh. Với tinh thần vì dân vì nước, vì độc lập tự do, hòa bình hạnh phúc, Ni trưởng đã thể hiện trọn vẹn tinh thần kính Phật, phụng đạo, yêu nước, tích cực hưởng ứng các phong trào đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, thống nhất tổ quốc.

Trong tinh thần đoàn kết hòa hợp, năm 1981, Ni trưởng đã cùng chư Tôn đức lãnh đạo các tổ chức Giáo hội, Hệ phái xây dựng thành công ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời hiện đại, đoàn kết thực sự trong lòng dân tộc. Ni trưởng là vị Ni đầu tiên được suy cử vào Ban Thường trực Hội Đồng Trị Sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ I (1981-1987) với chức vụ Ủy viên Kiểm Soát.

Đối với xã hội, Ni trưởng đã tham gia nhiều mặt công tác, lần lượt đảm nhiệm các nhiệm vụ như:

- Đại biểu Quốc hội khóa 6 (1976-1981).
- Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1976-1987).
- Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh.

Trong sự nghiệp sáng tác văn chương, Ni trưởng còn để lại cho đời, cho đạo những áng thơ văn đủ thể loại, từ văn vần cho đến văn xuôi, với nội dung phong phú, đậm đà bản sắc quê hương, dân tộc và Đạo pháp. Đó chính là cách Ni trưởng đem đạo vào đời, bằng trái tim và tâm hồn của người con Phật, như *Giáo sư Hoàng Như Mai* đã viết: “*Nói về thơ của Ni trưởng Huỳnh Liên, đây là những áng thơ trữ tình đặc sắc: Tình với người, với cảnh, với Thầy, với đệ tử, với đất nước quê hương, với bạn bè, người thân... Nếu thâu tóm lại, thì chỉ bốn chữ Từ, bi, hỷ, xả, nhưng nếu phân tích thì phong phú lạ thường, giống như một giọt sương trên chiếc lá, chỉ một giọt sương thôi nhưng khi ánh dương quang chiếu vào thì lung linh muôn vàn màu sắc...*”¹ Ni trưởng Huỳnh Liên đã viên tịch, nhưng tư tưởng, tình cảm, hành động, tất cả con người của Ni trưởng vẫn còn lại trong những vần thơ cao đẹp.

Có thể nói, trong suốt cuộc đời hành đạo, Ni trưởng đã nỗ lực truyền bá Chánh pháp và đã để lại cho đời, cho đạo một tấm gương bất khuất, kiên trung, khí tiết của bậc Nữ lưu xưa nay hiếm có, là một bài học quý giá cho thế hệ kế thừa noi theo học tập. Mỗi bước đi của Ni trưởng là hình ảnh giải thoát vô ngại, mỗi lời nói là khí giới khai tâm, là hiện thân của tinh thần Đạo – Tục viên thông, đem lại an lạc, hạnh phúc cho mọi người trong kiếp đời hữu hạn. Đạo nghiệp của Ni trưởng là sự kết tinh của Giới đức, Tâm đức, Trí đức và Tuệ đức.

Để ghi nhận những công hiến to lớn của Ni trưởng đối với Đạo pháp và Dân tộc, Nhà nước và Giáo hội đã trao tặng thưởng:

- Huân chương Độc Lập hạng Nhì
- Huân chương Kháng Chiến Chống Mỹ cứu nước hạng Nhất
- Huân chương Quyết Thắng hạng Nhất
- Bằng khen do UBTWMTTQVN tặng
- Bằng khen 10 năm của UBND TPHCM
- Bằng khen do BCH Đoàn TNCSHCM tặng
- Giấy khen do UBMTTQVN TPHCM tặng
- Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh
- Bằng khen mười năm của Ủy ban Nhân dân về công đóng góp cho sự nghiệp giải phóng đất nước và thành phố thân yêu.
- Bằng tuyên dương Công đức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Thế rồi, khi hạnh nguyện tròn xong, ta bà mãn nguyện, Ni trưởng xả

¹ Ni giới HPKS, *Thơ Ni trưởng Huỳnh Liên*, “*Đọc Thơ của Ni trưởng Huỳnh Liên*” của Giáo Sư Hoàng Như Mai. NXBTPHCM, 1995, tr.33.

báo thân, thu thần viên tịch vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 19 tháng 3 năm Đinh Mão (1987) trong niềm kính tiếc khôn nguôi của tất cả những ai được một lần hội kiến cùng Người.

Kính bạch Giác linh Ni trưởng,

Thuở sinh tiền Ni trưởng đặc biệt quan tâm khuyến khích môn đồ học tập Phật pháp, học tập văn hóa nâng cao trình độ. Ngày nay, Ni giới Hệ phái Khất sĩ tương đối phát triển, hiện diện khắp mọi nơi, có được chỗ đứng vững chắc trong lòng Giáo hội và xã hội, nhiều trăm Ni chúng tốt nghiệp Cử nhân, Trung cấp và Cao đẳng Phật học, các khóa đào tạo Giảng sư; có 2 Hộ Tiên sĩ, hơn 50 vị đã và đang học Tiến sĩ, Thạc sĩ; 01 vị Bác sĩ Y khoa và nhiều vị đã tốt nghiệp các khóa Lương y và các chuyên ngành khác. Nhiều chư Ni đang tham gia công tác tại các Ban, Viện Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành, quận, huyện, tham gia giảng dạy tại Học viện Phật giáo và các Lớp Trung cấp, sơ cấp tại một số đơn vị tỉnh, thành; và có rất nhiều chư Ni hiện đang theo học các Trường Phật học trong và ngoài nước; tại Tổ đình Ngọc Phương và các Tịnh xá đã tổ chức 27 khóa tu truyền thống Giới – Định – Tuệ cho chư Ni; tổ chức các lớp học giáo lý, các khóa tu tập Bát Quan trai hoặc khóa tu Niệm Phật cho Phật tử...

Chư Ni không những duy trì, xiển dương giáo lý Phật đà, giữ gìn truyền thống tốt đẹp với những nét đặc thù biệt truyền của Hệ phái; bên cạnh đó, chư Ni Hệ phái Khất sĩ còn hòa nhập vào những hoạt động của cộng đồng xã hội, như tham gia vào Quốc Hội, Hội Đồng Nhân Dân các cấp, UBMTTQVN từ trung ương đến địa phương, Hội LHPN Tỉnh, thành, huyện, thị... Đó chính là cách mà chúng con, Ni giới Khất sĩ - thế hệ kế thừa hôm nay đáp đền ơn giáo dưỡng của Người trong muôn một. Ngưỡng nguyện Giác linh Ni trưởng thù từ chứng giám.

Kính bạch chư tôn đức,

Kính thưa liệt quý vị,

Thế là 30 năm đã đi qua, kể từ ngày Ni giới Khất sĩ chúng con vĩnh viễn mất đi một bậc Thầy tôn kính, thì cũng ngần ấy thời gian, đệ tử chúng con quyết một lòng đoàn kết, hòa hợp, tiếp tục thực hiện hoài bão dựng xây đạo tràng, phục vụ Giáo hội, hướng dẫn Ni chúng và Phật tử tu tập, thực hiện các công tác từ thiện, tham gia các phong trào xã hội mà Ni trưởng đã một đời tâm niệm:

Nguyện xin hiến trọn đời mình,

Cho nguồn Đạo pháp, cho tình Quê hương.

Kính nguyện chư Tôn đức pháp thể khinh an, Phật sự viên thành.

Kính chúc quý quan khách dồi dào sức khỏe, thành tựu mọi công tác, vạn sự cát tường như ý.

Ban Thư Ký

BÀN TAY ĐẸP

★ Ni trưởng Huỳnh Liên

*Bàn tay đẹp là bàn tay trắng muốt,
Ngón búp măng, móng chuốt, nhuộm màu son.
Dáng thanh thanh, da mát mịn mềm non,
Để dành ngắm, để dành tôn, để mộng? ? ?*

*Không! Bàn tay đẹp là bàn tay “lao động”,
Chuyển đường gân, dâng sức sống cho đời.
Hiện khắp nơi và ở khắp nơi,
Như đất nước, như khí trời vũ trụ.*

*Bàn tay đẹp là bàn tay “nông vụ”,
Dem sức người tranh đấu với thiên nhiên.
Biến tác vàng trong tác ruộng bùn đen,
Đổi hạt ngọc, mồ hôi chen thánh thót.*

*Bàn tay đẹp là bàn tay “thầy thuốc”,
Vực nhân sanh ra khỏi vuốt tử thân.
Dao Hoa Đà, kim Biển Thước tuyệt luân,
Như Bồ tát hiện thân trong địa ngục.*

*Bàn tay đẹp là bàn tay “giáo chức”,
Luyện i tờ cho đến mức thành danh.
Đúc gan trung, rèn trí dũng hùng anh,
Lò sản xuất tài danh cho xứ sở.*

*Bàn tay đẹp là bàn tay “cô đỡ”,
Đưa những người trong biển cả mồ côi.
Rước hài nhi ra ánh sáng cuộc đời,
Tài nhân lực họa theo tài thiên tạo.*

Bàn tay đẹp là bàn tay “tân tảo”,

*Gánh đôi vai nặng cơm áo chồng con.
Gia đình vui nhờ bát sạch, canh ngon,
Vừa tháo vát, vừa bao gồm kim chỉ.*

*Bàn tay đẹp là bàn tay “công nghệ”,
Dựng tương lai cho thế hệ huy hoàng.
Thần chiến tranh tàn bạo diễn thương tang,
Tay cần mẫn dịu dàng chăm kiến tạo.*

*Bàn tay đẹp là bàn tay “từ mẫu”,
Nâng hài nhi trong giấc ngủ êm đềm.
Giặt ướ như ròng rã chẳng than phiền,
Dịu từng bước rồi luyện rèn chí khí.*

*Bàn tay đẹp là bàn tay “chiến sĩ”,
Chống xâm lăng cho bờ cõi thanh bình.
Cởi xiềng gông cho dân tộc trưởng thành,
Gầy vận hội quang vinh cho Tổ Quốc.*

*Bàn tay đẹp là bàn tay “đạo đức”,
Xoa vết đau, xua tủi cực trần gian.
Tật bệnh nghèo, mê, dốt, goá, cô, tang,
Xô địa ngục, dựng Niết bàn giải thoát.*

ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

★ Ni trưởng Huỳnh Liên

*Trống giục canh tàn,
Ngày sang đêm mãi.
Ánh sáng tươi hồng,
Vàng đông tỏ rạng.
Cõi trần hoàn lộ dạng huỳnh y,
Đường giải thoát hồi quy bỉ ngạn.
Cùng năm mãn tháng, trái gót hoá duyên,
Hằng bữa liên niên, trì bình khát phạn.
Thân là tạm, cõi đời là tạm,
cánh bèo trôi bẻ thảm lênh đênh;
Tâm hằng bền, lẽ đạo hằng bền,
gót trí dạo rìng thiền thanh thản.
Lưới ái, dây tình vương vấn,
vực sâu biển thăm,
cột người này nhúng nhẳng người kia;
Trí minh gươm huệ đoạn lia,
bến giác bờ kia,
bỏ neo tối quy về neo sáng.
Hiệp bạn đồng nguyên,
Đóng thuyền vượt bể,
Phát thế hoằng sanh,
Du hành độ thế.
Lập nên hệ thống Tăng già,
Giữ đúng quy điều Phật chế.
Tứ y Pháp bốn chồi cội rễ,
đơm hoa đẹp đẽ,
ba ngàn, tám vạn đoá nghiêm trang;
Thập giới điều mười nhánh bốn căn,
trở trái sai oằn,
hai trăm năm mươi chùm diễm lệ.*

Diệt bản ngã, trăm thân hoà nhất thể,
sống một đời vạn thể kính khâm;
Dứt cạnh tranh, dị khẩu hợp đồng âm,
nói một tiếng muôn lần ghi để.
Ý thanh tịnh cùng nhau vui vẻ,
sốt đấng cay san sẻ ngọt bùi;
Giới trang nghiêm chung hiệp trau dồi,
điểm lành lặn vá bồi sứt mẻ.
Kiến thức cao sâu cùng chỉ vẽ,
người si nhờ người huệ đỡ nâng;
Lợi quyền đa thiếu trọn chia phân,
lòng đạo diệt lòng trần ô uế.
Giăng tay dắt con thuyền hồng thế,
thả trên mặt bể,
an trí kẻ trầm;
Trái lòng đan chiếc áo từ tâm,
choàng khắp cõi trần,
ấm thân người thế.
Đuốc huệ soi đường,
Ánh vàng tỏ lối.
Bóng tối lui dần,
Đạo chân phát khởi.
Trống pháp dậy âm rền,
Chuông thiền ngân tiếng dội.
Cờ bác ái tung bay phấp phới,
đèn quang minh chiếu rọi tung bừng;
Phan từ bi vờn lượn lưng chừng,
loa giác ngộ tuyên dương inh ỏi.
Giác hôn trầm tỉnh vội,
gươm trí huệ tay trao;
Đường giải thoát tiến mau,
nón tâm nguyên đầu đội.
Nôn nao phấn khởi, bạn mới vầy đoàn;
Rộn rã hân hoan, lòng vàng tương hội.

*Cõi tịnh lạc dầu muôn trùng diệu vợi,
thầy trò theo lối lướt phăng;
Bước xông pha tuy nhiều nổi khó khăn,
bầu bạn bền tâm chống chỏi.
Lửa lòng tắt nguội, kệ kinh nhuần gội chiều moi,
Hoa trí nở tươi, pháp lý vun bồi sớm tối.
Thân, miệng, ý, giới nghi ràng trói,
vào cõi thiện duyên;
Nói, tưởng, làm, luật hạnh nhắc khuyên,
xa miễn tội lỗi.
Trưa trưa, tối tối,
nước định chân mát dạ đôi chiều.
Sáng sáng, chiều chiều,
com thiền duyệt no lòng hai buổi.
Cành dương chi rưới gội,
rửa lòng sạch bụi,
mặc áo nhu hoà;
Xe thượng thặng xông pha,
rước khách không ta,
vào nhà từ ái.
Không quyền, không lợi,
hoà hiệp muôn duyên;
Chẳng bạc, chẳng tiền,
tịnh thanh một cõi.
Năm bát y nối dõi chơn truyền,
Phăng Định, Huệ hườn nguyên gốc cội.*

GUƠNG SEN CHIẾU DIỆU

★ Trần Quê Hương (HT. Giác Toàn)

Tưởng Người xưa Đệ nhất Ni,
Niệm trăm năm ánh lưu ly sáng ngời.
Ni “**Giương Giải Thoát**” tuyệt vời,
Trưởng dưỡng công đức Đạo, Đòi long lanh.
Thích mâu Ni lập nguyện lành,
Nữ giới tinh tấn thiên sanh ta bà.
Huỳnh, Bạch, Thanh, Kim, Ngân... sa,
Liên Chơn Quang Tạng Trí... hòa nhân gian.
Ánh từ bi đẹp đạo tràng,
Vàng hương bát ngát huy hoàng thặng hoa.
Long quân trí dũng sơn hà,
Lạnh thiêng ẩn dật Âu ca biển trời.
Giương sen chiếu diệu xinh tươi,
Sáng lung linh kết tình người nhân sinh.
Đạo ngàn năm rực tâm linh,
Đời đời miên viễn hữu tình ngân vang.
Tròn xoay lảng động thời gian,
Ba la mật hiển phong quang thế trần.
Mười mười phẩm hạnh thiên chân,
Năm dài vô tận nghĩa nhân trường tồn.

Tịnh xá Ngọc Phương, 18.03 Đinh Dậu

BÁO CÁO TẶNG SỰ CỦA NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ

★ Ni trưởng Ngoạt Liên
Ủy viên Ban Thường Trực HĐTS
Giáo phẩm thường trực Ni giới Hệ phái Khất sĩ
- Trụ trì Tổ đình Ngọc Phương

I. Ni giới Hệ phái Khất sĩ - Quá trình hình thành và phát triển

Ni giới Hệ phái Khất sĩ (Hệ phái Khất sĩ) trước kia là Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam, do Ni trưởng Huỳnh Liên sáng lập, đầy đủ pháp nhân pháp lý, được duyệt y theo Nghị định số 7/BNV/NA/P5 ngày 11.01.1958 của Bộ Nội vụ. Trụ sở của Giáo hội đặt tại Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương (nay là số 498/1 đường Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh).

Ni trưởng Huỳnh Liên là Trưởng tử Ni của đức Tổ Sư, buổi đầu xuất gia học đạo với chí nguyện “làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ”, vừa theo Tổ sư học đạo, vừa được sự ủy thác trọng trách tiếp Ni độ chúng, trực tiếp lãnh đạo, hướng dẫn Ni chúng tu tập và hành đạo. Đến năm 1954, đức Tổ sư MINH ĐĂNG QUANG thọ nạn vắng bóng, Ni trưởng kế tục sự nghiệp Tổ thầy, trực tiếp lãnh đạo hàng Ni chúng Khất sĩ trong phạm sự trưởng tử Ni từ năm 1947 đến năm 1987, tròn 40 năm.⁽²⁾



Trong khoảng thời gian từ năm 1960 đến năm 1975, trong công cuộc

². Ni giới Hệ phái Khất sĩ, Kỷ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên.

đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, Ni trưởng Huỳnh Liên đã có nhiều công hiến cho đạo pháp và dân tộc. Ni trưởng đã tham gia vào các phong trào đấu tranh cho hòa bình, tự do và độc lập cho đất nước, đấu tranh đòi quyền sống, mong cầu đất nước và dân tộc sớm độc lập, đồng thời, cũng góp phần bảo vệ đạo pháp được trường tồn, đòi tự do tín ngưỡng và các quyền dân sinh, dân chủ của Phật giáo. Ngoài ra, Ni trưởng còn tham gia các phong trào, như phong trào của sinh viên học sinh, phong trào phụ nữ đòi quyền sống, phong trào dân tộc tự quyết, ủy ban cải thiện chế độ lao tù, hoặc tổ chức biểu tình đòi thả tù nhân chính trị, phối hợp với phụ nữ quốc tế, lên án chiến tranh, vận động hòa bình... Ni trưởng đã thể hiện tâm nguyện hy sinh vì đất nước, vì dân tộc qua lời thơ bất hủ như sau:

Nguyện xin hiến trọn đời mình,

Cho nguồn đạo pháp, cho tình quê hương.

Sau khi đất nước thống nhất, Ni trưởng Huỳnh Liên là đại biểu Phật giáo duy nhất cùng với bà luật sư Ngô Bá Thành đại diện nữ trí thức, trong số 25 đại biểu tiêu biểu của miền Nam tham gia Hội nghị Hiệp thương Thống nhất Đất nước vào đầu năm 1976. Tại kỳ họp Quốc hội khóa VI (1976 - 1981), Ni trưởng được bầu là Đại biểu quốc hội, Đại biểu Phật giáo đầu tiên tham gia Quốc hội. ⁽³⁾



³. *Kỷ yếu Hội thảo Hệ phái Khất sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, TS. Bùi Hữu Dược, Hệ phái Khất sĩ góp phần xây dựng đất nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tr.922.

Năm 1980, Ni trưởng Huỳnh Liên là thành viên trong đoàn đại biểu vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, cũng là vị Ni trưởng duy nhất trong thành phần nhân sự Ban vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam.



Năm 1981, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam bao gồm chín tổ chức Phật giáo, trong đó có Hệ phái Khất sĩ (gồm Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam và Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam) đã thống nhất, hòa hợp chung trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Ni trưởng đã đảm nhiệm các chức vụ:

- Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Đại biểu Quốc hội khóa VI.
- Ủy viên Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương.
- Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc TP. Hồ Chí Minh.
- Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP. Hồ Chí Minh.
- Ủy viên Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam.
- Ủy viên kiểm soát Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
- Phó Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới TP. Hồ Chí Minh.

Ni trưởng đã có những huân chương, huy chương, khen thưởng:

- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.
- Huân chương Độc lập hạng Nhì.
- Huân chương Quyết thắng hạng Nhất.
- Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bằng khen 10 năm của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về công đóng góp cho sự nghiệp giải phóng đất nước và thành phố thân yêu.

Công hạnh của Ni trưởng đã góp phần làm cho lịch sử Phật giáo Việt Nam thêm đậm màu sắc về tấm gương tiêu biểu trong trang sử vàng Phật giáo ở thời đại mới, qua các hoạt động nhập thế thiết thực đúng với tinh thần “tùy duyên quyền biến” của Phật giáo. Chính gương sáng ấy, nên sau khi Ni trưởng viên tịch, đạo hiệu của Ni trưởng đã được nhà nước đặt tên cho một con đường tại quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, đường Ni sư Huỳnh Liên, để ghi nhận công lao của Ni trưởng đối với đất nước.

Để ghi nhận công lao của Ni trưởng, cũng như Ni giới Hệ phái Khất sĩ đã có nhiều đóng góp cho đất nước, năm 1994, Bộ Văn Hoá Thông tin công nhận Tịnh xá Ngọc Phương là “Di tích lịch sử” cấp quốc gia theo quyết định số 2754/QĐ/BT ký ngày 15/10/1994.

Về việc tham gia các hoạt động Phật giáo, Chư vị Giáo phẩm Ni giới Khất sĩ đã tham gia Hội đồng Trị sự qua các nhiệm kỳ: Ni trưởng Huỳnh Liên: Ủy viên Kiểm soát Ban Thường trực HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ I, II (1981 - 1987); Ni trưởng Tạng Liên: Ủy viên HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ IV (1997 - 2002); Ni trưởng Tràng Liên: Ủy viên HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ IV, V, VI, VII (1997 - 2017); Ni trưởng Ngoạt Liên: Ủy viên Ban Thường trực HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ II đến nhiệm kỳ VII (1987 - 2017); Ni sư Tín Liên: Ủy viên HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ VI và VII (2007 - 2017) - (NS Tín Liên còn là Đại biểu Quốc hội khoá XIV nhiệm kỳ 2016 - 2021); Ni sư Hòa Liên (VP2): Ủy viên HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ VII (2012 - 2017); Ni sư Phụng Liên, Ni sư Tuệ Liên: Ủy viên (Dự khuyết) HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ VII (2012 - 2017).

Trên đây, chúng con đã trình bày quá trình hình thành và phát triển của Ni giới Hệ phái Khất sĩ qua công hạnh của Ni trưởng Huỳnh Liên là Người đã lãnh đạo Ni giới Khất sĩ suốt 40 năm qua. Song song theo đó, kế tục tinh thần phụng đạo giúp đời của Ni trưởng, chư vị Ni trưởng Bạch Liên, Ni trưởng Tạng Liên, Ni trưởng Tràng Liên, Ni trưởng Ngoạt Liên, cùng nhiều Ni trưởng và Ni sư khác cũng đã tích cực tham gia hoạt động Giáo hội, hầu góp phần tô điểm cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam được tốt đạo đẹp đời. Dưới đây chúng con xin phép được báo cáo phần an cư kiết hạ và các khóa tu của Ni giới Hệ phái Khất sĩ.

II. AN CƯ KIẾT HẠ VÀ CÁC KHÓA TU

An cư kiết hạ :

- Tổ đình Ngọc Phương với truyền thống tổ chức an cư kiết hạ hằng năm, được sự cho phép của Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM, Ban Tôn giáo TP.HCM, Ban Trị Sự GHPGVN Q. Gò Vấp cũng như các cấp chính quyền

địa phương, chư Ni Khất sĩ tại các quận huyện trong TP cũng như chư Ni của Ni giới Hệ phái Khất sĩ các tỉnh hai miền Nam Trung đã tập trung về Tổ đình Ngọc Phương để an cư kiết hạ.

Số lượng hành giả an cư kiết hạ của Trường hạ Ngọc Phương năm 2016 là 178 vị (109 ni chúng Ngọc Phương + 69 vị từ các Tỉnh về). Nếu tính luôn 20 vị tập sự thì tổng số hành giả tham dự hạ trường là 198 vị.

Ngoài ra, chư Ni tham dự từng hạ tại Trường Hạ Ngọc Phương là 102 vị (gồm chư Ni Khất sĩ một số quận trong TPHCM như: chư Ni Q. Gò Vấp, Q. Bình Thạnh, Quận 10, Q. Thủ Đức; chư Ni Khất sĩ tỉnh Đồng Nai như Biên Hòa, Định Quán, Long Thành, cùng chư Ni Khất sĩ các tỉnh thành khác...

Ngoài Trường hạ Ngọc Phương còn có các trường hạ Ni giới Hệ phái Khất sĩ:

- Trường hạ Ngọc Tâm - Long An, với số lượng hành giả an cư là 57 vị, từng hạ là 43 vị.

- Trường hạ Ngọc Ninh - Ninh Thuận, với số lượng hành giả an cư là 30 vị

- Trường hạ Ngọc Đức - Bình Thuận, với số lượng hành giả an cư là 45 vị.

Khóa Tu :

Khóa Tu Truyền Thống

Trong những năm qua, thực hiện theo lời dạy của Tổ sư là “nên tập sống chung tu học”, Ni giới Hệ phái Khất sĩ tổ chức mỗi năm 4 Khóa Tu Truyền Thống cho chư Ni, mỗi khóa một tuần lễ, đến nay đã được 23 khóa. Cụ thể trong năm 2016 có bốn khóa tu do bốn đơn vị đăng cai tổ chức, đó là: TX Ngọc Kỳ (Tam Kỳ), Tịnh xá Ngọc Cầu - Cầu Kè (Trà Vinh) đã tổ chức xong. Thời gian tới là TX Ngọc Tâm (Bình Tâm - Long An) và TX Ngọc Trường (Trà Vinh) vào tháng 8 và tháng 11 năm Bính Thân sẽ tiếp tục tổ chức khóa tu.

Khóa Bồi dưỡng Đạo hạnh

Khóa Bồi dưỡng Đạo hạnh được tổ chức vào thời điểm cuối khóa an cư kiết hạ, tại Tổ đình Ngọc Phương cho tân Tỷ kheo ni, Thức xoa, Sa di ni và tập sự, khóa bồi dưỡng này bắt đầu thực hiện từ năm 2015-2016, mỗi khóa khoảng 250 vị.

Cúng hội, Sám hối, Khóa tu Bát quan trai, Niệm Phật, lớp giáo lý...

Về truyền thống Cúng hội của Hệ phái Khất sĩ, mỗi tháng 2 kỳ hoặc 4 kỳ. Mỗi tháng 2 - 4 kỳ sám hối, mãi cho đến nay rất nhiều Tịnh xá vẫn duy

trì không hề thay đổi. Đặc biệt là trong những ngày lễ Cúng hội, Sám hối đều có thuyết giảng. Ngoài ra, trong tháng còn tổ chức khóa tu Bát quan trai, Niệm Phật, lớp giáo lý ở các Tịnh xá để giảng dạy và hướng dẫn Phật tử tu học.

III. Thống kê Tự viện và Ni chúng

Ni giới Hệ phái Khất sĩ hiện có tất cả là 250 ngôi, trong đó 192 ngôi Tịnh xá, 33 Tịnh thất, 23 chùa, 1 Niệm Phật đường, 1 Thiền viện. Trong số đó có khoảng hơn 20 cơ sở đang làm thủ tục đăng ký gia nhập Giáo hội.

Năm 1981, Ni giới Hệ phái Khất sĩ chỉ có hơn 100 ngôi Tịnh xá, thì hôm nay với con số 250 quả thật là sự phát triển không nhỏ. Đó là nhờ sự quan tâm giúp đỡ của Giáo hội và các cấp chính quyền đã tạo điều kiện cho Ni giới Khất sĩ phát triển trong ngôi nhà chung của Giáo hội.

Số lượng Ni chúng Ni giới Hệ phái Khất sĩ hiện nay là 1373 vị, trong đó Ni trưởng là 48 vị, Ni sư 134 vị, Sư cô 672 vị, Thúc xoa 176, Sa di ni 218 vị, tập sự tiểu 125 vị.

Ni giới Hệ phái Khất sĩ hiện đã tốt nghiệp 2 hậu tiến sĩ, 29 tiến sĩ (đang học 7), 18 thạc sĩ (đang học 7), 157 cử nhân Phật học và các ngành, 87 cao đẳng Phật học, 21 cao cấp giảng sư...

Năm 2014, Lễ Tưởng niệm 60 năm Đức Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng, trong bài tham luận Hội thảo Hệ phái Khất sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, ông Bùi Hữu Dược, Vụ trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ, đã thống kê Tăng Ni: *“Hệ phái Khất sĩ hiện tại có 38 vị tiến sĩ, 16 vị đã tốt nghiệp thạc sĩ và đang học lên tiến sĩ. Số tiến sĩ của Hệ phái Khất sĩ chiếm 38% số tiến sĩ trong Phật giáo cả nước. Nếu tính tỉ lệ so với Tăng Ni của Hệ phái Khất sĩ (38/3200) là 1,18%. Tỉ lệ tiến sĩ trong Tăng Ni cả nước (100/45.000) là 0,22%. Như vậy, tính trong cả nước cứ 10.000 vị sư có 22 vị có trình độ tiến sĩ. Riêng Hệ phái Khất sĩ, 1.000 vị sư có khoảng 12 vị có trình độ tiến sĩ, tỉ lệ cao hơn 5 lần so với tỉ lệ tiến sĩ trong Tăng Ni cả nước”*.⁽⁴⁾ Năm nay 2016, chỉ riêng Ni giới Khất sĩ đã có 2 vị hậu tiến sĩ, 21 vị đã tốt nghiệp tiến sĩ, 7 vị đang học tiến sĩ; 18 vị đã tốt nghiệp và đang học thạc sĩ. Đây quả thật là thành quả của Hệ phái Khất sĩ dâng lên Tổ Thầy, dâng lên Đại lễ kỷ niệm mừng 35 năm thành lập Giáo hội.

IV. Những khó khăn

Chúng con được nghe Đức Pháp chủ GHPGVN có dạy:

...Trước đây chưa có Giáo hội, chỉ có các sơn môn, Tổ đình, ai theo hệ

⁴. *Kỷ yếu Hội thảo Hệ phái Khất sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, TS. Bùi Hữu Dược, Hệ phái Khất sĩ góp phần xây dựng đất nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tr.922

phái nào thì cứ theo đó mà tu. Từng sơn môn học theo giáo lý của Đức Phật rồi lại truyền dạy cho mọi người theo Kinh, theo Luật, theo Luận. Luật thì nghiêm, luận thì sáng suốt, kinh thì thẳng thắn để đưa người tiến hóa. Từ nhiều năm nay tất cả các sơn môn, các hệ phái Phật giáo nước nhà đã được thống nhất trong một tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Giáo hội đã đoàn kết được Tăng Ni cả nước để cùng thực hiện các Phật sự lớn không chỉ ở tầm quốc gia mà còn ở cả tầm quốc tế. Tuy vậy, việc duy trì luật lệ trong từng sơn môn có phần lơ lửng, đó là nguyên nhân khiến một bộ phận Tăng Ni không được kiểm thúc vào khuôn khổ, xa rời giới luật. ⁽⁵⁾

Chính vì thế Hòa thượng Pháp chủ đã đưa ý kiến chỉ đạo như sau:

...Theo tôi, nên đa dạng hơn nữa các hình thức giáo dục, đào tạo Tăng Ni, nhất là mô hình các Tổ đình truyền thống. Nói như thế không có nghĩa là phủ nhận vai trò nhất thống của Quốc gia và Giáo hội. Thống nhất nên trên cơ sở sự đa dạng. ⁽⁶⁾

Chúng con thành kính cảm niệm lời dạy của Đức Pháp chủ. Trong nội bộ Ni giới Hệ phái Khất sĩ, mặc dù chưa xảy ra hiện tượng Ni chúng xa rời giới luật, nhưng rõ ràng việc duy trì luật lệ trong Ni giới Hệ phái Khất sĩ có phần lơ lửng thật sự là điều không tránh khỏi.

Ni chúng sau khi xuất gia, học xuyên suốt chương trình Phật học từ sơ cấp, trung cấp lên đại học trong các Phật học viện cũng giảm đi sự gắn bó với Thầy Tổ. Vì 10 năm nội trú nơi tĩnh, thành có trường lớp Phật học, các ni sinh phần lớn đều nương theo truyền thống Bắc tông để tu học, lý do vì Hệ phái Khất sĩ chưa được phép mở trường đào tạo Phật học riêng cho Ni chúng.

Như việc bổ nhiệm trụ trì, căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam CHƯƠNG V Điều 19-6⁽⁷⁾, CHƯƠNG VI Điều 32-12⁽⁸⁾, CHƯƠNG VII Điều 40-8⁽⁹⁾, Nội quy Ban Tăng sự CHƯƠNG VIII ĐIỀU 43⁽¹⁰⁾ đều yêu cầu “tham khảo ý kiến với hệ phái, sơn môn và phải được sự thống nhất của chư

⁵. Đức Pháp chủ GHPGVN Trưởng lão HT.Thích Phổ Tuệ, “Muốn sống lâu trước hết phải sạch sẽ từ thân đến tâm!”, <http://giacngo.vn/toisu/cauchuyentrongtuan/2016/02/02/56469A/>

⁶. Đức Pháp chủ GHPGVN Trưởng lão HT.Thích Phổ Tuệ, “Dáng tùng vững chãi giữa tuyết sương”, <http://giacngo.vn/tetbinhthan2016/muaxuanvaphatgiao/2016/02/09/56449B/>

⁷. Quyết định bổ nhiệm trụ trì các cơ sở do Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp Trung ương và cấp tỉnh thành lập, quản lý trên cơ sở tham khảo ý kiến với hệ phái, sơn môn (nếu có liên hệ) và cơ quan có thẩm quyền.

⁸. Quyết định bổ nhiệm trụ trì các cơ sở Giáo hội do Ban Trị sự cấp tỉnh thành lập và quản lý trên cơ sở tham vấn Ban Trị sự cấp huyện, hệ phái, sơn môn (nếu có liên hệ) và trao đổi với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

⁹. Đề xuất việc bổ nhiệm trụ trì các Chùa, Tổ đình, Tịnh xá, Thiền viện, Tu viện, Tịnh viện, Tịnh thất, Niệm Phật đường, tổ chức thành viên cơ sở lên Ban Thường trực Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh phê duyệt, quyết định sau khi được sự thống nhất của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương. Nếu cơ sở có liên hệ đến hệ phái, sơn môn thành viên, cần được sự trao đổi, thống nhất trước.

¹⁰. Chỉ có Ban Thường trực Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh mới có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm trụ trì, thông qua ý kiến đề xuất của Ban Trị sự GHPGVN cấp huyện sau khi tham khảo ý kiến nội bộ cơ sở Tự viện đó; nếu có liên quan các Hệ phái, thì phải được sự thống nhất của chư vị Giáo phẩm Hệ phái.

vị Giáo phẩm Hệ phái”, nhưng có nhiều cơ sở Tịnh xá của Ni giới Hệ phái Khất sĩ có công văn bổ nhiệm trụ trì mà không cần thông qua sự giới thiệu của Hệ phái.

Theo tinh thần Hiến chương, Thông tư hướng dẫn tổ chức Đại hội PG đều nhấn mạnh “Tiêu chuẩn cơ cấu nhân sự BTS GHPGVN tỉnh, thành, quận huyện là Tăng Ni, cư sĩ Phật tử của các Hệ phái thành viên GHPGVN tại địa phương - Khi dự kiến nhân sự BTS GHPGVN tỉnh, thành, quận, huyện cần tạo sự đoàn kết, hài hòa giữa các Hệ phái tại địa phương - phải có đầy đủ các tăng ni, cư sĩ, Phật tử đại diện cho các Hệ phái thành viên GHPGVN tại địa phương...”, nhưng vẫn có một số địa phương Ni giới Khất sĩ không được cơ cấu vào các ban ngành để công hiến khả năng và công sức của mình để biểu hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất và hài hòa trong ngôi nhà chung của Giáo hội.

Nội quy Ban Tăng sự được Ban hành kèm theo Quyết định số 243/2013/QĐ.HĐTS ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, CHƯƠNG VII ĐIỀU 34, 35: Đối với Tăng, Ni giới từ Hệ phái Khất sĩ, về phần khảo hạch Giới luật và Kinh tụng, Ban Giám khảo nên chú ý đến tính biệt truyền của Hệ phái.

Nhưng thật sự trong nhiều giới đàn, khi tổ chức thi và khảo giới, việc thi tụng 4 quyển Luật trường hàng cũng chưa thật sự quan tâm cho phép giới tử Khất sĩ tụng phần nghĩa; phần câu hỏi cũng hỏi về chú Lăng Nghiêm, tam đề ngũ quán... đáp án là phần âm Hán Việt, giới tử xin trả phần nghĩa, giám khảo không đồng ý...

Việc thọ giới trước kia, giới tử cũng không cần phải thông qua ý kiến của Hệ phái, nhưng ngày nay HT.Thích Thiện Pháp, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS kiêm Trưởng ban Tăng sự T.U đã ấn ký thông tư số 005/2016/TT.HĐTS về hướng dẫn thi hành một số điều Nội quy Ban Tăng sự Trung ương vào ngày 15.01.2016 gửi đến Ban Tăng sự GHPGVN tỉnh, thành phố. Trong công văn, về việc xét duyệt và quản lý hồ sơ có chỉ đạo là Ban Trị sự GHPGVN tỉnh chuyển bản sao hồ sơ Giới tử Ni cho Phân ban Ni giới cấp tỉnh có ý kiến, quá trình đóng góp ý kiến phải có đủ thành phần Hệ phái (Bắc tông, Khất sĩ) tại địa phương.⁽¹¹⁾

Trong năm 2016, cũng có nhiều tỉnh tổ chức Đại giới đàn, nhưng vẫn đề xét duyệt giới tử vẫn chưa được thực hiện theo tinh thần công văn số này.

Năm 2013, thể theo tâm nguyện của Tăng Ni Hệ phái, Hòa thượng Giác Toàn, Giáo phẩm Thường trực Hệ phái, đã đại diện Hệ phái làm đơn xin

¹¹. Chương II. Truyền giới, thọ giới: phần 3. Xét duyệt và quản lý hồ sơ: ... b. Ban Trị sự GHPGVN tỉnh chuyển bản sao hồ sơ Giới tử Ni cho Phân ban Ni giới cấp tỉnh có ý kiến, quá trình đóng góp ý kiến phải có đủ thành phần Hệ phái (Bắc tông, Khất sĩ) tại địa phương; quản lý hồ sơ Giới tử Ni khi Phân ban hội đủ tiêu chuẩn về Văn phòng.

phép tổ chức Phân đàn truyền giới biệt truyền cho Hệ phái và đã được Ban thường trực HĐTS GHPGVN và Ban trị sự Thành hội Phật giáo TP.HCM cho phép truyền giới tại 2 địa điểm: TX Trung Tâm (Giới tử Tăng) và TX Ngọc Phương (Giới tử Ni).

Trong công văn số: 122/CV.HĐTS do Hòa Thượng Thích Từ Nhơn ấn ký đã viết: *Trong hơn 30 năm qua, kể từ ngày Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, Hệ phái Khất sĩ luôn sinh hoạt hài hòa trong Giáo hội và có nhiều đóng góp tích cực cho các mặt hoạt động Phật sự của Giáo hội, là điều đáng trân trọng. Do tính đặc thù của truyền thống tu tập và truyền giới của Hệ phái Khất sĩ, Ban Thường trực Hội Đồng Trị sự GHPGVN nhận thấy việc Hệ phái Khất sĩ xin phép được tổ chức Phân đàn Truyền giới Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Thức xoa, Sa di, Sa di Ni cho Tăng Ni Hệ phái đủ điều kiện thọ giới, là yêu cầu chính đáng, không có gì trở ngại. Như lời nói đầu Hiến chương GHPGVN đã khẳng định: “Sự thống nhất Phật giáo Việt Nam xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức. Đồng thời, vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống Hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng Chính pháp”.*

Đại giới đàn Quảng Đức PL.2557 - DL.2013, do Ban trị sự Thành hội Phật giáo TP.HCM tổ chức, là một giới đàn có ý nghĩa lịch sử trong các giới đàn do Ban Trị sự Tỉnh Thành Phật giáo tổ chức, vì đã có sự quan tâm đến các nghi thức truyền giới biệt truyền của các Hệ phái. Điều này đã thể hiện được tinh thần hoà hợp đoàn kết thống nhất trong Giáo hội, và cũng hoàn thành được nguyện vọng của Tăng Ni Hệ phái sau hơn 30 năm gia nhập Giáo hội và đã có những đóng góp tích cực trong các Phật sự chung của Giáo hội.

Về mặt công tác tổ chức, điều hành, hồ sơ xét tuyển đều theo quy định và lịch trình thời gian chung của Ban Tổ chức Đại giới đàn đề ra, nhưng các giới trường biệt truyền của mỗi Hệ phái đều có những đặc thù riêng, giữ gìn được truyền thống tu học truyền thọ giới pháp của Hệ phái.

Chúng con thật sự vô cùng hoan hỷ khi được sự quan tâm của TW Giáo hội và Giáo hội TP.HCM về việc cho phép mở phân đàn truyền giới từ năm 2013, 2015. Vì trong 2 giới đàn này, giới tử của Ni giới Hệ phái Khất sĩ thật sự được thọ giới đúng theo tinh thần tu học của Hệ phái từ phương diện trả bài, làm bài, truyền giới, thọ giới...

Về việc tấn phong giáo phẩm, cũng từ thông tư số 005/2016/TT.HĐTS đã nói ở trên, ⁽¹²⁾ HT Trưởng Ban Tăng sự đã chỉ đạo “quá trình đóng góp ý

¹². Tấn phong Giáo phẩm thực hiện theo điều 53, 54, 55 chương IX Hiến chương GHPGVN sửa đổi lần thứ V; điều 46 chương IX Nội quy Ban Tăng sự Trung ương. 2. Thủ tục tấn phong theo quy định theo điều 56 chương IX Hiến chương GHPGVN sửa đổi lần thứ V; điều 47 chương IX Nội quy Ban Tăng sự Trung ương. ... 4. Xét duyệt và quản lý hồ sơ: b. Ban Trị sự GHPGVN tỉnh chuyển bản sao hồ sơ tấn phong của Ni giới cho Phân ban Ni giới

kiến phải có đủ thành phần Hệ phái (Bắc tông, Khất sĩ)”. Điều này đã thể hiện được sự quan tâm của TW Giáo hội đối với Hệ phái, đáp ứng nguyện vọng của Hệ phái, chúng con thành kính cảm niệm sự quan tâm của lãnh đạo Giáo hội dành cho Hệ phái.

V. Kiến nghị:

Trên đây là một số nội dung trong bài báo cáo dâng lên hội nghị Tăng sự, kính trình lên chư Tôn đức chứng minh. Và nhân dịp trong buổi hội thảo hôm nay, Ni giới Hệ phái Khất sĩ chúng con xin có một số kiến nghị kính trình lên chư Tôn đức như sau:

- Xin phép mở giới đàn chính thức hàng năm cho Hệ phái
- Giới thiệu giới tử, bổ nhiệm trụ trì, tấn phong giáo phẩm đều nên có ý kiến của thường trực giáo phẩm Ni giới Hệ phái Khất sĩ tại Tổ đình Ngọc Phương
- Xin được mở trường Sơ Trung Phật học riêng cho Hệ phái theo chương trình của Ban giáo dục Tăng Ni TW, có bổ sung một số môn học riêng của Hệ phái
- Tự viện là Tài sản chung của Giáo hội nhưng những Tịnh xá, tịnh thất trực thuộc Hệ phái cũng là tài sản của Hệ phái dưới sự quản lý của Giáo hội, Hệ phái và nhà nước.
- Hiện nay Ni giới Hệ phái Khất sĩ còn hơn 20 cơ sở với tên chùa, kính mong TW Giáo hội và các cấp Giáo hội quan tâm giúp đỡ cho các cơ sở này được đổi tên thành Tịnh xá cho đúng với truyền thống của Hệ phái.
- Qua thống kê, Ni giới Hệ phái Khất sĩ còn hơn 20 cơ sở đang làm thủ tục gia nhập Giáo hội, kính mong được sự quan tâm giúp đỡ của Giáo hội cho các cơ sở này được chính thức sinh hoạt tôn giáo.

Trên đây là phần báo cáo Tăng sự của Ni giới Hệ phái Khất sĩ, và một số kiến nghị kính trình bày trong buổi hội thảo, trong bài báo cáo này nếu có chỗ nào sơ sót, kính mong quý ngài từ bi hoan hỷ, đồng thời chúng con cũng mong mọi được sự quan tâm đóng góp ý kiến bổ sung của chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội, quý quan khách, các nhà nghiên cứu và chư học giả.

cấp tỉnh có ý kiến, quá trình đóng góp ý kiến phải có đủ thành phần Hệ phái (Bắc tông, Khất sĩ) tại địa phương; quản lý hồ sơ tấn phong của Ni giới khi Phân ban hội đủ tiêu chuẩn về Văn phòng.

NI GIỚI KHÁT SĨ MỘT DẤU ẤN TRƯỚC DÒNG THỜI GIAN

★ Ni trưởng Ngoạt Liên

*Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương.*

Lời nguyện tha thiết của Ni trưởng như vẫn còn văng vẳng đâu đây, sâu lắng tận đáy tâm hồn như thúc giục, nhắc nhở chúng ta về một lẽ sống “Đạo và Đời”. Vì thế mà sau khi xuất gia tu học với Tổ sư Minh Đăng Quang, Tổ khai sơn Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, một giáo phái mang riêng bản sắc Việt Nam, Ni trưởng đã được Tổ sư thọ ký pháp danh Huỳnh Liên và từ đó Ni trưởng trực tiếp học đạo, nghe pháp với Tổ sư qua những bài chân lý thực sống, bằng những thử thách gay go trên đường hành đạo, để rèn luyện ý chí, giới trau phẩm hạnh, hầu khai thị pháp thân, nói truyền huệ mạng, tuyên lưu giáo pháp Phật Đà. Ni trưởng đã được sự ủy thác của Tổ sư tiếp chúng độ Ni, trong phận sự trưởng tử Ni.



Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)

Với hạnh nguyện làm chiếc thuyền chở che phái nữ, Ni trưởng đã nỗ lực lèo lái Giáo hội Ni giới Khất sĩ song song con thuyền Giáo hội Tăng già,

tuyên lưu Phật pháp rộng sâu trong quần chúng nhân gian, khai mở đạo tràng, giáo dưỡng môn sinh, cứu trợ nạn nhân chiến tranh, nuôi dưỡng quả phụ cô nhi và cùng nhân dân đấu tranh giành hòa bình, thống nhất đất nước, đòi quyền sống cho phụ nữ.

Đặc biệt, Tịnh xá Ngọc Phương, trung tâm của Ni giới Hệ phái Khất sĩ, nơi mang nhiều dấu ấn lịch sử của Ni trưởng Huỳnh Liên, được thành lập từ năm 1958 là một trong hơn một trăm ngôi Tịnh xá từ Quảng Trị đến mũi Cà Mau do Ni trưởng kêu gọi, đóng góp xây dựng nên, và riêng tại thành phố Hồ Chí Minh đã có gần 20 Tịnh xá trực thuộc Ni giới Khất sĩ dưới sự quản lý của Ni trưởng Huỳnh Liên, luôn mở rộng cửa đón nhận các nạn nhân chiến tranh, trẻ mồ côi và cũng làm hậu cần nuôi dưỡng các phong trào sinh viên học sinh đấu tranh và những người làm cách mạng.



Ni trưởng Huỳnh Liên trên đường hành đạo

Với chủ trương bất bạo động, Ni trưởng Huỳnh Liên đã dẫn đầu các cuộc biểu tình lên án Chính phủ Mỹ gây chiến tranh tại Việt Nam, cũng như phản đối nguy quyền đàn áp, bắt bớ sinh viên học sinh, kỳ thị tôn giáo, phá hoại các cơ sở tín ngưỡng, đàn áp tù chính trị. Ni trưởng cũng tích cực đấu tranh đòi văn hời hòa bình tại Việt Nam. Ngoài ra, Ni trưởng còn hướng dẫn Ni giới Khất sĩ tham gia hàng loạt các phong trào yêu nước khác như hỗ trợ đình công của các công nhân bị chủ bóc lột, vận chuyển tiền bạc, thuốc men cho các chiến trường miền Tây Nam Bộ.

Song, mốc thời gian đánh dấu cho bước phát triển toàn diện các hoạt động yêu nước của Ni giới Khất sĩ, đó là việc Ni trưởng tham gia thành lập và giữ vai trò cố vấn cho phong trào “*Phụ nữ Đòi quyền sống*”, được ra mắt

tại chùa Ân Quang ngày 02.08.1971 và trụ sở của phong trào đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương do bà Ngô Bá Thành lãnh đạo với tuyên ngôn “*Đòi Mỹ rút quân về nước, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi thành lập một chính phủ thật sự đại diện cho nhân dân miền Nam, đòi quyền sống và bảo vệ nhân phẩm phụ nữ*”. Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống được diễn ra sôi động tại Sài Gòn, được các giới ủng hộ và có ảnh hưởng lớn đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Các năm tiếp sau, Ni trưởng tiếp tục tham gia thành lập Mặt trận Nhân dân tranh thủ dân chủ hòa bình do cụ Đặng Văn Ký làm chủ tịch.

Chiến tranh càng lúc càng leo thang, Ni trưởng ngày càng hòa nhập phong trào quần chúng, đấu tranh không súng không gươm, chỉ bằng đức trí tuệ, tính kiên trung, quyết liệt, không nài hà lửa bỏng dầu sôi, tích cực hy sinh cho quyền sống và hòa bình dân tộc. Do vậy mà Ni trưởng đã lãnh đạo các phong trào đấu tranh bằng những biện pháp hết sức thông minh, linh hoạt, làm cho địch phải thất điên bát đảo; và từ đó, danh hiệu “*Đội quân đầu tròn*” bên cạnh danh hiệu “*Đội quân tóc dài*” đã hiên ngang đi vào lịch sử đấu tranh của dân tộc, và những hoạt động của Ni trưởng đã làm cho nguy quyền gặp nhiều lúng túng, buộc phải thực hiện một số yêu sách chính đáng của Phật giáo và quần chúng nhân dân. Các phong trào đấu tranh tiếp tục diễn ra sôi động với mục tiêu rõ rệt là đòi dân quyền, dân sinh, dân chủ, đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, đòi thả tù nhân chính trị, đòi thực hiện Hiệp định Paris, đòi hòa bình, hòa giải hòa hợp dân tộc... đã được các giới đánh giá rất cao.



Ni trưởng Huỳnh Liên và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tại miền Nam Việt Nam

Chiến dịch Mùa Xuân 1975 đại thắng, nhưng dân tộc ta vẫn chưa vui khổ cảnh, nỗi lòng Bồ-tát vẫn trĩu nặng ưu tư. Do vậy, Ni trưởng vẫn tiếp tục nhiệt tình hưởng ứng và tích cực vận động chư Ni, Phật tử nỗ lực đóng góp dài hạn tài vật cho Ni trưởng có phương tiện để thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, phúc lợi xã hội, tuyển đầu Tổ quốc, đoàn kết tương trợ người già neo đơn, thiếu niên tàn tật, các trại nuôi trẻ mồ côi, các gia đình thương binh liệt sĩ... thăm và tặng quà cho thương bệnh binh, các bệnh nhân nghèo ở các trung tâm, trẻ em khuyết tật... Ngoài ra, Ni trưởng còn hướng dẫn Ni giới Khất sĩ trực tiếp tham gia các công tác xã hội, xây dựng đất nước phồn vinh, tham gia vào công cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam bằng tất cả tâm huyết của một nữ tu chân chính luôn lấy nghĩa non sông làm nghĩa đạo, tất cả đều toát lên một vẻ đẹp của tâm hồn cao thượng, tấm lòng vô ngã vị tha. Người những mong một xã hội công bằng - văn minh - bình đẳng, cơm no - áo ấm, con người nhìn nhau bằng ánh mắt



thiện cảm, đoàn kết, thương yêu. Ni trưởng Huỳnh Liên “*thật sự là hiện thân của hòa bình, nhuần nhuyễn tinh thần Phật giáo và tinh thần dân tộc*” được thể hiện qua bài thơ:

*“Dầu tu sĩ cũng công dân đất nước,
Vì tình thương, vì đạo đức đấu tranh.
Cho tự do trong độc lập hòa bình,
Cho hạnh phúc trong phồn vinh vĩnh cửu”.*

(Khúc Thanh Bình)

Tuy bận rộn nhiều với các công tác từ thiện xã hội, nhưng phút giây nào Ni trưởng cũng vận dụng trí tâm, nỗ lực dùng thân, khẩu, ý giáo hóa môn đồ, độ cư gia bá tánh. Vốn có thiên phú về thi ca, Ni trưởng đã để lại cho đời hơn 2.000 bài thơ, bài kệ đủ loại, hàng ngàn bản văn xuôi, phần nhiều là khích lệ, sách tấn hội chúng xuất gia cũng như tại gia phải nỗ lực tiên tu đạo nghiệp, lấy Giới, Định, Tuệ làm căn bản trừ diệt tham sân si, sống trong sạch, giải thoát thanh cao, giới trau kiến thức; phải luôn luôn đoàn kết, thực hiện pháp tam tụ lục hòa, vong kỷ lợi tha, sớm tinh cần cơm thiền sữa pháp, sao cho vừa cứu mình, vừa giúp người, vừa lợi đạo; thực hành nhiệm vụ thiêng liêng “*tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự*” trong tứ phương thiên hạ để đáp ơn Phật pháp, Tổ Thầy. Ý thơ văn còn khuyến khích chúng Ni luôn luôn tỉnh giác vô thường, khô, không, vô ngã, vừa hành thập thiện, lục độ, nếp sống thuần lương, vừa gọi gấm bông hoài cư sĩ, vừa gọi hồn dân tộc, thúc giục đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng quê hương đất nước. Và cũng để giúp cho Ni chúng, Phật tử lãnh hội được ý nghĩa súc tích, thâm sâu của kinh tạng chữ Hán và Pàli, Ni trưởng chủ trương Việt hóa bằng cách diễn dịch các kinh trên ra quốc ngữ, thể văn vần cho dễ học, dễ hiểu và dễ nhớ. Một số kinh tụng thường nhật được Ni trưởng diễn dịch như kinh Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan, Phổ Môn, Báo Hiếu, Bát Nhã Tâm kinh, kinh Vô Ngã Tướng, kinh Pháp Cú, Di Giáo, Tứ Thập Nhị Chương, Khóa Hư Lục, Qui Sơn Cảnh Sách... đã được xuất bản, tái bản nhiều lần. Lời thơ của Ni trưởng giản dị, trong sáng, với những hình ảnh cụ thể gợi cảm nên rất dễ đi vào lòng người.

Thơ đạo của Ni trưởng theo cảm niệm của Giáo sư Hoàng Như Mai thì đây là những cụm hoa không phải kén chọn, uơm trồng, chăm sóc với những công phu dành riêng cho các loài hoa quý hiếm trong vườn thượng uyển, mà là hoa đồng, hương quê rất mộc mạc, thân mật với chúng sanh; ai cũng có thể và nếu ưa thích thì dễ dàng hái lấy để cài lên mái tóc hay đem về cắm ở nhà, không bị ngăn cấm gì hết vì là của chung của mọi người, để trong nhà, hương thơm lan tỏa khắp nơi, ai đến gần cũng được thơm lây. Đó là cái cách Ni trưởng đem đạo pháp đến cho mọi người.

Đặc biệt, trong sự nghiệp giáo hóa và dắt dìu Ni chúng, Ni trưởng luôn ôm ấp hoài bão đào tạo Tăng tài để “*kế vãng khai lai*”; Vì thế, ngoài việc hướng dẫn Ni chúng chuyên tu giải thoát, Ni trưởng còn khuyến khích hỗ trợ Ni chúng học thêm văn hóa, học rộng Phật pháp. Bởi vì Ni trưởng chủ trương: “*Tu có học mới rạng ngời chánh pháp; học có tu mới lợi đạo, ích đời*”. Và Ni trưởng vẫn thường xuyên nhắc nhở chư Ni: “*Mỗi người học chữ phải trau dồi đạo đức, lấy sự tu chứng làm việc chứ không phải chỉ học suông. Mỗi người phải biết lấy công ơn tín thí, công ơn Thầy Tổ làm rường cột, kim chỉ nam cho sự học và hành đạo*” (trích Lời di chúc của Ni trưởng).

Trong sự nghiệp tu học của Ni chúng, Ni trưởng cũng đã khuyến khích chư Ni trực tiếp lao động sản xuất, tạo nên kinh tế tự túc cho nhà chùa, góp phần cải thiện đời sống của chư Ni và Phật tử, cũng vừa tạo ra của cải vật chất cho xã hội, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam ngày một thăng hoa, giúp cho thành phố thân yêu ngày thêm tươi đẹp.

Dẫu rằng ngày nay Ni trưởng đã yên nghỉ nơi cõi Niết-bàn vắng lặng, nhưng sự nghiệp của Ni trưởng mãi còn đây, trong lòng thành phố thân yêu, trong tâm khảm những người con Phật, trong lòng Đảng, lòng dân, như cụ Huỳnh Tấn Phát, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã viết: *“Vô cùng thương tiếc Ni sư Huỳnh Liên, một vị chân tu giàu lòng yêu nước, bất chấp sự đàn áp dã man của địch, sẵn sàng chấp nhận mọi sự gian khổ hy sinh, kiên quyết xuống đường, đấu tranh dũng cảm kiên cường vì nền độc lập tự do của đất nước và nêu cao tinh thần xả thân vì chánh nghĩa theo gương sáng của Đức Phật”*. Thật đúng như tâm nguyện của Ni trưởng:

*“Đi ta đi! Quyết dấn thân vào,
Chón khổ đau mà sót khổ đau.
Người Việt lâm nàn, người Việt cứu,
Tương thân, tương trợ nghĩa đồng bào”*.

(trích Lên Đường Cứu Khổ)



Phải chăng niềm tin yêu cuộc sống, yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý đã thúc giục giới tu sĩ Phật giáo từng bước đi lên, nối tiếp truyền thống

phụng đạo cứu đời của các Thiền sư thời Đinh, Lê, Lý, Trần; trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và còn biết bao tu sĩ đã cống hiến trọn đời mình cho đạo pháp, dân tộc. Trong đó có hình ảnh của Ni trưởng Huỳnh Liên, Ủy viên Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam, Phó Chủ tịch Mặt trận thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hòa bình thế giới thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

Ni trưởng Huỳnh Liên đọc tham luận tại Đại hội thống nhất Phụ nữ toàn quốc (năm 1976)

Ngày nay đứng giữa ngôi Tịnh xá Ngọc Phương, nơi một thời Ni trưởng sống, làm việc và hành đạo, nay đã được Bộ văn hóa - Thông tin công nhận là “Di tích lịch sử” theo Quyết định số 2754QĐ/BT ngày 15.10.1994, chúng tôi muốn nói nhiều lắm, nhưng ngôn ngữ nào có thể diễn đạt cho tường tận, dầu rằng dòng thời gian âm thầm trôi biến biệt, nhưng tấm gương sáng chói, công hạnh tuyệt vời, chí nguyện cao cả, đức trí viên dung và tinh thần bất khuất của Ni trưởng mãi mãi khắc sâu và rạng chiếu trong tâm khảm Ni giới Khất sĩ chúng tôi. Giờ đây, công hạnh của Ni trưởng đã viên mãn, báo thân Ngài đã từ già cõi đời, để lại bao niềm tiếc thương vô hạn, nhưng đạo nghiệp của Người vẫn luôn vẻ vang, sáng chói trong mọi sinh hoạt Phật giáo và dân tộc:

*“Chí bất khuất vì hạnh phúc tự do,
chiếc áo Khất sĩ làm vẻ vang trong Ni giới;
Nguyện kiên cường cho hòa bình độc lập,
tâm thân nữ lưu nêu gương sáng chôn tòng lâm”.*

(Hòa thượng Thích Từ Thông)

Ôi! Tấm lòng vì Đạo vì Đời của Ni trưởng mênh mông, bát ngát như biển khơi. Thành kính trân trọng những bước đi vừa hùng lực, vừa từ bi hỷ xả của Ni trưởng. Chúng con nguyện mãi mãi nỗ lực tinh tấn trong đạo nghiệp, thực hiện bốn hoài mà Ni trưởng đã một đời tâm niệm.

*(Trích Bài Tham Luận Hội Thảo Quốc Tế Sakyadhita Lần Thứ 11
Về Phụ Nữ Phật Giáo Tại TP Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ TRONG NGÔI NHÀ CHUNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM - XƯA VÀ NAY

★ Ni trưởng Ngoạt Liên
Ủy viên Thường trực HĐTS GHPGVN

I. SƠ LƯỢC BƯỚC TRƯỞNG THÀNH CỦA NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN 1981:

Ni giới Hệ phái Khất sĩ được hình thành từ khi Ni trưởng Huỳnh Liên và ba vị Trưởng lão Ni xin xuất gia tu học với Đức Tổ sư Minh Đăng Quang năm 1947 tại làng Phú Mỹ, Mỹ Tho (nay là Tỉnh Tiền Giang). Ni trưởng Huỳnh Liên với cương vị trưởng tử Ni được giao trách nhiệm tiếp chúng độ Ni, trực tiếp lãnh đạo hàng Ni giới Khất sĩ và việc tu học lúc bấy giờ đều do Đức Tổ sư giáo dưỡng.

Năm 1954, Đức Tổ sư Minh Đăng Quang thọ nạn và vắng bóng. Lúc bấy giờ Ni giới có tất cả 53 vị, Ni trưởng Huỳnh Liên kế tục sự nghiệp Tổ Thầy, trực tiếp lãnh đạo hàng Ni chúng Khất sĩ. Phương pháp tu lấy Giới - Định - Tuệ làm căn bản, hành tứ y pháp và trì bình khất thực hóa duyên.

Ngày 11.01.1958, Ni giới Hệ phái Khất sĩ được chính thức có tư cách pháp lý, pháp nhân qua nghị định số 7-BNV-NA-P5, được cho phép thành lập Giáo Hội do Tham lý Nội an Vũ Tiến Huân ký, với danh xưng Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam (thường gọi là Giáo Hội Liên Hoa Khất Sĩ), trụ sở đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương, nay là Tổ đình Ngọc Phương, phường 1, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

Rồi những chuyến du hành mở đạo ra miền Trung của quý Ni trưởng năm 1958 và 1959, nhiều ngôi Tịnh xá được mở mang, tiếp độ chúng Ni tu học và giảng dạy Phật pháp cho đông đảo Phật tử tín đồ.

Căn cứ theo bài thơ “*Ba Mươi Năm Diễn Tiến*” của Cố Ni trưởng Huỳnh Liên⁽¹³⁾ ghi lại thì Ni giới Hệ phái Khất sĩ từ 1945 - 1975 như sau:

*“Mười năm đầu du phương lưu động,
Khấp đó đây mở rộng niềm tin.
Ngày ngày thuyết pháp giảng kinh,
Ngày ngày khất thực trì bình hóa duyên.
Đạo khổ hạnh người hiền mến cảm,*

¹³. THƠ, Ni trưởng Huỳnh Liên, NXB TP HCM 1995, tr.163.

*Nghĩa kế kinh đơn giản rõ ràng.
Chùa chiến dựng lập Trung Nam,
Xuất gia, cư sĩ hàng hàng qui y... ”*

Như vậy, Ni giới Hệ phái Khất sĩ trong 10 năm đầu chuyên tu giải thoát, khát thực trì bình du hóa, giảng kinh.



Mười năm kế (1955-1965) vì chiến tranh leo thang, bên cạnh việc hoằng dương giáo pháp, Ni trưởng thiên về từ thiện xã hội nhiều hơn như: Ủy lạo nạn nhân chiến cuộc, lửa cháy nước trôi, nuôi trẻ mồ côi, tặng quà bệnh viện, giúp kẻ tản cư...

*“Mười năm kế thêm chi từ thiện,
Ủy lạo chung bệnh viện, khám đường.
Nạn nhân chiến cuộc đau thương,
Hỏa tai, lụt lội, hôi hương, ra tù.
Trẻ mồ côi nhận nuôi dưỡng,
Khai học đường, mở hướng văn minh.
Cửa Từ rộng đức hiếu sinh,
Lợi người, lợi vật, nhiệt tình, nhiệt tâm... ”*

Mười năm kế tiếp (1965-1975): “Chiến tranh nữa mười năm khóc liệt...”, vào cuối năm 1963 trở đi, Phật giáo gặp pháp nạn, Ni trưởng tham gia bảo vệ Phật giáo, tiếp tục đấu tranh. Đến cuối năm 1969 các phong trào đấu tranh tạm lắng xuống vì chính quyền đàn áp thẳng tay, chỉ còn giới phụ nữ kiên cường đấu tranh đòi chồng đòi con, chống bắt lính, đòi thả tù học sinh, sinh viên... Lúc này, Ni trưởng kết hợp với bà Luật sư Ngô Bá Thành và giới Phật tử cùng Giáo hội tranh đấu và thành lập phong trào Phụ nữ đòi

quyền sống, phối hợp thành đoàn thể, xúc tiến đấu tranh cho đất nước hòa bình.

Năm 1980, Ni trưởng Huỳnh Liên là một thành viên trong đoàn đại biểu vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam. Và kết quả thành tựu viên mãn là vào ngày 07.11.1981, chín hệ phái Phật giáo trong đó có Hệ phái Khất sĩ (gồm Giáo Hội Tăng Già Khất sĩ Việt Nam và Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam) đã thống nhất trong ngôi nhà chung Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

II. NI GIỚI HỆ PHÁI KHẤT SĨ từ 1981 - 2011:

Giai đoạn đầu sau giải phóng 1975, hòa chung sự khó khăn về kinh tế của cả nước, Cố Ni trưởng Huỳnh Liên chủ trương cho chư Ni lao động sản xuất, làm kinh tế tự túc nhà chùa, để bảo đảm đời sống Ni chúng hằng ngày, tạo điều kiện cho chư ni an tâm theo học các cấp lớp thế học và Phật học tại Thành phố. Chủ trương ấy đến nay vẫn còn duy trì.

Ni trưởng rước Thầy giáo dạy chư Ni kèm Văn, Toán, khuyến khích tất cả chư Ni đều nâng cao thế học, làm cơ sở để tiếp thu kiến thức Phật học với ước mong đào tạo Tăng tài, đóng góp vào sự vững chắc cho ngôi nhà Giáo hội, hộ trì Tam Bảo.

Năm 1987, Ni trưởng Huỳnh Liên viên tịch, để lại trên trăm ngôi Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường. Ni chúng xuất gia nhiều trăm vị, với hàng ngàn Phật tử tại gia qui hướng.

Kế tục sự nghiệp và con đường của Tổ sư, của Ni trưởng đã vạch ra để lại, Ni giới Hệ phái Khất sĩ dưới sự lãnh đạo của chư vị Ni trưởng hàng Giáo phẩm Hệ phái, cũng như sự hỗ trợ tinh thần của chư tôn đức Tăng trong hệ phái, đã khuyến tấn chư Ni nghiêm trì giới luật, lấy Giới - Định - Tuệ của chư Phật làm đầu, mỗi ngày ôn tập và thực hiện lời di huấn của Cố Ni trưởng:

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định, Huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng, đúng vừa khả năng”.*

Đến nay (2011), Ni giới Hệ phái Khất sĩ:

- **VỀ MẶT TỔ CHỨC**⁽¹⁴⁾: Hiện có 203 ngôi Tự viện (trong đó có 148 ngôi Tịnh xá, 33 Tịnh thất, 21 chùa, 01 NPĐ).

Ni chúng có 1073 vị gồm: 48 Ni trưởng, 134 Ni sư, 598 Sư cô, 123 Thức xoa, 170 Sa di Ni.

¹⁴ Theo số liệu Rằm tháng Bảy 2011.

- **Về mặt giáo dục:** Hiện có 12 vị Tiến sĩ và 1 Thạc sĩ đã tốt nghiệp về nước phục vụ, trong đó 9 vị đã tham gia giảng dạy tại Học viện TPHCM hoặc các Trường Cao Trung Phật học ở Tỉnh, 20 vị đang du học ở các nước Ấn độ, Trung quốc, Miến điện, Đài Loan.

Đang học lớp Phật Pháp nâng cao sau Đại học tại TPHCM: 04 vị.

Chư Ni tốt nghiệp Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh qua các khóa (từ khóa 1 - khóa 8): 146 vị ⁽¹⁵⁾. Hiện đang học khóa 9 tại Học viện là: 24 vị.

Chư Ni Cao Đẳng Phật học đã tốt nghiệp: 65 vị. ⁽¹⁶⁾

Chư Ni học Y khoa (Đông y và Tây y): 12 vị.

Đặc biệt trước năm 1975, Tịnh xá Ngọc Phương là nơi thể hiện ý chí bất khuất của Ni giới Khất sĩ đã đứng lên đòi hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước. Ngày nay, trong thời đại hòa bình, Tổ đình Ngọc Phương là nơi chăm lo đời sống tu học cho Ni chúng. Nhất là hằng năm đều có tổ chức khóa An Cư Kiết Hạ để chư Ni các miền Tịnh xá tập trung về thọ học Kinh, Luật và Luận, thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức. Ngoài ra, quý Ni trưởng, Ni sư trong Hệ phái đang cố gắng luân phiên tổ chức các khóa thiền tập ngắn hạn, mỗi năm sẽ cố gắng tổ chức 4 khóa, mỗi khóa một tuần lễ.

Hiện nay, Ni giới Khất sĩ được sự cho phép của Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, Quận hội Phật giáo Gò Vấp đã thành lập được một phân hiệu Sơ cấp Phật học trực thuộc lớp Sơ cấp Phật học quận Gò Vấp, từ năm 2004 đến nay (2011) là 4 khóa. Từ khóa 1 đến khóa 3 có 74 Ni sinh đã hoàn tất chương trình Sơ cấp Phật học theo học các lớp trên, hiện có 25 Ni sinh đang học khóa 4 Sơ cấp Phật học tại Tịnh xá Ngọc Phương.

- **Về Hoằng Pháp:** Ni giới Khất sĩ có 34 Hoằng pháp viên có thể giảng trong các đạo tràng và lớp giáo lý. Bên cạnh có một số Ni trẻ cũng có khả năng thuyết giảng, và các vị hiện đang trụ trì bận Phật sự ở trú xứ, chỉ có thể giảng tại trú xứ của mình, tất cả khoảng 30 vị. Chư Ni đã học lớp Cao Cấp Giảng sư: 12; Chư Ni lớp Trung cấp Giảng sư: 6; Chư ni học lớp Bồi dưỡng Giảng sư: 19 vị.

- **Về Hướng dẫn nam nữ Phật tử:**

- Chỉ tổ chức cúng Hội: 2 đơn vị, tổ chức 1 tháng 2 lần.

- Tổ chức khóa tu niệm Phật: 4 đơn vị (một tháng 1 ngày hoặc 3 ngày; hoặc hai tháng 7 ngày).

- Cúng Hội kết hợp với tu Bát Quan Trai: 2 đơn vị, tổ chức 1 tháng 1 lần.

¹⁵ Các vị tốt nghiệp tại Học viện Huế và Hà Nội chưa thống kê được.

¹⁶ Số liệu của khóa 1996-2002; 2006- ; 2008 -.

- Tổ chức cúng Hội và khóa Niệm Phật : 3 đơn vị (tổ chức 1 tháng từ 3-6 lần).
 - Tổ chức cúng Hội và BQT : 1 đơn vị, tổ chức 1 tháng 6 lần.
 - Tổ chức BQT+ Niệm Phật: 2 đơn vị, 1 tháng 4 lần.
 - Tổ chức BQT+ Niệm Phật+ Lớp Giáo lý: 1 đơn vị,
 - Hiện đang có 14 Tịnh xá có tổ chức Bát quan trai mỗi tháng một lần;
 - Sáu đơn vị tổ chức Bát quan trai cho Phật tử tu tập mỗi tháng hai lần.
- Như vậy tổng số có 35/203 đơn vị tự viện có tổ chức đạo tràng cho Phật tử tu tập⁽¹⁷⁾.

Một số Tịnh xá, sau thời sám hối hằng nửa tháng có thuyết giảng giáo lý cho Phật tử nghe để phát triển văn tuệ.

- **Về Từ thiện xã hội:** Noi theo gương của cố Ni trưởng Huỳnh Liên, luôn gắn liền Đạo pháp và Dân tộc như lời di huấn của Ngài: song song với việc tu Giới - Định - Tuệ, còn phải làm “lợi ích dân chúng, đúng vừa khả năng”, Ni giới Khất sĩ tham gia các mặt công tác từ thiện xã hội, tương thân tương trợ, giúp người nghèo khó, thiên tai, lũ lụt, bệnh nhân nghèo, trẻ mồ côi, xây nhà tình nghĩa, tình thương... Qua các mặt phong trào sơ kết 12 năm gần đây (từ năm 2000 - 2011) Tịnh xá Ngọc Phương ủy lạo với số tiền 6.893.659.500 đồng.

Các nơi Tịnh xá đóng góp cho Ngọc Phương còn đóng góp cho địa phương nơi trú xứ của mình. Thống kê số liệu 58/203 ngôi Tịnh xá, Tịnh Thất của Ni giới Hệ phái Khất sĩ làm từ thiện chỉ riêng năm 2010 là 19.712.000.000 đ (mười chín tỷ bảy trăm mười hai triệu Việt Nam đồng). Thống kê số liệu 43/203 ngôi năm 2011 là 6.437.746.000 đồng.

Tóm lại, Ni giới Hệ phái Khất sĩ trong sự nghiệp xây dựng Đạo pháp và Dân tộc:

- **Về Đạo pháp, Ni giới Hệ phái Khất sĩ nói riêng hay Hệ phái Khất sĩ nói chung đã có những đóng góp trong sự nghiệp xây dựng Đạo pháp như sau:**

- + Đào tạo nhiều Tăng Ni, Tăng tài làm Tăng bảo thêm vững mạnh.
- + Xây dựng thêm nhiều Tịnh xá, tự viện làm nơi tu dưỡng đạo đức con người.
- + Hoằng truyền Phật pháp rộng sâu qua thuyết giảng giáo lý, hướng dẫn Phật tử tu học, làm chánh pháp cứu trụ thế gian.
- + Tham gia trong Ban Vận động để thống nhất PGVN.
- + Tham gia vào các Ban ngành của Giáo hội từ Trung ương đến địa

¹⁷ Số liệu thống kê của các tự viện chưa đầy đủ.

phương. Nhiệt tình ủng hộ và chấp hành chủ trương đường lối của GHPGVN.

- Về Dân tộc:

+ Ni giới Hệ phái Khất sĩ tham gia giảng dạy giáo lý của Phật góp phần hoàn thiện con người về đạo đức, giúp an bình xã hội, cá nhân và gia đình hạnh phúc.

+ Trong thời chiến có Ni trưởng Huỳnh Liên cùng chư Ni Khất sĩ tham gia đấu tranh cho Hòa bình - Độc lập dân tộc qua các mặt phong trào.

+ Tham gia vào các Đoàn thể, Mặt trận của nhà nước. Luôn chấp hành tốt mọi chủ trương chánh sách của Đảng và Nhà nước.

+ Tham gia vận động đóng góp các mặt từ thiện xã hội từ trước đến nay.

Năm 1994, Tịnh xá Ngọc Phương được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là “Di tích Lịch Sử Cấp Quốc Gia”.

Kính Đề Nghị:

Đề tạo điều kiện cho chư Ni trẻ được thuận tiện hơn trong việc học tập giáo lý, đồng thời cũng tạo môi trường cho chư Ni Khất sĩ, sau khi học xong trong nước cũng như ở hải ngoại về có điều kiện phát huy sở học, nghiên cứu về kỹ năng giảng dạy; có môi trường giảng dạy quyền Chơn lý và Luật Nghi Khất sĩ của Đức Tổ sư khai sáng Hệ phái;

Trình độ chư Ni trẻ hiện nay đa số lớp 12/12, thích học Trung cấp hơn là phải mất hai năm cho Sơ cấp. Do đó, số Ni sinh lớp Sơ cấp Phật học của Ngọc Phương hiện tại rất giao động, thường có nguy cơ tan rã khi trường Trung cấp các nơi chiêu sinh, hoặc Học viện chiêu sinh.

Vì tất cả lý do trên, chúng con - Ni giới Hệ phái Khất sĩ xin được mở một Phân hiệu Trung Cấp Phật học của Ni giới Hệ phái Khất sĩ tại Tổ đình Ngọc Phương, trực thuộc trường Trung Cấp Phật học TP. Hồ Chí Minh.

Kính mong được sự quan tâm cứu xét và giúp đỡ của chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội và Nhà nước. Chúng con đồng thành kính tri ân.

CỐ NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN VỊ LÃNH ĐẠO NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ

★ Ni trưởng Liễu Liên – Trụ trì Tịnh xá Ngọc Hải, Rạch Giá

Hôm nay, nhân Hội nghị Phụ nữ Phật giáo Thế giới lần thứ 11 tổ chức tại Việt Nam, chúng tôi chọn đề tài tham luận là NỮ GIỚI PHẬT GIÁO VÀ SỰ LÃNH ĐẠO. Đối với Ni giới Hệ phái Khất sĩ, vị lãnh đạo mà chúng tôi luôn tôn kính và muốn giới thiệu với Hội nghị là Cố Ni trưởng THÍCH NỮ HUỖNH LIÊN, Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ.

I. THÂN THỂ

Cố Ni trưởng Thích nữ Huỳnh Liên, thế danh Nguyễn Thị Trù, sinh năm 1923 tại làng Phú Mỹ, Thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường (nay là Tiền Giang).

Vốn mang tâm Niệm ưa thích việc tu trì nên khi Đức Tôn sư Minh Đăng Quang - Tổ sư khai sáng Hệ phái Khất sĩ về Mỹ Tho hoằng truyền giáo pháp, sau khi nghe pháp, cô Trù đã xin phép Tổ sư được xuất gia.

Đức Tổ sư hỏi:

Tín nữ xuất gia với hạnh nguyện gì ?

Ni trưởng thưa: Bạch Đức thầy, con xin xuất gia với hạnh nguyện “*Làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ*”.

Đức Tổ sư khen: Đó là hạnh nguyện của Bồ tát. Chỉ có Bồ tát mới có hạnh nguyện rộng lớn như thế!

Đức Tổ sư đã thọ ký cho cô Trù được làm lễ xuất gia vào ngày mùng 01 tháng 04 năm 1947, đặt pháp danh là Huỳnh Liên, là Trưởng tử Ni của Đức Tổ sư.

Từ đó, Ni trưởng được trực tiếp học đạo, nghe pháp với Đức Tổ sư, được trui rèn bằng những thử thách gay go trên đường hành đạo, trau dồi phẩm hạnh hầu khai thị pháp thân, nối truyền huệ mạng tuyên lưu giáo pháp Phật Đà.

II. SỰ NGHIỆP HOẰNG PHÁP ĐỘ SANH

Buổi đầu mới xuất gia, Ni trưởng vừa theo Tổ sư học đạo, vừa được ủy thác của Tổ sư tiếp chúng độ Ni.

Đến năm 1954, đức Tổ sư Minh Đăng Quang thọ nạn và vắng bóng, Ni trưởng kế tục sự nghiệp Tổ Thầy, cùng Tăng đoàn hoàn thành sứ mạng truyền bá đạo Phật Khất sĩ Việt Nam.

Với cương vị Trưởng Ni giới, bằng hạnh nguyện làm chiếc thuyền chở

chuyên phái nữ, với sứ mạng nói truyền Thích Ca chánh pháp do Đức Tổ sư Minh Đăng Quang trao truyền, Ni trưởng đã hướng dẫn Ni giới Khất sĩ vân du khắp hai miền Nam - Trung: Thuyết pháp giảng kinh, tạo lập đạo tràng, tiếp độ chư Ni, mở lớp giáo lý, dạy Ni chúng tu học, nuôi dạy trẻ mồ côi, giúp đỡ người nghèo khó. Từ đó, Ni trưởng đã hun đúc cho những cánh hoa tâm linh tươi đẹp nở rộ từ Tổ đình Ngọc Phương tỏa đến khắp các tỉnh, thành hội Phật giáo trong cả nước, để phụng sự cho nhơn sanh xã hội.

Trong suốt 40 năm tu học và hành đạo (1947 - 1987). Ni trưởng đã nỗ lực đưa Giáo hội Ni giới Hệ phái Khất sĩ, song song với con thuyền Giáo hội Tăng già, truyền thừa Phật pháp rộng sâu trong quần chúng nhân dân, trên khắp mọi miền đất nước. Nhờ bi nguyện độ sanh, đức độ từ hòa, sức tinh tấn kiên trì, Ni trưởng đã hội nhập lòng người, tiếp độ Ni chúng và biết bao tín đồ Phật tử tu học theo chánh pháp. Đây có phải là tài lãnh đạo của một nhà tu nữ trong sự nghiệp hoằng dương chánh pháp và báo ân Thầy Tổ.

Ni trưởng vốn có tài văn thơ, nên thường dạy Ni chúng học và sáng tác thơ văn. Trong sự nghiệp văn chương, Ni trưởng đã lưu lại cho đời những tác phẩm thi ca đậm đà bản sắc quê hương dân tộc và đạo pháp. Ni trưởng đã chủ trương dân tộc hóa kinh điển Phật giáo, theo biệt truyền của hệ phái, bằng cách diễn dịch thành văn vần, với nhiều thể loại khác nhau, để cho người tu tập dễ hiểu, dễ tụng, dễ nhớ và không sai chánh pháp. Đó chính là cách Ni trưởng đem đạo vào đời bằng chính trái tim, tâm hồn của người con Phật.

*“Nghiêng vai gánh đạo vào đời,
Cho đời tỏ đạo, ta - người đồng tu”.*

Để nâng cao trình độ của Ni chúng, góp phần làm rạng rỡ pháp môn, Ni trưởng luôn tạo môi trường thuận tiện cho Ni chúng học Đại học, học trường Cao cấp Phật học, hoặc xuất ngoại nghiên cứu Phật học với chủ trương:

*“Tu có học mới rạng ngời chánh pháp,
Học có tu mới lợi đạo, ích đời”.*

Hoài bão đào tạo Ni tài của cố Ni trưởng đã trở thành hiện thực, khi rất nhiều Ni cô đã tốt nghiệp Trung cấp - Cao cấp Phật học; Cử nhân Phật học và triết học Đông phương; cử nhân Ngữ văn, Sinh ngữ, Hán Nôm; nhận học bổng nghiên cứu Phật học tại Ấn Độ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Bên cạnh sự xả thân cầu đạo, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức, Ni trưởng đã hướng đến mục tiêu thiết thực của con người là tìm cầu an lạc lợi ích cho mọi người, cho quê hương đất nước, trong giai đoạn chiến tranh. Với

tinh thần vì dân, vì nước, Ni trưởng đã hướng dẫn Ni chúng và tín đồ tham gia các hoạt động yêu nước như tham gia các phong trào đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng và dân chủ, hòa bình.

Với tinh thần nhập thế, Ni trưởng đặc biệt hướng về các hoạt động từ thiện xã hội như cứu trợ thiên tai, cứu trợ nạn nhân chiến tranh, lập Cô nhi viện (Nhất Chi Mai) và một số Cô - Ký nhi viện khác trong khuôn viên Tịnh xá các tỉnh, thành (trước năm 1975).

Sau ngày hòa bình, Ni trưởng lại tích cực vận động tín đồ đóng góp dài hạn để thực hiện tốt hơn các hoạt động xã hội tại các bệnh viện, trại phong, nhà nuôi người già, trường nuôi dạy thiếu niên...

Cho đến lúc nằm trên giường bệnh, Ni trưởng còn gom góp tịnh tài do tín đồ từ các Tịnh xá kính dâng cho Người uống thuốc để sấm một ti vi màu tặng bệnh nhân Quân Y Viện 175.

Thế rồi, khi hạnh nguyện độ sanh đã viên thành, Ta-bà mãn nguyện, Ni trưởng xả báo thân, thu thần thị tịch lúc 16 giờ 20 phút ngày 16.04.1987 (19.03. Đinh Mão), thọ 65 tuổi, trong niềm kính tiếc khôn nguôi của Ni giới Hệ phái Khất sĩ và tất cả những ai đã có dịp hội kiến cùng Ni trưởng.

Ni trưởng đã có lời nguyện:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp, cho tình quê hương”.*

Chúng tôi, những tu sĩ nữ được vinh hạnh ở trong Ni chúng của cố Ni trưởng, xin tiếp bước Ni trưởng thực hiện những hạnh nguyện của Người trong công tác Phật sự để cho:

*“Quê hương sen báu nở hoa,
Muôn đời giáo pháp Phật Đà ngát thơm”.*

Chúng tôi, xin được giới thiệu đến Hội nghị, công hạnh của một bậc chân tu thực đức, xứng đáng để chúng ta tán dương. Chúng tôi mong rằng, qua Hội nghị lần này, nhiều nơi trên thế giới cùng biết đến Nữ giới Phật giáo Việt Nam và những điều Nữ giới chúng tôi thực hiện được trên bước đường hành đạo, giúp đời.

BƯỚC TRƯỞNG THÀNH CỦA NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ

*Trích tham luận Lễ ra mắt Phân ban đặc trách Ni giới
Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh*

★ Ban Thư Ký

Ni giới Hệ phái Khất sĩ do Ni trưởng Thích nữ Huỳnh Liên, Trưởng tử Ni của Đức Tổ sư Minh Đăng Quang, trực tiếp lãnh đạo hướng dẫn Ni chúng tu tập và hành đạo. Buổi đầu xuất gia theo Đức Tổ Sư tu học, với chí nguyện “làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ”, được Đức Tổ Sư chứng nhận và giao trách nhiệm tiếp chúng độ Ni, với cương vị Trưởng Ni trực tiếp lãnh đạo hàng Ni giới Khất sĩ và việc tu học đều do Đức Tổ Sư giáo dưỡng.

Dù rằng giới Nữ lưu tay yếu chân mềm nhưng nghị lực không yếu mềm. Từ năm 1948, những chiếc y vàng của Khất sĩ đã uyển chuyển hiện hòa trong nắng sớm sương mai, hội nhập vào lòng người, hiện diện các Tỉnh Thành, Quận Huyện của hai miền Nam Trung và vùng Cao nguyên.

Năm 1954, Đức Tổ Sư vắng bóng (ngày 01.02 Giáp Ngọ). Lúc bấy giờ, Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên, Ni trưởng Thanh Liên cùng quý Ni trưởng sát cánh, tay trong tay chung vai đấu cật, lấy hạnh nguyện “làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ”, làm tiền đề xông lướt bao khó khăn thử thách, để đưa con thuyền Liên Hoa Khất Sĩ (Giáo hội Liên Hoa Khất Sĩ) song song với Giáo hội Tăng già Khất sĩ (nay là Hệ phái Khất sĩ), truyền thừa Phật pháp rộng sâu trong quần chúng. Năm 1957 được Bộ Nội Vụ cho phép thành lập Giáo Hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam (nay là Hệ phái Ni giới Khất sĩ), Trụ sở đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương, nay là Tổ đình Ngọc Phương, phường 1, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Ni trưởng luôn bền lòng hướng dẫn tập thể Ni chúng thực hành lời Pháp bảo cao quý của Tổ Thầy.

*“Lâng lâng tâm cảnh,
Khăng khăng chí nguyện.
Bát là ruột, y là da,
Bạn thiết châu du cùng thế giới.
Trời làm màn, đất làm chiếu,
Tình thân thông cảm khắp trần gian”.*

Chẳng những một lòng một dạ nối chí Tổ Thầy, xương minh chánh pháp, Ni trưởng còn thể hiện tấm lòng “ưu đời mãn thế,” khi hướng dẫn Ni

chúng cùng dấn thân mưu tìm công bằng cho xã hội, hạnh phúc cho đồng bào, hòa bình, độc lập cho Dân tộc, bằng tinh thần thiết tha phụng sự Đạo pháp, Dân tộc, suốt nhiều chục năm dài, tận tụy với tâm niệm:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo pháp, cho tình quê hương”.*

Căn cứ theo bài “Ba mươi năm diễn tiến,” thì Hệ phái Khất sĩ :

Trong mười năm đầu chuyên tu giải thoát, khát thực trì bình du hóa, giảng kinh. Mười năm kế vì chiến tranh leo thang! Ni trưởng thiên về Từ Thiện Xã Hội nhiều hơn, như ủy lạo nạn nhân chiến cuộc, lửa cháy nước trôi, nuôi trẻ mồ côi, tặng quà bệnh viện, giúp kẻ tản cư...

Mười năm kế nữa, cuối năm 1963 trở đi, Phật pháp gặp cảnh “Pháp nạn” thì Ni trưởng tham gia thống nhất Phật giáo, tiếp tục đấu tranh.

Cuối năm 1969, các phong trào đấu tranh lắng dịu vì chính quyền đàn áp thẳng tay, chỉ còn giới phụ nữ hăng say đòi chồng đòi con, chống bắt lính, đòi thả tù học sinh, sinh viên... Lúc này Ni trưởng kết hợp với bà Ngô Bá Thành và giới phụ nữ Phật tử cùng giáo hội tranh đấu và thành lập phong trào Phụ nữ đòi quyền sống, phối hợp thành đoàn thể xúc tiến đấu tranh cho đất nước hòa bình.

Ngày 30.04.1975 đất nước hoàn toàn giải phóng, Tỉnh xá Ngọc Phương mới được chấm dứt bao vây.

Năm 1987, Ni trưởng thọ bệnh và viên tịch với bao niềm tiếc thương của môn đồ, bằng hữu và pháp hữu Đạo Đồi.

Ni trưởng Bạch Liên kế thừa trách nhiệm Đệ Nhị Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ. Khi Đệ Nhị Trưởng Ni giới thuận thế vô thường, Ni trưởng Tạng Liên đệ tử Ni hàng thứ tám của Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang kế thừa, nối tiếp sự nghiệp làm Đệ Tam Trưởng Ni giới. Tháng giêng năm 2000, Ni trưởng Tạng Liên Đệ Tam Trưởng Ni giới cũng viên tịch.

Hiện nay, Ni giới hệ phái do Ni trưởng Tràng Liên kế tục sự nghiệp Phật pháp của Tổ Thầy, làm Đệ Tứ Trưởng Ni giới, bên cạnh còn có quý Ni trưởng như: NT. Châu Liên, NT. Ngoạt Liên, NT. Kỳ Liên, NT. Tân Liên, NT. Đan Liên, NT. Minh Liên, NT. Chiêu Liên... cùng chung lo Phật sự.

Ni giới Hệ phái Khất sĩ hiện nay có hơn 200 Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường. Ni chúng xuất gia tu học hơn 1.000 vị.

Trước năm 1975, Tịnh xá Ngọc Phương là nơi thể hiện ý chí bất khuất của Ni giới Khất sĩ đã đứng lên đòi hòa bình độc lập, thống nhất đất nước. Ngày nay trong thời đại hòa bình, Tổ đình Ngọc Phương là nơi chăm lo đời sống tu học cho Ni chúng. Hàng năm đều có tổ chức khóa An cư Kiết Hạ, để chư Ni các miền Tịnh xá tập trung về thọ học Kinh, Luật, Luận, thúc

liễm thân tâm, trau dồi giới đức. Năm 1994, Tịnh xá Ngọc Phương được Bộ Văn Hóa Thông tin công nhận là “Di tích lịch sử cấp quốc gia”.

Đầu năm 2004, Tổ đình Ngọc Phương được Thành hội Phật giáo và quý cơ quan chức năng cho phép, và với sự giúp đỡ của Ban Đại Diện Phật giáo Quận Gò Vấp khai giảng lớp Sơ cấp Phật học cho chư Ni tân xuất gia tu học.

Chư vị Giáo phẩm Ni giới Khất sĩ đã tham gia Hội Đồng Trị Sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua các nhiệm kỳ :

- Nhiệm kỳ I (1981 - 1987) Đệ nhất Ni trưởng Thích nữ Huỳnh Liên Ủy viên Kiểm soát Ban Thường trực Hội Đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Nhiệm kỳ II, III, IV, V (1987 - 2012) Ni trưởng Thích nữ Ngoạt Liên Ủy viên Ban Thường trực Hội Đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Nhiệm kỳ IV (1997 - 2002) : Ni trưởng Thích nữ Tràng Liên Ủy viên Hội Đồng Trị Sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Nhiệm kỳ V, VI (2002 - 2012) : Ni trưởng Thích nữ Tràng Liên Ủy viên Hội Đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Chư Ni trưởng, Ni sư trụ trì các miền Tịnh xá, các Tỉnh Thành đa phần đều tham gia thành viên các cấp Giáo hội tại địa phương.

Ni trưởng Huỳnh Liên, Đệ nhất Ni trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ, là bậc Thầy khả kính của chúng con, có sáng tác bài thơ tựa đề “Phật giáo và hòa bình”. Con xin tuyên đọc cúng dường Hội nghị.

PHẬT GIÁO VÀ HÒA BÌNH

*Phật giáo ngày nay bước trưởng thành,
Các nhà học giả bậc tiên sanh,
Điều nghiên Phật học theo khoa học,
Quốc tế hòa bình năm đấu tranh.
Tập trung trí huệ diễn đàn cao,
Truyền thống dân gian tự thuở nào,
Nếp sống hòa bình, Bi Trí Dũng,
Ngàn năm văn hiến rạng trăng sao.
Đạo pháp nhơn sanh mãi gắn liền,
Thăng trầm Dân tộc bước vươn lên,
Phong trào Phật giáo thời thiêu sống,
Thế giới bàng hoàng phút ngạc nhiên.*

*Thế giới đồng tình tiếp đấu tranh,
Việt Nam thống vọng tiếng hòa bình,
Phong trào toàn quốc toàn dân dậy,
Ánh đuốc từ bi dắt chúng sanh.
Giải phóng mười năm đạo chuyên mình,
Làm ăn tập thể sống quang vinh,
Tương lai rạng rỡ Trường Cao Cấp,
Yểm võ tu văn lúc thái bình.
Trước khi hội Đảng lễ chào mừng,
Văn hóa hòa bình sự nghiệp chung,
Cội thọ Việt Nam tàng bất khuất,
Bông hoa Phật giáo đón anh hùng.*

Ni trưởng Huỳnh Liên

Kỷ niệm cuộc Hội thảo Phật giáo và hòa bình

Ngày 02.12.1986 tại Trường Cao Cấp II TP.HCM

ĐẠO NGHIỆP VIÊN DUNG

Kỷ niệm lần thứ 30 ngày Ni trưởng Huỳnh Liên viên tịch

★ Ni trưởng Tô Liên

*Trải gót du hành nhuận nắng sương,
Theo chân Sư Tổ, đạo hoàng dương.
Tám năm trui luyện tươi nền hạnh,
“Pháp khí Tông lâm” sáng đạo trường.*

*Sen vàng diệu phẩm, pháp đưa duyên,
Giới đức thơm lừng quyện khí thiêng.
Tỏa bốn phương trời xoay nghiệp khổ,
Tinh đàn, Tinh xá “vọt” trường miên.*

*Trọng trách oằn vai, trĩu gánh gông,
Hoa thiên, quả giác nở trăm bông.
Nhân tài đào tạo, tâm kiên dững,
Kỳ vọng ươm đầy trí đức thông.*

*Đạo nghiệp viên dung giữa biển trần,
Thiên tài Việt hóa, dịch Kinh văn,
Tâm hồn cao đẹp, thơ lai láng,
“Báu chất đầy non chẳng sánh bằng”.*

Tổ đình Ngọc Phương, Tp. Hồ Chí Minh 11.04.2017

(16.03 âm Đinh Dậu)

ĐÓA SEN THIÊNG CỦA NI GIỚI HỆ PHÁI KHÁT SĨ

★ Ni trưởng Tô Liên

I. Nhập Đề

Trên đời này, ai dám chắc rằng mình rõ biết tận tường về một con người, cho dù người đó đối với mình là bạn chí thân, là người tâm đầu ý hợp, huống nữa là đối với bậc Thầy, những vị chân tu phi phạm xuất chúng được đời tán tụng xưng dương thì hiểu được những vị ấy càng khó vô cùng. Các bậc ấy, tuy nếp sống thật giản đơn bình dị, song thiên bẩm tài năng, khí tiết và óc sáng tạo của mỗi người thì tuyệt vời, đa dạng, kỳ diệu, viên dung.

Người mà tôi nói đến đó chính là Ni trưởng Huỳnh Liên, vị lãnh đạo tài ba, một bậc Thầy ưu việt của Ni giới Hệ phái Khất sĩ, Người đã có một tấm lòng vì Đạo vì Đời mênh mông bát ngát như biển khơi, công hạnh tuyệt vời, tinh thần bất khuất, trí đức viên dung được thể hiện qua bốn hoài mà người suốt đời tâm niệm:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình
Cho nguồn Đạo Pháp cho tình Quê Hương.”*

Được vinh hạnh sát cánh cùng Ni trưởng trong vai thị giả suốt cuộc đời tu học, được tiếp nhận cơm Thiền sữa Pháp từ trí tuệ tuyệt vời của Người, lại được chọn vào tiểu ban nội dung của Ban Tổ chức Điều hành Tang Lễ, phụ trách viết tiểu sử, điều văn, văn cảm tạ, tôi vẫn ngần ngại mình đức mỏng, tài sơ, chỉ có thể phác thảo đôi nét về những công hạnh, tài năng, gương sáng của Người cho sự phát triển Đạo pháp, cho Phong trào Giải phóng Phụ nữ, cho lịch sử đấu tranh giải phóng Dân tộc thân yêu, cho nền hoà bình Thế giới.

II. Báo Ân Đức Phật - Hoằng Dương Chánh Pháp:

Xuất thân trong một gia đình Nho giáo, học hết bậc Trung học và nhờ ảnh hưởng từ cậu ruột là Lê Quý Đàm - Đảng viên Đảng Cộng Sản Đông Dương nên Ni trưởng đã tiếp cận với tư tưởng và gương sáng của những người làm cách mạng đương thời. Trưởng thành trong hoàn cảnh Đất nước đang bị thực dân xâm chiếm, mặc dù đã là một Phật tử tại gia, vậy mà khi phong trào cách mạng bùng nổ, Ni trưởng đã tham gia giành chính quyền cùng với chị em phụ nữ địa phương, đó là động lực để thôi thúc thanh niên nam nữ hăng hái lên đường vì sự nghiệp phục quốc.

Ni trưởng xuất gia thọ giới ngày mùng 01 tháng 04 năm Đinh Hợi (1947) tại chùa Linh Bửu, làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho, được đức Tổ sư Minh Đăng Quang thọ ký pháp danh Huỳnh Liên. Cùng xuất gia một lượt với Ni

trưởng là Ni sư Bạch Liên, Ni sư Thanh Liên và Sư Bà Bửu Liên.

Tám năm trường theo bước chân Tổ sư Minh Đăng Quang du phương thuyết giáo, Ni trưởng đã góp phần không nhỏ trong công hạnh hoàng dương. Với lòng từ vô hạn, bằng tâm hạnh người mẹ, người chị thân thương, Ni trưởng ân cần dạy dỗ Ni chúng về mọi mặt, nào kinh nghiệm tu tập, kinh nghiệm hành đạo, đối nhân xử thế, tích đức gieo duyên, kinh nghiệm xương minh Diệu pháp cho đến mặt chữ nghĩa thi phú văn chương. Người cũng rất quan tâm đến đời sống tinh thần của cư gia Phật tử. Mỗi khi có một thiện nam hay tín nữ thọ pháp, Người thường cho một bài kệ Pháp danh nói lên ý nghĩa của sự thọ pháp và khích lệ sách tấn họ tinh tiến tu hành.

Năm 1954, đức Tổ Sư thọ nạn và vắng bóng, môn phái Khất sĩ như con thuyền không lái, loay hoay bập bênh giữa sóng cả biển to, nhưng bằng kiên trì dũng mãnh, bằng tuệ giác soi đường, Ni trưởng đã khéo léo lái thuyền Giáo đoàn Ni giới song song với con thuyền Giáo Hội Tăng Già Khất sĩ truyền thừa Phật pháp rộng sâu trong quần chúng nhân dân.

+ Hội chúng xuất gia Ni giới càng lúc càng đông, lên đến cả ngàn, thiện nam tín nữ đến hàng vạn về nương tựa cần tu tiến.

+ Từ Cam Lộ đến Cà Mau đã lần lượt khai sinh 144 ngôi Tịnh xá đạo tràng⁽¹⁸⁾ trên 144 thửa đất vàng khang trang thanh lịch vốn là cơ sở chi nhánh của Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương, Trung ương Hệ phái, nơi mà Ni trưởng đã lưu nhiều dấu ấn lịch sử, được xây dựng từ năm 1957, trùng tu vào những năm 1972, 1986, 1992.

- Đây chính là sự nghiệp Hoàng Dương Chánh Pháp của Ni trưởng, cũng chính là hiếu đạo Ni trưởng báo đền Phật Tổ thâm ân.

Là một bậc Trưởng lão Ni, với cương vị lãnh đạo Ni giới Hệ phái Khất sĩ, Người luôn luôn nhận thức được sứ mạng cùng trọng trách của mình trước sự nghiệp phát triển và Hoàng Dương Chánh Pháp nên Người kiên quyết giữ vững lập trường, mặc dù gặp rất nhiều trở ngại, nhưng vẫn không nản lòng. Người khẳng quyết “*tu có học mới rạng ngời Chánh Pháp, học có tu mới lợi Đạo ích Đời*”, đồng mãnh vượt định kiến từ xưa của hạnh Khất sĩ du phương là chỉ chuyên tu giải thoát, với chủ trương cho Ni chúng học thêm văn hoá, sinh ngữ, cổ ngữ và học rộng Phật Pháp, vừa được hấp thụ thêm những tinh hoa mới của thời đại, vừa được thấm nhuần trong biển Pháp của Như Lai. Người chủ động nhiệt tâm đóng góp tài vật, cổ động chư Ni và tín đồ ủng hộ thường xuyên cho việc thành lập trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh, khuyến khích, sách tấn

¹⁸ Theo thống kê của Ni Giới Hệ phái Khất sĩ, tính đến ngày Ni trưởng viên tịch, Ni Giới Hệ phái thành lập được 144 Tịnh xá.

chư Ni tạo điều kiện, môi trường thích hợp, hỗ trợ cho Ni chúng đủ duyên hăng say học siêng, tu giỏi, tốp theo thể học chuyên ngành, tốp học lên Cao Cấp, Cao Đẳng, học Phật Pháp tinh chuyên, tốp học Kinh bộ, văn phạm và dịch thuật Kinh Pali để đền ơn Thầy Tổ, để rạng rỡ Tông môn, để Chánh Pháp lưu tồn, để tiếp cận kim ngôn Đức Phật⁽¹⁹⁾. Có nhiều Ni được Người giúp cho xuất ngoại du học.

Ni trưởng thường nhắc nhở: *“Mỗi người học chữ phải trao giới đạo đức, lấy sự tu chứng làm chính chớ không phải chỉ học suông. Mỗi người phải biết nhận thức công ơn tín thí, công ơn Thầy Tổ cao dày, lấy đó làm rường cột, kim chỉ nam cho sự tu học và hành đạo”*⁽²⁰⁾. Vì thế, với các Ni cô trẻ tuổi, hoặc người lớn tuổi, hoặc thiếu may mắn, hoặc mới vào tu, chưa đủ trình độ văn hoá, Người ân cần chăm sóc, cho mời giáo viên dạy kèm, hoặc cho học bổ túc văn hoá để thoát khỏi nạn đốt nát tối tăm. Đối với những Ni cô có năng khiếu về thi phú văn chương thì Ni trưởng khuyến khích phát triển tài năng và khen thưởng bằng nhiều hình thức.

Thuở sinh thời, Ni trưởng thường bộc lộ niềm vui bằng ánh mắt rạng ngời, bằng nụ cười an lạc, với câu nói ươm đầy kỳ vọng rất dễ thương: *“Các cô ơi! Tôi sung sướng lắm, tương lai tôi sẽ có một trăm cô Đại học, hiện giờ tôi đang chuẩn bị lo cho các Ni cô, tốp vào Cao cấp Phật học, tốp đang chuẩn bị vào, tốp đang học lớp 12 và những lớp kế tiếp...”*⁽²¹⁾

- Có thể nói đây là thời kỳ trăm hoa đua nở và vườn hoa Đạo Pháp được ương mầm khắp Đất nước thân yêu.

+ Cuối niên khóa 1970-1971, tại Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn, Ni giới Khất sĩ đã có được một Sư cô (Thích Nữ Tố Liên) tốt nghiệp Cử Nhân Phật Học và Triết học Đông Phương, rồi học tiếp lên Cao học Triết, Cao học Văn thì đến ngày giải phóng. Đó là phát pháo đầu Xuân châm ngòi cho Tăng Ni Hệ phái bắt đầu suy nghĩ thêm để có ý niệm về tầm quan trọng của việc đào tạo nhân tài kế vãng khai lai.

+ Năm 2009, Ni giới Hệ phái đã có 20 Sư cô đỗ Tiến sĩ từ nước ngoài về; 03 Sư cô đỗ Thạc sĩ, 100 Sư cô đã tốt nghiệp Cao Cấp Phật Học từ khoá I-VI, 52 Sư cô đang học khoá VII tại Thành phố Hồ Chí Minh, Huế và Hà Nội, 30 Sư cô đã tốt nghiệp khoá Giảng sư Cao-Trung Cấp do ban Hoàng Pháp Trung Ương đào tạo và 56 Sư cô đã tốt nghiệp Cao Đẳng Phật Học. Tại Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương hiện nay có 130 Học ni đang theo học các trường Phật học cũng như các lớp ngoại khóa⁽²²⁾. Đó là thành quả về vang của Ni giới Hệ phái.

¹⁹ Xem Điều văn của chúng Học ni Pali trong Kỳ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.357.

²⁰ Trích lời Di Chúc trong Kỳ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.23.

²¹ Xem Kỳ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.177.

²² Theo thống kê của Ni giới Hệ phái.

Ni trưởng vốn là người nhìn xa trông rộng, luôn ý thức, phổ biến, truyền đạt kiến văn của mình đến mọi người như chư vị Tổ Sư tiền bối, Người luôn luôn thể hiện hạnh từ bi, lòng nhân hậu, tình đoàn kết thương yêu Ni chúng, xác định đúng trách nhiệm của mình đối với Ni giới thân thương. Do vậy, Ni trưởng đã có công không nhỏ trong hạnh nguyện hoàng dương, trong tiến trình phát triển Hệ phái, cũng như tiến trình phát triển của đại gia đình Phật Giáo Việt Nam.

Trong trích đoạn “Bức Tâm Thư Ân Cần Phó Thác Các Bạc Tỳ Kheo”⁽²³⁾, Tâm thư hãy còn rành rạnh nét thủ bút độc đáo, ám đậm chân tình của một nữ Chân tu Thánh đức. Người ví dụ mấy cô kém tuổi mới tu như những cây bô đề do Người mới ương trồng trong vườn rồi bạn Phật sự phải đi xa, nay giao phó các vị Tỳ kheo phân công nom chăm sóc. Người viết: *“Chính mấy cô ấy, những cái tâm mới mẻ yếu mềm, là những mầm non mới nảy tương, cần phải chăm sóc nâng niu như vun phân tưới nước. Chớ nên để thiếu sức, ốm gầy, chết mòn. Phải xem chừng những cái tâm ấy có bệnh tật gì không. Nếu có phải mau chạy chữa. Tật bệnh của tâm là sự buồn chán thoái chuyển. Cũng như con sâu đục khoét thân cây”*.

Hoà Thượng Thích Trí Quảng, Nguyên Phó Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã ghi nhận những cảm niệm sâu sắc của Ngài đối với bậc Chân tu như sau:

Ni trưởng Huỳnh Liên là người đầu tiên thành lập giới Khất sĩ Ni, đã dám thay đổi hướng tu; là người đầu tiên chủ trương cho Ni chúng học và sản xuất để có đời sống kinh tế tự túc, không phải lệ thuộc vào sự cúng dường của đàn na; đào tạo và xây dựng người thừa kế có trình độ tri thức, có khả năng đảm đương Phật sự. Qua cuộc sống tu hành của Ni trưởng, chúng ta rút được bài học hành đạo, lợi ích cuộc đời mà không cầu nệ Giáo Pháp. Tấm gương sáng của Người thật đáng trân trọng!⁽²⁴⁾

Đồng thời, Hoà Thượng Thích Đức Chơn, trụ trì Quảng Hương Già Lam đã nhận định về tài đức Ni trưởng như Cửa báu chất đầy non cũng chẳng sánh bằng⁽²⁵⁾. Ni trưởng một mình xây dựng cơ sở, đào tạo và giáo dưỡng chúng Ni, đặt cơ bản hoàng pháp lợi sanh tại nông thôn đạt nhiều thành quả đáng kể, soạn bài giảng dạy và kế hoạch kinh tế làm từng giai đoạn theo mùa, hiệu quả cao.

III. Đạo nghiệp Pháp bảo Thơ văn của Ni trưởng:

- Vốn là một thiên tài về văn chương thi phú, nên đạo nghiệp Pháp bảo

²³ Xem Kỹ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr. 415-417.

²⁴ Xem Kỹ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.140-141 hoặc Tư tưởng Phật giáo tập I của HT. Thích Trí Quảng – NXB Tôn Giáo xuất bản năm 2004, tr.360-361.

²⁵ Xem Kỹ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.169-171.

Thơ văn của Ni trưởng cũng vô cùng đa dạng. Ni trưởng đã nổi bật với hạnh nguyện hoằng dương Chánh pháp qua chủ trương Việt hoá. Người đã biên soạn, phiên dịch và diễn các Kinh tạng chữ Hán và Pali ra chữ Quốc ngữ để Ni chúng và Phật tử dễ học, dễ lãnh hội ý nghĩa súc tích, dễ nhớ, dễ đọc tụng và phổ biến sâu rộng như kinh A Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan, Phổ Môn, Báo Hiếu, Bát Nhã Tâm Kinh... Kệ Trích Lục, Kệ Chơn Lý.

Ni trưởng có đến 2000 bài thơ và văn xuôi để giáo hoá môn sinh, đem Đạo vào Đời, giúp Đời thâm Đạo.

Người làm thơ vì vốn rất yêu thơ, rất nhạy cảm, biệt tài xuất khẩu thành thơ, sáng tác nhanh, hay, nội dung Phật chất dạt dào Pháp vị! Như bài “Sen Nở Đây Hồ”, cảm tác kỷ niệm Hội Nghị Đại Biểu Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam tại chùa Quán Sứ - Hà Nội vào năm 1981, bằng lời thơ đậm chí khí, rộng nhân từ của một bậc Chân tu⁽²⁶⁾. Người viết như sau:

*“Lịch sử triền miên mãi đấu tranh,
Gang rèn, thép luyện, cốt hùng anh.
Người bày trận tuyến bên rừng núi,
Kẻ chống xâm lăng giữa thị thành.
Độc lập hoà bình đất triền khai,
Nghĩa nhân hạt giống tự bao đời.
Lấy ân trừ oán hoa lòng nở,
Đem Đạo hoà Đời, biển khổ vui...” (27)*

Qua đó, chúng ta thấy rõ thật sự Người là hiện thân của sự hòa bình nhuần nhuyễn tinh thần Phật giáo và Dân tộc.

Ôi! Một nhà thơ có tâm hồn cao đẹp, tình yêu nước dạt dào, tình yêu Đạo mênh mông. Vì vậy, nhà thơ Trụ Vũ đã cung kính tặng Người hai câu đối lúc Người thanh thoi về xứ Phật:

*“Khát sĩ chơn truyền,
lấy nghĩa non sông làm nghĩa đạo;
Huỳnh Liên viên mãn,
cùng hương trời đất toả hương thơ” (28)*

IV. Quá trình hoạt động yêu nước và tham gia phong trào đấu tranh đòi hoà bình, độc lập, tự do cho đất nước.

Từ năm 1960-1975, miền Nam bước vào thời kỳ của khúc quanh lịch

²⁶ Viết theo Nhận định và đánh giá của Cư sĩ Tổng Hồ Cầm, Ủy viên Kiểm soát Ban Thường trực TƯ GHPG VN trong Kỷ yếu Ni trưởng, tr. 217.

²⁷ “Sen Nở Đây Hồ”, Tập thơ Ni trưởng Huỳnh Liên tr.318.

²⁸ Kỷ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên, tr.134.

sử. Noi gương hạnh Đức Bồ tát Phổ Hiền, nói chí các Thiền Sư Vạn Hạnh và Khuông Việt, Ni trưởng Huỳnh Liên - vị Chân tu giàu lòng yêu nước, kiên định lập trường, chủ trương đem Đạo vào Đời, nhập trần bất nhiễm, tùy duyên bất biến, bất biến vẫn tùy duyên. Trước cảnh chết chóc vô nghĩa của nhân sanh, bom đạn rền trời, thân người chông chát, gia đình tan tác, nhà cháy ruộng hoang, tín đồ Phật giáo chịu nhiều cảnh áp bức, bất công, xã hội ngày càng xuống dốc. Trước nỗi đau chung của dân tộc, Ni trưởng kiên cường đứng hẳn về phía nhân dân, lãnh đạo hàng Ni giới Khất sĩ và Phật tử vào gông xiềng để bẻ gãy xiềng gông. Cao điểm là năm 1963, tại Gia Định - Sài Gòn, Giáo hội Ni giới Khất sĩ đã cùng với Phật giáo Thành phố và nhân dân đấu tranh chống Mỹ-Diệm, đòi tự do tín ngưỡng, đòi quyền dân sinh, dân chủ của Phật giáo, đòi cơm áo, hòa bình, đòi công bằng xã hội...

Năm 1970-1975, Ni trưởng là Phó Chủ Tịch Phong Trào Phụ Nữ Đòi Quyền Sống, Ủy Viên Đoàn Chủ Tịch Mặt Trận Nhân Dân Cứu Đói. Giáo hội Ni giới Khất sĩ trở thành một trong những lực lượng chủ lực của phong trào nhân dân trong cuộc đấu tranh trực diện với kẻ thù. Biểu tình “xa luân chiến”, tuyệt thực trước Dinh Độc Lập mấy tuần lễ liền... đã làm cho cả thế giới ngạc nhiên, đồng thời nước ta rất tự hào về “Đội Quân Đầu Tròn” do Ni trưởng lãnh đạo.

Sau đó, Ni trưởng tiếp tục những cuộc đấu tranh gian khổ, nhập phong trào quần chúng, đấu tranh không súng, không gươm, chỉ bằng đức trí tuệ, tính kiên trung, không ngại dầu sôi lửa bỏng, tích cực hy sinh cho nền độc lập tự do của đất nước và chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Từ năm 1973 đến năm 1975 là giai đoạn gay go, gian khổ và khó khăn nhất cho Ni trưởng: lớp bị địch bao vây, cô lập, hăm dọa, len lỏi vào nội bộ, làm lung lạc chư Ni... Ni trưởng phải vận dụng mọi nỗ lực, óc sáng tạo của mình để lèo lái, vượt qua thử thách khó khăn. Nhờ đức bi trí dũng, kiên trì, vong kỷ, lợi tha và tinh thần vô úy, Ni trưởng tự tại, thông dong, an nhiên hành hạnh Bồ tát nghịch cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Riêng Tịnh xá Ngọc Phương, nơi trụ xứ của Ni trưởng cũng lâm vào cảnh khổ nạn, do sự giám sát của cảnh sát nổi chìm và kềm gai phong tỏa suốt ngày đêm, từ 27.10.1974 đến 12g trưa ngày 29.04.1975 mới được buông tha.

Hoà bình lập lại, đất nước được độc lập, thống nhất. Mọi người dân phấn khởi, yên tâm làm ăn. Ni giới Hệ phái Khất sĩ tự hào vì đã góp phần nhỏ bé của mình trong sự nghiệp chung, nay vẫn tiếp tục phát huy truyền thống gắn liền Đạo pháp với Dân tộc trong nhiệm vụ phụng Đạo đẹp Đời. Ở những cương vị xã hội mới: Đại biểu Quốc hội khoá VI; nhiều nhiệm kỳ là Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Trung ương Hội Liên hiệp Phụ

nữ Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy Ban Bảo vệ Hoà bình Thế giới của Thành phố Hồ Chí Minh, Ni trưởng đã lãnh đạo Ni giới Hệ phái Khất sĩ từng bước phát triển theo đúng đường hướng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới. Đặc biệt Ni trưởng đã tích cực tham gia công cuộc vận động thống nhất Giáo hội Phật giáo Việt Nam bằng tất cả tâm huyết của một nữ tu chân chính luôn lấy nghĩa Non sông làm nghĩa Đạo.

Những năm cuối của báo thân, sức khoẻ kém dần, Ni trưởng vẫn bền hạnh nguyện kiên trì giáo dưỡng, vàng gieo ngọc ném, viên giáo khai thông, trụ chân tâm nhiếp hoá sanh quần, giới đức ngát hương, thiên na tỏ rạng.

Ni trưởng về cảnh giới chơn như lúc 16 giờ 30 phút ngày 19 tháng 3 âm lịch năm Đinh Mão (1987) tại Tịnh xá Ngọc Phương thân yêu. Người đã dứt khoát với cuộc thế vô thường, lặng lẽ an nhiên thu thần thị tịch, nhẹ bước nhàn du cao đẳng Phật quốc, hưởng 65 tuổi thọ, hạ lạp trải 41 mùa mưa, để lại trong lòng hàng môn đồ đệ tử và thân hữu gần xa biết bao niềm kính thương, luyến tiếc.

Người được Đảng và Nhà nước Việt Nam tặng thưởng:

- Huân chương Độc lập hạng Nhì.
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.
- Huân chương Quyết thắng hạng Nhất.
- Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bằng khen Mười năm của Ủy ban Nhân dân Thành phố về công đóng góp cho sự nghiệp giải phóng Đất nước và Thành phố thân yêu.

Nhân danh Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, ông Ung Ngọc Ky, Phó Chủ tịch UBMTTQTP.HCM trân trọng biểu dương công đức⁽²⁹⁾ trong Lễ Truy điệu của Người như sau:

1. Ni trưởng Huỳnh Liên, một nhà tu hành chân chính.
2. Ni trưởng Huỳnh Liên, một chiến sĩ kiên cường.
3. Ni trưởng Huỳnh Liên, một nhà tổ chức quần chúng giỏi, một nhà hoạt động xã hội giỏi.

Ni trưởng Huỳnh Liên là một biểu tượng cao đẹp nhất của một bậc Chân tu. Từ xuất gia tu học đến lúc hoằng dương Chánh pháp, từ giáo hoá môn sanh đến sự nghiệp thơ văn, từ công trình văn hoá, công trình xã hội đến hành Bồ tát đạo, đều kết tinh những sáng tạo tuyệt vời, để lại những tài liệu quý báu, hiếm có khó được cho đất nước, cho môn sinh, cho vạn loại...

Công hạnh, gương sáng phụng Đạo giúp Đòi, chí khí hào hùng bất khuất của Người đã được Hoà thượng Thích Từ Thông - Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cảm khái qua câu đối:

²⁹ Kỹ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên, tr.122-125.

*“Chi bất khuất vì Hạnh Phúc Tự Do,
chiếc áo Khất sĩ làm vẻ vang trong Ni giới;
Nguyễn kiên cường cho Hoà Bình Độc Lập,
tấm thân Nữ lưu nêu gương sáng chốn Tông Lâm”⁽¹⁾*

Dẫu rằng ngày nay, Ni trưởng đã yên nghỉ nơi cõi Niết bàn vắng lặng, nhưng công hạnh của Ni trưởng vẫn mãi mãi còn đây, trong lòng Thành phố thân yêu, trong tâm khảm những người con Phật, trong lòng Đảng, lòng Dân như:

- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Vĩnh Nghiệp vô cùng thương tiếc Ni trưởng Huỳnh Liên như sau: *“Ni sư Huỳnh Liên mất đi, chẳng những là một tổn thất lớn lao đối với Hệ phái Ni giới Khất sĩ và Phật Giáo Việt Nam mà còn là một tổn thất chung cho Cách mạng và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ni sư chẳng những đã nêu cao tấm gương sáng về đức hạnh, chân tu mà còn để lại một bài học quý báu cho Ni giới, cho người Việt Nam về lòng yêu nước thương dân, về tinh thần đấu tranh cho sự nghiệp Cách mạng không mệt mỏi”*.⁽²⁾

- Linh mục Huỳnh Công Minh, Đại biểu Quốc Hội khoá VI đã nhận xét đánh giá Ni trưởng như sau: *“Ni sư Huỳnh Liên là một hình ảnh tuyệt đẹp của một bậc chân tu trong một dân tộc anh hùng bất khuất, là một tấm gương sáng cho mọi người tu hành của mọi tôn giáo gắn bó với dân tộc”*.⁽³⁾

- Hòa Thượng Thích Minh Châu, nguyên Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã viết: *“Cố Ni sư Thích nữ Huỳnh Liên ngoài những đóng góp tốt đẹp cho Cách Mạng Việt Nam, lại còn là một Ni trưởng chăm lo đào tạo một thế hệ Ni chúng Khất sĩ trẻ, có tu, có học, có ý thức, tự lực tự cường. Mong rằng các vị kế nghiệp Ni sư hằng tiếp tục sự nghiệp tốt đẹp ấy”*.⁽⁴⁾

- Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không, Viện chủ Chùa Hồng Ân - Huế, khi đến niêm hương tưởng niệm Ni trưởng đã chân thành phát biểu: *Ni trưởng Huỳnh Liên là một bậc chân tu hiếm có, tài đức vẹn toàn. Xin nhiếp niệm cung tiễn Người Phật quốc cao đăng.*

V. Kết luận

Ôi! Công hạnh, trí đức viên dung, gương sáng tuyệt vời, suốt bốn mươi năm tròn giúp Đòi phụng Đạo, kiến tạo Hoà Bình của Ni trưởng đã hiện ngang đi vào trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam ! Những bước đi trầm

¹ Kỹ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.134.

² Kỹ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.42 và 121.

³ Kỹ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.87.

⁴ Kỹ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên tr.42.

hùng dạt dào đức từ bi hỷ xả đã đậm nét trong tâm tôi và sống mãi trong lòng mọi người, trong Phong trào Giải phóng Phụ nữ, trong Lịch sử Đấu tranh Giải phóng Dân tộc, trong ký ức của Tăng ni Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nhân dân đất Việt và Hoà Bình Thế Giới.

Xin nguyện mãi mãi nỗ lực tinh tấn trong Đạo nghiệp, thực hiện tâm nguyện của Ni trưởng đã thể hiện trong lời phó chúc:

*“Ngày đã cận, cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa,
Định Huệ không thiếu, không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.*

CÔNG HẠNH VÀ ĐẠO NGHIỆP NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN

★ Ni trưởng Tô Liên

Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987) là vị giáo phẩm Ni thuộc thế hệ đầu tiên của Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam được Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang khai đạo và trở thành Trưởng tử Ni của Ngài.

Người sanh trưởng trong một gia đình Nho học uyên thâm, thâm nhuần đạo đức và tin Phật dạt dào. Thuở thiếu thời đã học xong chương trình trung học, giỏi chữ Hán, được bồi dưỡng kiến thức và ảnh hưởng gương sáng của gia đình, khiến nên người con gái trong lứa tuổi đôi mươi ở làng Phú Mỹ đã trở thành thông tuệ, kiến văn sâu rộng, quyết định đồng mãnh cát ái ly gia, sống cuộc đời trắng bạch như vỏ ốc, với hạnh nguyện làm chiếc thuyền từ chở chuyên phái nữ vượt bể khổ sông mê, rồi suốt cuộc đời gắn bó với Đạo, hoạt Phật, hoạt Pháp, hoạt Tăng, vân du hoá độ chúng sanh không mòn mỏi. Đồng thời với quê hương, góp phần kiên cường đấu tranh đòi quyền sống, đòi hoà bình, dân sinh dân chủ và đòi giải phóng đất nước thân yêu. Một nữ tu tay mềm chân yếu mà suốt cuộc đời kiên định lập trường nhập trần bất nhiễm, tuỳ duyên bất biến, bất biến vẫn tuỳ duyên theo định hướng:

“Nguyện xin hiến trọn đời mình,

Cho nguồn Đạo pháp, cho tình Quê hương”.

thì quả là một vị Bồ tát nghịch hạnh, một bậc chân tu khả kính, một vị lãnh đạo tài ba, một bậc Thầy ưu việt với công hạnh tuyệt vời, tinh thần bất khuất, trí đức viên dung.

1. Thuần thực trong nếp tu trong sáng và nền tảng giác ngộ đoàn kết lợi sanh

Bản tính vốn thông minh đỉnh ngộ, đức từ rộng bủa độ sanh linh, thương người như Phật thương mình, độ người như Phật độ sinh thuở nào, ánh sáng giác ngộ tu tập của Ni trưởng như hoà quyện cùng nguồn tâm, cùng đức hạnh, cùng hương thơ lan toả bốn phương trời, diệu dụng tuyệt vời chuyển xoay nghiệp khổ, cứu độ hàm linh.

“Giăng tay dắt con thuyền hoằng thế,

thả trên mặt bể, an trí kẻ trầm;

Trái lòng đan chiếc áo từ tâm,

choàng khắp cõi trần, ấm thân người thế”.

(Thơ NT. Huỳnh Liên - Đường Giải Thoát)

Suốt tám năm trường theo bước chân Tổ Sư du phương thuyết giáo, qua những bài chơn lý thật sống, bằng những thử thách gay go trên đường hành đạo, Ni trưởng vừa trui rèn chí khí, vừa giỏi trau phẩm hạnh hầu khai thị Pháp thân, nối truyền huệ mạng, tuyên lưu giáo pháp Phật Đà, Người đã trở thành Pháp khí chôn Tòng lâm. Với lòng từ vô hạn, bằng tâm hạnh người Mẹ, người Chị thân thương, Ni trưởng ân cần dạy dỗ Ni chúng về mọi mặt, nào kinh nghiệm tu tập, hành đạo, đối nhân xử thế, tích đức gieo duyên, kinh nghiệm xương minh diệu pháp cho đến mặt chữ nghĩa thi phú văn chương.

Thế cho nên bước chân Người đi đến đâu là đạo tràng Tịnh xá mọc lên đến đó giống như những búp sen thanh thoát vọt lên từ nước đọng bùn lầy. Đây là điểm thành công đặc biệt của Ni trưởng trong sự nghiệp hoằng pháp độ sanh.

Từ năm 1947-1987, bốn mươi năm hoằng dương Phật Đạo, thuyết Pháp độ sanh, bốn mươi năm giáo dưỡng chúng Ni, truyền trì mạng mạch, Người đã “lâng lâng tâm cảnh, khăng khăng chí nguyện”. Nhờ bi nguyện bao la, đức độ từ hoà, sức tinh tấn không mòn mỏi, chiếc “Thuyền Sen” của Ni trưởng đã vượt qua bao ghềnh thác, vượt sóng cả biển to về bến đỗ an toàn, thành đạt nhiều kỳ công kiên cường, dũng cảm.

Bốn mươi năm vinh nhục khen chê chẳng ngại, khó khăn gian khổ không màng, những chiếc áo vàng của Ni trưởng và Ni giới Hệ phái Khất sĩ đã uyển chuyển hiện hoà trong sương chiều nắng sớm, khi trung thổ, lúc sơn xuyên, xuôi ngược sông Tiền, sông Hậu, băng đèo vượt dốc, đến tận đồi núi Tây Nguyên, hội nhập vào lòng người, hiện diện khắp các tỉnh thành quận huyện, khắp Nam Trung và cao nguyên, duyên hải. Nhờ thuần thực trong nếp tu trong sáng, nhờ nền tảng giác ngộ đoàn kết lợi sanh, nên ánh sáng công hạnh trí huệ của Ni trưởng gieo trồng đến đâu là hoa Giác quả Thiên xinh tươi đơm cành đến đó. Hội chúng xuất gia Ni giới càng lúc càng đông, lên đến cả ngàn; thiện nam tín nữ lớp lớp hàng hàng nương ánh từ quang tinh cần tu tiến. Ni trưởng viên tịch năm 1987, từ Cam Lộ đến Cà Mau đã có 144 ngôi Tịnh xá đạo tràng trên 144 thửa đất vàng kang trang thanh lịch vốn là cơ sở chi nhánh của Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương, Trung ương Ni giới Hệ phái. Đây chính là sự nghiệp hoằng dương Chánh Pháp của Ni trưởng, cũng chính là hiệu đạo Ni trưởng báo đền Phật Tổ thâm ân.

2. Đào tạo nhân tài kế vãng khai lai

Suốt cuộc đời vì Đạo, vì nhân sanh, sống thanh bần giản dị, ăn mặc ở bệnh đơn sơ, thế mà oằn vai nặng gánh:

*“Vai chạy gạo, y xiêm nuôi chúng,
Vai nặng oằn đôi gióng nước non,*

*Vai hoằng dương diệu pháp môn,
Đôi vai trĩu trĩu, lòng son chẳng đời”.*

Từng sát na sống của Người đạt dào ý nghĩa, từng sát na vận chuyên trí tâm, uơm mầm giác ngộ cho Chư Ni trẻ, hoạch định chương trình đào tạo nhân tài kế vãng khai lai cho Hệ phái. Người mạnh dạn chủ trương không chấp nê thủ cựu, dám thay đổi hướng tu, cho Ni Chúng đi học và sản xuất để có đời sống kinh tế tự túc, không phải lệ thuộc vào sự cúng dường của đàn na. Chính nhờ khởi xướng táo bạo đó mà ngày nay Ni giới Hệ phái Khất sĩ mới có nhiều người tốt nghiệp Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ Phật học. Thật đáng trân trọng!

Ni trưởng cho Ni chúng đi học thêm văn hoá, sinh ngữ, cổ ngữ Hán và Pàli, một số học tinh chuyên văn phạm và dịch thuật Pàli. Người khích lệ bằng câu: “Học Pàli để đền ơn Thầy Tổ, học Pàli để rạng rỡ tông môn, học Pàli để chánh pháp lưu tồn, học Pàli để tiếp cận Kim ngôn Đức Phật”.

Lại khuyến khích, sách tấn chư Ni học siêng, tu giỏi, vừa học rộng Phật Pháp, vừa được hấp thụ thêm những tinh hoa mới của thời đại, vừa được thấm nhuần trong biển pháp của Như Lai. Lúc đó, có nhiều người được Ni trưởng giúp cho du học ở nước ngoài.

Người khẳng quyết hùng hồn:

*“Tu có học mới rạng ngời Chánh pháp,
Học có tu mới lợi Đạo ích Đời”.*

Người còn chủ động ủng hộ thường xuyên cho việc thành lập Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam - Cơ sở II tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

3. Thi phú văn chương và công trình phiên dịch

Vốn là một thiên tài về văn chương thi phú, nên đạo nghiệp Pháp bảo thơ văn của Ni trưởng cũng vô cùng đa dạng. Ni trưởng đã nổi bật với hạnh nguyện hoằng dương Chánh pháp qua chủ trương Việt hoá. Người đã biên soạn, phiên dịch và diễn thơ các Kinh tạng chữ Hán và Pàli ra chữ Quốc ngữ để Ni chúng và Phật tử dễ học, dễ lãnh hội ý nghĩa súc tích, dễ nhớ, dễ đọc tụng và phổ biến rộng sâu.

Hiện hai bộ Kinh Tam Bảo và Tinh Hoa Bí Yếu đã được in thành tập, phổ biến, tái bản nhiều lần và được đọc tụng hằng ngày trong các thời khóa của Hệ phái. Hai tập thơ của Ni trưởng đã được xuất bản, tập Đóa Sen Thiêng ra đời năm 2012 đã được Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam xác lập “Tập thơ chuyên Đạo vào Đời được viết theo nhiều thể loại thơ nhất”.

Ni trưởng có để lại đời 2000 bài thơ nội dung súc tích và hằng ngàn bản văn xuôi. Người làm thơ là để giáo hoá môn sinh, đem Đạo vào Đời, giúp Đời thấm Đạo, làm thơ để gợi cảm bồn hoài, gọi hồn dân tộc, thúc giục đấu

tranh cho hoà bình, cho lẽ thiện, cho quyền bình đẳng nhân sinh, đặc biệt là bình đẳng nam nữ. Người làm thơ vì vốn rất yêu thơ, rất nhạy cảm, biệt tài xuất khẩu thành thơ, sáng tác nhanh, hay, nội dung Phật chất dạt dào Pháp vị!

Công hạnh, gương sáng phụng Đạo giúp Đời, chí khí hào hùng bất khuất của Người đã được Hoà thượng Thích Từ Thông - Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cảm khái qua câu đối:

*“Chí bất khuất vì Hạnh Phúc Tự Do,
chiếc áo Khất sĩ làm vẻ vang trong Ni giới;
Nguyện kiên cường cho Hòa Bình Độc Lập,
tâm thân nữ lưu nêu gương sáng chốn Tông lâm”.*

Ôi! Ni trưởng Huỳnh Liên! Một nhà thơ có tâm hồn cao đẹp, tình yêu nước dạt dào, tình yêu đạo mênh mang! Suối thơ Người như dâng, dâng mãi...

Chính vì vậy mà nhà thơ Trụ Vũ đã cung kính tặng Người hai câu đối lúc Người thanh thoi về xứ Phật:

*“Khất sĩ chơn truyền,
lấy nghĩa non sông làm nghĩa đạo;
Huỳnh Liên viên mãn,
cùng hương trời đất toả hương thơ”.*

Thật vậy, vốn là người nhìn xa trông rộng, Ni trưởng luôn ý thức, phổ biến, truyền đạt kiến văn của mình đến mọi người như Chư vị Tổ Sư tiền bối. Người luôn thể hiện hạnh bi từ, lòng nhân hậu, tình đoàn kết thương yêu vạn loại, không từ bỏ một ai.

Người mở lớp dạy thiền cho Ni chúng, dạy Giáo lý cho Chư Ni đang học tại Ngọc Phương và Cần Thơ, đích thân dạy thi phú văn chương cho chư ni trẻ hữu duyên được vun bón những cành hoa tư tưởng, thông đạt giáo lý cao thâm để theo kịp trào lưu, tuyên dương chánh pháp. Người những mong trong Ni giới Hệ phái sẽ hiện diện những vị kỳ tài, pháp sư thiết học, vừa hiền thực khiêm cung, vừa đạo hạnh trang nghiêm, viên minh tuệ giác, chứng ngộ cứu cánh Niết Bàn.

Thuở sanh thời, Người thường nhắc lấy sự tu chứng làm chính, chứ không phải tu suông. Hãy quán niệm bốn ơn và lập công bồi đức, sống có đạo hạnh và trí tuệ để hoằng dương chánh pháp và giáo hóa chúng sanh, đừng hưởng lạc cầu an. Trí tuệ người như thần thông, thấy rõ giả chân của cuộc sống... Người thường rạng ngời ánh mắt, bộc lộ niềm vui với câu nói ươm đầy kỳ vọng: *“Các cô ơi, tôi sung sướng lắm! Tương lai tôi sẽ có một trăm cô đại học, hiện giờ tôi đang chuẩn bị lo cho các cô đây”.*

Phải chi Ni trưởng chưa về hầu Phật thì Ni trưởng sẽ sung sướng mỉm cười, rạng ngời ánh mắt vì thấy hoài bão thưở nào của mình nay đã trở thành hiện thực:

Ni chúng ngoan, giỏi, thành đạt trong công hạnh hoằng dương, xương minh diệu pháp trong học tập, tu hành, đào tạo Ni tài, triển khai tuệ giác, cứu khổ độ sanh và đồng mãnh kiến lập đạo tràng, không những ở Việt Nam mà còn trải rộng khắp nơi trên thế giới.

Đây là những thành quả của Ni giới chúng con, xin được cung kính kết thành đài mây tâm hiếu hạnh diệu vời làm LỄ PHẬT CUNG DÂNG nhân ngày kỷ niệm lần thứ 30 của Người. Ngưỡng mong Người thùy từ tác đại chứng minh!

*Bao nhiêu thành quả, bấy nhiêu hương,
Tâm giới đài mây nguyện cúng dường.
Minh chứng, Người ban ân thắng phước,
Thuyền từ vãng lái độ trần dương.*

Giờ thì Ni trưởng đã dứt khoát với cuộc thế vô thường, nhẹ bước nhàn du, cao đăng Phật quốc. Trải 30 mùa lá rụng, hoa vẫn rơi trên chùa xưa tháp cũ, cảnh vật đâu có đổi thay, nhưng tâm tư, nguyện vọng, tình cảm và những di ngôn, dấu ấn khó phai nhòa của Người vẫn còn đậm nét trong tâm thức chúng con. Công hạnh và đạo nghiệp viên dung của Người luôn sáng chói trong lòng Đạo pháp và Dân tộc, Người được Đảng và nhà nước Việt Nam tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy hiệu và Bằng khen ca ngợi sự đóng góp vô giá của Người cho Đất nước và Dân tộc thân yêu, cho Hòa bình thế giới.

Chúng con nguyện mãi mãi nỗ lực tinh tấn trong Đạo nghiệp, thực hiện Di huấn mà Ni trưởng đã ân cần nhắc nhở:

*“Ngày đã cận, cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng, đúng vừa khả năng”.*

Xin trân trọng những bước đi trầm hùng của Người, nguyện sống tốt Đồi đẹp Đạo đáp nghĩa Ân Sư!

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28.03.2017

TINH THẦN BỒ TÁT ĐẠO TRONG THƠ CỔ NI TRƯỞNG

★ Ni trưởng Sâm Liên – Trụ trì TX. Ngọc Vinh, Trà Vinh

Cổ Ni trưởng đệ nhất là một bậc thầy mô phạm vĩ đại, một đấng thượng sĩ giữa cõi trần. Cuộc đời của Ngài là những tháng ngày phụng sự đạo pháp và công hiến cho quê hương dân tộc. Ngài ra đi để lại một kho tàng thơ. Ý thơ của Ngài bao hàm hết cả nhân sinh vũ trụ, mỗi câu mỗi chữ mỗi từ đều mang triết lý sâu sắc chỉ cho con người nghệ thuật sống, nhân cách sống và đạo đức sống. Người đọc dù đứng ở góc độ nào suy nghiệm, lời thơ ấy vẫn toát lên một triết lý diệu tường. Gần 60 năm xuất gia, con trò luôn lấy những bài thơ của Ngài làm kệ tụng mỗi ngày để tu tập, tự nhắc mình cũng như dạy chúng và hành đạo.

Hôm nay, nhân tưởng niệm 30 năm ngày cố Ni trưởng viên tịch, con trò xin được trích dẫn những câu thơ mang “tinh thần Bồ tát đạo” trong tập “Đóa Sen Thiên” của cố Ni trưởng kết lại thành bài cảm tưởng hầu ôn lại công trình nhập thế độ sanh của Ni trưởng trong những năm hoằng đạo. Đây cũng là tấm lòng của người đệ tử kính dâng lên Giác linh Ni trưởng - Bậc thầy quý kính của Giáo hội Khất sĩ Liên Hoa.

Trong thơ của cố Ni trưởng, chúng ta thấy câu nào cũng mang một dư vị, dư âm về một ý nguyện:

*“Đoạn dứt trần duyên dứt tội tình,
Mượn thân hành đạo cứu nhân sinh.
Suốt đời tận tụy thi ân đức,
Giác ngộ thế gian, giác ngộ mình”.*

(Tự Thuật)

Bằng lời tự thuật, Ni trưởng đã cho chúng ta biết lý do và mục đích Ngài đến cõi đời này là để “tận tụy thi ân đức”, là để “giác ngộ thế gian, giác ngộ mình”. Tại sao lại không theo trình tự hành trình “giác ngộ mình” trước rồi mới “giác ngộ thế gian” nhỉ? Điều này cho thấy Ni trưởng đã hé lộ cho chúng ta biết, Ngài đã là một vị Bồ tát, vì sứ mệnh thiêng liêng mà mượn tạm thân Ni lữ để thực hành hạnh nguyện làm viên tròn quả đạo của mình. Cho nên đối với Ni trưởng:

*“Vẫn vào đời nhưng chẳng bị đời câu,
Đâu cũng pháp và đâu đâu cũng pháp”.*

(Lối Đi)

Đọc thơ Ngài, con trò tâm đắc nhất là hai câu này, nhưng trước đây chỉ nghĩ đơn thuần là Ngài nhập thế độ sanh theo như tinh thần thiền của Ngài Khương Tăng Hội hay Tuệ Trung Thượng Sĩ hay Phật Hoàng Trần Nhân Tông... Nhưng giờ đã vỡ lẽ, thì ra Ni trưởng không phải là một chúng sanh bình thường mà từ nhiều kiếp sanh thân Ni trưởng đã là Bạc Bò tát rồi, kiếp này Ngài được chư Phật bổ xứ xuống trần hóa độ chúng sanh. Vì chỉ có Bạc Bò tát mới thoát ra sự phân biệt nhị biên, tâm như như tự tại, thấy đâu đâu cũng là pháp để mình tu, đâu đâu cũng là nhà của mình, ai ai cũng là cha mẹ, anh em, thân thuộc... nghịch cảnh cũng như thuận duyên đều là pháp tu tối thượng để luyện tâm, để thực hành hạnh nguyện, không có việc chi bị câu chấp nên vẫn vào đời nhưng không bị đời làm ô nhiễm, không bị vướng vấp bởi đời, không bị đời làm cho khổ đau phiền lụy. Chính vì vậy, hơn 40 năm hoằng pháp độ sanh, không một ngày nào Ni trưởng không “hòa mình vào đời” để:

*“Giăng tay dắt con thuyền hoằng thế,
Thả trên mặt bể - an trí kẻ trầm.
Trái lòng đan chiếc áo từ tâm,
Choàng khắp cõi trần - ấm thân người thế”.*

(Đường Giải Thoát)

Giang rộng vòng tay, Ni trưởng đón nhận những đứa con đang lang thang bất hạnh vào lòng để an ủi, chở che. Ngài chèo lái con thuyền bát nhã từ mọi ngõ ngách rạch sông ra đến biển rộng để cứu vớt những tâm hồn trầm luân lầm lạc. Lời thơ mộc mạc mà cao thượng, không rộn ràng mà nhẹ nhàng như tình của mẹ. Tình yêu con của mẹ không bao giờ là giới hạn, cũng như tâm từ của Ni trưởng dành cho chúng sanh quả là vô biên “choàng khắp cõi trần” chỉ với mong muốn duy nhất là chúng sanh được “ấm thân” mà vui sống.

Tùy theo mỗi nơi, tùy theo hoàn cảnh chúng sanh mà Ni trưởng tùy cơ tiếp độ. Người đói khổ tâm linh - Ngài cho uống sữa pháp, ăn cơm thiền; Người đói khổ vật chất - Ngài cho cơm cho áo; Người mò côi mất cha mất mẹ - Ngài đem về nuôi nấng cưu mang... Nụ cười của chúng sanh chính là niềm hạnh phúc của Ngài. Sẽ dễ dàng cảm nhận được niềm hạnh phúc ấy khi viết về những đứa trẻ mồ côi:

*“Như trái bầu trái mướp,
Con vừa lớn vừa ngoan.
Con vừa vui vừa đẹp,
Con hơn ngọc hơn vàng”.*

(Đề Nhớ Huệ Phục)

Và nỗi đau xót, lo lắng cho đứa con thơ mồ côi bé bỏng lia trần một mình ra đi mãi mãi:

*“Con ơi con bé bỏng,
Có ai ẵm bồng chẵng?
Con ơi con lạc lõng,
Có ai hiếp đáp chẵng?”*

(Đề Nhớ Huệ Phục)

Lời hỏi han thương cảm khiến người đọc không khỏi không chạnh lòng. Chẳng những đối với con người mà đối với con vật Ni trường cũng dành cho chúng tình thương, sự chở che rất cảm động:

*“Thú kia nó cũng là thân,
Cũng xương cũng thịt có phần như ta.
Đánh đau chúng nó kêu ca,
Tiếng rên đứt ruột tiếng la xé lòng”.*

Cho nên Ngài dạy:

*“Nếu ta biết lẽ công bằng,
Biết cân tội phước biết căn luân hồi.
Chớ nên giết nó đành rồi,
Cũng đừng hành hạ tỏ lời dễ khinh”.* *(Giới Sát)*

Nghệ thuật so sánh tài tình, Ni trường đã nhẹ nhàng đập tan quan niệm “vật dưỡng nhân” nâng tầm nhận thức con người lên một nguyên lý sống mới công bằng hơn, nhân quả hơn.

Đặt chân đến vùng đất nào, Ni trường cũng đem làn gió thanh lương làm mát dịu tâm tánh, voi bót não phiền con người nơi xứ ấy bằng những lời khuyên rất thực tế:

*“Phật xưa có dạy mấy lời,
Thừa rùng công đức một đời trồng gieo.
Lửa sân nổi dậy đốt thiêu,
Như chim mất cánh như diều đứt dây.
Hỡi ai nghe mấy lời này,
Có nên tiếc đám rùng cây chẵng là.
Có nên dẹp lửa cho xa,
Có nên nhẫn nhục cho qua tháng ngày.
Có nên lấp mắt ngơ tai,
Có nên niệm Phật hoài hoài hay chẵng”.* *(Nhẫn)*

Dùng hình ảnh “ngọn lửa” thiêu đốt “rừng cây” ẩn dụ cho tâm sân hận đốt cháy hết cả rừng công đức, điệp từ “có nên” lặp đi lặp lại như hồi trống pháp đánh động vào tâm thức người đọc khiến cho người đọc phải giật mình suy nghĩ lại: Có nên sân hay không? Có nên nhẫn nhục hay không? Có nên giả mù giả điếc? Có nên niệm Phật hoài hoài cho thân tâm an lạc hay không?

Và muốn cho mọi sự yên vui thì điều cần thiết phải làm đó là:

*“Việc nhỏ nhen thắc mắc bỏ qua,
Chỗ tranh cãi rầy rà nên tránh”.*

(Khuyến Nhẫn)

Đề lời nói mình nói ra không làm người khác buồn lòng, không làm tình thân phân cách. Ni trưởng dạy:

*“Mở lời trước cạn xét suy,
Rằng ta cất tiếng ích chi chẳng là.
Bằng như lời ấy thốt ra,
Làm buồn kẻ khác thì ta xin đừng”.*

(Bốn Nghiệp Miệng)

Đối với Ni chúng, Ni trưởng luôn quan tâm nhắc nhở từng ly từng tý, từ cử chỉ oai nghi cho đến việc trau tâm sửa tánh, Ni trưởng ân cần chỉ cho Ni chúng thấy:

*“Lìa cách song thân thật dễ dàng,
Lìa xa ái dục khó trăm ngàn.
Ai ơi! Cố gắng trừ mê vọng,
Chẳng kéo công phu luống lỗ làng”.*

(Tu Sửa)

Quả đúng như vậy, bỏ cha bỏ mẹ, cạo bỏ mái tóc xanh, lìa xa gia đình thì dễ, lìa bỏ sự ham muốn lục trần mới là khó. Cho nên, Ni trưởng tha thiết kêu gọi “Ai ơi! Cố gắng trừ mê vọng”, phải cố gắng tinh tấn gột rửa cho sạch si mê, dùng thiền định dẹp trừ tâm đảo điên vọng động mới mong giải thoát không uổng phí kiếp tu hành.

Khuyến người rồi Ni trưởng tự nhắc mình. Trong bài “Tâm”, Ni trưởng viết:

*“Tâm ơi, đừng có ưu phiền,
Mặc thương, mặc ghét, mặc tình, mặc sang.
Thân vô thường, vật vô thường,
Lòng người sao khỏi chán chường bạc với”.*

Cứ mặc cho đời thỏa sức thương ghét hơn thua, thay lòng đổi dạ, bởi đã gọi nơi đây là thế gian thì không sao tránh khỏi sự dối gian nhân thế. Nhưng đó là việc của đời, còn ta, ta cứ mặc kệ bỏ ngoài tai, không việc chi phải bận tâm cho nhọc. Đọc “Vui Mà Sống” chúng ta sẽ thấy được sự lạc quan của Ni trưởng:

*“Vui mà sống dù đời đầy đau khổ,
Buồn làm chi bạn hơi thở than chi.
Và phiền lo nghĩ ngợi có ích gì,
Hãy can đảm sống những ngày hiện tại”.*

(Vui Mà Sống)

Hay:

*“Sung sướng lúc vượt lên, vẻ vang khi hành động.
Nếu hôm nay sống vui, thấy hôm qua đẹp mộng”.*

(Chào Bình Minh)

Là người con Khất sĩ, Ni trưởng thực hành truyền thống “tứ y pháp” của Tổ thầy một cách nghiêm túc trọn vẹn:

*“Chẳng cửa không nhà thân Khất sĩ,
Đói ăn mệt nghỉ chốn mô hoang.
Áo Ca Sa vải vụn kể trăm ngàn,
Một túi vải để mang mình bát đất”.*

(Nghỉ Chân Bên Nghĩa Địa)

Một bát ba y, không nhà không cửa, đói ăn mệt nghỉ gốc cây... cuộc sống tưởng chừng như cơ cực tột cùng, ấy vậy mà với Ni trưởng thì đây chính là xứ “cực lạc”, là cảnh “thiên đường”. Bởi lẽ:

*Thân là tạm, cõi đời là tạm, cánh bèo trôi bể thảm lênh đênh.
Tâm hằng bền, lẽ đạo hằng bền, gót trí dạo rùng thiên thanh thân.*

(Đường Giải Thoát)

Với huệ nhãn của bậc “Bồ tát”, Ni trưởng coi tất cả đều là giả tạm, chỉ có tâm và đạo mới là lẽ hằng bền. Chính vì vậy, thơ của Ngài luôn đả phá cái “Ngã”, dẹp bỏ quan niệm sai lầm về cái “Ta”, cái “Của Ta” cổ hủ:

*“Tâm huyễn thân rồi nữa có ra gì,
Một vật giả chứa đầy muôn thứ giả.
Con xây đắp một lâu đài huyễn ngã,
Nền lung lay mà tầng đã nhiều tầng.
Phước càng dày nhưng thiếu đức đỡ nâng,*

Họa càng nặng trăm thân khôn chống chỏi”.

(Lời Đi)

Đọc thơ Ni trưởng, càng đọc thấy càng hay, càng suy ngẫm người đọc càng cảm kích hạnh “khiêm cung” và “lợi tha” của Ngài. Thay vì, để cho chúng đệ tử được chăm sóc khi thân tứ đại Ngài mòn mỏi thì Ngài nhắn nhủ:

*“Thương thầy bận rộn làm chi,
Thương thầy phát nguyện phụng trì Như Lai”.*

(Lời Dạy Cuối Cùng)

Đây là lời tâm sự, lời khuyên tha thiết chân tình chứa đựng cả vũ trụ từ bi. Ý thơ tinh tế, Ni trưởng từ tốn nhắc chúng ta: “Hãy là người thừa tự pháp” vì chỉ có Pháp của Như Lai mới đem đến sự an vui cho mình, cho người, cho trời. Bằng phong cách nghệ thuật độc đáo, Ni trưởng từng bước dẫn người đọc đi vào con đường thực hành “pháp tu” rất nhẹ nhàng thoải mái, không khuôn khổ buộc ràng mà chuyển hóa tâm linh đáng nể.

Vào những ngày cuối đời, khi Ni chúng thỉnh Ngài chọn người tiếp kế Ngài chăm lo Giáo hội sau này, Ni trưởng không chỉ định ai mà Ngài nói lên bài kệ:

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.*

(Lời Dạy Cuối Cùng)

Vòn vẹn chỉ 4 câu, Ni trưởng đã vẽ lên một bản đồ ghi chép đầy đủ lộ trình tu tập từ “Người lên đến Phật” để lại cho Ni chúng. Lộ trình ấy theo trình tự “Giới - Định - Tuệ”, là con đường “tự độ - độ tha”. Đó là con đường chư Phật đã đi qua, đức Tổ sư đã đi qua và nay chúng ta đang đi, rồi đến lớp hậu học sẽ đi. Chỉ có con đường ấy là con đường duy nhất đưa chúng ta đến bỉ ngạn đạo tràng.

Tóm lại, cuộc đời của Ni trưởng là chuỗi ngày phụng sự cho Đạo pháp và quê hương dân tộc, đúng như tâm nguyện của Ngài:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp, cho tình quê hương”.*

Con đường Ngài đi là con đường đem an vui hạnh phúc đến cho mọi loài, hành trang Ngài mang đến cho đời là “lòng từ vô ngã vị tha”. Hơn 800 bài thơ là hơn 800 bài pháp vô cùng quý giá mà Ni trưởng ban tặng cho đời. Bằng bút pháp trữ tình, Ni trưởng dùng thuyền Thơ chuyên chở Ý Đạo đến

khắp mọi nơi, đến với mọi người. Tuy ngày nay Ngài không còn nữa nhưng hình ảnh, những công hạnh của Ngài vẫn mãi hiện rõ trong từng câu chữ của văn thơ Ngài và hình ảnh ấy, công hạnh ấy chính là tấm gương sáng cho hàng hậu học nương theo. Với công hạnh ấy, Giáo sư Hoàng Như Mai đã ca ngợi: *“Ni trưởng Huỳnh Liên xứng đáng là bông sen vàng trước điện Phật. Ni trưởng đã viên tịch nhưng tư tưởng, tình cảm, hành động, tất cả con người của Ni trưởng vẫn còn lại trong những vần thơ cao đẹp”*.

(Cảm tưởng của Giáo sư Hoàng Như Mai khi đọc thơ NT. Huỳnh Liên)

Con trò tin rằng Ni trưởng sẽ trở lại với chúng ta, sẽ dẫn dắt chúng ta tiến đến con đường cứu cánh Niết Bàn - con đường mà Ngài đã đi qua.

NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN CÔNG DÂN XUẤT SẮC CỦA THẾ GIỚI CỰC LẠC

★ Ni trưởng Khiêm Liên – Trụ trì Tịnh xá Nhật Huy, Long Khánh

Là một người vô cùng ngưỡng mộ và khâm phục tài thơ của Ni trưởng, tôi đã đọc và thuộc khá nhiều thơ của Người - Nhưng trên 50 năm (1960 - 2014) làm đệ tử Ni trưởng, lấy thơ Ni trưởng làm kệ tụng hàng ngày để tu tập, tôi vẫn chưa ý thức được hết chiều sâu đạo lý cũng như vẻ đẹp văn chương của thơ Người. Điều này, có lẽ do trình độ của tôi chưa đủ để nhận thức đúng mức về giá trị nội dung và hình thức nghệ thuật của thơ văn. Con xin thành tâm sám hối trước giác linh Thầy.

Gần đây, có duyên sự tôi đã đề ra nhiều thì giờ, rà soát hết lại những bài thơ của Ni trưởng trong quyển “Đóa Sen Thiêng”. Khi đọc đến bài “Lỗi Bước” gặp câu “Đâu cũng pháp và đâu đâu cũng pháp”, đầu óc tôi liền liên tưởng đến kinh A Di Đà”.

Kinh miêu tả thế giới Cực lạc, cái gì cũng là pháp lý cả: tiếng chim kêu, làn gió thổi, cánh sen nở, tiếng lưới khua, hàng cây, ao nước... nhất nhất đều tuyên dương giáo lý nhiệm màu của Phật: ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát chánh đạo... nhằm mục đích nhắc nhở dân chúng Cực lạc không quên chánh niệm, chuyên nhất niệm danh hiệu “Nam mô A Di Đà Phật”.

Là một nữ Khất sĩ chân chính - Trưởng tử nữ của Tổ sư Minh Đăng Quang, người khai sáng ra giáo phái Khất sĩ và giáo phái Khất sĩ lấy Tứ y pháp làm cương lĩnh cho sự tu tập. Vậy mà nhân sinh quan của Ni trưởng không khác nhân sinh quan của Đức Phật A Di Đà (Đâu cũng pháp và đâu đâu cũng pháp).

Phải có một nền tảng TÂM toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ mới thiết lập được một quốc độ “Thượng Thiện” như quốc độ Cực lạc (không có ba đường ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Chim chóc ở Cực lạc không phải do nghiệp báo, mà do phương tiện thiện xảo của Phật A Di Đà biến hiện ra để “thuyết pháp” vậy thôi. Ni trưởng dùng một câu thơ 8 chữ để chuyển tải một triết lý cao siêu - Tánh không - của nhà Phật. Kinh Pháp Bảo Đàn cũng nói: “Phật Pháp bất ly thế gian pháp”.

Trên bước đường hoằng hóa, suốt 40 năm trải gót khắp hai miền Nam Trung nước Việt, đến đâu, Ni trưởng cũng lưu lại cho đời những trang thơ đậm đà bản sắc dân tộc, thâm thúy đạo lý từ bi, chẳng hạn như bài “Giới Sát”:

*“Thú kia nó cũng là thân,
Cũng xương, cũng thịt có phần như ta.
Đánh đau chúng nó kêu ca,
Tiếng rên đứt ruột, tiếng la xé lòng”.*

Bài “Thân”, Ni trưởng viết :

*“Dem thân làm kẻ tội đày,
Cho bao vật chất nó cai trị mình.
Để tâm làm vật hy sinh,
Suốt đời theo lệnh dục tình dắt lôi.
Cái tham bao thuở cho rồi ?” ...*

Bài “Sám Hối Tam Nghiệp”, Ni trưởng viết :

*“Thân con lỡ tạo vay nghiệp ác,
Muôn vạn loài oan thác vì con.
Ví như cây ướp hăng còn,
Từ xưa chất để nên hòn núi cao” ...
“Xét ra thì thịt xương này,
Lại là xương thịt muôn thân tạo thành...”*

Những cảnh đó thật bình thường, thật quen thuộc hàng ngày ai cũng thấy, nhưng qua cái nhìn của Ni trưởng, nó trở nên mới mẻ, thống thiết, đầy xúc động, làm cho hiện thực trở nên hiện thực hơn, cụ thể hơn, tác động vào tâm tư người đọc hơn. Người đọc nghe chấn động, giật mình, phải suy gẫm lại, phải đặt lại vấn đề... Giáo sư Hoàng Như Mai cho rằng đó là do “Tình cảm chân thật” của Ni trưởng mà ra. Và Giáo sư gọi tình cảm ấy là Phật tính.

Vãng sanh về Tây phương Cực Lạc, Phật tính ấy sẽ được hiển lộ tuần tự, thứ lớp theo 9 phẩm hoa sen, từ Hạ phẩm hạ sanh, cho đến Thượng phẩm thượng sanh là Phật tánh viên mãn.

Có lẽ từ vô lượng kiếp sanh thân, Ni trưởng đã từng là tín đồ thuần thành của Đức Phật A Di Đà, và Phật tánh ấy đã hiển lộ đến thượng phẩm với bốn nguyện “*Hội nhập Ta bà, tế độ chúng sanh*”, Ni trưởng đã được Phật A Di Đà thọ ký và bổ nhiệm xuống Ta bà làm Phật sự, Ni trưởng đã đến Ta bà với đầy đủ năng lượng Cực lạc, nên “*nhân sinh quan*” của Ni trưởng rất lạc quan, rất tích cực.

Đọc “*Vui Mà Sống*” và “*Chào Bình Minh*” của Ni trưởng, ta có thể nói rằng: Thế giới của Ni trưởng là “bản sao” của thế giới Cực lạc.

*“Sung sướng lúc vượt lên,
Vẻ vang khi hành động....*

*Nếu hôm nay sống vui,
Thấy hôm qua đẹp mộng”.*

(Chào Bình Minh)

*“Vui mà sống dù đời đầy đau khổ,
Buồn làm chi bạn hời thở than chi.
Và sầu lo nghĩ lại có ích gì,
Hãy can đảm sống những ngày hiện tại”.*

*.... “Khen người đi bạn có sức nhiệm màu,
Tạo cho bạn một nguồn vui thanh tú.
... Vươn mình lên với cánh lông đầy đủ,
Chim đại bàng vỗ cánh tung trời xanh...”*

(Vui Mà Sống)

Lãnh trách nhiệm “sứ giả Như Lai”, đến địa phương nào, Ni trưởng cũng tiếp nhận được những tinh hoa, những đặc sản của địa phương đó. Với cặp mắt Cực lạc, nhìn vào đâu, dù đối tượng đó là người hay thiên nhiên, Ni trưởng cũng lượm lặt được những cảm tú đáng trân quý.

Đôi lại, Ni trưởng cũng hoan hỷ ban tặng lại những món quà pháp lý giá trị, có chức năng soi sáng, vạch đường, phá tan những quan niệm sai lầm truyền thống về cái TÔI, mở ra một khung trời tự do, giải thoát ngoài sự khống chế, điều hành của NGÃ ÁI.

*“Tám huyễn thân rồi nữa có ra gì,
Một vật giả chứa đầy muôn thứ giả.
Con xây cát một lâu đài huyễn ngã,
Nền lung lay mà từng đã nhiều từng.
Phước càng dồn nhưng thiếu đức đỡ nâng,
Hoạ càng nặng trăm thân khôn chống chọi”.*

(Lối Đi - Ni trưởng Huỳnh Liên)

Lần đầu tiên được gặp Tổ sư Minh Đăng Quang, Ni trưởng vô cùng ngưỡng mộ:

*“Thầy nghiêm nghị, đôi mắt thân trông xuống.
Giảng Đạo màu, như phún nước cành dương.
Tuổi hoa niên, mà hùng lực phi thường,
Tướng rõ rõ, như Pháp Vương hiện thế”.*

(Hoài Niệm - Thơ Ni trưởng Huỳnh Liên)

Khi đã chính thức trở thành một nữ Khất sĩ, Ni trưởng nhận định về công hạnh của Tô:

*“Nói truyền chánh pháp Thích Ca,
Hăm lăm thế kỷ nay đà mờ phai.
Người tu hiện tại mấy ai,
Hành theo đúng pháp Như lai giáo truyền”.*

(Công Đức Sư Trưởng)

Với pháp lữ, Ni trưởng nhìn bằng cặp mắt cảm thông, trân trọng:

*“Nguyện độ nhân sanh hết khổ nàn,
Mình mang ách khổ nạn miên man.
Thương đời chia sẻ nhiều cay đắng,
Đồn nghiệp cho mau đến Niết Bàn”.*

(Tiếng Gọi Thiêng Liêng)

Ni trưởng nhìn hàng môn sinh thật ưu ái, nâng đỡ tận tình:

*“Kể từ buổi theo Thầy tâm chơn lý,
Tỏ ra người hữu chí lắm công phu.
Thầy quý con như quý ngọc minh châu,
Trau dồi kỹ được lâu lâu toàn bích”.*

(Lối Đi - Ni trưởng Huỳnh Liên)

Bằng bút pháp trữ tình, hào hiệp, Ni trưởng phản ánh hiện thực những đóng góp sáng giá của chúng ni, khiến cho người được thọ lãnh cảm nhận được một tình bạn tri âm, một bậc Thầy đức độ.

*“Một vườn hoa trở bầy nhiều hoa,
Mỗi vị Tỳ khưu tự xức nhà.
Bổ xức du phương cùng khắp xứ,
Kỳ công sáng giá mấy kỳ hoa”.*

*“Có những nàng tiên đức dịu dàng,
Vai trò thư ký cực quanh năm.
Chương trình hoạt động văn thơ trữ,
Số sách chi thu sóng gió ngậm”.*

*“Có những nàng tiên trí huệ cao,
Văn chương nhuần nhã kệ kinh lâu.
Dạy truyền giáo lý, đèn khêu sáng,*

Hương dẫn tương lai, ngọc ửng màu”.

(Ngọc Sơn Hùng Vĩ)

Nhìn về giới cư sĩ tại gia:

*“Ở trần không luyến trần lao lụy,
Huệ tánh năng trau đạo bảo tồn”.*

*“Ngôn ngữ trang nghiêm trang lễ độ,
Uy nghi tề chỉnh hạnh khiêm nhường”.*

*“Trí lực kiên tâm phò giáo pháp,
Công dày đức trọng đáng nêu gương”.*

(Tặng Bà Như Ngọc)

Nhìn về giới thầy thuốc :

*“Cây kim Biển Thước tài siêu đẳng,
Lưỡi kéo Hoa Đà nghệ thuật luân.
Phục dược lành thay, tay phục đức,
Tận tâm, tận lực cứu nhơn quần”.*

Nhìn vào đám trẻ mồ côi, Ni trưởng lại nhìn bằng “Trái tim chia máu” của người mẹ hiền, tuy lý tưởng mà không xa thực tế.

Và chỉ vài nét chấm phá, Ni trưởng vẽ lại đầy đủ bức tranh sinh hoạt của Huệ Phục:

*“Như trái bầu, trái mướp,
Con vừa lớn vừa ngoan.
Con vừa vui, vừa đẹp,
Con hơn ngọc hơn vàng”.*
*“Con nước da ngăm hơi,
Mũi cao thêm rộng trán.
Miệng nở tựa hoa cười,
Mắt nhìn như sao rạng.
Con lại khéo làm duyên,
Đầu niễng nhìn nghiêng nghiêng.
Ai hỏi chi cũng gật,
Gật rồi cười huyền thuyên !
Con bò lét bò la,
Con bò quanh khắp nhà.*

*Đụng chi con cũng phá,
Gặp Thầy con bỏ qua”.
... “Thầy kỳ vọng nơi con,
Sau học thành bác sĩ.
Phục vụ khắp thế nhơn,
Đền công ơn tín thí”...*

(Đề Nhớ Huệ Phục - Ni trưởng Huỳnh Liên)

Nhìn về phía chị em phụ nữ, trong phong trào tranh đấu cho hòa bình, Ni trưởng đánh giá và ca ngợi:

*“Phụ nữ Việt dịu dàng, nhưng bất khuất,
Sống hiền hoà, nhưng kiên quyết chống xâm lăng.
Dầu trăm năm ách thống trị ngoại bang,
Vẫn tranh đấu trái can trường kiên nhẫn”.*

*“Cột trụ gia đình vững Thái Sơn,
Tình thương dào dạt nước trong nguồn.
Sanh con nuôi dạy nên tài trí,
Yêu nước kiên trì đậm sắt son”.*

*“Chuyện thần thoại mà không thần thoại,
Gái Việt Nam đánh bại Hoa Kỳ”.*

(Mặt Trận Bông Hoa)

Con người là thế, còn thiên nhiên thì sao? Ni trưởng nhìn thiên nhiên còn tuyệt vời hơn.

*“Sương chiều xuống cỏ nhung xanh ngậm ngọc,
Trăng vàng lên lấp ló ngọn tre cao.
Ngọc kim cương phản chiếu ánh vàng sao,
Ôi! Mặt đất trái đầy châu báu lạ”.*

*“Trăng niêm nở đón đưa và tiếp rước,
Tôi vẫn còn bạn quý của trăng xưa.
Trăng ôi! Trăng chung thủy tự bao giờ,
Trăng chẳng nệ thời gian tròn với khuyết”.*

(Đêm Trăng ở Sài Ca Nã)

*“Hồ rộng vươn mình ngắm núi cao,
Lá xanh sen đỏ điểm tô màu.
Ban ngày thấp thoáng chòm mây bạc,
Đêm tối lung linh bóng nguyệt chào”.*

(Cảnh Tịnh xá Ngọc Quang)

Lần đầu tiên nhìn thấy vịnh Hạ Long, Ni trưởng liền nghĩ đến kỳ công của tạo hóa, bèn hạ bút khắc họa một bức tranh thiên nhiên, điểm tuyệt, sinh động hơn cả cảnh trí thật:

*“Ngàn vạn hòn như thiên binh vạn mã,
Dàn trận đồ sừng sững đá thiên nhiên.
Đảo như gà, cá, đảo tựa buồm thuyền,
Muôn ngàn hình trạng huyền thiên trác tuyệt.
Ôi tạo hoá cảm tình dân tộc Việt,
Tặng món quà điểm tuyệt đại kỳ quan.
Biển trong xanh dịu dặt nắng phơi vàng,
Tàu êm ái nhịp nhàng cơn sóng nhẹ”.*

(Vịnh Hạ Long)

Ở góc độ nào Ni trưởng cũng nhận ra được cái đẹp, cái hay. Cặp mắt của Ni trưởng thật thâm mỹ, thật “Cực Lạc”. Đúng là:

*“Đất tâm khi đã bình yên,
Thì sông núi, khắp mọi miền thanh lương”.*

(Thơ Nhật Huy)

Nhưng Ni trưởng không dừng lại ở cái đẹp hình thức, quang cảnh, mà còn thấy được cái đẹp bên trong - ý nghĩa đạo lý:

*... “Lòng không gió thoảng trần ai lặng,
Mây lững trắng thanh trí huệ ngời”.*

*... “Tám đường yếu nhiệm xe luân chuyển,
Bốn cửa linh huyền pháp dựng khai”.*

(Tịnh xá Ngọc Thiên - Ni trưởng Huỳnh Liên)

*“Mắt trần gian thấy lớp ngoài hiện trạng,
Mắt Thánh nhơn thấu thật tướng Chơn như”.*

Tóm lại: “Nhìn”, đối với Ni trưởng đã trở thành phát hiện. Nhà thơ Huỳnh Liên đã thấy được những gì mà người thường không thể thấy, đó là thắng trí của bậc thượng nhân, là từ tâm của hàng Đại Sĩ.

Bằng ngòi bút trữ tình, Ni trưởng đã xử lý thích đáng với mọi đối tượng khi được tiếp cận.

Dẫn chứng một vài bài thơ trong hàng trăm bài thơ của Ni trưởng để chứng minh khả năng Cực Lạc hóa của Ni trưởng, còn nhiều nhiều lắm. Qua 40 năm gánh vác trọng trách và phát triển sự nghiệp Tổ Thầy, sự hiện hữu của Ni giới Khất sĩ hiện tại trên toàn lãnh thổ Việt Nam, và cả nước ngoài là một bằng chứng cụ thể. Ngày nay, dầu Ni trưởng không còn nữa, nhưng tác phẩm thơ của Ni trưởng vẫn còn ảnh hưởng rất lớn trong hàng môn sinh. Có thể nói thơ của Ni trưởng là nguồn mạch để khơi ngòi cho cảm hứng văn thơ dạt dào của thế hệ Ni sinh trẻ trong Hệ phái, đương thời và mãi mãi về sau.

Giáo sư Hoàng Như Mai nói *“Ni trưởng Huỳnh Liên xứng đáng là bông sen vàng trước điện Phật. Ni trưởng đã viên tịch nhưng tư tưởng, tình cảm, hành động, tất cả con người của Ni trưởng vẫn còn lại trong những vần thơ cao đẹp”*.

(Cảm tưởng của Giáo sư Hoàng Như Mai khi đọc thơ NT. Huỳnh Liên)

Vào ngày 19.03.1987 (ÂL), Ni trưởng từ giả Đông Độ, về lại Tây Phương, có lẽ để nạp năng lượng chuẩn bị cho cuộc hành trình kế tiếp hoàn hảo hơn, quy mô hơn.

Ngày Ni trưởng ra đi, chúng ta cảm xúc biết bao! Nhưng Phật đã dạy: *“Pháp hành nào có sanh, pháp hành ấy phải có diệt”*. Nguyện lực độ sanh của Ni trưởng rất lớn:

*“Con nguyện hiện thường kiếp nữ thân,
Bồi bao phụ nữ khổ trong trần.
Tiên bề thân thiện con diu dắt,
Dầu phải cực lòng lột phụ nhân”*. (Con Nguyện)

Ni trưởng sẽ trở lại với chúng ta, sẽ dùng thuyền THỎ chở đầy Ý ĐẠO¹). Với năng lượng Cực Lạc, thuyền THỎ Ni trưởng sẽ nhẹ nhàng lướt sóng, đi khắp mọi nơi, đến tận mọi nhà, gặp gỡ từng người để ban tặng pháp vị.

*“Suốt đời tận tụy thi ân đức,
Giác ngộ thế gian, giác ngộ mình”*. (Tự Thuật)

Ni trưởng Huỳnh Liên là công dân xuất sắc của thế giới Cực Lạc, là đệ tử ưu tú của Đức Phật A Di Đà.

Hãy an tâm chờ đợi. Hãy chuẩn bị long trọng để nghinh đón bậc Thầy vĩ đại, tối cao.

- NHẬT HUY - 25.12.2015

¹ *“Chờ bao nhiêu ĐẠO thuyền không khẳm, Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà”* (Thơ Nguyễn Đình Chiểu)

ĐUỐC TUỆ SOI ĐƯỜNG

★ NT. Hiện Liên – Trụ trì Tịnh xá Ngọc Vân, Bình Thuận

Kính bạch Ni trưởng đương kim Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

Kính bạch Ni trưởng trụ trì Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương.

Kính bạch quý Ni trưởng Ban tổ chức!

Con xin mạo muội có đôi lời kính dâng lên Ni trưởng Đệ nhất Thích Nữ Huỳnh Liên - nhân ngày tưởng niệm lần thứ 30 (1987-2017).

*Thầy là gương sáng mai sau,
Cũng như hạt ngọc trên châu cho đời.
Than ôi! Thầy đã đi rồi,
Bóng cây cổ thụ về nơi Niết bàn.
Thầy là ngọn đuốc trần gian,
Xóa đi mê muội thiêu màn vô minh.
Đem nguồn hạnh phúc chúng sanh,
Không hề danh lợi đời mình thế gian.
Con là viện chủ Ngọc Vân,
Cùng đoàn đệ tử cúng dâng lên Thầy.
Khói nhang tôn kính vui đây,
Bay theo hình bóng về mây, về trời.
Hương bay đi khắp muôn nơi,
Lợi sanh hạnh phúc cho đời hậu lai.
Than ôi! Thầy đã không còn,
Những lời Thầy dạy đá mòn không phai.
Hiện Liên Tịnh xá Ngọc Vân,
Nghiêng mình kính cẩn ngàn lần tri ân.*

Ngày 08 tháng 04 năm 2017

TƯỜNG NIỆM ÂN SƯ

★ Ni trưởng Hiếu Liên - Trụ trì Tịnh xá Ngọc Long
Xuân Lộc - Đồng Nai

*Ba chục năm qua vắng bóng Thầy,
Nhân ngày “Tường Niệm” trở về đây.
Ngẩng nhìn bảo tháp, lòng xa xót,
Ngùi nhớ Ân Sư hạnh đức dày.*

*Lên đường giáo hóa khắp Tây Đông,
Chân yếu, tay mềm, trí sáng thông.
Nam Trung chốn chốn người quy ngưỡng,
Quả giác, hoa thiên tươi cửa Không.*

*Định huệ chơn truyền chẳng đổi thay,
Hoàng lương tỉnh mộng, dứt trần ai.
Ba y, một bát, nghiêm trì giới...
Đào tạo nhân tài, đạo triển khai.*

*Cảm đức Ân Sư lập đạo tràng,
Hằng ngàn đệ tử khỏi làm than.
Nguyên nương Pháp giáo, nguyên tinh tấn,
Phăng ánh từ quang đến Niết bàn.*

CHUYẾN HÀNH ĐẠO MIỀN TRUNG 2016-2017

★ Ni trưởng Thẩm Liên – Trụ trì TX. Ngọc Lâm, Lâm Đồng

*Chín chục xuân thu, tóc đổi màu,
Trên vai còn nặng gánh đôi vai.
Chút hơi còn lại, toan góp sức,
Cho đoàn hậu học, ở tương lai.*

*Là đồng tướng, tuông rìng lướt bụi,
Giữa cõi đời, chìm nổi phong ba.
Nương chân Tổ, theo hạnh Phật Đà,
Chí không nản, quên già, quên đau.*

*Đạp sỏi dày sành chơn chẳng mới,
Bước phong trần, theo dõi bóng Thầy.
Thuyền Liên Hoa, kết dây đài mây,
Trung, Nam đến mỗi nơi hành đạo.*

*Ấn bóng thiền quang thấy chẳng già,
Ngỡ mình tuổi trẻ, thuở hai ba.
Hay đâu tóc bạc, răng long đến,
Hơn bảy mươi năm chóng chóng già.*

*Hoàng pháp đâu nề, ngại khó khăn,
Người nuôi ta học để cân bằng.
Học xong ta phải đem trao lại,
Cho người – người được tỏ lý chân.*

*Trống pháp khoa tan, giấc mộng trần,
Hỡi người khách tục, thoát mê tân.
Bước lên thuyền giác, xa miền tục,
Hoá chiếc Liên Hoa, chở khách trần.*

*Xe pháp bon bon, suốt hành trình,
Đưa đoàn mỗi chỗ, tạm dừng chân.
Trì bình khát thực, tuyên dương pháp,
Trống dội, âm vang, khắp tỉnh thành.*

*Hai cô Sư nữ, quá kiên cường,
Tuông đốc qua đèo, rất dễ thương.
Công sức tài bồi, gieo phước đức,
Đưa đoàn Sư nữ, hạnh hoằng dương.*

GIỌT SỮA TỪ

★ Ni trưởng Thẩm Liên – Trụ trì TX. Ngọc Lâm, Lâm Đồng

*Vu lan đến chạnh niềm nhớ mẹ,
Vu lan về, quạnh quẽ nguồn tâm.
Cõi trần gian, bao nẻo thặng trầm,
Làn bén giá, khai mầm cỏ vũ.*

*Con nhớ mẹ, qua vòng pháp nhũ,
Ru hồn con giấc ngủ mơ huyền.
Giọt sữa từ nhuần thấm cô miên,
Đức cảm hoá, ân triêm ghi nhớ.*

*Nêu gương sáng muôn đời rạng rỡ,
Chúng sanh hằng, nhắc nhở công linh.
Suốt một đời, tận tụy quên mình,
Hơn nửa kỷ, độ sanh nhập thế.*

*Thầy viên tịch, tên đà lưu lại,
Cho ngày nay, đến mãi ngàn sau.
Bủa đức dày, lan toả trời cao,
Huỳnh Liên đã tạc vào bia sử.*

*Thầy yên ngựa, Niết Bàn vĩnh cửu,
Chúng con nguyện, ghi chữ sắt son.
Mùa Vu Lan, ngập ánh trăng tròn,
Để tưởng nhớ công ơn báo hiếu.*

*Là bằng cách tặng quà hữu hiệu,
Thương bệnh binh, chiến sĩ tài hoa.
Hy sinh vì Tổ Quốc nước nhà,
Đã đóng góp phần ba cuộc sống.*

*Lần đến trại tâm thần khổ thống,
Kể người già, cuộc sống khổ đau.
Các mầm non thiếu sức đợi chờ,
Tay nghĩa hiệp hiền hoà từ ái.*

*Trại cùi nọ, cuộc đời khổ ải,
Viện ung thư, lắm phải tai nạn.
Chúng sanh nào, mấy được vui an,
Biết cảnh khổ, mong cầu giải thoát.*

*Là tu sĩ trên đường giác ngộ,
Công sanh thành, báo bổ Phật ân.
Lần bước qua vạn nẻo đường trần,
Nguyên đáp tạ, thâm ân muôn một.*

NGẮM CẢNH NHỚ THẦY

★ Ni trưởng Thẩm Liên – Trụ trì TX. Ngọc Lâm, Lâm Đồng

*Mặt chùa mắt tháp, đối nên thơ,
Phật Tổ Như Lai, chính giữa thờ,
Bên hậu, Tổ ngôi, di ảnh rạng,
Bên đây Thầy ngự, sáng vắn thơ.*

*Một vườn hoa kiểng đứng trông ai,
Mỗi độ xuân sang, trở gót hài,
Hoa hé nụ cười, chờ chủ cũ,
Ngày qua khuất dạng, bóng xuân lai.*

*Nhìn tượng Quan Âm đứng lộ thiên,
Cành dương, nước tịnh rưới khắp miền,
Ngưỡng chiêm mật niệm, tan phiền lụy,
Ngắm cảnh thiên môn, chạnh nỗi niềm.*

*Nhớ mùa mứt Tết, lại về đây,
Tử đệ loay hoay dưới bóng thầy,
Nay cũng Đông về, mùa mứt Tết,
Dư âm đồng vọng, quyện ngàn mây.*

*Nhớ Thầy dán hộp, chỗ ngôi đây,
Hoà chúng chung làm, gấn bó thay,
Nhớ lúc tĩa gừng ra từng ảnh,
Phân chia cạo gọt, suốt đêm ngày.*

*Nhớ lại ngày qua, thoáng phút giây,
Tàn niên hội họp, cảnh sum vầy,
Cánh chim lướt gió, trời Tây ngự,
Cảnh cũ còn đây, vắng bóng Thầy.*

*Nhớ thuở dâng y, khắp tỉnh thành,
Đông bằng, Nam bộ buổi thiên thanh,
Trên đường giong ruổi, khi xuôi ngược,
Thầy vẫn kiên tâm đạt nguyện lành.*

*Nhớ thuở du hành khắp đó đây,
Trung Nguyên thăm viếng, suốt trắng đây,
Nay còn đâu nữa ngày xưa ấy,
Xa xót bâng khuâng chạnh nhớ Thầy.*

*Thầy dạy con nguyên dạ khắc ghi,
Gia công tinh tấn gắng chuyên trì,
Xin dâng thành quả Thầy minh chứng,
Đạo nghiệp viên thành hạnh Trí Bi.*

ĐÔI DÒNG CẢM NIỆM

★ Ni trưởng Hội Liên – Trụ trì Tịnh xá Ngọc Kỳ, Tam Kỳ

Nam mô Bồ sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính lạy đức Tổ sư Minh Đăng Quang, nói truyền Thích Ca Chánh pháp, khai sáng đạo Phật Khất sĩ Việt Nam,

Kính lạy Giác linh Đệ Nhất Ni trưởng, bậc Thầy khả kính của chúng con,

Kính bạch Ni trưởng đương kim,

Kính bạch quý Ni trưởng trong hàng Giáo phẩm và quý Ni sư, Sư cô,

Thời gian sao qua nhanh, qua nhanh, mới ngày nào đây nay đã là ba mươi năm, ba mươi năm vắng Thầy, ba mươi năm Thầy trò cách biệt! Trí của Thầy sáng soi như mặt trời, tâm của Thầy hiền dịu như mặt trăng, chí nguyện Thầy mênh mông như trời biển, cả đời chúng con nguyện noi theo mà tự thấy mình nhỏ nhoi, thấp bé quá. Thầy vừa cao rộng, vừa chan hoà gần gũi, như ánh sáng từ trên cao toả khắp nhân gian.

Qua những gì Thầy thuật lại, khi Thầy mới gặp Tổ tâm Thầy đã giác ngộ viên dung, Thầy thấu rõ các pháp đều vô thường, vô ngã. Sự đồng mãnh, quyết chí theo bước chân của đức Tổ Sư tạo niềm tin cho những người nữ phát tâm xuất gia theo truyền thống Khất sĩ:

Con giác ngộ, bước ra quỳ đánh lễ,

“Bạch Đức Thầy, con quyết chí xuất gia”.

Nói nguyện Thầy, con dạo bước Ta Bà,

Giống xe Pháp, đưa người qua Lạc quốc.

(Hoài Niệm)

Đúng là tâm của bậc xuất trần ly cấu, quyết chí độ sanh, tâm nguyện Bồ tát xuất phát từ buổi ban đầu mới gặp Tổ sư.

Rồi thời gian Tổ vắng bóng, Thầy vững lái con thuyền Giáo hội Ni giới:

“Con cơ cực một đoàn toàn trẻ dại,

Mười năm dư mòn mỏi đợi Thầy về.

Mười năm dư tai biến luống ê chề,

Vẫn một nguyện trọn bề lo báo đáp”.

(Hoài Niệm)

Một tấm lòng sắt son, một chí nguyện bao la rộng lớn, dầu là thân nữ lưu tay yếu, chân mềm, nhưng ý chí muốn đời non lập biển, Thầy là con

người độc nhất:

*“Sức dầu yếu, mong tát vơi biển khô,
Tay dầu mềm, toan phá đổ non sâu.
Nức tiếng lành, Đạo thanh khắp đâu đâu,
Rạng danh Đấng buổi đầu khai Pháp giáo”.*

(Hoài Niệm)

Từ đây, Thầy bắt đầu gióng tiếng trống pháp ra miền Trung là dấu son đậm nét. Từ Phan Thiết đến Gio Linh, biết bao cam go thử thách, khi nhiều người chưa biết đạo, pháp khát thực hoá duyên còn lạ lẫm với người dân. Thầy bữa đói bữa no, nhưng vẫn kiên tâm bền chí, sẻ chia bao gian khó cùng người dân địa phương, qua hình ảnh trang nghiêm mà gần gũi của những bước chân trì bình khát thực.

Thời gian ấy, tiêu chí của Thầy đặt lên hàng đầu là thân giáo, khẩu giáo. Thân giáo là dẫn đoàn Ni đi khát thực.

*“Pháp khát thực dạy người bố thí,
Cùng dạy mình chân lý không tham”.*

Còn khẩu giáo là thầy giảng kinh thuyết pháp. Đó là hai pháp Thầy kiên trì và nhẫn nại nhất. Thầy đi qua từng địa phương, đi trên sỏi đá khô cằn, đi trong nắng nóng chang chang, đi trong bụi mờ khói toả, đi trong làng quê yên bình, đi trong phố phường nhộn nhịp. Dân chúng dần quen với hình ảnh những bóng y vàng của chư Ni Khất sĩ do Thầy dẫn đầu trên các nẻo đường mỗi sáng. Nơi nơi đạo tràng Tịnh xá lần lượt mọc lên ngày càng nhiều, các tín nữ phát tâm xuất gia theo Thầy nhập đạo ngày càng đông, bá tánh cư gia quy y Tam bảo hàng hàng lớp lớp. Ao sen Liên Hoa sen đua nhau nở, khoe sắc thắm, quyện hương thơm. Thật lành thay! Hạnh phúc thay! Duyên đây phước đủ, lòng con xúc động mạnh khi nhìn thấy hình ảnh những chiếc y vàng pháp phối về đến quê nhà. Kể từ ngày ấy, con biết đạo Phật Khất sĩ, được Thầy tế độ vào hàng xuất gia Ni giới Khất sĩ.

Thầy nuôi chúng con bằng cơm thiền sữa pháp:

*“Con chìm đắm biển trần thọ khổ,
Thầy từ bi tế độ vớt lên,
Mặc thì áo giới âm êm,
Ăn thì sữa pháp, cơm thiền nuôi thân”.*

(NhớƠnThầy)

Vào Đạo, Thầy dạy con bao điều hay để con dần thuần thực trong nếp đạo. Ngoài việc gìn giữ oai nghi tế hạnh, trì giới trang nghiêm, Thầy còn dạy chúng con phải biết tu Sở tức quán, vì đây là pháp tu thiền, nền tảng của

Tổ Thầy. Điều quan trọng trong bước đầu tập tu thiền là chánh niệm tỉnh giác, trú tâm vào đề mục “hơi thở”:

*“Thở vô dài biết thở vô dài,
Khi thở ra dài cũng biết ngay.
Hơi thở ra vô dài hoặc ngắn,
Biết liền quán sát giác tâm khai”.*

(Kệ Chơn Lý)

Thầy nhắc chúng con khắc ghi trong tâm các pháp đều vô thường, không thật, như bào ảnh, mộng huyễn để tự biết thúc liễm thân tâm, đừng để thời gian trôi đi luống uổng:

*“Con có biết hồng trần nơi xú ố,
Danh mà chi và lợi để mà chi.
Tám huyễn thân rồi cũng có ra gì,
Một vật giả chứa đầy muôn thứ giả”.*

(Lối Đi)

Thầy diễn tả một cái giả chồng lên trên cái giả rất hình tượng, dễ hiểu; nhờ đó mà người độn căn u mê như chúng con cũng dần thấu hiểu định luật vô thường. Cách dạy của Thầy thật là sâu sắc. Thầy là hiện thân của Bồ tát Quan Thế Âm, và còn hơn thế nữa.

Bấy giờ đất nước chiến tranh phân chia bờ cõi, dân chúng lầm than, đói kém, bom đạn đổ xuống, người chết như rơm rạ, cảnh con mất cha, vợ mất chồng, Thầy đứng ra kêu gọi hoà bình hiệp định Paris thật xứng đáng lập hạnh cứu đời:

*“Mỗi ngày một, một người khuất bóng,
Chết lần hồi ta sống với ai?
Sống để rồi chẳng có ngày mai,
Thà liều chết cứu ai được sống”.*

(Xua Thân Chết)

Đất nước hoà bình thời kỳ hội nhập, Thầy cho các cô Ni trẻ đi học ở Học viện rồi du học nước ngoài... Thầy luôn có tầm nhìn xa rộng để hoàn thành công hạnh lợi mình, lợi chúng. Đức hạnh của Thầy bay khắp muôn phương, thơm lừng lừng như hương trầm bát ngát. Thầy đầy đủ bốn đức tính quý báu Từ, Bi, Trí, Dũng của người xuất gia giải thoát:

*Con người Trí Dũng Bi Từ,
Hiện ra giữa chốn phàm phu tục trần.*

(Kinh Pháp Cú số 59)

Rồi cũng theo định luật vô thường chi phối, Thầy đi xa... Thầy đi để lại cho chúng con biết bao niềm thương nỗi nhớ. Thầy để lại cho chúng sanh biết bao lời kinh tiếng kệ, nguồn thơ văn lai láng, dạt dào Ý Đạo, Tình Đời, mà chúng con luôn tụng đọc trong Kinh Tam Bảo và Tinh Hoa Bí Yếu. Đây là Pháp bảo để nhờ đó chúng con nương theo tu tập.

Lời cuối cùng của Thầy dạy chúng con trở thành Di Huấn, phương châm sống cho hàng đệ tử các thế hệ và chúng con khắc ghi mỗi ngày khi quỳ trước chân dung Thầy thành tâm đánh lễ:

*Ngày đã cận, cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa,
Định huệ không thiếu, không thừa,
Lợi ích dân chúng, đùng vừa khả năng.*

Lắm khi con nhớ lại giọng nói của Thầy, nghe sao mà ngọt ngào như dòng sữa thánh, mát rượi như dòng suối tiên, cảm xúc dâng trào không sao kể xiết. Dầu có lấy nước biển khơi làm mực, lấy cây rừng làm bút, chúng con cũng không sao kể hết công hạnh và ân đức của Thầy dành cho chúng con. Đúng là:

*On giáo dưỡng một đời nên huệ mạng,
Nghĩa Ân sư muôn kiếp khó đáp đền.*

Con chỉ biết tinh tấn hành trì những lời Thầy chỉ dạy, hầu phần nào đền đáp thâm ân. Giờ đây, con nghe như đất trời, cỏ cây, hoa lá cũng cúi đầu trước giác linh Thầy cùng chúng đệ tử khắp các miền trở về Tổ đình Ngọc Phương, dâng tấm lòng thành đến Thầy vô vàn tôn kính. Ngưỡng mong Thầy chứng minh lòng thành kính tri ân của chúng con.

TUỞNG NIỆM 30 NĂM CỐ NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN VIÊN TỊCH

★ Ni trưởng Ánh Liên – Trụ trì Tịnh xá Ngọc Châu, Hội An

Năm nay (2017), Hệ Phái Phật giáo Khất sĩ Ni giới long trọng tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày cố Ni trưởng Huỳnh Liên, vị giáo phẩm lãnh đạo tối cao của Giáo hội Ni giới, bậc thầy cao cả và khả kính của chúng con viên tịch.

Theo quy luật thông thường của thế gian, mọi sự vật đều chịu sự chi phối của thời gian; và như vậy, 30 năm là một khoảng thời gian đủ dài để tất cả dần chìm tan vào lãng quên, và tất cả dường như đều bị cuốn theo những tất bật của đời sống. Nhưng ngược lại, với trường hợp của cố Ni trưởng Huỳnh Liên, 30 năm là khoảng thời gian cần thiết để chúng con có một cái nhìn đầy đủ hơn, trung thực hơn về vẻ đẹp, cũng như sự lớn lao, cao cả về nhân cách, đạo hạnh và tài năng của bậc Thầy vĩ đại.

Thật vậy, với hơn 60 năm trụ thế và hành đạo, Ni trưởng của chúng con trong sứ mệnh truyền thừa đạo nghiệp của Tổ Sư Minh Đăng Quang là nổi truyền Thích Ca chánh pháp, Người đã thực hiện vẻ vang vai trò của người lãnh đạo Ni giới Khất sĩ, đã đưa con thuyền Giáo hội vượt qua bao ghềnh thác, bão to, sóng dữ, để đến bến bờ bình an.

Kính bạch Giác linh Ni trưởng,

Công lao xây dựng ngôi nhà Ni giới Khất sĩ Việt Nam của Thầy, chúng con không thể nào có đủ từ ngữ để diễn tả, tán dương cho cân xứng. Thầy đã cùng các bậc Tôn túc của Giáo hội xây dựng hơn 100 ngôi Tịnh xá Ni giới Khất sĩ ở khắp hai miền Trung - Nam nước Việt; đã tế độ hàng ngàn đệ tử xuất gia, hàng vạn đệ tử tại gia, đã cải hoá cho biết bao tâm hồn nơi cõi thế trở nên trong sáng, thanh lương, nhuần triêm đạo vị.

Ngày nay, với sự hiện hữu của hơn 200 ngôi Tịnh xá và sự hiện diện nhiệt tâm của chư Ni áo vàng khắp mọi miền đất nước đã đủ khẳng định công lao cao dày và đức độ vô biên của Thầy.

Riêng về Chư Ni miền Trung, chúng con sinh sau đẻ muộn, thiếu thôn phước duyên, không gặp được Tổ Sư Minh Đăng Quang, Thầy là người đã hết lòng chăm sóc cho chúng con từng bước đi chập chững đến những bước thanh thoát vững vàng, từ trong lối mòn nhỏ hẹp ra đến đại lộ thênh thang. Thầy đã hao mòn thể lực, tiêu tứ lao tâm, vắt cạn tâm huyết mình nuôi dưỡng giáo dục chúng con để chúng con đủ kinh nghiệm trưởng thành. Trong quá trình xây dựng, duy trì cũng như phát triển Giáo hội, vì hạnh nguyện độ sanh, vì hiếu kính với Thầy Tổ, vì lòng bi mẫn với hàng hậu học,

Thầy đã nếm trải biết bao gian khổ để Phật sự hoàn thành. Nói sao cho hết những gian lao vất vả trong những năm tháng hành đạo ở miền Trung của Thầy.

Kính bạch Thầy, đọc qua bài thơ “*Chuyến du hành miền Trung*” của Thầy, chúng con được biết tỉnh Quảng Nam của chúng con là tỉnh thành thứ tám được vinh hạnh in dấu chân du hoá:

*“Miền đất Quảng túc duyên sẵn có,
Nên kiếp này sáng tỏ Minh Quang”.*

(Thơ Nhật Huy)

Vào những năm đầu của thập niên 60 trong thế kỷ XX, ánh sáng chân lý của Tổ Sư Minh Đăng Quang dần lan toả ra các tỉnh miền Trung. Cùng với Giáo hội Tăng, Ni trưởng và các bậc Tôn túc trong Giáo hội Ni giới đã đến phố cổ Hội An. Buổi sáng đoàn đi khát thực, trưa độ cơm, tối thuyết pháp. Hình ảnh này có khác gì Tăng Đoàn của Ni trưởng Kiều Đàm Di thời Phật tại thế! Đồng bào Phật tử Hội An dường như đã có duyên lành từ kiếp trước, ai nấy đều mến thương đoàn du tăng Khất sĩ, đều thăm viếng và lễ bái kính thành. Tuy vậy, Thầy cùng các vị Tôn túc cũng gặp không ít những nghịch cảnh trái ngang. Nhưng bằng tất cả sức kiên trì tinh tấn, bằng nhẫn nại từ hoà, bi nguyện bao la, Thầy và các vị Tôn túc đều dũng mãnh vượt qua. Từng giọt mồ hôi ngày nào của Thầy đổ xuống, nay đã trở thành những tảng đá hoa cương rắn chắc trải đường cho chúng con nong nả tiến hành.

Tịnh xá Ngọc Châu - Hội An cũng được bắt đầu xây dựng vào lúc này. Thờ ban sơ ngôi Đạo tràng chỉ bằng mái tôn, vách ván, nhà Cửu Huyền và nhà Tăng bằng nửa lá tranh tre, nhưng đối với hàng Phật tử tại gia, nó lại đẹp đẽ và lớn lao biết mấy. Chúng con bước chân vào Tịnh đàn mà tưởng chừng như bước vào nơi Cực lạc, và biết bao tâm hồn non nớt bơ vơ như được về đây uơm mầm giải thoát, dọn đường tương lai.

Lúc ấy, vào lứa tuổi thanh xuân, lần đầu tiên được nhìn thấy hình bóng chiếc Y vàng thanh cao, con tưởng chừng như được chứng kiến hình ảnh của Tăng Đoàn thời Phật tại thế. Hình ảnh ấy in vào trong tâm trí con như gợi nhớ đến những hình ảnh thân quen nào trong tiền kiếp. Dường như duyên lành đã đến, trong lần lên Tịnh xá, con may mắn xin được quyền “*Kinh Tam Bảo*” về nhà, đọc đến bài “*Nguyện về cõi Phật*”, lòng con dạt dào cảm xúc lệ nóng dâng trào như gột rửa tất cả trần duyên hệ lụy. Từ lúc ấy, chí nguyện xuất gia cầu đạo trong con càng thêm mãnh liệt hơn:

*Âu kiếp trước nhân duyên sẵn có,
Nên kiếp này hội ngộ phải không?*

(Bồ Đề - Ni trưởng Huỳnh Liên)

Đã mấy chục năm nay, con nương bóng Tổ Thầy, cùng bước chân lên thuyền Giải thoát, trở thành một nữ Khất sĩ sống đời phạm hạnh, công ơn của Tổ Thầy không một phút giây nào con dám nguôi quên.

Nhìn lại cuộc đời và đạo nghiệp của Ni trưởng, từ khi Tổ Sư vắng bóng và nhất là những ngày đầu vào Giáo hội với muôn vàn khó khăn thử thách, Ni trưởng đã vững vàng chèo lái, từng bước đưa con thuyền của Giáo hội đi vào ổn định và phát triển không ngừng...

Những năm nước nhà lâm vào cảnh chiến tranh khốc liệt, biết bao cảnh chết chóc thảm thương, hàng vạn trẻ em Việt Nam đã trở thành cô nhi, sống vất vưởng không nơi nương tựa, Thầy đã nhanh chóng dẫn thân vào công tác từ thiện xã hội. Bao nhiêu cô nhi viện đã được dựng lên để bảo bọc nuôi dưỡng trẻ mồ côi.

Đặc biệt, Tịnh xá Ngọc Phương - Trung tâm Ni giới Khất sĩ Việt Nam - nơi còn in dấu ấn của một khúc quanh lịch sử; nơi theo hạnh nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, nối chí những thiền sư Vạn Hạnh, Khuông Việt... Ni trưởng chủ trương đem Đạo vào Đời, cư trần bất nhiễm, tùy duyên bất biến trước khổ nạn của đồng bào, trong đó có cả tín đồ Phật Giáo từng chịu quá nhiều áp bức bất công... Thầy đã cùng chư Ni và tín đồ Phật tử tham gia vào các phong trào xuống đường đấu tranh đòi quyền sống, đấu tranh cho hoà bình độc lập dân tộc và sự trường tồn của đạo pháp. Do vậy, vào ngày 15 tháng 10 năm 1994, Tịnh xá Ngọc Phương đã được Bộ văn hoá thông tin nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam công nhận di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc Gia.

Đúng với 30 năm diễn tiến của Ni trưởng, ở vị trí nào, Ni trưởng cũng có nhiều công hiến xuất sắc. Sau ngày hoà bình, Ni trưởng Huỳnh Liên đã đảm nhiệm các chức vụ:

- Đại biểu Quốc Hội khoá VI,
- Ủy viên kiểm soát Hội đồng Trị sự GHPGVN,
- Phó Chủ tịch Ủy Ban MTTQVN,
- Ủy viên Hội Liên Hiệp Phụ Nữ VN,
- Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hoà bình Thế Giới TP. HCM.

Ni giới Hệ phái Khất sĩ có được như ngày hôm nay là nhờ tinh thần đoàn kết, lấy phương châm phục vụ đạo pháp và dân tộc làm kim chỉ nam cho cuộc sống tu hành (trích Lời Di Chúc).

Lúc này, sức khoẻ Ni trưởng ngày càng giảm dần, thân tứ đại rã rời như cỗ xe cũ kỹ, không còn đủ sức chịu đựng sự tàn phá của vô thường, Ni trưởng đã yên nghỉ lúc 16 giờ 20 phút ngày 16 tháng 4 năm 1987, nhằm ngày 19 tháng 3 năm Đinh Mão tại Tịnh xá Ngọc Phương.

*Ôi! Chiều mười chín thật kinh hoàng,
Là buổi chiều đau xé ruột gan.
Sét đánh ngang tai Thầy thị tịch,
Màn đêm phủ xuống khắp không gian.*

(thơ Huy Nhật)

*Hỡi ơi! Ni trưởng mất đi,
Không riêng gì người con Phật,
Cả non sông dân tộc cũng thương tiếc ngậm ngùi!*

(Huyền Linh Tử)

Ni trưởng ra đi để lại cho chúng con một kho tàng Pháp Bảo quý giá mà tài sản thế gian không sánh được, đó là gần 1.000 bài Thơ và Kinh tụng hằng ngày. Ni trưởng đã vất vả nhồi nhét không ngừng nghỉ để tạo nên những âm điệu tuyệt vời, mỗi khi tụng đọc nghe giống như điệu nhạc của cõi trời Phạm Thiên vậy.

Ni trưởng thật vĩ đại! Con xin đội ơn Thầy! Nhờ vậy mà những bài Kinh kệ của Thầy, con thuộc rất nhiều. Hôm nay, nhân ngày tưởng niệm 30 năm Ni trưởng viên tịch, chúng con xin niệm niệm khắc ghi tấm gương sáng chói, công hạnh tuyệt vời, chí nguyện cao cả, đức trí viên dung và tinh thần bất khuất của Ni trưởng.

Đối với riêng con, con nguyện đóng góp công sức nhỏ bé của mình vào sự nghiệp chung của Giáo hội, xem như là một sự báo đáp trong muôn một trước công ơn trời biển của Thầy và chư vị Tôn túc.

LẶNG NHỚ NGƯỜI XƯA

★ Ni trưởng Gương Liên - Trụ trì TX. Ngọc Tâm
Long An

Thấm thoát mà đã 30 năm lặng lẽ trôi qua! Thế nhưng khi hướng tâm nhớ về dĩ vãng thì tưởng như hiện thực mới gặp gỡ hôm nào, rất nhiều nhiều kỷ niệm khó nhạt nhoà trong ký ức.

Năm nay 2017, Ni giới Hệ phái Khất sĩ sẽ long trọng tổ chức Đại lễ Tưởng niệm 30 năm ngày Đệ nhất Cố Ni trưởng Huỳnh Liên - vị lãnh đạo tài ba duy nhất của Ni giới Hệ phái Khất sĩ, đã về cõi vĩnh hằng muôn thuở.

Có thể nói, đây là vị Bồ tát ứng thân để hướng dẫn dìu dắt Ni lưu trên đường tâm cầu chánh pháp. Nên Ngài đã phát nguyện:

*“Con nguyện hiện thường kiếp nữ thân,
Bồi bao phụ nữ khổ trong trần.
Tiện bề thân thiện con dìu dắt,
Dầu phải cực lòng lột phụ nhân”.*

Đúng là cõi Niết Bàn đi ngược mà lên. Trong khi xã hội thời nào, và ở đâu, con người đều có quan niệm trọng nam khinh nữ. Vậy mà Ni trưởng chúng con lại nguyện hiện thường kiếp nữ thân. Ôi! Thương kính biết bao nhiều vị Sư nữ dầu biết cực lòng, dầu biết người khinh miệt mà vẫn dấn thân vào cho tròn hạnh nguyện.

Hẳn là Bồ tát xuất trần, nên lần đầu tiên Ni trưởng gặp Tổ sư Minh Đăng Quang xin thế phát xuất gia đã biểu hiện khẩu khí của mình qua bài “Hoài Niệm” rằng:

*“Con giác ngộ, bước ra quỳ đánh lễ,
“Bạch Đức Thầy, con quyết chí xuất gia”.
Nói nguyện Thầy, con dạo bước Ta Bà,
Giọng xe Pháp, đưa người qua Lạc quốc”.*

Và Tổ sư đã thọ ký như sau:

*“Thầy cảm động, ngẩng nhìn ban huệ phước,
“Người căn xưa, duyên trước vốn sâu dày”.
Nói nguyện lành chuyển kiếp độ trần say,
Soi đuốc huệ sáng tương lai nữ giới”.*

Là người nói nguyện lành, nên mới xuất gia không bao lâu mà Ngài đã giữ vai trò lãnh đạo, thay Tổ thống lãnh Ni đoàn Khất sĩ, hoằng truyền giáo pháp khắp Trung, Nam... Mới 24 tuổi đời mà năng lượng trí tuệ đạt dào,

văn thơ lưu loát bóng bẩy, ý đạo thâm sâu huyền diệu, chuyển tải đạo mầu bằng văn thơ Việt ngữ khiến người dễ hiểu, mau nghe, lý hợp tình. Vì vậy, khi Ni trưởng hành đạo đến tỉnh nào thì tỉnh ấy liền lập nên các ngôi Tịnh xá.

Chẳng những hoàng dương Chánh pháp, thiết lập đạo tràng, tiếp độ chúng Ni, mà Ngài còn ban rải lòng từ đến cho chúng sanh nhân loại như mở những Cô ký nhi viện Nhất Chi Mai ở Biên Hòa, ở Pleiku, ở Bình Long, ở Cà Mau và ở Ngọc Phương... để nuôi dạy trẻ mồ côi do chiến tranh để lại.

Con còn nhớ vào năm 1969, Ni trưởng cho con và một số Ni cô đi dự khóa nuôi dạy Cô ký nhi do Bộ Xã Hội mở ở Đà Lạt, để có cán bộ điều hành. Rồi năm 1971, Ni trưởng dạy con về phục vụ Cô ký nhi viện Bình Long do Ni trưởng Nhân Liên làm Giám đốc, lúc ấy con khoảng 19 tuổi. Sau khi ở phụ việc được một năm, con xin về theo đoàn du hành của Sư phụ mình là Ni trưởng Minh Liên. Khi về Tịnh xá Ngọc Phương, con được Ni trưởng khen và thưởng nhiều thứ. Rồi Ni trưởng bảo: *“Đi du hành có nhiều người rồi, thôi con ở lại đi trụ xứ dùm Sư cô nghe con”*. Con ngoan ngoãn vâng lời, nhưng kèm theo điều kiện: *“Sư Trưởng cho con ở đâu cũng được, nhưng trừ mấy chỗ Cô ký nhi viện ra”*. Do yêu cầu đó, con bị Ni trưởng quở thật nhiều.

Rồi sau bữa cơm trưa, con xin về Long An gặp Sư phụ đang neo đoàn du hành chờ đợi. Nghe con kể lể, Sư phụ bèn viết thư lên Sài Gòn xin Ni trưởng. Và Ni trưởng gửi lại một lá thư hồi đáp, trong thư con còn nhớ câu này: *“Tất cả các Pháp đều là Phật pháp, sở dĩ Guong bị rầy vì bảo trừ mấy chỗ xã hội từ thiện ra...”*.

Thật ra, với lòng từ bi và trí tuệ sâu rộng thì Ngài đã thấy được tất cả các Pháp đều là Phật pháp, cho nên cuộc đời tu, Ngài có ước nguyện trong bài “Quyện Tư Lòng” rằng:

*“Điều em mong ước suốt ngày đêm,
Tất cả cùng em hiệp bốn nguyên.
Tay bắt cầu thương qua biển khổ,
Lưỡi khêu đèn huệ vệt trời đêm”*.

Đã thấy rõ các Pháp đều là Phật pháp, nên Ngài thể hiện sự quên mình trên nhiều lĩnh vực.

Có những thời điểm, Ngài kết hợp với bà luật sư Ngô Bá Thành tổ chức những cuộc xuống đường đòi quyền sống cho chị em phụ nữ, đòi hòa bình cho thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Rồi có hồi phải lẩn tránh nơi này chốn nọ như ở nhà bếp của Chùa Ấn Quang, có lần xuống ở Tịnh xá Ngọc Tâm mấy tháng. Chính thời điểm đó,

cụ ông thân sinh của Ni trưởng là ông Thiện Trí đã từ trần ở xã Lợi Bình Nhơn, tỉnh Long An. Vì đang lẩn tránh mật vụ công an, nên mặc dù là Lễ Tang cụ thân sinh của bậc Thầy khả kính, nhưng quý Sư cô dám đâu tổ chức trọng thể linh đình! Nghĩ thật xót xa thay!

Và cũng tại Tịnh xá Ngọc Tâm, lúc này, Ni trưởng đã sáng tác quyển Kệ Trích Lục bằng cách chuyển thể văn vần trích từ quyển “Đức Phật và Phật Pháp” của Đại Đức Narada do ông Phạm Kim Khánh dịch từ tiếng Anh ra Việt ngữ, và chính con là người đã chép từng đoạn mỗi khi Ni trưởng viết thành vần.

Ni trưởng dạy chúng đệ tử hãy thực hành Bồ tát hạnh rằng:

“Trương đại tâm Bồ tát phát lời nguyện:

Dân Việt Nam còn đau khổ triền miên,

Trong cảnh khổ, con xin nguyện cứu khổ.

Trong mê tối, con đưa đường Giác ngộ,

Trong hãi hùng, con giải khổ âu lo.

Trong đói nghèo, con tạo cuộc ấm no,

Tùy phương tiện, chuyển vai trò theo cảnh”.

(Lối Đi)

Trong tinh thần tùy duyên bất biến, Ni trưởng làm việc với tâm chẳng quản nhọc nhằn. Tuy nhọc nhằn nhưng lúc nào cũng hoan hỷ qua giọng cười đầy hỷ lạc của Ngài. Nếu ai đủ duyên gặp Ngài thì chắc hẳn không quên được giọng cười dễ mến ấy đâu.

Với sự tích cực năng nổ trong cuộc đời hành đạo, cố gắng chèo chống, lèo lái con thuyền Liên Hoa vượt qua nhiều sóng gió, nên trí tuệ Ngài càng phát sanh, đúng là thuốc dạy thầy, cây dạy thợ. Ni trưởng dường như biết trước thời cơ, nên động viên Ni chúng phải bồi dưỡng văn hóa và dự các trường Phật học để thích nghi với thời đại mới, thay vì theo chủ trương của Tổ là chỉ chuyên giữ pháp hành. Do thấy xa, hiểu rộng, nên Ni trưởng đã biến Tịnh xá Ngọc Phương trở thành nơi nuôi dưỡng quý Sư cô trẻ từ các tỉnh thành trong toàn quốc về dự những khóa học Phật pháp ở các trường Phật học thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhờ vậy, mà Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương hiện nay đã sản sinh lắm bậc anh tài, nào Tiến sĩ, Thạc sĩ, Cử nhân... đúng theo tâm nguyện của Ni trưởng đã dày công gây dựng.

Đây là sự thành công nổi bật nhất của Ni trưởng, vì đã đào tạo được thế hệ kế thừa, có thể sánh vai cùng chúng bạn, để bớt đi sự kỳ thị, thiệt thòi trên lộ trình giải thoát.

“Gừng già càng rụi cay,

*Người cực nghĩa hơn dày.
Khởi nguyên nhiều đau khổ,
Kết thúc đẹp tương lai”.*

Những tương tương lai xán lạn huy hoàng ấy sẽ là niềm an lạc vô biên cho Ngài trong quảng đời còn lại, nào ngờ định luật trở trêu thay!

Năm Đinh Mão ấy - 1987, chỉ trong mấy ngày bạo bệnh, vô thường đã cướp mất đi vị Sư Trưởng vô cùng kính quý của Giáo Hội Liên Hoa. Tịnh xá Ngọc Phương từ đây đã mất đi dung nghi đỉnh đặc nhưng bình dị thân thương, vắng đi nụ cười hỷ lạc hiền hòa trong những khi giao tiếp.

Sáu mươi lăm tuổi đời, cái tuổi chưa gọi là già lắm, phải nói ở khoảng tuổi này, những kinh nghiệm trong đời sống này sanh hơn, lòng từ bi trí tuệ phong phú dạt dào hơn. Thế nhưng con tạo lá lay nữ cướp mất đi của Ni giới Hệ phái Khất sĩ một tiềm lực phi thường, một vị lãnh đạo tài ba hiếm có.

Thật là:

*“Tiếng sét vang tai dội cửa Thiên,
Tin Thầy viên tịch đất trời nghiêng.
Bồ đề gió giật cành ưu gãy,
Bát nhã mây vẫn bóng nguyệt chen”.*

Mấy mươi năm về trước, mỗi lần giỗ Tổ, quý Ni trưởng vào thời còn gặp Tổ, đều ứa lệ sâu thương. Còn chúng con hầu như chưa trào dâng niềm xúc cảm.

Bây giờ, đến lượt thế hệ chúng con, mỗi năm về dự lễ tưởng niệm Đệ nhất Ni trưởng, chúng con mới thấm thấu được nỗi buồn xa vắng khi bậc Ân sư mà mình đã từng gặp gỡ, từng thọ ơn giáo dưỡng. Và hẳn nhiên, nước mắt chúng con cũng lại đoanh tròn bởi dạ kính thương.

Kỷ niệm 30 năm ngày Đệ nhất Cố Ni trưởng thiên thu về cõi vĩnh hằng, chúng con không biết nghĩ gì hơn, chỉ xin nhất tâm đồng phát nguyện:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo pháp, cho tình quê hương”*

Và luôn trau dồi sao cho:

*“Định Huệ không thiếu, không thừa,
Lợi ích dân chúng, đúng vừa khả năng”.*

Gọi là món quà kính dâng Tôn sư trong ngày tưởng niệm.

Long An, ngày 19.02 Đinh Dậu – 2017

KÍNH DÂNG THẦY

★ Ni sư Trạng Liên – TX. Ngọc Phương

*Trước Chánh Điện hoa thơm tươi đẹp,
Thầy mong con phụng hiệp triển khai,
Nói truyền Chánh Pháp Như Lai,
Phá mê dẹp ác mỗi ngày tiến tu.
Tu là sửa đèn lu khơi sáng,
Trước sửa mình dẫn bạn trau tâm,
Sáu căn phòng hộ sai lầm,
Tán dương bạn tốt suy tâm lý sâu.
Lời Thầy dạy, trèo cao vấp ngã,
Làm việc gì vất vả học khôn,
Tu chơn chánh pháp vuông tròn,
Đối diện cần thận khéo khôn đạo thành.
Tu giải thoát công minh chánh trực,
Gắng học hành kinh, luật lưu thông,
Giới luật khắc kỷ nơi lòng,
Hoằng dương Chánh pháp thoát vòng tử sanh.
Con nên nghĩ chung quanh người tốt,
Chỉ sợ ta học dốt hiểu lầm,
Pháp Phật cao rộng thậm thâm,
Con cần nghiên cứu sưu tầm đạo sâu.
Tu thiền quán nương nhau đức độ,
Trước cứu mình giải khổ nhơn sanh,
Lìa danh xa ác bỏ tranh,
Niết bàn vô chấp nghĩa tình đạo cao.
Ngày kỷ niệm trước sau đoàn kết,
Nhớ ơn Thầy phụng hiệp lo chung,
Tuyên dương Chánh pháp thương đồng,
Thoát vòng sanh tử, nối dòng Thích Ca.
Thầy con đã lìa xa trần thế,
Đệ tử con không thể lướt qua,
Cúi xin Phật tổ Thích Ca,*

*Thầy con hóa kiếp Ta bà độ sanh.
Kính lạy Phật, công minh tốt đẹp,
Thương chúng con phụng hiệp cúng Thầy,
Tâm lòng giải thoát vươn khai,
Giảng Kinh thuyết pháp mặc ai coi thường,
Ngày kỷ niệm cúng dường Thầy, Tổ,
Tâm tịnh thanh khai ngộ giác chơn,
Mọi người tỉnh giác biết ơn,
Vâng lời nhĩn nhĩn hoa thơm dâng Thầy.
Pháp Khất sĩ Phật, Thầy vận chuyển,
Đệ tử hành dũng tiến phát huy,
Văn hay ý đẹp của Người,
Đường đạo Chánh pháp dâng Thầy chứng minh.*

TUỞNG NIỆM CỐ NI TRƯỞNG

★ Ni sư Giác Liên - Trụ trì Tịnh xá Phước Hải, Vĩnh Long

- Kính lễ chư Phật mười phương ba đời
- Kính lễ cửa Khất sĩ đường Như Lai
- Kính lễ Tổ sư Minh Đăng Quang

Hôm nay Lễ tưởng niệm lần thứ 30 cố Ni trưởng đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam. Con, pháp tử Thích Nữ Giác Liên, cùng quý Ni trưởng, Ni sư và chư Phật tử hiện diện thành kính đê đầu đánh lễ giác linh Cố Ni trưởng Đệ nhất, đã xả báo thân, Cao đăng Phật quốc ngày 19 tháng 3 năm Đinh Mão.

Chúng con mất đi vị hướng đạo Sư phi thường nhẫn nại, chúng con cảm thấy bơ vơ trên đường hoằng pháp lợi sanh. Thầy như mặt trời rực chiếu mang hơi ấm cho muôn người. Thầy là đèn hiện tượng, là ánh sáng ban cho chúng con. Thầy là thuyền bát nhã vĩ đại, luôn chuyên chở chúng con, luôn che chở cho nhân loại, cô nhi, quả phụ...

Thầy là nhà thơ tuyệt tác, yêu dân, yêu nước, trước khi xả báo thân với lời thơ hy hữu:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo Pháp, cho tình quê hương”.*

và lời dạy cuối cùng của bậc Thầy cao cả:

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.*

*Định, Huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.*

Lời pháp nhũ của Thầy như sóng tràn mặt biển, như chuông ngân vang dội khắp trần gian.

*Thầy ơi!
Tử biệt sanh ly lắ đoạn trường!
Thầy đi trò ở, lệ sầu vương,
Ngàn đời ánh mắt, bờ mi khép,
Chuông giác thoi ngân bật giảng đường!
Phút cuối Thầy đi chuyển lữ hành,
Tang thương trùm khắp cả trời xanh.*

*Rung rung vàng nhạt treo lơ lửng,
Trăng khuyết nghìn thu khó kết thành!*

Dẫu biết rằng luật vô thường hữu hình hữu hoại, chuyển lẽ hành Thầy về Phật quốc, chúng con, đoạn trường đối cảnh! Tử biệt sanh ly! Từng phút nghe hồn giã chết, băng khuâng cúi mặt bóng đêm dài. Thầy là sứ giả Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, đã làm tròn sứ mệnh Như Lai. Riêng chúng con cách xa vị Thầy cao cả.

*Ni trưởng ra đi biệt bóng hình,
Lệ sầu còn động mắt môn sinh,
Đắng cay nếm vị mùi sinh tử,
Phút cuối than ôi! Lệ thấm tình!*

Kính bạch Ni trưởng, đệ tử chúng con luôn nhớ ơn Tổ thầy, quý Ngài để lại di sản cho chúng con bằng Thuyền trí huệ, bằng giáo lý Khát sĩ muôn đời bất diệt. Chúng con y giáo phụng hành. Nguyên hành Như Lai sứ, tác Như Lai sự, làm đẹp đạo tốt đời, trước khi dứt lời xin kính chúc quý Ni trưởng, Ni sư cùng chư huynh đệ và Phật tử thân tâm thường lạc.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát.

Tịnh xá Phước Hải, ngày 30 tháng 3 năm 2017

VIÊN THÀNH HẠNH NGUYỄN

★ Ni sư Minh Liên - TX. Ngọc Phương

*Lễ tưởng niệm ngày Thầy viên tịch,
Ba mươi năm vắng biệt tôn nhan.
Chúng con vẫn cứ mơ màng,
Thầy thường qua lại độ an muôn loài.
Bằng chất liệu tâm bi rộng lớn,
Làm thuyền từ chuyên chở Nữ lưu.
Tổ Sư khen ngợi hạnh tu,
Tâm nguyện Bồ tát lòng từ độ sanh.
Kể từ đây, thực hành Y Bát,
Sứ mạng truyền, Khất sĩ tuyên dương.
Hóa duyên hành đạo bốn phương,
Y vàng pháp phôi tỏa hương ngạt ngào.
Hoa tâm linh, đẹp xinh nở rộ,
Từ Ngọc Phương, lan tỏa tỉnh thành.
Giúp đời phụng sự nhơn sanh,
Vì dân, vì nước, vì tình thương chung.
Nguyện đoàn kết, trong lòng dân tộc,
Vì hòa bình, hạnh phúc chúng sanh.
Ngôi nhà Giáo Hội công thành,
Tám gương trong sáng tịnh thanh vững bền.
Suốt cuộc đời hoằng truyền Chánh Pháp,
Một Ni lưu bất khuất, kiên trung.
Kết tinh giới đức vẹn toàn,
Tinh thân Đời - Đạo, khai tâm mọi người.
Ba mươi năm, đi qua mau quá,
Vắng bậc Thầy cao cả kính tôn.
Chúng con quyết một lòng son,
Y theo hạnh nguyện bảo tồn tông phong.
Tu và Học, góp công xây dựng,
Cõi đạo tràng bền vững khang trang.
Khóa Tu Truyền Thống vẻ vang,*

*Mình - Người tất cả hân hoan tu trì.
Đây ý nghĩa lợi Đời, ích Đạo,
Sự tồn vinh dân tộc Việt Nam.
An sinh xã hội quyết làm,
Thương người, giúp đỡ, đẹp tình nước non.
Thực hiện tốt phương châm Phật Giáo,
Mọi người đều đời sống hanh thông,
Ngôi nhà đoàn kết đại đồng,
Dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh.
Để tiếp tục tinh thần báo đáp,
Đạo và Đời nguyện góp công lao.
Viên thành hạnh nguyện Thầy trao,
Y vàng Khất sĩ chung lo độ đời.
Đó chính là đài hoa tinh khiết,
Nay chí thành chí thiết dâng lên.
Vun trồng phước đức xứng tên,
Liên Hoa Ni giới Huỳnh Liên sáng ngời.*

*Kính dâng lễ Tưởng niệm 30 năm ngày Đệ nhất NT Huỳnh Liên viên tịch
Con, NS. TN Minh Liên (TX. Ngọc Phương) kính dâng*

PHÁP THIÊN TRONG BÀI KỆ CHÀO BÌNH MINH

★ Ni sư Xuân Liên - Trụ trì Tịnh xá Ngọc Tuệ, Long Thành

Trải qua bao thăng trầm của kiếp người, những được mất hơn thua, khổ vui, vinh nhục, con người sẽ dần nhận chân ra được lời dạy thiên thu bất diệt của đức Phật về khổ và con đường chấm dứt khổ đau. Đau khổ là sự thật hiển nhiên và dễ nhận thấy trong đời sống mỗi người. Con đường chấm dứt khổ đau mà đức Phật dạy không đâu khác ngoài việc tự chuyển hoá nội tâm bằng việc thiền tập hằng ngày.

Thật vậy, trong cuộc sống mà con người luôn phải đối mặt với bao nỗi lo âu sợ hãi và bế tắc thì Thiền tập được xem như một giải pháp khả dĩ đáp ứng những bức xúc nhằm tháo gỡ vướng mắc, khổ đau. Thiền đã trở thành một phong cách sống tỉnh thức có thể áp dụng cho nhiều đối tượng, căn cơ khác nhau, không phân biệt truyền thống văn hóa tôn giáo, được phổ biến trên các phương tiện truyền thông và có phạm vi ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực.

Một tác phẩm Thiền học đặc sắc mà chúng tôi cảm nhận được đó là bài thơ “Chào Bình Minh” của Đệ Nhất Cô Ni trưởng. Không chỉ đơn thuần là một bài thơ ngũ ngôn bình thường mà tác phẩm còn là một kim chỉ nam quý báu đáng ghi nhớ nằm lòng đối với các hành giả đang thực tập Thiền.

*Hãy chăm chú hôm nay,
Vì nó là đời sống.
Tuy ngắn chẳng bao dai,
Nhưng vấn đề quan trọng.
Sung sướng lúc vượt lên,
Vẻ vang khi hành động.
Rực rỡ của thành công,
Sự sống trong đời sống.
Hôm nay một giấc mơ,
Ngày mai là ảo vọng.
Nếu hôm nay sống vui,
Thấy hôm qua đẹp mộng.*

*Thấy ngày mai xinh tươi,
VẬY HÔM NAY vui sống!*

Ngay câu đầu tiên của bài thơ, chúng ta đã nhận thấy tư tưởng thiền tập tuyệt vời mà Đệ nhất Cố Ni trưởng muốn nhắn gửi:

*Hiện tại lạc trú.
Hãy chăm chú hôm nay,
VÌ nó là đời sống.*

Hôm nay tức là không phải hôm qua hay ngày mai. Hôm nay tức là ngay trong phút giây hiện tại. Bậc trí giả không bao giờ hoài niệm quá khứ, than thở, buồn phiền hay trách móc những lầm lỗi lỡ tào, hay tiếc nuối, nhớ nhung về thời vàng son đã qua. Bậc trí giả cũng không bao giờ mơ mộng, suy tưởng hay ước vọng về tương lai hão huyền chưa đến. Trong hai câu đầu tiên này, Đệ nhất Cố Ni trưởng muốn khuyên hành giả nên an trú tâm trong hiện tại, đừng để tâm rong ruổi đi hoang trong hai miền quá khứ và tương lai, tức là đừng vọng tưởng, cần phải chánh niệm tỉnh giác (vì có vọng tưởng thì tâm không an định sáng suốt, phiền não sẽ phát sinh, tâm si mê điên đảo).

Đây cũng chính là bước đầu căn bản của thiền: Tâm hành giả như con trâu chưa chịu đứng yên, nó cứ đi rong, phá hại lúa mạ. Người chăn phải nắm dây giữ nó ở yên một chỗ. Như thế gọi là “ché tâm nhất xứ” theo lời Kinh Di Giáo, tức là định. Trong Kinh Niệm Xứ, bài kinh số 10 thuộc Trung Bộ kinh, đức Phật dạy về pháp thiền Tứ Niệm Xứ như sau: “*Tỳ kheo sống quán thân trên thân, quán thọ trên các thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời*”. Trong Kinh Thân Hành Niệm, đức Phật cũng dạy các thầy Tỳ kheo niệm hơi thở vô, hơi thở ra trên thân, quán các oai nghi của thân đi, đứng, nằm, ngồi đều có chánh niệm tỉnh giác, quán các cử chỉ của thân, nhất cử nhất động đều ý thức rõ ràng, trọn vẹn. Bởi vì đời sống của chúng ta:

*Tuy ngắn chẳng bao dài,
Nhưng vấn đề quan trọng.
Sung sướng lúc vượt lên,
Vẻ vang khi hành động.
Rực rỡ của thành công,
Sự sống trong đời sống.*

Đây chính là tinh thần thực tiễn, thực tại của pháp tu này giúp chúng ta ý thức trọn vẹn về sự sống, những gì đang diễn ra trong hiện tại, giúp tâm an ổn không xao động (buồn, thương, oán, giận...), không rơi vào những trạng thái tâm lý tiêu cực như: lo lắng, sầu não, nuối tiếc, hoài nghi, bất mãn,

tham luyện... Nhờ đó mà cuộc sống có an lạc hạnh phúc, sung sướng khi vượt qua tất cả những phiền não ai oán trong kiếp nhân sinh, vẻ vang khi tạo tác các hành động thiện lành mang đến lợi ích cho tự thân và tha nhân, khi ấy thành công rực rỡ tức là hạt giống thiện lành đã gieo trồng và chăm bón đến thời kỳ đơm hoa trở quả.

*Hôm nay một giấc mơ,
Ngày mai là ảo vọng.*

Sống và kinh nghiệm bao nhiêu năm trên cuộc đời, mọi người trong chúng ta đều ý thức rõ ràng về sự vô thường giả tạo của kiếp sống tạm bợ này. Tại sao Đệ nhất Cổ Ni trưởng lại bảo rằng hôm nay một giấc mơ còn ngày mai là ảo vọng. Như vậy thì ý nghĩa của đời sống rốt cuộc là gì? Ở đây cần phải hiểu rằng, giấc mơ là huyền hoặc, mộng lung, ảo vọng là không thật, giả dối. Chánh niệm tỉnh giác ngay phút giây hiện tại tức là không dính mắc, tham đắm vào những dục lạc trong hiện tại hay mơ mộng ảo tưởng về các dục lạc muốn có trong tương lai. Chánh niệm là quan trọng, là cái cần theo hành giả suốt lộ trình tu tập. Tham ái vào ngũ dục làm cho tâm não động và hỗn loạn. Khi biết xả bỏ tâm sẽ nhẹ nhàng không còn rối loạn.

Hạnh phúc cao nhất là hạnh phúc của sự quán chiếu nội tâm, thấy rõ diễn biến của sự vật. Người nào, với tâm đơn sơ mộc mạc, biết thưởng thức rằng mỗi một phút giây đều tươi mát, đều mới mẻ thì sẽ hưởng hạnh phúc lớn lao. Niềm hỷ lạc lớn lao trong hiện tại sẽ đến từ một cái tâm đơn giản, mộc mạc, không điều kiện; nhận biết trực tiếp không xuyên qua sự suy nghĩ. Do đó, chúng ta nên hiểu rằng

*Nếu hôm nay sống vui,
Thấy hôm qua đẹp mộng.
Thấy ngày mai xinh tươi,
Vậy hôm nay vui sống!*

Vui sống tức là sống trong chánh niệm tỉnh giác, trong an vui hỷ lạc chứ không phải niềm vui tình trần giả tạo của thế gian. Nếu tất cả chúng ta biết hành theo lời dạy của Cổ Ni trưởng qua bài kệ này, chúng ta sẽ tăng cường năng lực mạnh mẽ trong nội tâm, đủ sức vượt qua mọi phong ba bão táp cuộc đời. Leo núi cần có sức mạnh thể chất. Nếu không đủ sức mạnh, thì ngay từ lúc đầu chúng ta sẽ cảm thấy mệt mỏi và không thoải mái. Nhưng khi cơ thể bắt đầu mạnh hơn; việc leo núi sẽ dễ dàng hơn. Việc tu tập tâm ý cũng vậy. Khi sự tập trung chuyên chú ngày càng mạnh thì việc an trụ tâm sẽ bớt khó khăn hơn. Thực hành và hiểu biết giáo pháp là một điều rất hiếm hoi và quý giá. Là môn đệ, là hàng hậu học, mỗi người trong chúng ta phải tự ý thức việc tu tập tự thân là nhiệm vụ hàng đầu, ưu tiên số một trong tất cả công việc hằng ngày. Vượt lên chính mình, vượt lên những phiền não âm

thầm hay dữ dội đang hành hạ, chế ngự bản thân hằng ngày là chiến thắng vinh quang, rạng rỡ nhất mà mình cần phải vươn tới. Có được như vậy mới xứng với danh xưng là Ni chúng trong hàng ngũ của Giáo hội Ni giới Khất sĩ và không phụ lòng kỳ vọng của Đệ nhất Cố Ni trưởng khả kính.

Cuối xuân Đinh Dậu 2017

CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP CỦA NI TRƯỞNG HUỲNH LIÊN - ĐỆ NHẤT TRƯỞNG NI GIỚI HPKS VIỆT NAM

★ Ni sư Hoa Liên - Trụ trì Tịnh xá Ngọc Phước - Bình Phước

Ni trưởng Huỳnh Liên thế danh Nguyễn Thị Trừ, sinh tại tỉnh Long An, là trưởng tử ni của Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang, được Đức Tổ Sư ấn chứng nhiệm vụ lãnh đạo Ni chúng.

Vào năm 1947 Ngài được xuất gia với Đức Tổ Sư, vị Tổ khai sáng Hệ phái Khất sĩ Việt Nam. Cùng xuất gia với Ngài là Ni trưởng Đệ Nhị và Ni trưởng Đệ Tam. Được Đức Tổ Sư đặt tên là Huỳnh Liên, Bạch Liên và Thanh Liên. Từ đó Ni trưởng được Đức Tổ Sư giao trách nhiệm lãnh đạo Ni đoàn, dẫn chúng Ni hành đạo, dựng lập Tịnh xá để Ni chúng và Phật tử có nơi tu học. Rồi Ni trưởng lần lượt đến các tỉnh miền Tây, miền Nam du hóa, cất lập rất nhiều Tịnh xá, thu hút rất nhiều tín đồ Phật tử, và kể từ đó Giáo Hội Liên Hoa được thành lập.

Trải qua nhiều tháng năm, Ngài dần dần truyền bá giáo pháp Khất sĩ ra miền Trung, nương theo bước chân của Chư tôn đức Tăng (Tăng già Khất sĩ) mọi việc hành đạo lúc đầu tương đối khó dung thông, lại thêm khí hậu khắc nghiệt, bão tố mưa sa, ngập lụt mãi hoành hành, nắng thì cháy da, gió Lào oanh tạc, thêm phần thổ nhưỡng không thích hợp, tập quán khác nhau. Mỗi miền có một cuộc sống dị biệt, và nhất là miền Trung Phật giáo Bắc Tông phát triển lâu đời, chưa thể cảm thông với đường lối tu tập của Hệ phái Khất sĩ còn xa lạ. Về tinh thần, nơi đây do ảnh hưởng tập quán Vua chúa ngàn đời phong kiến, chỉ trọng Tăng mà không chấp nhận Chư tôn đức Ni thuyết pháp, giảng đạo nơi Đô hội. Đặc biệt là hạnh khất thực rất lạ lẫm đối với người dân, từ đó họ rất xem thường Ni giới, còn đối với Chư Tăng lại trọng vọng, cung kính.

Nhưng trải qua thời gian, được sự chỉ đạo tu hành sống đời đạo hạnh thanh bần, tịnh mặc, kết hợp với sự hoằng truyền đường hướng chân chính, đúng với lối sống của Phật Tăng xưa, nên từ Chư Tăng đến Chư Ni hành đạo Miền Trung dần dần được Phật Giáo đồ chấp nhận, thậm chí Chư Tôn đức Trưởng Lão Bắc Tông đều đồng thuận.

Thế là sự khó khăn cuối cùng cũng qua đi, Ni trưởng và Chư Tôn Ni đã thành tựu trong bước đầu. Bước khó khăn kế tiếp đòi hỏi Ni trưởng cùng Ni chúng sự kiên trì trong sinh hoạt ăn mặc ở bệnh đều thiếu thốn, nhưng nhờ vào đức hy sinh của du đoàn, kết hợp với hạnh đức trang nghiêm, một mực

nghiêm trì giới luật đã tạo nên sự thành công trong cuộc hành đạo miền Trung bước đầu.

Từ năm lập đạo đến nay, lớp lớp hàng hàng người đến xuất gia, cư sĩ quy y, theo học pháp tu tập cũng đông vô số kể, hiện tại thống kê năm 2016 tự viện Tịnh xá được 250 ngôi.

Cuộc đời của Ngài ví như vầng nhật nguyệt soi sáng cho nhân sinh trong tinh thần hòa nhập đạo và đời. Tinh thần cứu cánh của Ngài không phải là quả vị chờ sẵn để thụ hưởng, mà là dẫn thân lo cho đời thoát khỏi ách nạn xiềng xích của kẻ đô hộ. Không những thế Ni trưởng còn gom tàn dư chiến tranh bằng cách cứu vớt các em cô nhi, đưa về nuôi nấng, để các em có vòng tay ấm áp bảo bọc khi đã mất đi cha mẹ, và còn rất nhiều việc mà Ngài đã phụng sự cho đạo pháp và chúng sanh không sao kể hết. Đặc biệt là Ngài luôn thể hiện hạnh tùy duyên mà bất biến, bất biến mà tùy duyên.

Ni trưởng Huỳnh Liên hạnh nguyện Bồ tát rộng độ khắp muôn loài, làm con thuyền chở chuyên phái nữ, lập đoàn Ni độ chúng qua bờ giác ngộ. Thấy đất nước lâm nguy, thương vong nô lệ, Ngài đã khuyến khích động viên thành lập nên phong trào “Phụ nữ đòi quyền sống”, làm cách mạng đưa dân tộc đến độc lập hòa bình thật sự hạnh phúc nước nhà.

Còn đối với hạnh nguyện của người xuất gia chân chính thì Người đã làm được gì cho chúng sanh và đạo pháp? Ni trưởng chỉ một lòng phục vụ, làm lợi đạo ích đời, nhưng chẳng cần danh lợi tiếng tăm, cũng chẳng quan tâm đến thành tựu của mình, mà đức Ni trưởng luôn uy nghi làm bậc hướng đạo cho Đoàn Ni giới tiến tu, trau dồi giới định tuệ, khuyến tấn học hành để kiến thức tăng trưởng kịp với trào lưu xã hội thăng tiến.

Khi mọi việc đến hồi viên mãn Ngài ra đi trong sự kính tiếc của muôn vạn đệ tử xuất gia, tại gia và để lại tiếc thương hoài vọng của mọi người. Nhưng Ngài vẫn thản nhiên như thị, thật là:

*“Nhạn quá trường không,
Ảnh trầm hàm thủy.
Nhạn vô di tích chi ý,
Thủy vô lưu ảnh chi tâm”.*

*Nhạn bay trên không.
Bóng chìm đáy nước.
Nhạn không ý để dấu.
Nước không tâm lưu bóng.*

(Thiền Sư Hương Hải)

Có thể nói, Ni trưởng Huỳnh Liên góp phần chấn hưng Phật Giáo bằng tự thân đầu trần chân đất, thực hành pháp Phật chân truyền, khát thực hóa duyên hạnh của Phật tăng xưa... Tất cả những công hạnh trên vốn đã là tiếng chuông cảnh tỉnh cho muôn vạn người xuất gia. Khác hẳn với người lấy tự ngã làm quan trọng, chân giày chân dép, sống cảnh đế vương, được ở chùa xuất gia trong giáo pháp của Phật là vua là quan, quả thật trái ngược với công hạnh của Đức Phật lúc Ngài còn tại thế.

Thêm vào đó khi nước nhà độc lập, Giáo hội Phật giáo chưa thống nhất thật sự để sinh hoạt chung, các hệ phái còn riêng lẻ, Ngài là một trong những vị đã có công vận động 9 (chín) hệ phái cùng chung một lòng, đưa về một mối. Trong đó Hệ phái Khất sĩ và Ni giới của Hệ phái Khất sĩ đồng hòa hợp thành lập một Giáo hội Phật giáo duy nhất, đó là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam hiện hành. Đó cũng là đóng góp điển hình của Ni trưởng trong vai trò chấn hưng Phật Giáo trong thời kỳ cận đại này. Và làm tiền đề sáng lạn nổi bật sau 35 năm thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (1981- 2016).

Về văn chương thi phú của Ni trưởng Huỳnh Liên đã sáng tác đạt đến mức tuyệt tác phi phạm, khiến cho bao người nếu ai đọc đến, hiểu được là phải ngưỡng mộ tâm tấu. Riêng con là đệ tử trong Ni giới Hệ phái Khất sĩ, hằng ngày được tụng niệm các kinh nhật tụng Di Đà, Phổ Môn, Vu Lan, Sám Hối Hồng Danh, Báo Hiếu, kệ tụng do Ni trưởng phiên dịch từ Hán văn ra quốc ngữ thành lục bát, song thất lục bát, song thất biến thể, thất ngôn tứ tuyệt. Ngài giảng rõ không ngoài ý kinh mà văn chương lưu loát đưa Người vào đạo, mỗi câu, mỗi chữ ý nghĩa thâm trầm, để cho người tụng đọc hiểu rõ ý kinh mà không hề chán nản bởi văn tự dài dòng. Từ đó khiến cho người thực hành thoát được ra ngoài vòng ràng buộc của thế gian. Có những bài thơ, Ni trưởng đã miêu tả nỗi khổ của con người phải cam chịu trong cuộc sống hồng trần triền phược, để người đọc phát tâm tu tập, hầu đạt được giải thoát. Văn thơ của Ngài đủ thể loại, bóng bảy, trù tượng, nhân cách hóa... nhưng tựu trung đều đưa con người đến cảnh thật, nếu chỉ nghe và để luận bàn suy ngẫm chưa đủ mà phải thực hành đúng lời Phật dạy (Văn Tư Tu).

Hàm ý của Ni trưởng muốn dạy rằng, người tu hành muốn đạt đến cứu cánh Niết bàn phải tu giới định tuệ, phải giữ giới đúng cấp bậc mà mình đã lãnh thọ, đồng thời phải biết làm lành lánh dữ, nếu không sẽ bị đọa lạc luân trầm, đó là lẽ đương nhiên không sai chạy.

Qua đó cho thấy, Ni trưởng Huỳnh Liên, Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam là bậc xuất trần thượng sĩ trong thời cận đại này, xứng đáng cho hàng Ni giới Hệ phái Khất sĩ và mọi người trong xã hội tôn sùng, kính ngưỡng.

Cung kính ngưỡng bái bạch Giác linh Ni trưởng!

Con thật là có phúc duyên, được xuất gia trong Ni giới Hệ phái Khất sĩ, được tắm mình trong biển Phật pháp chính là nhờ thâm thấu kệ Tam Bảo do Ni trưởng sáng tác, văn chương của Ngài đã đem con vào đạo, tin sâu Tam Bảo với niềm tín tâm bất động. Con phát nguyện thà bỏ thân này chứ không bao giờ bỏ đạo và kiếp kiếp sanh thân đều gặp Phật pháp để tu hành.

Ngài là ánh trăng sáng, là vì sao Bắc đẩu giữa bầu trời sạch trong. Chúng con chỉ là những con đom đóm bé nhỏ gom tụ trong lùm cây mảnh đất, nhưng cũng cố gắng làm rực sáng như ánh đèn nhỏ trong đêm. Chúng con hôm nay được làm những viên gạch trong ngôi nhà Giáo hội Hệ Phái lớn lao, thật là niềm phúc hữu hạnh cho chúng con vô cùng.

Để lòng tôn kính con xin dâng vần thơ mộc mạc kính tưởng công đức hành đạo của Ngài ở Miền Trung xa xôi đầy gian khổ, ngưỡng mong Ngài thùy từ chứng giám.

Một ánh hào quang, một vầng nhật nguyệt

*Ni trưởng Huỳnh Liên bước chân vàng
Tỏa cùng non núi ải Nam Quan
Đầu nguồn cuối bãi miền Trung thổ
Chuyển hóa độ đời khắp trời Nam.*

*Nhớ bước chân xưa lập đạo tràng
Sánh tà nhật nguyệt bước du phang (phương)
Rọi đường rẽ lối về bỉ ngạn
Giống trống xưa tan cảnh nào phiền.*

*Ni chúng miền Trung đón chân Ngài
Khai nguồn Bình Thuận nếm chông gai
Phan Rang Ninh Thuận qua nhiều tỉnh
Khánh Hòa lưu trú xứ trầm hương.*

*Đến đâu Tịnh xá được đơm chồi
Ươm mầm Tam Bảo khắp nơi nơi
Ni chúng càng đông, càng mến mộ
Thiện nam tín nữ lớp vun bồi.*

*Rời đến Phú Yên Bình Định thành
Quy Nhơn miền biển đất thần danh
Quảng Ngãi Quảng Nam người hào kiệt
Quý trọng đức Ngài bậc tinh anh.*

*Nữ lưu xuất chúng cõi trời người
Xuất trần thượng sĩ có mấy ai
Một ánh hào quang, vàng nhật nguyệt
Sáng ngời tỏa rạng, đẹp muôn đời.*

*Thần kinh xứ Huế đất Cố Đô
Tinh thần Vua chúa khó truyền thừa
Tiếng pháp oai hùng như cảnh tỉnh
Thức hồn ai đó giữa sông mê.*

*Thế rồi rào cản cũng lưu thông
Bốn biển hòa chung một cộng đồng
Ngọt ngào đáp trả ai vấn nạn
Ni trưởng Huỳnh Liên được tôn sùng.*

*Quảng Trị dù xa cũng đến nơi
Du hành khó nhọc vượt trùng khơi
Bãi cát nóng bừng như rang lửa
Khát thực độ đường, hạnh nêu gương.*

*Đêm về thuyết pháp giữa trời quang
Hàng hàng thánh giả rợp quảng trường
Tưng bừng hỏi đạo, Ngài đáp trả
Khế lý, khế cơ giảng tận tường.*

*Từ đó đông vây chúng xuất gia
Thiện nam tín nữ đất Đông Hà
Mến đạo quy y trì năm giới
Hiểu rõ con đường Phật Thích Ca.*

*Hòa hiệp Nam Trung một con thuyền
Liên Hoa Bát Nhã Ngài Huỳnh Liên
Độ chúng hai miền thành Giáo hội
Vây đoàn khát sĩ, kết thiện duyên.*

*Ngày nay rạng rỡ đẹp cửa thiên
Đạo vàng cường thịnh chúng hưng yên
Tịnh xá chúng Ni ngời tâm cờ
Ngài là nhật nguyệt ánh hào quang.*

*Sáu mươi lăm năm một kiếp người
Hiện thân Bồ tát giữa trần ai
Độ tận chúng sanh không lười mỏi
Bóng từ vô lượng khắp nơi nơi.*

*Ba mươi năm chốn Ngài già từ
Chúng con ngậm tưởng mới hôm qua
Đắm mình kính ngưỡng Thầy vĩ đại
Ngỡ rằng Thầy mãi mãi không xa.*

*Ni chúng miền Trung quyết một lòng
Theo chân Ni trưởng hạnh Thích Ca
Xứng danh con gái dòng Thích Tử
Đáp tạ ân Thầy độ xuất gia.*

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ tát Ma Ha Tát.

ĐẠI LỄ TƯỞNG NIỆM LẦN THỨ 30 NI TRƯỞNG ÂN SƯ VIÊN TỊCH

Từ ngày 17 - 19 tháng 03 năm Đinh Dậu (13-15.04.2017)
Tại Tổ Đình Ngọc Phương - TP Hồ Chí Minh

★ Ni sư Tiên Liên - Trụ trì TX. Ngọc Hòa (USA)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Kính lạy Chư Phật Pháp Tăng Mười Phương Ba Đời.
Kính lạy Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang.
Kính bạch chư Tôn Giáo Phẩm Hòa thượng Hội đồng Chứng minh.
Kính bạch chư Tôn Đức Hội đồng Trị sự GHPGVN.
Kính bạch chư Tôn Đức Ban Trị Sự GHPGVN TP. HCM, chư Tôn Đức
Ban Trị sự GHPGVN quận Gò Vấp và các quận huyện.
Kính bạch chư Tôn Đức Giáo phẩm Hệ phái Khất sĩ.
Kính bạch chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng.
Kính bạch quý Ni trưởng, Ni sư, chư Tôn Đức Ni.
Kính thưa quý vị Khách quý cùng toàn thể quý Phật tử.

Kể từ ngày Ni trưởng thượng Huỳnh hạ Liên - Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam tọa bửu liên đài Cao Đẳng Phật Quốc đến nay đã tròn 30 năm. Tuy rằng một phần ba thế kỷ đã trôi qua với bao sự đổi thay và phát triển của xã hội cũng như của Giáo hội và Hệ phái, nhưng hình ảnh tôn quý và công hạnh tuyệt vời của Ni trưởng vẫn luôn hiện hữu trong lòng Ni giới chúng con.

Hôm nay, nhân Lễ Tưởng niệm lần thứ 30 ngày Ni trưởng viên tịch, chúng con trước hết vô cùng tri ân sự hiện diện của chư Tôn Thiên Đức, chư vị khách quý, Phật tử gần xa. Tiếp đến, xin chư Tôn đức cho phép chúng con được sơ lược qua tiểu sử của Ân Sư chúng con.

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Ngưỡng bạch Giác linh Thầy, hôm nay ngày Tưởng Niệm Thầy 30 năm vắng bóng, chúng con xin mượn vài dòng văn thơ thiền nhắc lại cuộc đời và công hạnh của Người. Kính nguyện Giác linh Thầy chứng giám.

I. THÂN THỂ

Ni trưởng thượng Huỳnh hạ Liên, thế danh Nguyễn Thị Trừ, sinh năm 1923 tại làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Vận. Thân mẫu là cụ bà Lê Thị Thảo, xuất gia thọ Tỳ Kheo Ni giới Pháp danh Thiện Liên.

Thiên tính bẩm sinh ham học và thích văn thơ như đã gieo trồng từ bao thưở, Ni trưởng vào tuổi chập chững biết đi đã thuộc lòng Tam Tự Kinh do thân phụ Người đọc cho nghe hằng ngày trong lúc ru ngủ. Ni trưởng được học môn Hán Nôm từ Cụ Ông khi tuổi còn rất nhỏ.

Thập niên 1930 đến 1940, phụ nữ thường không được đi học nhiều, chỉ lo việc tề gia nội trợ là chính, Ni trưởng ngược lại tìm tòi học, đọc rất nhiều sách vở, nhờ thông thạo chữ Hán và được gia đình cho học hết chương trình Trung học. Ni trưởng thường quan tâm đến những vấn đề về nhân sinh, thế giới hơn là những việc thường nhật khác của một thiếu nữ miền quê.

Hạnh khiêm tốn và tình thương giành cho thân phận nữ nhi như đã có từ bao đời, Ni trưởng thường giúp các chị em phụ nữ cùng trang lứa trong làng học hiểu về cuộc sống, hướng dẫn giúp các bạn làm thơ từ thi phú, hỗ trợ những ai kém may mắn không được đến trường.

Sinh trưởng trong một gia đình thâm nho, đạo đức và tin Phật, Ni trưởng được nuôi dưỡng tinh thần bằng chất liệu từ bi, và sớm nhận thức cõi đời là giả tạm, thế sự phù vân, chỉ có đạo giải thoát cứu cánh mới giúp con người đến được bờ giác ngộ.

Năm 20 tuổi, Ni trưởng không như bao nhiêu thiếu nữ thường tình khác, phát sơ tâm làm cư sĩ tại gia tại Niệm Phật Đường Minh Sư.

Năm 1947, thời điểm chuyển mình thoát tục, được thính pháp với Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang, khi Ngài hành đạo đến làng Phú Mỹ, Tỉnh Mỹ Tho, Ni trưởng bước ra quỳ xin Đức Thầy cho xuất gia. Đức Tổ Sư hỏi: *“Tín nữ xuất gia với hạnh nguyện gì?”* Ni trưởng thưa: *“Bạch Đức Thầy, con xuất gia với hạnh nguyện làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ”*. Đức Tổ sư khen: *“Đó là hạnh nguyện của Bồ tát, chỉ có Bồ tát mới có hạnh nguyện rộng lớn như thế”*. Đức Tổ Sư dạy: *“Tín nữ về tìm thêm 3 vị nữa cùng đi xuất gia”*.

Ngày 1 tháng 4 năm 1947 tại Linh Bửu Tự, Làng Phú Mỹ, Tỉnh Mỹ Tho, Ni trưởng cùng 3 vị đồng hành được Tổ Sư tiếp độ xuất gia, ban pháp danh Huỳnh Liên, Bạch Liên, Thanh Liên và Bửu Liên.

II. XUẤT GIA

Xuân đạo lý đã đơm bông trí tuệ, Ni trưởng cùng 3 vị pháp lữ được Đức Tổ Sư truyền Y Bát, ấn chứng làm Trưởng tử Ni để hướng dẫn đoàn Ni

Giới đi hành đạo theo dấu chân của Đức Kiều Đàm Di Mẫu, chư vị Trưởng Lão Ni tiền bối. Ni trưởng cùng Tăng đoàn hàng ngày học đạo, nghe pháp từ Đức Tổ Sư và mỗi ngày mỗi vị phải trình kệ pháp, để Tổ Sư xem xét lại việc học đạo và hiểu đạo của chúng đệ tử. Đức Tổ Sư tuy không khen tặng, nhưng những bài kệ pháp của Ni trưởng thường được Đức Tổ Sư cho phép ghi chép lại và về sau còn chứng minh cho làm những bài Kệ khuyến tu, để Phật tử đọc tụng hàng ngày. Trong thời gian Tổ Sư còn dẫn đoàn đi hành đạo, Ni trưởng ngoài việc tu học hành trì pháp tu, còn được Đức Tổ Sư giao cho phận sự chuyển dịch và soạn thảo Kinh Tụng hàng ngày.

Năm 1954, Tổ Sư Minh Đăng Quang vắng bóng, kế tục sự nghiệp được Thầy giao phó, Ni trưởng cùng Tăng đoàn hoàn thành sứ mạng hoàng truyền Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam. Thời gian đầu rất gian nan, nhưng vì chí nguyện xuất trần Ni trưởng đã lèo lái con thuyền Liên Hoa bằng tất cả tấm lòng, bằng từ bi hỷ xả, vô ngã lợi tha.

III. ĐẠO NGHIỆP

Bằng hạnh nguyện làm chiếc thuyền từ chở chuyên phái nữ qua sứ mạng nối truyền Thích Ca Chánh Pháp, Ni trưởng đã nỗ lực lèo lái con thuyền Ni giới Khất sĩ song song con thuyền Giáo hội Tăng già, truyền thừa Phật Pháp rộng sâu trong quần chúng nhân gian khắp hai miền Nam Trung nước Việt.

Trong 41 năm, ánh sáng công hạnh trí tuệ của Ni trưởng gieo trồng đến đâu là hoa Giác, quả Thiên xinh tươi đơm cành đến đó. Xe Pháp luân hoàng dương Chánh pháp của Ni trưởng từ năm 1947 đến năm 1987 đã tỏa chiếu ánh từ quang, giông ruổi khắp sơn khê, phố thị, tiếp độ hàng ngàn Ni chúng xuất gia. Thiện Nam, Tín Nữ hàng hàng lớp lớp quy y. Thành lập hàng trăm ngôi Tịnh xá, Đạo tràng, chi nhánh khắp Nam Trung. Từ các tỉnh miền Tây như Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp; đến Thành Phố và các tỉnh miền Đông như Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh; Cao Nguyên trung phần có Tỉnh Lâm Đồng, Gia Lai, Komtum, Dalak; Ra đến miền Trung Phan Rang, Phan Rí, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam Đà Nẵng, Tam Kỳ, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị đều có Tịnh xá Ni chúng đệ tử của Ni trưởng.

Suốt đời vì đạo, vì nhơn sanh, thanh bần giản dị, nhu yếu về ăn mặc ở bệnh, đơn sơ qua bữa, thế mà phút giây nào Ni trưởng cũng vận dụng tâm trí dùng Thân, Khẩu, Ý giáo hóa môn đồ, độ cư gia bá tánh. Thương Ni chúng và Phật tử khó lãnh hội được ý nghĩa súc tích thâm sâu của Kinh Tạng chữ Hán và Pali, Ni trưởng diễn dịch, biên soạn, toát yếu một số Kinh

ra chữ Quốc ngữ, thể văn vần cho dễ học, dễ hiểu và dễ nhớ. Các Kinh Nhật tụng như Kinh Di Đà, Kinh Hồng Danh, Kinh Vu Lan, Kinh Phổ Môn, Kinh Báo Hiếu, Bát Nhã Tâm Kinh và các bộ Kinh như Khóa Hư Lục, Kinh Vô Ngã Tướng, Kinh Pháp Cú, Kinh Di Giáo, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Cảnh Sách, Kinh Sa Môn Quả, Kinh Ma Kiến Đề... Đặc biệt là Chơn Lý Đại Đồng của Đức Tổ Sư gồm 69 quyển được diễn thành văn vần, để Ni chúng tụng đọc hằng ngày.

Cuộc đời thơ văn của Ni trưởng gắn liền với sứ mạng hoằng dương Phật Pháp, đem thơ tải Đạo, gần 2000 bài thơ, bài kệ đủ thể loại từ thể Tứ Tục, Ngũ Ngôn, Lục Bát, Tứ Tuyệt, Song Thất Lục Bát, Bát Cú đến thể thơ tự do và thể loại Văn tế và hàng ngàn bản văn xuôi với nội dung khuyến tu, trau dồi Giới, Định, Tuệ.

Ngoài việc kiến pháp tràng u xứ xứ, phá nghi võng u trùng trùng, hàng phục chúng ma, thiêu long Tam Bảo, Ni trưởng còn dạy: *Là Trưởng tử của Như Lai, hành Như Lai xứ, tác Như Lai sự, phải có đủ đạo hạnh và trí tuệ để hoằng hóa và làm lợi ích cho chúng sanh. “Mỗi người học chữ phải trau dồi đạo đức, lấy sự tu chứng làm việc, chứ không phải chỉ học suông”*. Do vậy, Ni chúng xuất gia phải thực tập hai câu thơ của Ni trưởng:

*“Tu có học mới rạng ngời Chánh Pháp,
Học có tu mới lợi Đạo ích Đời”*.

Thực hành Bồ tát đạo, Ni trưởng với tinh thần nhập thế mang Đạo vào Đời, lấy từ bi xóa hận thù. thực hành con đường Lục độ. Ni trưởng muốn đem tình thương và ánh sáng Đạo Vàng xoa dịu nỗi khổ vật chất và tinh thần của mỗi tâm hồn, nhờ đó mà được thấm nhuần mưa pháp. Ni trưởng cho thành lập các Cô nhi viện và Ký nhi viện nuôi trẻ mồ côi, mở trường dạy học từ thiện, ủy lạo bố thí các bệnh viện, khám đường... Cô nhi viện Nhất Chi Mai tại Cầu Hàng - Biên Hòa, cô nhi viện ở khắp các Tỉnh Thành như Cà Mau, Phước Long, Bình Long, Phan Rang... được thành lập song song bên cạnh các Tịnh xá khắp nơi. *“Mỗi người tu đều tích cực làm việc cứu độ, chớ đừng cầu an, hưởng lạc, quan niệm ích kỷ giải thoát bản thân”*.

Năm 1981, Ni trưởng trong tinh thần đoàn kết hòa hợp cùng chư Tôn Đức lãnh đạo các tổ chức Giáo hội, Hệ phái xây dựng thành công ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam và Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam cơ sở II tại Vạn Hạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ni trưởng trong nhiều năm phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc được suy cử giữ nhiều chức vụ như: Đại Biểu, Ủy Viên Trung Ương Mặt Trận, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc... nhưng Ni trưởng thường dạy Ni Chúng:

*“Nguy thời dựng nước cứu dân,
An thời giữ áo am vân tu trì”.*

Ni trưởng nhìn xa trông rộng và biết được thời gian đến đi của mình.

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa,
Định Huệ không thiếu, không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.*

Gần khoảng 10 năm cuối đời, Ni trưởng để hết tâm lực và thời gian còn lại xây dựng Tịnh xá Ngọc Uyên, thành phố Biên Hòa nơi có hàng chục mẫu đất làm Đạo Tràng Tịnh xá Ngọc Phương 2, để mở mang phát triển cho Hệ phái Ni giới. Giáo dục, khuyến tấn chư Ni ghi danh vào trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam. Mở các lớp Giáo lý tại Tịnh xá Ngọc Phương và Tịnh xá Ngọc Liên, Cần Thơ. Đạo nghiệp của Ni trưởng là sự kết hợp của Giới đức, Tâm đức, Trí đức và Tuệ đức.

IV. VIÊN TỊCH

Thời gian cuối cùng của Báo Thân, tuy sức khỏe kém dần, nhưng Ni trưởng vẫn không sao lãng chí nguyện ưu đời mãn thế, hóa độ chúng sanh, giáo dưỡng Chúng Ni xiên dương Phật Pháp. Người vẫn tỉnh giác tự tại, biểu thị hiện thân của một vị Bồ tát, giới đức trang nghiêm, thanh tịnh, sinh tử, khứ lai vô ngại. Ni trưởng sắp đặt công việc của Hệ phái, người nào việc nấy và dạy phải ý thức tham gia làm giáo dục, từ thiện không được sao lãng và từ nan khó nhọc.

Vào lúc 16 giờ 20 ngày 19 tháng 3 năm Đinh Mão (nhằm 16 tháng 4 năm 1987), Ni trưởng viên tịch mãn Báo thân, trụ thế 65 năm, 41 năm hạ lạc.

Ngưỡng bạch chư Tôn Thiên Đức và quý liệt vị,
Chúng con biết Thầy chúng con:

*“Thác tích vào đời để độ sinh,
Một khi tâm nguyện đã viên thành.
Thu thân xả mọi duyên trần thế,
Về cảnh Liên đài nơi bất sinh”.*

Nhưng hàng Ni giới chúng con được thọ Ân giáo dưỡng của Ni trưởng, vẫn còn mang nặng nghĩa Ân sư, luôn mong ngày đền đáp. Để thể hiện lòng tri ân đến bậc Thầy cao cả, chúng con xin mạn phép chư Tôn đức cho toàn thể chư Ni Hệ phái chúng con, thành tâm đánh lễ Giác linh Ân sư ba lạy.

Kính nguyện chư Tôn Đức Pháp thể khinh an, Phật sự viên thành. Kính chúc quý quan khách, quý Phật tử thân khỏe tâm an, vạn sự cát tường.

CẨM HOÀI

Tưởng Niệm lần thứ 30 ngày Ni trưởng Huỳnh Liên Viên Tịch (1987-2017)

★ Ni sư Tiên Liên - Trụ trì TX. Ngọc Hòa (USA)

Thời gian thấm thoát thoi đưa, đã 30 mùa mưa nắng, Ni chúng Ngọc Phương chúng con xa Ni trưởng. Ni trưởng thượng Huỳnh hạ Liên, Đệ nhất Trưởng Hệ phái Khất sĩ Ni giới, một bậc Thầy khả kính mà chúng con, những ai được sống gần, hoặc gặp gỡ tiếp xúc qua, khó mà quên được! Đạo lý uyên thâm, thông thái, cởi mở và đặc biệt là lòng từ bi quảng đại của Người.

Năm 1980, theo lời dạy của Ni trưởng *“những Ni cô hoặc Tập sự còn trẻ tuổi phải về Tổ đình Ngọc Phương để được tiếp tục học văn hóa vì mai sau, theo sự phát triển của xã hội, người tu phải có trình độ văn hóa mới hành đạo giúp đời, có kiến thức hiểu biết thì mới không đi vào con đường mê tín”*.

*“Tu có học mới rạng ngời Chánh pháp,
Học có tu mới lợi Đạo ích Đời”*

Năm 1981, con đang tập sự tại Tịnh xá Ngọc Chiêu, Hàm Tân, khăn gói về Tổ đình Ngọc Phương. Chư Ni được chia làm hai chúng học, một chúng còn nhỏ tuổi đời ở lại Tổ đình Ngọc Phương tiếp tục học văn hóa, một chúng hơi lớn tuổi đời về Tịnh xá Ngọc Liên, tỉnh Cần Thơ học giáo lý. Con năm đó chỉ mới 14 tuổi, tuy rất thích học giáo lý, vì chí nguyện xuất gia, nhưng phải ở lại Ngọc Phương để tiếp tục học văn hóa, theo sự chỉ dạy của Ni trưởng.

Để chuẩn bị cho con đường học văn hóa của chư Ni, Ni trưởng cho chúng con học trước nội điển và ngôn ngữ. Ni chúng học Kinh Nam truyền, Hán văn, Pali và học làm thơ. Môn văn thơ do Ni trưởng trực tiếp đứng lớp dạy, môn Hán văn có Ni trưởng Mai Liên, Ni sư Cẩm Liên phụ trách. Học Pali và Kinh Trung Bộ thì Ni chúng đi học tại Đại học Vạn Hạnh với Hòa thượng Thích Minh Châu.

Hình ảnh Ni trưởng đứng trước bảng dạy học thật khó quên trong lòng con. Ánh mắt nghiêm nghị, nhưng đầy từ ái, giọng nói ôn tồn, Ni trưởng dạy kỹ thuật làm thơ, nào nhịp thanh, vần đối, nào niêm luật và tứ thơ, từ căn bản là thể Tứ Tự... Phật sự của Ni trưởng rất bận rộn, có nhiều việc lo trong, lo ngoài, nào là đi hội họp, nào là cùng quý chư Tôn Đức giáo phẩm trong Ban Vận Động, đi khắp nơi vận động thành lập ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam. Khách đến tìm Ni trưởng, nhiều khi phải chờ cả buổi. Con còn

nhớ hình ảnh “*Sư*” Giác Toàn ngồi nơi phòng khách chờ đến 2, 3 giờ đồng hồ để gặp Ni trưởng bàn luận công việc gì đó. Ngoài việc đối ngoại, Ni trưởng còn phải để tâm lo kinh tế cho Tổ đình Ngọc Phương. Vậy mà Ni trưởng vẫn giành ra mỗi tuần 2 buổi để dạy Ni Chúng học làm thơ.

*“Vì muôn chúng đành cam nhọc khổ,
Chẳng riêng mình tìm chỗ nghỉ ngơi.
Đông, Tây lặn lội đòi nơi,
Tám thân dầu dãi khi vui khi đầy”*

(Trăng Đạo)

Lớp văn hóa đầu tiên trình độ lớp 8 của chúng con là lớp thí điểm, mà cũng là ưu tiên nhất trong các lớp, nên có biệt danh “*lớp đặc biệt*”. Ni trưởng cho mời các Giáo sư nổi tiếng về Ngọc Phương dạy bốn môn căn bản: Toán, Lý, Hóa, Văn, để chú Ni tiếp tục con đường học nghiệp. Lo chúng con không theo kịp với trình độ bên ngoài, Ni trưởng cho chúng con học ngày, học đêm. Một môn học có đến 2 Giáo sư dạy kèm. Học Ni đi học 1 năm phải nhảy 2 lớp, vì Ni trưởng muốn chúng con phải tốt nghiệp cấp 3 trong vòng 2 năm. Nói “*lớp đặc biệt*” được ưu tiên vì trong các lớp học văn hóa, chúng con được ưu đãi về các mặt học tập cũng như thời gian. Sau khóa học của chúng con, những chương trình học luyện thi và bồi dưỡng thêm cũng lần lần thuyên giảm.

Thập niên 1980, các Tịnh xá còn nhiều khó khăn về kinh tế, người người còn rất khổ, cơm gạo thiếu trước, hụt sau, vậy mà chúng con được nuôi dưỡng trong vòng tay của Ni trưởng, được ăn học, không cần lo âu, phiền muộn. Thỉnh thoảng, chúng con được quý Sư Cô quản chúng cho biết, “*tiền mượn Giáo sư dạy học cho các cô rất đắt*”. Quý Sư cô phải thu vén những khoản chi tiêu khác để có tiền trả tiền học cho chúng con. Ni trưởng cho học, nhưng còn các vị Ni chúng khác, thì sao? Chúng con cũng khó lòng yên ổn, học nhưng cũng lo lo làm sao ấy.

Một hôm, Ni trưởng đi vắng, chúng con toàn thể đồng lòng trốn học dự định cho cô giáo, thầy giáo nghỉ dạy, để khỏi phải trả tiền học phí. Thế là cả lớp chúng con được gọi xuống quỳ 1 giờ đồng hồ trước phòng của Ni trưởng, nơi có chiếc võng Ni trưởng thường nằm nghỉ. Ni trưởng vừa giận, vừa dạy với giọng hơi nghẹn: “*Sư cô cho các Cô học là để lo cho tương lai của Giáo hội, cho Đạo Pháp và cho các Cô. Sư cô còn sống ngày nào thì lo cho các Cô ngày đó, mai sau Sư cô mất rồi, các Cô không có cơ hội học hành, Giáo hội phải làm sao? Ngày nay, dân trí phát triển, các Cô phải có trình độ văn hóa. Sư cô lo cho các Cô phụ lòng Sư cô. Sư cô và các Sư cô các nơi Tịnh xá, nhịn ăn, nhịn mặc lo cho mấy Cô, mà mấy Cô không hiểu, muốn phẫn Thầy. Ai, ai dạy mấy Cô phẫn Thầy....*” Hôm nay, viết lại đôi

dòng này, con vẫn còn rơi nước mắt, tim quặn đau vì nhớ Ni trưởng. Tấm lòng của Ni trưởng, không phải chỉ là của người Thầy mà còn là của Người Mẹ hiền đảm đang.

*“Sứ mạng từ bi hiện nữ nhân,
Vớt đoàn nhi nữ thoát trầm luân.
Đóng vai từ mẫu, vai thuyền trưởng,
Vết sóng ba đào hiện pháp thân”.*

(Khóc Thầy)

Kể từ đó, chúng con không dám chệnh mảng việc học hành, cho dù ai nói gì, chúng con cũng cố gắng vâng lời Ni trưởng. Chúng con không những được học không thôi mà những lúc vào mùa thi, còn được chăm lo thức ăn bồi dưỡng vì sợ chúng con ăn không đủ dinh dưỡng, thức khuya, dậy sớm học bài, không đủ sức khỏe để thi cử. Lại một phen khảo đảo, chúng con chỉ biết âm thầm lặng lẽ cố gắng học cho xong tốt nghiệp để đền đáp tấm lòng của Ni trưởng. Lớp “đặc biệt” chúng con học một hơi 2 năm xong bốn lớp. Chúng con đa số có điểm đậu rất cao, nhờ ơn Ni trưởng. Thật là:

*“Con chìm đắm biển trần thọ khổ,
Thầy từ bi tế độ vớt lên.
Mặc thì áo giới âm êm,
Ăn thì sữa pháp, cơm thiền nuôi thân”.*

(Nhớ Ôn Thầy)

Trong thời gian các Phật Học Viện chưa được mở, thì Tổ đình Ngọc Phương cũng là Ni trưởng thường xuyên có những lớp giáo lý, lớp học nghề và năng khiếu cho chư Ni các tỉnh, thành vùng xa về trau dồi thêm giáo lý và rèn luyện kỹ năng. Ni chúng tu học tại Tổ đình Ngọc Phương có đến 100 vị, từ lớn đến nhỏ, luôn cả các em Cô Nhi, Ni trưởng đều nhớ mặt, nhớ tên. Ni trưởng thường quan tâm thăm hỏi hoàn cảnh gia đình của từng Ni cô. Ai có khó khăn, Ni trưởng ân cần chăm sóc giúp đỡ và sách tấn tu tập. Trong chị em Ni chúng có ai khởi tâm thôi chuyển, muốn về lại thế. Ni trưởng biết được, Người rất tâm lý, cho gọi chúng con đến, tìm hiểu ai thân ai, gần gũi với ai rồi cho các Ni cô về đến tận nhà an ủi, nhắc khuyên, động viên đừng bỏ đường tu.

Có lần, con mặc áo vá vai, Ni trưởng gọi con lại, hỏi ai dạy con vá áo, sao mà xấu quá? Con thưa, Mô Phật, bạch “Ni sư” áo con mượn mặc. Ni trưởng bảo “lần sau, nếu con có áo rách thì phải biết vá, đừng vá áo xấu như vậy, mặc không lịch sự”. Vậy là Ni trưởng dạy con vá áo mất nửa giờ đồng hồ. Ni trưởng ngồi dạy con vá áo, một việc làm thân thiện và ngoài trí tưởng tượng thơ bé của con, làm con nhớ bốn câu thơ trong bài thơ có tựa đề “Con

Nguyện” của Ni trưởng làm trình Đức Tổ Sư khi mới xuất gia:

*“Con nguyện hiện thường kiếp nữ thân,
Bởi bao phụ nữ khổ trong trần.
Tiện bề thân thiện con dìu dắt,
Dầu phải cực lòng lột phụ nhân”.*

Những câu chuyện đầy tình người, thấm thiết tình đạo và chan chứa lòng từ bi của Ni trưởng, chúng con thiết nghĩ không làm sao kể hết, cũng không bút mực nào có thể diễn tả được, như bốn câu thơ Ni trưởng tả về Đức Tổ Sư trong bài *Trăng Đạo*, thì với chúng con, Người cũng từ ái, đẹp đẽ và cao quý như vậy.

*“Dầu lấy nước biển khơi làm mực,
Lấy cây rừng làm bút viết văn.
Luận đề như cát sông Hằng,
Cũng chưa giải hết ý trăng nhiệm mầu”.*

Sau khi tốt nghiệp xong, chúng con người thi vào Học Viện, người theo học khoa Ngữ văn, chuyên ngành Anh văn, Pali... Riêng con theo gia đình định cư ở nước ngoài.

Suốt thời gian 26 năm sống xa Thầy, xa bạn, xa Tổ đình Ngọc Phương, có những chuyện phôi pha theo năm tháng và thời gian, nhưng những lời dạy của Ni trưởng, con không thể nào quên. Từ thân giáo, khẩu giáo của Ni trưởng lúc nào cũng nhắc nhở con phải nỗ lực tinh cần: *“Đạo thì phải lấy sự tu chứng làm đầu, trau dồi đức hạnh. Đời thì phải siêng năng làm từ thiện, giáo dục không ngại gian lao, chẳng từ khó nhọc”.* Con vừa đi học, vừa đi làm, vừa kiến lập đạo tràng Tịnh xá, dù gian khổ, con cũng cứ lần hồi học cho được đến học vị Tiến sĩ. Noi gương Ni trưởng, nơi nào kiến lập Tịnh xá, thì nơi đó có Trung Tâm Văn Hóa Giáo Dục để giúp con em các gia đình Việt Nam học tiếng Việt, văn hóa Việt và giáo lý Phật Đà.

Hôm nay, trở về Tổ đình Ngọc Phương chuẩn bị cho lễ Tưởng Niệm 30 năm vắng bóng Ni trưởng, con không khỏi bồi ngùi xúc động, hoài niệm những tháng ngày xa xưa. Hình ảnh Ni trưởng với chiếc áo vải thô sơ, bạc màu, đeo mắt kính hơi lệch xuống một chút, ngồi nơi chiếc võng sửa bài cho chúng con. Ngưỡng bạch Ni trưởng, chúng con được trưởng thành, lớn lên trong vòng tay của Người, có đầy đủ nghị lực tiếp nối sứ mạng truyền đăng tục diệm. Cho dầu nơi đâu, đất nước nào chúng con vẫn không quên bồn hoài và hạnh nguyện độ sanh của Ni trưởng, những hoài bảo phát triển Giáo hội mà Ni trưởng đã truyền trao cho chúng con. Chúng con nguyện noi gương, ân đức của Ni trưởng *“nhân nhục Thầy nêu hạnh sĩ hiền”.* Dem thân phụng sự Đạo và Đời.

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương.”*

Chúng con đem hết thân tâm thành kính đánh lễ Giác Linh “Thầy”,
Người đã ban giới thân tuệ mạng cho chúng con. Nguyện Giác Linh “Thầy”
thùy từ minh chứng!

LÒNG BIỂN BAO LA

Lễ Tưởng Niệm 30 Năm Ni trưởng Huỳnh Liên Viên Tịch
(1987-2017)

★ Ni sư Tiên Liên - Trụ trì TX. Ngọc Hòa (USA)

*Nguyên biến thành giọt nước,
Nguyên biến thành dòng sông.
Làm ngọn triều xuôi ngược,
Hòa biển cả mênh mông.*

(Lòng Biển Bao La - Cảm tưởng thống nhất năm 1964)

Thê của Pháp là uyển chuyển và tùy thuận, cũng như sự nhu nhuyễn, mềm mại dễ hòa lẫn của nước. Ni trưởng Huỳnh Liên, Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ, đã ví mình như giọt nước để được hòa lẫn với sông, với biển cả mênh mông. Con người thì còn có ranh giới của nhân ngã, còn có phân biệt thấp cao, bỉ thử, nhưng, Biển thì khác. Biển cả bao la, đục trong chẳng nệ hà. Vì đại nguyện, Ni trưởng muốn chuyển hóa chính bản thân mình như giọt nước, bởi có mềm mại nhu nhuyễn như nước mới có thể đi vào những dòng sông hẹp, rạch sâu hay ra biển rộng, mà không bị ngăn ngại.

Cuộc đời và đạo hạnh của Ni trưởng được nhiều người nhận xét là một vị chân tu, là một nhà cách mạng, là một nhà thơ... Nếu có ai đã từng được gặp gỡ đàm đạo với Ni trưởng hoặc đọc qua thơ văn của Người sẽ nhận ra tâm lực, nguyện lực và trí lực của Ni trưởng đối với đạo, đối với chúng sinh vạn loại là một sự dẫn thân phụng sự, không từ gian khó. Người hội nhập trong thế gian bằng thơ văn, bằng ý pháp, bằng thân hành góp phần làm phong phú nền văn minh nhận loại, tạo nên cuộc sống an vui hòa bình. Con đường vạch sẵn cho mình, trong bài *Lối Đi*, Ni trưởng viết:

*“Trong đêm tối con khêu đèn giác ngộ,
Trong hãi hùng con giải khổ âu lo.
Trong đói nghèo con tạo cuộc ấm no,
Tùy phương tiện chuyển vai trò theo cảnh”*

Về Đạo, Ni trưởng là một bậc có Tuệ giác, với đầy đủ Bi, Trí, Dũng, quyết thành tựu đạo quả. Bài *Hạnh Nguyện Bồ Đề* được Ni trưởng viết vào thập niên 1960, khi mới thành lập Tịnh xá Ngọc Phương (nay là Tổ đình

Ngọc Phương của Ni giới Hệ Phái) có đoạn phát nguyện: “Các cô ơi, Tôi muốn đăc quả Bồ Đề Vô thượng để cứu độ chúng sanh, vì tôi xet thấy muốn đăc quả Bồ Đề thì trước phải hành đạo Bồ Đề, mà đạo Bồ Đề là con đường giao nối giữa tôi, các cô và chúng sanh muôn loại”.

1. Tôi nguyện thành tựu Phật thân có đủ 32 tướng tốt.
2. Tôi nguyện thành tựu Phật tâm rộng chứa hết chúng sanh.
3. Tôi nguyện thành tựu Phật trí phóng quang phát huệ.
4. Tôi nguyện thành tựu Phật tánh tỏ ngộ Chơn như.

Về Đời, Ni trưởng là hiện thân của Mẹ Hiền Quan Thế Âm. Nhìn thấy cái khổ của Chúng sanh do không hiểu Đạo, chìm đắm trong sanh tử. Cái khổ của chúng sanh về sự nghèo đói, chiến tranh, thiên tai của trời đất cho đến cái khổ giữa người và người gây ra. Ni trưởng đã hướng dẫn Chư Ni trong Giáo Hội Liên Hoa thực hành Lục Độ, Vạn Hạnh, dong thuyền từ, mở mang Ánh Đạo Vàng khắp nơi nơi, từ sơn khê đến thành thị, từ bệnh viện đến khám đường:

*Mười năm đầu du phương lưu động,
Khấp đó đây mở rộng niềm tin.
Ngày ngày thuyết pháp giảng kinh,
Ngày ngày khát thực trì bình hoá duyên.
Đạo khổ hạnh người hiền mền cảm,
Nghĩa kệ kinh đơn giản rõ ràng.
Chùa chiền dựng lập Trung Nam,
Xuất gia cư sĩ hàng hàng quy y.
Mười năm kế thêm chi từ thiện,
Uỷ lạo chung bệnh viện khám đường.
Nạn nhân chiến cuộc đau thương,
Hoả tai lụt lội, hồi hương ra tù.
Trẻ mồ côi nhận thâu nuôi dưỡng,
Khai học đường mở hướng văn minh.
Cửa Từ rộng đưc hiếu sinh,
Lợi người lợi vật nhiệt tình nhiệt tâm.*

(Ba Mười Năm Diễn Tiến)

Trên con đường phụng sự nhân sinh, Ni trưởng chủ trương dùng Văn tải Đạo. Những bài thơ của Ni trưởng là những bài Pháp ngắn giúp mọi người dễ học, dễ nhớ và dễ tu. Trên hai ngàn bài kệ dạy tu là hơn hai ngàn bài pháp để ứng dụng tu tập, từ phương tiện đến cứu cánh. Bài thơ đạo nào

cũng chuyên chở tính văn hóa giáo dục, lòng từ bi, ba pháp tu Giới, Định, Huệ và Thân, Khẩu, Ý trong sạch, trọn lành.

*“Ở đời muôn vật của chung,
Kiếp sống trăm năm cõi tạm.
Trí khôn ngoan sử dụng huyển tài,
Lòng nhân đức rải gieo thiện cảm”.*

.....
*Thấy nghèo gặp ngặt,
 mau ra tay cứu giúp,
 chớ nề kẻ lạ người quen;
Tối lửa tắt đèn,
 đừng ngoảnh mặt làm thinh,
 như thế lòng đen dạ bạc;
Việc làm bố đức,
 như trồng cây duyên phước,
 hái quả gieo nhân;
Tiếng nói thi ân,
 như rải giọt cam lồ,
 người no mình mát.”*

(Bồ Thí)

*“...Thân là tạm, cõi đời là tạm,
 cánh bèo trôi bể thảm lênh đênh;
Tâm hằng bền, lẽ đạo hằng bền,
 gót trí dạo rừng thiền thanh thảo”.*

(Đường Giải Thoát)

Cuộc đời của Ni trưởng luôn là vô ngã vị tha, do vậy tính chất “nhiều ích hữu tình giới” không bao giờ thiếu vắng trong cái nhìn, sự nhận xét được diễn ra thành lời hoặc qua hành động của Ni trưởng. Thân giáo và khẩu giáo của Người dạy cho Ni chúng đệ tử học hiểu nhiều về tình thương quê hương đất nước và nhân loại. Ni trưởng thường dạy Ni chúng: *“Ni giới Hệ phái Khất sĩ phải có tinh thần đoàn kết, lấy phương châm phục vụ Đạo pháp và chúng sanh dân tộc, làm kim chỉ nam cho cuộc sống tu hành. Vì vậy, các cô phải sống tập thể, làm việc, tổ chức lãnh đạo tập thể, không nên sống riêng tư”.*

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo Pháp, cho tình quê hương”.*

Những điều đẹp đẽ, cao quý qua những lời giáo huấn của Ni trưởng được Ni chúng đệ tử, cho đến hàng Phật tử tại gia chúng con ghi nhận và cảm nhận được rất nhiều tấm lòng cao cả của Người. Bài viết hôm nay, chúng con chỉ xin điểm xuyết lại một vài điểm về công hạnh của Ni trưởng nhân ngày Lễ Tưởng Niệm lần thứ 30 Ni trưởng Viên Tịch nhằm 19 tháng 3 năm Đinh Dậu.

Giá trị nhân phẩm của con người có được là nhờ xây dựng trên nền tảng căn bản của đạo đức. Mất đi nền tảng đạo đức là mất đi nhân phẩm con người. Do vậy, dù là các bậc xuất gia “giải thoát” cũng nên làm gương nêu cao tinh thần hiếu đạo đối với Thầy Tổ, Người đã sanh thành ra giới thân huệ mạng. Việc Tưởng niệm các bậc Ân Sư là một việc làm thiêng liêng cao cả cần phải có. Vài dòng chữ thơ thiền, hay một vài việc làm hình thức qua loa không giáo dục được cho thế hệ mai sau hay cho hàng cư sĩ Phật tử tại gia những gì mà các bậc Thầy đã hy hiến cho Đạo và Đời. Thấp sáng con đường đạo đức, nhân bản của Phật giáo, ghi nhận lại những tấm gương sáng ngời đạo hạnh là sứ mạng, là trách nhiệm của các vị xuất gia cho thế hệ mai sau được kế thừa.

Con thành tâm đánh lễ Giác linh Ni trưởng. Kính nguyện Người vì Bi nguyện độ sanh, hồi nhập Ta bà tiếp tục con đường hoằng dương Phật Pháp.

NGỌC UYÊN MỘT CHIỀU MƯA

★ Ni sư Kiên Liên – Trụ trì TX. Ngọc Tường, Trảng Bàng

*“...Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách,
Sắc bất ba đào dị nịch nhân...”*

Thật vậy, mưa không phải sắc thép mà giữ chân lữ khách, sắc chẳng phải là sóng gió mà có thể làm chìm đắm con người.

Trong lúc chờ mưa tạnh, bất giác tôi nhớ đến hai câu thơ này mà mỉm cười với chính mình. Tôi chẳng phải là lữ khách lỡ đường bị cơn mưa đầu mùa làm cản lối đi, tôi cũng chẳng phải là trang quốc sắc thiên hương có thể chìm chân người khác. Nhưng từ trước đến giờ có biết bao nhiêu tao nhân mặc khách cũng bởi vì cơn mưa vô tình, một cái nhìn hữu ý mà đau khổ trầm luân, trở thành bản trường ca thiên cổ hận...

Giọt nước mưa theo cơn gió bay tấp vào mặt làm tôi bất giác giật mình, quay trở về thực tại. Tôi đang trên đường tìm đến Tịnh xá Ngọc Uyên ở Biên Hòa theo lời dạy của Sư Phụ. Lần đầu tiên đặt chân đến đây, đối với tôi cái gì cũng xa lạ, ngỡ ngàng.

Sau khi mưa tạnh tôi đến Tịnh xá Ngọc Uyên tìm gặp Ni trưởng Đệ nhất, tôi không biết mặt Ni trưởng nên đến xá chào và hỏi một Sư Bà đang loay hoay bứng gốc cây xoài khô: “Kính bạch Sư Bà cho con gặp Ni trưởng Ngọc Phương”. Sư Bà ngược mắt nhìn tôi cười hỏi một cách hóm hỉnh: “Con không biết mặt Ni trưởng sao?”, “Mô Phật không ạ” tôi đáp. “Con chỉ nghe Sư Phụ bảo Ni trưởng thấp người, có khuôn mặt phúc hậu, nụ cười sáng khoái và luôn đeo đôi kính cận”. Sư Bà mỉm cười hỏi Sư Phụ tôi là ai, đến đây tìm Ni trưởng để làm gì, rồi bất chợt hỏi tôi có biết bứng gốc cây không? Theo lời dạy của Sư Bà tôi bứng liền mấy gốc cây xoài, cứ mỗi lần một gốc cây xoài được bứng lên khỏi mặt đất Sư Bà đều cười rất sáng khoái, còn tôi thì rất lo lắng vì sợ không còn xe để về lại Sài Gòn, tôi sốt ruột hỏi “Bạch Sư Bà, Ni trưởng Ngọc Phương có ở đây không ạ?”. Sư Bà kéo xệ cặp mắt kiếng xuống nhìn tôi cười một cách hóm hỉnh “con cứ bứng mấy gốc cây này dùm Bà, một chút Bà chỉ Ni trưởng cho”, tôi nói với Sư Bà về sự lo lắng của tôi, Sư Bà nghe xong cười nói “ngày mai Bà cho con có giang về Sài Gòn”, “dạ nhưng mà...”, “Ni trưởng là Bà nè”, tôi hốt hoảng chấp tay xá Ni trưởng và xin lỗi rồi rít, “không sao, tối nay Bà sẽ viết cho Sư Phụ con một lá thư, Sư Phụ con sẽ không rầy đâu”. Tôi mỉm cười nghĩ “Chân nhân trước mặt mà không biết” rồi thở phào nhẹ nhõm. Tôi vừa tiếp tục bứng gốc cây vừa len lén nhìn Sư Bà, đôi mắt sáng long lanh sau vòm

kính trắng ngời lên một trí tuệ kiên định và lòng nhân hậu bao la. Nụ cười thân thiện nhưng không kém phần nghiêm nghị làm tôi không bao giờ quên được. Có lẽ, chính ánh mắt và nụ cười ấy dõi theo tôi từng bước trưởng thành, giúp tôi vượt qua bao nhiêu nghịch cảnh sau này.

Vài hạt mưa rơi lất đát trên người, trời cũng bắt đầu sụp tối, Ni trưởng bảo tôi vào trong nghỉ ngơi, sáng mai Ni trưởng về Sài Gòn họp sẽ cho tôi quá giang.

Sáng hôm sau tôi dậy rất sớm theo chúng công phu, ngồi thiền, sau khi điểm tâm Cô Huệ Tâm (nay là Ni sư) chở Ni trưởng và tôi bằng xe honda về Sài Gòn. Trên đường đi, Ni trưởng dạy cho chúng tôi rất nhiều điều hay lạ trong cuộc sống, tôi yên lặng lắng nghe như khắc vào tận tâm khảm mình những điều dạy của Ni trưởng. Đến Hàng Xanh Ni trưởng chỉ tôi lối đi xe bus về Tịnh xá Ngọc Hòa - Phú Lâm. Tôi xuống xe kính xá Ni trưởng mà lòng tràn ngập nhiều cảm xúc khó tả.

Tôi gặp Ni trưởng vào một buổi chiều mưa trên Tịnh xá Ngọc Uyển, tuy ngắn ngủi nhưng theo tôi đó là cuộc gặp gỡ đầy định mệnh. Bởi vì, từ cái duyên gặp gỡ ấy, tôi được Sư Phụ cho đi học (học tiếp Bồ tát văn hóa cấp III), được thọ y bát; tôi bắt đầu thích vẽ tranh, thích làm thơ và đặc biệt rất thích xem Chơn Lý của Tổ sư và miệt mài nghiên cứu kinh điển.

Rồi sau năm 1987 định mệnh ấy, Ni trưởng đệ nhất và Sư Phụ lần lượt thuận thế vô thường ra đi, tôi bổ sung kiến thức Phật học qua những trường lớp chính quy Cơ Bản Phật học khóa I và Cao Cấp Phật học khóa III (Nay là Học Viện PGVN) để làm tiền đề cho học nghiệp về sau. Năm 2009 từ Trung Quốc trở về Việt Nam với học vị Tiến sĩ, tôi liền trở về Tịnh xá Ngọc Phương để đánh lễ Chư Ni trưởng. Trước di ảnh và bảo tháp Ni trưởng Đệ nhất tôi âm thầm phát nguyện, đem tất cả thân mạng tài sản chính mình hoàng pháp lợi sanh, để đền đáp thâm ân Ni trưởng và Sư Phụ trong muôn một.

Gần mười năm trôi qua tôi chưa một lần xao lãng hạnh nguyện của mình. Dư âm một chiều mưa nơi Tịnh xá Ngọc Uyển luôn còn đâu đây như ngày đầu tiên mới gặp. Một nhà thơ đã bảo: “*Người đâu gặp gỡ làm chi. Trăm năm biết có duyên gì hay không?*”. Thế nhưng, với tôi sự thành tựu hôm nay là nhờ có Ni trưởng và Sư Phụ gia hộ, “cái duyên gặp gỡ” ấy làm cho hành trang của tôi luôn phong phú đủ sắc màu, bởi đây ập những lời dạy bảo của chư vị Ân sư. Quả thật là:

Cảm cảnh vô thường “nhân thân nan đắc”,

Ngộ pháp chân thường “Phật pháp nan văn”.

Kim đắc nhân thân tinh văn Phật pháp,

Hậu đắc chân thân thể thể lưu truyền.

CẢM TÁC

★ Ni sư Kiên Liên – Trụ trì TX. Ngọc Tường, Trảng Bàng

“...Ngọc chéo áo vô tình chẳng biết,
Cam chịu nghèo rên xiết khổ đau.
Mặt trời ở tại đỉnh đầu
Mặt trời nào phải xa đâu kiếm tìm...”

(Bạc Hạnh – NT. Huỳnh Liên)

Đây là bốn câu thơ của Ni trưởng viết trong bài “*Bạc Hạnh*”, nói về tấm lòng một người Thầy chắc chịu nuôi nấng đàn con dại, dạy dỗ nâng niu từng bước đầu đời; Thế nhưng người đệ tử ấy quay lưng lại với chính người Thầy của mình sau khi đã khôn lớn trưởng thành.

Thuở mới bắt đầu xuất gia học Phật, ai ai cũng dại khờ trong tất cả mọi oai nghi, trong mỗi lúc mỗi nơi dù là đi đứng hay nằm ngồi đều rất vụng về. Thầy như người Mẹ hiền áp ủ chắc chịu dù trò đó “*đắng the chua chát*”, bởi “*trái còn non*” nên trò lớn khôn lại “*phụ bạc công Thầy*”.

Hình ảnh viên ngọc trong chéo áo là một hình ảnh rất sống động được Ni trưởng mượn trong *Thất Dạ* của *Kinh Pháp Hoa* để chỉ cho Phật tâm, tánh giác, như hạt minh châu vô giá, luôn hiện hữu trong mỗi một chúng sanh.

Trong *Kinh Pháp Hoa Phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký* có nói đến *Hệ Châu Dạ* (còn gọi là *Y Châu Dạ*). Chuyện kể rằng có kẻ đến nhà bạn thân, say rượu nằm ngủ, người bạn có việc phải ra đi, nên đem viên ngọc vô giá buộc vào trong áo của người ấy. Người ấy ngủ say, không hay biết gì cả, đến khi tỉnh dậy bèn lang thang đến xứ khác, làm ăn rất cực nhọc và kiếm được chút ít tự cho là đủ. Về sau người bạn gặp lại, thấy bạn vất vả cầu thực mưu sinh mà phải kêu lên: “*Sao anh đến nông nổi này. Trước đây muốn cho anh vui thú nên tôi đã đem viên ngọc vô giá buộc vào trong áo của anh, nay ngọc đang còn kia, sao anh không hay biết để phải tự kiếm sống khó nhọc như vậy. Anh thật khờ dại, hãy đem viên ngọc ấy đổi lấy những thứ cần dùng, thì không còn thiếu thốn gì nữa*”. Đức Thế Tôn cũng vậy, khi Ngài còn làm Bồ tát, đã gieo vào mỗi chúng ta chí nguyện tối thượng, chí nguyện cầu tuệ giác của Bạc Toàn giác. Nhưng chúng ta lại quên đi, không hay biết gì hết. Được Tuệ giác La hán tự cho là đã chứng được Niết bàn, như kẻ kiếm sống cực nhọc, có được chút ít tự cho là đủ. Trong khi đó chí nguyện nói trên vẫn còn y nguyên. Đến khi được Đức Thế Tôn thức tỉnh, chúng ta

mới hay rằng cái mà chư vị Thanh văn, Duyên giác, ngay cả Bồ tát đạt được cũng chưa phải là Niết bàn cứu cánh. Nhưng qua đó, chúng ta cũng nhận ra rằng trong mỗi chúng sanh đều có tánh giác, đều có viên minh châu vô giá, đó chính là Phật tâm, là sự sáng suốt vô ngại.

Mặt trời chân lý luôn trên đỉnh đầu nhưng chúng ta cứ dong ruổi tìm cầu, đến khi mòn hơi kiệt sức mới tự nhận ra “*Mặt trời nào phải xa đâu kiếm tìm*”. Trong *Kinh Pháp Hoa* Đức Như Lai dùng tất cả phương tiện thiện xảo của Ngài qua những thí dụ, mục đích cũng để cho chúng sanh thấy tam giới là nhà lửa, chúng sanh, thậm chí là hàng Thanh văn, Duyên giác là những kẻ cùng tử, những kẻ có chút ít tự cho là đủ. Chúng sanh dù sang hèn, thiện ác, lợi căn hay độn căn cũng đều từ một cội đất mà ra, cũng đều có cùng một quê hương xứ sở. Nhưng chúng sanh hầu như quên mất nguồn gốc cao quý của mình, lang thang trong ba cõi khổ đau bất tận. Một trận mưa pháp của Như Lai rưới xuống thấm nhuần một vị giải thoát, nhưng tùy theo căn tánh mà mỗi người tiếp nhận khác nhau. Chúng sanh nói chung cũng như hàng Thanh văn, Duyên giác, đang tiến lên trên con đường giác ngộ trở về Bảo sở, nhưng đi qua đoạn đường dài dằng dặc ấy, dường như ai nấy cũng đều mệt mỏi, kiệt sức. Đức Thế Tôn bèn phương tiện hóa ra thành quách (Hóa thành) cho mọi người nghỉ ngơi. Vậy mà không ít kẻ tự nghĩ rằng mình đã đến được nơi cần đến, đã đạt được mục đích tối hậu. Trong mắt của Như Lai, chúng sanh thật đáng thương. Chúng sanh là những kẻ có sẵn châu ngọc mà không biết đem ra sử dụng, cam tâm chịu đói nghèo để tha phương cầu thực mưu sinh. Đức Thế Tôn là đấng cha lành, là một vị lương y cho thuốc hay, có thể cứu chúng sanh thoát khỏi tam độc hành hạ đau khổ. Mặc dù có vị thuốc hay Như Lai ban tặng, nhưng chúng sanh không phải ai cũng chịu uống. Kẻ đánh mất bản tâm, không biết đây là vị thuốc hay nên không chịu uống đã đành. Ngược lại, có kẻ tuy biết thuốc hay nhưng còn mê muội, lười biếng mà không chịu uống. Những ai tinh tấn diệt trừ được ma chướng một cách oanh liệt, tiếp nhận và tu tập giáo pháp Như Lai để đạt được mục đích tối hậu, giác ngộ Chân lý, những người đó mới xứng đáng nhận viên minh châu vô giá của Đức Như Lai.

Hôm nay nhân ngày Lễ Tưởng Niệm 30 năm hóa thân trong cõi vô thường của Đệ nhất Ni trưởng, nhìn lại Ni chúng Khất sĩ đã, đang và sẽ từng bước hoàn thiện, trưởng thành trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo, ai ai trong chúng ta cũng không làm sao tránh khỏi xúc động. Những bước chân hoang lạc loài của những người con trong bài “*Bạc Hạnh*” sẽ nhẹ gót quay về trong tình thương bao la của Chư Ni trưởng.

Hệ Châu Dụ (hay *Y Châu Dụ*) là một trong bảy thí dụ nổi tiếng, đó là những thí dụ có tầm ảnh hưởng lớn đối với đời sống tu hành, cũng như trong nhiều sáng tác văn chương Phật giáo. Đệ nhất Ni trưởng đã dùng

“Nhu Lai thần bút” của mình, mình họa cho chúng ta thấy được Đức Thế Tôn muốn chỉ dạy cho chúng ta cần phải có niềm tin vào con đường giải thoát. Nhưng không phải niềm tin thông thường, mà tin vào mình, vào chính khả năng thành Phật của mình, để sẵn sàng vứt bỏ mảnh đời nghèo khó, phát huy viên ngọc minh châu vô giá vốn có, để thừa hưởng gia tài Pháp bảo đồ sộ - gia tài Chánh pháp của Như Lai. Có như vậy chúng ta mới xứng đáng là người con gái của Phật, là người Nữ Khất sĩ với hạnh nguyện cao cả *“Thượng cầu Phật đạo, Hạ hóa chúng sanh”*.

NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN CUỘC ĐỜI, ĐẠO HẠNH VÀ THI CA

★ Ni sư Nguyễn Liên – TX. Ngọc Duyên, Bình Thạnh

1. Ni trưởng Huỳnh Liên: Cuộc đời và hạnh nguyện

Ni trưởng Huỳnh Liên, thế danh Nguyễn Thị Trù, sinh năm 1923, là trưởng nữ trong một gia đình thãm nhuần Nho giáo và đạo đức Phật giáo. Bằng nếp sống chân chất nông nghiệp, ngày ngày tiếp cận với đồng nước mênh mông, tâm hồn thanh thoi, chẳng đua chen danh lợi, tính tình điềm đạm, hòa nhã, ít lân la, giao du lãng phí thời gian, đặc biệt là người có một tấm lòng từ bi bao la, luôn trân trọng, yêu thương từng loài vật nhỏ. Do ảnh hưởng này, nên đức tánh của Ni trưởng rất bình dị, hiền hòa và bác ái. Thuở thiếu thời tuy đường học vấn của Ni trưởng do hoàn cảnh gia đình đành bỏ lỡ việc học. Tuy nhiên nhờ bẩm tánh thông minh, hiếu học, biết tiếp cận với tư tưởng mới, hằng suy tư, tìm tòi, học hỏi theo gương hạnh, khí tiết của các bậc hiền tài, đức hạnh, đồng thời cũng nhờ sự trợ duyên, un đức về Văn hóa, Pháp văn, Văn chương, Thi phú của người Cậu. Ngoài ra, Ni trưởng còn được bà ngoại tận tình chỉ dạy môn học Hán văn đạt đến trình độ tương đối thông thạo, nên sở học của Ni trưởng này một thăng tiến.

Về tín ngưỡng Phật giáo, từ nhỏ Ni trưởng đã theo bà ngoại đến chùa lạy Phật, ham học kinh sách Phật, khi rảnh tập làm thơ văn, lại thêm trưởng thành trong một xã hội ngập tràn chiến tranh, luôn nhìn thấy cảnh chế độ thực dân đàn áp, bóc lột bất công đối với dân lành, nên ngay khi còn đời sống tại gia, người đã tham gia trong công cuộc giành chính quyền cùng với các chị em phụ nữ hầu bảo tồn lực lượng cách mạng. Song song với chí nguyện yêu nước thương dân như trên, Ni trưởng vốn ôm mang hoài bão sống đời thanh thoát với hạnh nguyện tự lợi, lợi tha đúng với tinh thần thị hiện của Đức Phật: *“Vì muốn đem lại hạnh phúc và an lạc cho số đông, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người”*⁽²⁾. Thế nên đến năm 25 tuổi, nhân duyên hội ngộ đức Tổ Sư trong lần hành đạo tại Phú Mỹ, sau khi nghe Tổ Sư thuyết pháp, thấu hiểu lý đạo, triệt ngộ kiếp nhân sinh giả tạm, chỉ có đời sống xuất gia mới khai mở huệ mạng, giúp Người nâng cao phẩm hạnh, thực hiện tốt chí nguyện phụng đạo, giúp đời, lợi tha, viên mãn. Vậy nên Ni trưởng quyết định xuất gia, sống đời du phương hành đạo, nôi hạnh Thích Ca hoằng hóa chúng sinh, hoàn thành bổn hoài.

² Trung Bộ kinh 1, HT. Minh Châu dịch, tr.83, xuất bản, 1992.

2. Ni trưởng Huỳnh Liên: Người tiếp nối tinh thần yêu nước thương dân

Kế tục sự nghiệp của Chư Tổ, Ni trưởng Huỳnh Liên, một tu sĩ thời cận đại, là hàng xuất gia và có tài năng về văn học, những sáng tác của Ni trưởng đều thể hiện tinh thần yêu nước, lý tưởng phụng đạo, giúp đời, với chí nguyện to lớn:

*Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo Pháp cho tình Quê hương.*

Du hành khắp nơi, tiếp xúc vô số hàng tín chúng, đôi với xã hội và nhân sinh, Ni trưởng luôn ứng dụng mọi phương tiện để thân cận, thấu triệt tâm tư, hiểu được niềm vui, nỗi khổ của từng cá nhân mỗi người. Vì thế những áng văn thơ của Ni trưởng đã biểu hiện nội dung rất thực tế, Ni trưởng đã dùng những sự vật, hình tượng cụ thể, miêu tả nét đẹp tự nhiên của cảnh vật với tình người thân thương để gợi phát lòng hướng thiện của tha nhân. Khiến mọi người thông qua những thí dụ, hình tượng biểu hiện trong thơ văn để lĩnh ngộ chân lý. Do vậy, giáo sư Hoàng Như Mai đã từng tán thán rằng: *“Tôi mạnh dạn khẳng định: Đây là những áng thơ trữ tình đặc sắc: Tình với người, với cảnh, với thầy, với đệ tử, với đất nước quê hương, với bạn bè, người thân... Nếu tôi không nhầm, các bài thơ này thường là ngẫu cảm, ứng tác và điều này chứng tỏ Ni trưởng rất nhạy cảm đối với những cái đẹp, cái đau, cái vui, cái đáng thương trong thế gian”*³. Quả thật thơ văn của Ni trưởng thường kết hợp với cuộc sống cụ thể, thực tiễn và bình dị, liên hệ đến cuộc sống giữa đạo và đời, thật đúng với lời cảm niệm của giáo sư Hoàng Như Mai khi đọc thơ Ni trưởng: *“Đây là những cụm hoa không phải kén chọn, ương trồng, chăm sóc với những công phu dành riêng cho các loài hoa quý hiếm trong các nơi thượng uyển, mà là hoa đồng, hương quê rất mộc mạc, thân mật với chúng sinh; Ai cũng có thể và nếu ưa thích thì dễ dàng hái lấy để cài lên mái tóc hay đem về cắm ở nhà, không bị ngăn cấm gì hết vì là của chung, của mọi người, mang trong người, để trong nhà, hương thơm lan tỏa khắp nơi, ai đến gần cũng được thơm lây. Đó là cái cách Ni trưởng đem Đạo pháp đến cho mọi người”*⁴.

Ngoài ra, Giáo sư còn cho rằng: *“Ni trưởng Huỳnh Liên xứng đáng là bông sen vàng trước Phật đài. Ni trưởng đã viên tịch, nhưng tư tưởng, tình cảm, hành động, tất cả con người của Ni trưởng vẫn còn lại trong những vần thơ cao đẹp”*⁵.

³ Trích dẫn từ bài viết *Độc thơ của Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên*, trong *Đóa Sen Thiêng*, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2012, tr.26.

⁴ Như trên, tr.22.

⁵ Như trên, tr.31.

3. Thơ của Ni trưởng Huỳnh Liên

3.1. Tư tưởng Phật học trong thơ của Ni trưởng Huỳnh Liên

Ảnh hưởng và kế thừa tinh thần lợi đạo giúp đời của tăng đoàn Phật giáo vốn có từ nhiều thời đại xa xưa, cộng thêm trình độ tu học và phẩm đức cao thượng được un đúc, bồi dưỡng với tài cao đức trọng, thậm chí còn khéo giỏi về văn chương thi phú. Ni trưởng Huỳnh Liên, hình ảnh bậc nữ lưu “xuất gia với hạnh nguyện làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ”. Như trong bài Con nguyện, Người đã từng thổ lộ:

*Con nguyện hiện thường kiếp nữ nhân,
Bởi bao phụ nữ khổ trong trần.
Tiện bề thân thiện con diu dất,
Dầu phải cực lòng lột phụ nhân.
Con nguyện đời đời độ chúng sinh,
Bao nhiêu cực nhọc cũng cam đành.⁶*

Thông qua lời thơ với đầy sự thông cảm cho cuộc đời người phụ nữ, Người sẵn sàng hy sinh thị hiện kiếp nữ nhân để cận kề, đồng sự với phái nữ, hầu dất diu, khuyên nhủ, động viên, thúc đẩy họ tu hành, chỉ dạy con đường bỏ ác làm lành, phát tâm thực hiện tinh thần Bồ tát đạo, cải sửa những tư tưởng xấu ác, chấp thủ, làm tất cả những gì mình có thể làm được, chỉ với mục đích cứu khổ ban vui. Đồng thời tiếp dẫn họ cùng tiến bước lên thêm giác ngộ giải thoát. Tâm nguyện này được thể hiện rõ nét hơn qua bài *Sức Chịu Đựng*:

*Người dẫn chúng khác nào quả đất,
Để chúng sinh, chứa chất nặng nề.
Hồi ganh, hồi ghét, hồi bì,
Hồi phiền, hồi hận, hồi ai, hồi làm.
Cam chịu đựng muôn vàn sức nặng,
Chất bao nhiêu quyết chẳng nản lòng.⁷*

Do vậy sau khi xuất gia, được Tổ Sư thọ ký là bậc lãnh đạo bên Ni chúng, Ni trưởng luôn sẵn sàng chấp nhận bao gian lao, khó nhọc, chẳng màng danh lợi, chẳng nệ thị phi, miễn sao đem lại lợi ích, an vui cho chúng sinh. Cũng có thể nói, bằng tâm lượng từ bi bao la, rộng lớn, kết hợp với trí tuệ tu dưỡng của tự thân, Ni trưởng luôn tùy thuận với mọi hoàn cảnh, sẵn sàng xông pha với mọi chướng duyên, hầu cứu giúp nhân sinh thoát khổ. Trong bài *Lên Đường Cứu Khổ*, quả thật miêu tả hết sức linh động ý chí vì

⁶ Trích từ *Đóa Sen Thiêng* của Ni trưởng Huỳnh Liên, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2012, tr.494.

⁷ Như trên, tr.193.

người quên mình, vì vậy khi chứng kiến cảnh người với người cứ mãi lo tranh đấu, giựt giành, khiến Ni trưởng vô cùng đau lòng, xót dạ đã thố lộ với lời thơ đầy cảm xúc:

*Đời vì lợi ngã khởi tương tranh,
Đạo phải duy tha mới thái bình,
Lưới rập vô tình ai có biết,
Lòng ta, ta cứ giữ cao thanh.
Đi đi, ta quyết dấn thân vào,
Chốn khổ đau mà sót khổ đau.
Người Việt lâm nàn người Việt cứu,
Tương thân tương trợ nghĩa đồng bào.⁸*

Ni trưởng không những với lý tưởng cao đẹp, nguyện đem thân mình phục vụ chúng sinh, dù là chân yếu, tay mềm, nhưng quyết tâm tận tụy, vượt qua tất cả trở ngại, chỉ một lòng hướng dẫn nhân loại tu tập hầu đạt đến chỗ chí thiện, trong sạch, giải thoát khỏi cảnh khổ tử sanh. Lý tưởng này đã nêu lên một gương hạnh Bồ tát tuyệt đẹp, Người luôn ấp ủ một tình cảm đầy lòng từ bi, ý chí dũng mãnh, hết lòng vì dân, vì đạo, hầu đáp đền công ơn sâu đậm đối với Thầy Tổ. Tinh thần này được diễn đạt với lời thơ mộc mạc, bình dị trong bài *Hoài Niệm*, nhưng rõ ràng đã toát lên một tâm ý cao thượng của người tu đạo:

*Sức dầu yếu, mong tát vơi biển khổ,
Tay dầu mềm, toan phá đổ non sâu.
Nức tiếng lành, Đạo thanh khắp đâu đâu,
Rạng danh Đấng buổi đầu khai Pháp giáo.⁹*

Trong thơ Ni trưởng không những biểu hiện phương tiện tu Phật, độ chúng, hướng dẫn chúng nhân tiến đến thiện lành và chứng đạt cảnh giới Niết bàn. Mặt khác, thơ văn còn biểu hiện nhiều yếu tố có chiều sâu, thường quan tâm đến mọi lĩnh vực trong đời sống của dân chúng, đất nước, xã hội cho đến thế sự đời thay. Như bài *Mảnh Đất Phước Duyên* qua lời thơ rất gần gũi và bình dị đã gợi nhắc cho chúng ta biết, sự thế vô thường, nhân sinh vô ngã, chớ nên chìm đắm vào cảnh đời huyễn giả. Từ lời thơ giáo huấn, giúp con người suy tư và khuyên người người hãy sống lương thiện, ngay thẳng, chân thật, tốt Đạo, đẹp Đời:

*Nẻo thế sự trăm phiền ngàn tui,
Cuộc sống còn nhiều rủi, ít may.*

⁸ Trích từ *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2012, tr. 544.

⁹ Như trên, tr. 227

*Tiêu hao tháng rộng năm dài,
Nhọc nhằn vì cửa, cửa hay đổi dời.
Sao bằng cảnh thanh thoi yên tịnh,
Để cho người sửa tánh trau tâm.
Hành trang diệu Pháp thậm thâm,
Lên đường độ khách, mê lầm tỉnh tu.¹⁰*

Đọc xong bài thơ, rõ ràng cho thấy tình huống sáng tác nêu lên đặc trưng quan trọng với cảm hứng đột ngột, ngẫu nhiên biểu hiện sự tươi sáng trong tâm hồn tác giả. Ngoài thơ triết lý Phật giáo vạch cho nhân loại hướng đi tích cực, đồng thời cũng khẳng định cho mọi người biết tin vào trí lực kết hợp với sự tinh tấn, chuyên cần tu tập cải ác, làm lành, chuyển vọng thành chân của chính mình và tích cực phục vụ chúng sinh. Không những thế Ni trưởng còn sử dụng trí tuệ giáo hóa, khai mở cho chúng sinh nhận chân được chân lý qua hình ảnh sóng động từ mái chèo, sóng nước cùng sự giông thuyền trên biển trần. Như bài *Mộng Trần*:

*Chèo đạo pháp, ấy công phu thiên định,
Gió nhân duyên tức cảnh ngộ nung mình.
Nước phẳng lặng, như tánh chân yên tịnh,
Ngọn trào lòng, là lượn sóng chông chênh.
Ráng cảnh thận, khi giông thuyền mặt biển,
Sự nguy nan, là một phút thờ ơ.
Mà đừng ngại cuộc hành trình diệu viển,
Hễ nhất tâm, trong nháy mắt đến bờ.¹¹*

Rõ ràng trong thơ, Ni trưởng không chỉ nhấn mạnh tính triết học xử thế, ngoài ra chủ yếu còn khẳng định tính tương đối trong sự vật. Qua đó cho thấy, Ni trưởng làm thơ phần lớn chính là để vui đạo, khẳng định kiếp nhân sinh, biểu hiện thú vui với thiên nhiên. Chính vì thế ý thơ của người rất tự nhiên, luôn kết hợp với cảnh giới thiên nhiên như núi rừng, sông nước, trăng thanh, gió mát... như bài *Vui mà Sống*:

*Non và biển giúp ta thêm bài học,
Non muốn cao nên non đứng một mình.
Biển bao la mà biển thật hữu tình,
Đã thấm được vào lòng ngàn sông rạch.¹²*

¹⁰ Trích từ *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên sáng tác, nhà xuất bản Tổng Hợp thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012, tr. 198.

¹¹ Trích từ *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên sáng tác, nhà xuất bản Tổng Hợp thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012, tr. 231.

Hoặc bài *Lội Dưới Bãi Biển*:

*Huỳnh đạo mênh mang nước lẫn trời,
Liên hoa thơ thới giữa nguồn đời;
Lội ngang qua khỏi giòng sanh tử,
Biển ái dầu nguy dễ đắm người!*¹³

Thông qua những bài thơ với nhiều hình tượng, màu sắc cùng cách miêu tả khác nhau. Từ đó có thể thấy rất rõ, Ni trưởng thường quan sát thiên nhiên, cảnh vật, rồi cảm tác với lời lẽ, văn từ tự nhiên, tuy không quá chải chuốt, nhưng súc tích tình cảm chân thật đối với người dân, đối với đất nước. Cũng có thể nói, Ni trưởng đã biểu thị tình cảm thương xót, vô cùng khéo léo. Điều này bài *Đứng Dưới Góc Cây Dầu* đã bộc lộ tâm trạng cảm xúc của tác giả trong trách nhiệm. Chính đó là tình cảm trác tuyệt, khiến cho người đọc nhận chân được cái đẹp cao thượng của vị Bồ tát hiện thân, tất cả vì nhân dân:

*Một mình đứng giữa chốn rừng xanh,
Tự hỏi có nên lánh thị thành.
Đáp lại cảnh nhàn ta vẫn mến,
Nhưng còn phận sự với nhơn sanh.
Bởi còn phận sự với nhơn sanh,
Phải bước chân đi khắp thị thành.*¹⁴

Hoặc bài *Em Có Nghe Chăng?*:

*Em có hay chăng lũ trẻ thơ?
Mắt cha, mắt mẹ khóc bơ vơ!
Hoặc trong hầm rác, trong nhi viện,
Hoặc sống lầm than, sống dật dờ.*¹⁵

Quả thật lời thơ với sự tràn đầy bi tâm, hòa cùng trí tuệ mạnh mẽ, thậm chí trong cách dùng từ hòa nhập tình cảm bi thương của con người:

*Bàn tay đẹp là bàn tay “đạo đức”,
Xoa vết đau, xua tủi cực trần gian.
Tật bịnh nghèo, mê, dốt, goá, cô, tang,
Xô địa ngục, dựng Niết Bàn giải thoát.*

Lại nữa, qua sự quan sát tinh tế từ đời sống, lao động của những người

¹² Trích từ *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên sáng tác, nhà xuất bản Tổng Hợp thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012, tr. 239.

¹³ Như trên, tr. 460.

¹⁴ Trích *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên, Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2012, tr. 461.

¹⁵ Như trên, tr. 503.

dân cực nhọc, Ni trưởng còn mượn cảnh tượng đời sống thiết thực để tả người, cảnh... Điều này cho thấy lời thơ của Ni trưởng luôn biểu hiện sự cảm nhận thân thiết đối với đời sống chất phác, tận tụy, hăng say lao động của nông dân. Đặc biệt hơn nữa, trong lời thơ còn nêu bật tinh thần truy cầu những cảnh tượng hùng tráng rộng lớn, cùng hình tượng phóng khoáng và hào hùng của đấng Bồ tát có mặt trong khắp mọi nơi, mọi chốn ở cõi đời:

*Không! Bàn tay đẹp là bàn tay “lao động”,
Chuyển đường gân dãn sức sống cho đời.
Hiện khắp nơi và ở khắp nơi nơi,
Như đất nước như khí trời vũ trụ.*

Không những thế, trong thơ ca Ni trưởng còn ca ngợi tinh thần hào hùng, tràn đầy sức sống, luôn tin tưởng và gửi gắm niềm tin vào các anh hùng chiến sĩ:

*Bàn tay đẹp là bàn tay “chiến sĩ”,
Chống xâm lăng cho bờ cõi thanh bình.
Cởi xiềng gông cho dân tộc trưởng thành,
Gây vận hội quang vinh cho Tổ Quốc.¹⁶*

Có thể nói trong cách vận dụng thể thơ, Ni trưởng thường dùng phương thức đột phá vốn có, khiến người đọc cảm nhận được mùi vị mới lạ, đồng thời đã hấp thụ những đặc điểm giản lược, ngắn gọn, súc tích. Điểm thú vị hơn nữa, trong lời thơ Người còn vận dụng những cú pháp liên tục, tạo cho người đọc cảm giác ý thú và nhịp điệu lưu loát sinh động. Đây chính là phong cách lý tưởng mà Ni trưởng tác ý theo đuổi trong lúc làm thơ. Vừa theo đuổi cái đẹp tự nhiên, vừa biểu hiện được tâm đạo sâu lắng, lý trí trong từng bối cảnh, lại ý thức trách nhiệm với non sông, đất nước và dân lành. Nhờ thế, thơ văn đạt đến một cảnh giới nghệ thuật hoạt bát, khéo léo của ý cảnh. Tất cả đều lấy thể giới tự nhiên làm tiêu chuẩn bậc nhất. Thứ đến là tác giả muốn cho người đọc nhận thức cái đẹp thẩm mỹ trong đời sống và cảnh vật, dần dần đưa họ đến với tư duy, triết lý thâm sâu và thâm nhập đạo pháp, để người đọc hiểu được và giúp họ mở rộng tầm nhìn của chính mình. Đồng thời cũng điều chỉnh được thể giới quan trong chính họ, khiến tâm linh và hành vi của người đọc đạt đến cảnh giới cao xa.

Cũng có thể nói, Ni trưởng đã biết linh hoạt kế thừa truyền thống “*dùng văn tải đạo*”, tức dùng nghệ thuật thơ văn hài hòa với đạo pháp, để thu phục lòng người qua văn chương tác tuyệt như bài *Văn với Đạo*, Người đã nhẹ nhàng nhắc nhở nhân loại qua sự quán thấy vũ trụ nhân sinh biến đổi, từ đó thể nghiệm triết lý sâu sắc, ý vị sâu xa từ các pháp. Bên cạnh đó còn giúp họ

¹⁶ Như trên, tr. 567.

thấu rõ kiếp sống tương quan, cảm nhận sự trong sáng, hồn nhiên của từng cảnh vật. Điều này như nhắc nhở nhân loại hãy yêu thương nhau, sống vì nhau, chan hòa lẫn nhau, cũng như thơ và đạo chẳng tách rời nhau:

*Văn có đạo cội bèn cây tốt,
Đạo nương văn ý tốt lý mâu.
Lá cành sẫm uất bèn lâu,
Văn chương đạo đức cùng nhau độ đời.*

Một đoạn khác lại khẳng định:

*Pháp thâm diệu văn từ thâm diệu,
Văn phi thường pháp hiểu phi thường.
Văn truyền pháp hiển hoằng dương,
Văn phò lầy đạo một đường dung thông.¹⁷*

Với ý vị tuyệt vời của những vần thơ trên, trong đó bao hàm những thí dụ mới lạ, sự cảm nhận trong sáng thấm đượm tình người, từng cái thấy bất công, bất hạnh của người dân trong xã hội, Ni trưởng vô cùng đồng tình với nỗi đau của nhân loại. Đây chính là tiêu biểu sự cao siêu, tuyệt vời và tươi đẹp trong tâm hồn người Khất sĩ cũng là người thi sĩ. Tất cả đều biểu hiện qua đời sống giản dị, tầm nhìn cảm thông, yêu thương và đầy sức sống, hòa quyện với trí tuệ thấu triệt các pháp khi tiếp ứng với cảnh vật thiên nhiên và con người. Mỗi mỗi đều được Ni trưởng cảm hứng bằng lời thơ trong sáng, hòa dịu, nhưng giọng văn lại sắc bén, quả quyết. Vì thế Ni trưởng luôn nhắc nhở chúng Ni cùng hàng Phật tử:

*Bồ tát chúng sanh danh tạm có,
Chơn như liễu ngộ góc hoàn không.
Giác cùng bất giác nào riêng ngộ,
Mê với không mê chỉ một dòng.
Niệm ngộ còn tâm, tâm chưa tỏ,
Huờn chơn chẳng biết, biết toàn thông.*

Thâm ý của bài thơ trên đã nhắc nhở cho mọi người thông hiểu, Bồ tát và chúng sinh chỉ là giả danh, cả hai tự tính đều như nhau, chỉ sai khác ở chỗ mê và ngộ. Từ đó đưa dẫn người ngộ đạo sự tỉnh nhận chân rằng, sự giải thoát thật sự chẳng ngoài tâm mình. Thấu triệt chân lý này, chúng ta mới hưởng tận được cuộc sống ngọt ngào, mỹ mãn, tốt đẹp.

Với bút lực dồi dào nên đứng trước cảnh vật tầm thường Ni trưởng cũng có thể biểu hiện ý thú sinh động, hàm súc uyển chuyển, tình cảm thuần tịnh, cách điệu tráng kiện, cao xa. Đây cũng là cách kế thừa và phát triển đối

¹⁷ Trích từ *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên, Nxb Tổng hợp TP. HCM, 2012, tr.186.

với văn phong hàm súc uyển chuyển trong truyền thống. Có thể nói tác phẩm thi ca, trong phong cách chỉnh thể, sự miêu tả tự nhiên của Ni trưởng đã thể hiện đầy sức sống với lời văn đẹp đẽ, nhẹ nhàng, nhưng không kém sự hùng vĩ. Quan trọng hơn nữa, sáng tác của Người chỉ nhằm mục đích miêu tả tinh thần siêu thoát, hào phóng, qua đó thấy được thần thái của Người luôn trầm tĩnh và thanh thoát lạ lùng.

3.2. Giá trị thẩm mỹ trong thơ của Ni trưởng Huỳnh Liên

Nói đến văn thơ Ni trưởng Huỳnh Liên, với bút pháp khoáng đạt, kết hợp tâm hồn trong sáng, thanh cao, lấy cái đẹp thiên nhiên, sông nước hữu tình, con người, đời sống xã hội... làm đề tài trước tác, nội dung thơ phần lớn đều biểu hiện những kiến giải đặc thù thấu triệt kiếp sống nhân sinh, hòa quyện với nhân cách thanh cao, lòng từ bi bao la, sống vì mọi người, cùng trí tuệ thấu nhập chân lý, điều này được thể hiện trong bài *Thuyền Trí Tuệ*:

*Năng nghiên cứu xét tìm chơn lý,
Gắng tham thiền tuệ trí phát sanh.
Sáng tâm tỏ tánh rành rành,
Tinh chuyên nhập định đắc thành thần thông.
Màn huyền bí bên trong hé mở,
Mấy nhiệm mầu tỏ lộ lần ra.
Rõ ràng đạo quả đâu xa,
Chơn tu thành Phật, Phật là người tu.¹⁸*

Đoạn thơ trên cho thấy tác giả đã nhận chân một cách sâu sắc rằng, trí tuệ thấu triệt chân lý và đạo quả chẳng qua là lối sống thể nhập lý tánh, tức sống với tâm tỉnh giác, sáng tỏ thì Phật chính là mình, mình chính là Phật vậy. Đây chính là nét đẹp thẩm mỹ bằng sự cảm nhận và truyền đạt qua tâm linh trong thơ Ni trưởng, giá trị của nó là miêu tả vẻ đẹp tối ưu của đời sống tỉnh giác. Chính đó là đạo, chẳng phải đâu xa, trong đó còn nhấn mạnh sự tin tưởng vào tự thân. Điểm đặc biệt ở đây là trong ý thơ Ni trưởng đã nêu cao nét đẹp về tinh thần bình đẳng giữa người với người.

Lại nữa, trong những đoạn thơ được dẫn chứng ở trên, từ hạnh nguyện làm người nữ như câu “*Con nguyện hiện thường kiếp nữ thân, Bởi bao phụ nữ khổ trong trần*” hoặc tự ví mình như quả đất, sẵn sàng hứng chịu tất cả những đau thương, cực nhọc trong đời “*Người dẫn chúng khác nào quả đất, Để chúng sanh chứa chất nặng nề*”. Đặc biệt là phép điệp ngữ “*Hỡi ganh, hỡi ghét, hỡi bì...*” trong bài thơ, Ni trưởng đã dùng nhịp điệu này để thể hiện mạnh mẽ ý chí sống và hy sinh vì mọi người. Đây chính là vẻ đẹp cao

¹⁸ Trích từ *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên sáng tác, nhà xuất bản Tổng Hợp thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012, tr.129.

thượng, đầy đủ nhất trong tình người. Người biểu hiện bằng một tình cảm thân thương, chân tình, rõ ràng đã nêu bật một giá trị thẩm mỹ rất cao. Lại nữa, trong thơ Ni trưởng luôn biểu hiện tình cảm yêu thương và quan tâm đến đời sống nhân dân, đất nước. Hình ảnh hai câu thơ sau đã phản ánh rõ tâm tư của người làm thơ:

*“Bởi còn phận sự với nhơn sanh,
Phải bước chân đi khắp thị thành”.*

Thậm chí Người còn chú ý đến cuộc sống nghèo khổ, tật bệnh, mê lầm, chết chóc, mẹ góa, con cô... của người dân, nên đưa vào thơ rất tự nhiên những cảm xúc về *“Tật bệnh, nghèo, mê, dốt, góa, cô, tang”* của con người trong xã hội. Ngoài ra, những thảm cảnh đau thương do người tận mắt thấy nên tỏ lòng thương cảm *“Em có hay chăng lũ trẻ thơ? Mất cha, mất mẹ khóc bơ vơ!”*, hoặc hình ảnh những chiến binh vì dân, vì nước, vì sự thanh bình cho dân tộc như câu:

*“Chống xâm lăng cho bờ cõi thanh bình.
Cởi xiềng gông cho dân tộc trưởng thành”.*

Thông qua nội dung thi ca của Ni trưởng, thực tế cho thấy trong đó bao gồm rất nhiều thể loại và loại hình như: thơ thiền lý, thơ ngộ đạo, thơ ngẫu hứng, thơ trữ tình, thậm chí trong thơ tả cảnh cũng luôn phản ánh tình cảm thân thiết, quan tâm đến mọi cảnh huống của nhân loại. Đặc biệt hơn nữa, người thường mượn vật cảm tác, qua đó khiến người đọc cảm nhận được diệu lý thâm sâu trong Phật lý. Nên trong sách Ni trưởng Huỳnh Liên: *Cuộc đời và Đạo nghiệp* đã đúc kết rằng: *Tác phẩm thơ ca của Ni trưởng Huỳnh Liên có hơn cả ngàn bài, gồm đủ 8 thể loại thơ, từ thể loại dân gian lục bát... cho đến bác học Đường luật, thể loại nào Ni trưởng cũng thiện xảo, tinh thông.*¹⁹

Với ý thơ cao thâm, sâu đậm kết hợp với tính nghệ thuật cao độ, nét thẩm mỹ tự nhiên trong tình cảm yêu thương cùng cảm xúc khi quan sát, tất cả đã nêu bật những thành tựu về sự nghiệp thơ văn đối với đạo pháp nói riêng và nền văn học Phật giáo Việt Nam nói chung. Thế nên trong bài văn tế của Ni trưởng Đàm Liên đã từng cảm thán:

*Pháp thi thơ tải đạo nhập đời,
Đời tải đạo theo thời độ thế;
Kinh Tam Bảo nương văn truyền đạo,
Đạo nương văn trụ thế đạo hành.*²⁰

¹⁹ Trích từ *Ni trưởng Huỳnh Liên: Cuộc đời và Đạo nghiệp*, Ni trưởng Khiêm Liên – Nhật Huy trước tác, Nxb Hồng Đức, 2014, tr.137.

²⁰ Như trên, tr. 208.

Linh động hơn nữa, Ni trưởng thường thông qua lời văn mạnh mẽ, đan xen giọng văn nghị luận nhẹ nhàng, thông đạt và sắc bén, kết hợp với kết cấu bố cục mạch lạc, rõ ràng, tầng thứ phân minh. Tuy nhiên, mục đích làm thơ của Ni trưởng rõ ràng chỉ muốn khuyên nhắc hành giả tu tập cùng sách tấn chúng đệ tử kíp mau giác ngộ giải thoát. Vì vậy trong thơ văn Ni trưởng thường tổng hợp và đưa ra chân lý tu học rất thiết thực.

Do đây, trong lời nói đầu của quyển Đóa Sen Thiêng, người biên tập đã khẳng định rằng: *“Người làm thơ là để giáo hóa môn sinh, mong cho đời hiểu đạo, Người muốn cụ thể hóa giáo lý uyên thâm của Đức Phật cho người đời khi nghe, khi đọc dễ dàng tiếp nhận”*.²¹

Để khẳng định điều này, chúng ta hãy đọc lời bình phẩm chân tình của tác giả Vân Trang trong bài viết *Nghĩ về cố Ni trưởng Huỳnh Liên* *“Là một người giỏi về văn thơ, Ni trưởng đã biên soạn phiên dịch ra tiếng Việt và phổ thành thơ rất nhiều bản kinh kệ từ chữ Hán để Ni chúng dễ học, dễ nhớ. Hiện nay hai bộ Kinh Tam Bảo và Tinh Hoa Bí Yếu đã được in thành tập gồm hơn sáu ngàn câu đủ thể loại, Đường luật, lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn, tứ tuyệt, thể văn tế biến ngẫu liên hoàn thập thủ, văn xuôi... gần như đủ các thể loại văn, và thể nào Ni trưởng cũng viết trơn tru, đối xứng hẵn hoi, phân tích đầy đủ lý tình. Và đặc biệt hơn nữa là tất cả dòng thơ tuôn ra dưới ngòi bút ấy đều chứa đựng lòng từ bi, bác ái, nhằm khuyên răn con người hướng thiện, dầu ở trong đạo hay sống ngoài đời. Và chính bản thân Ni trưởng cũng là một tấm gương sáng ngời về cái thiện mà chúng ta có thể thấy được trong cách đối xử của Ni trưởng đối với những người chung quanh, cũng như đối với đất nước, đối với dân tộc”*.²²

Với gương hạnh Bồ tát luôn ước mong tốt đạo đẹp đời và an lành cho thế gian, Ni trưởng đã thể hiện tình thương chúng sinh bằng cách hòa mình với tất cả mọi người, thậm chí xem họ như mẹ cha, anh chị, bạn, thầy kính thương. Điều này đã phản ánh rõ nét trong lời thơ với phong cách chất phác, giản dị, nhưng thấm đượm tình người. Song ở đây vì sự hạn định của bài viết không thể trích dẫn quá nhiều bài thơ. Có lẽ vì thế, mà trong lễ tang, khi viết lời cảm niệm, rất nhiều lời cảm khái chân thành thể hiện sự quý mến và trân trọng, như Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Nguyễn Vĩnh Nghiệp đã viết: *“Ni trưởng Huỳnh Liên là một nhà đạo đức, chân tu, vừa là một nhân sĩ yêu nước nhiệt thành. Ni trưởng còn là một nhà thơ có tâm hồn cao đẹp”*.²³

Qua lời bình phẩm, đánh giá trên chúng ta có thể thấy được, Ni trưởng quả thật đã biểu hiện trí tuệ và lòng từ bi sâu sắc bằng tinh thần nhập thể

²¹ Như trên, tr.7.

²² Trích *Kỷ yếu Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên*, Nxb TP.HCM, 1994, tr. 231.

²³ Như trên, tr. 121.

sống động, đa dạng qua tư tưởng, văn thơ, song song với hành động hòa quyện, gắn bó cùng đời sống an vui hạnh phúc của nhân dân. Và phải chăng đó chính là nét đẹp thẩm mỹ tự nhiên, được đúc kết từ cảm xúc, yêu thương bằng tấm lòng vô ngã vị tha của bậc chân tu. Thế nên trong mỗi lời thơ, mỗi cảm nghĩ đều biểu hiện sự giáo hóa, giúp người nhận chân được chân lý, đồng thời cũng hướng dẫn họ sớm đạt đến bờ giác ngộ giải thoát. Để nêu bật điều này, chúng ta hãy chiêm nghiệm *Lời tặng biệt của giáo sư Thuận Phong*:

*Lướt phong ba chèo vượt biển đời,
con thuyền giác cứu người khỏi lụy.
Cây bút mực đề cao diệu lý,
lý thêm mâu, thêm tinh túy kinh văn;
Nhờ đức tài điều luyện chánh văn,
văn càng tuyệt, càng khai hoằng chơn lý.²⁴*

3.3. Thơ và Đạo của Ni trưởng Huỳnh Liên - nguyên tố góp phần tô bồi nền văn học Phật giáo Việt Nam

Nhắc đến sự đóng góp của Ni trưởng Huỳnh Liên, ngoài sự cống hiến về hoằng dương đạo pháp, phục vụ nhân loại, Người còn để lại cho Phật giáo nói riêng, và nền văn học nói chung một một sự nghiệp lớn lao về văn thơ Phật giáo. Nổi bật hơn, thơ văn của Ni trưởng không xa rời cuộc đời, bằng nghệ thuật sống động, gần gũi với người dân, thông qua sự quan sát cảnh vật núi rừng sông nước, người vật, đất nước, quê hương... Trong đó đã hàm chứa một triết lý sống, có thể giáo dục con người, đưa họ trở về với chính mình theo tinh thần đạo Phật nhập thế. Nói cụ thể hơn, đó chính là nét đẹp nhân văn, bằng một tâm hồn cao đẹp, thanh thoát, vô ngã, vị tha, vì mạng mạch Phật pháp, vì đồng bào, đất nước. Chỉ với một ánh trăng, dòng nước, chòm núi, cảnh vật nhà nông lam lũ với đồng ruộng hoặc đứng dưới gốc cây... cũng làm cho thi nhân miêu tả cái đẹp của chân lý, từ đó hướng dẫn người người tiến đến thế giới giải thoát, an lạc. Đó chính là lối sống của người đạt đạo, dù hoàn cảnh nào, hoặc ở nơi đâu, đối ứng trong môi trường nào, Ni trưởng đều có thể quyền biến, bằng hành động thâm nhuần trí tuệ và văn thơ để trợ đời, giúp đạo.

Chính vì thế trong quyển *Kỷ yếu viếng lễ tang Ni trưởng*, rất nhiều đoạn văn từ các bậc Lãnh đạo các cấp Chính quyền, chư vị Lãnh đạo Phật giáo, các Ban ngành, cũng như các Giới trí thức cùng hoạt động hoằng đạo cứu đời, hoặc tham gia đấu tranh bảo vệ nền hòa bình, hoặc tham gia phong trào cứu giúp, nuôi dạy, đào tạo, người nghèo khó, trẻ em tật bệnh, chiến sĩ

²⁴ Như trên, tr.19.

thương binh, cô nhi cô cút... đều ca ngợi và tỏ lòng tiếc thương. Cụ thể là ông Huỳnh Tấn Phát thay mặt đoàn đại biểu UBTW MTTQVN đã ghi vào sổ tang bằng sự kính tiếc và lời tán thán Ni trưởng như sau: “*Vô cùng thương tiếc Ni sư Huỳnh Liên, một vị chân tu giàu lòng yêu nước, đã bất chấp sự đàn áp dã man của địch, sẵn sàng chấp nhận mọi sự gian khổ, hy sinh kiên quyết xuống đường đấu tranh dũng cảm kiên cường, vì nền độc lập tự do của đất nước, và nêu cao tinh thần xả thân vì chánh nghĩa theo gương sáng của Đức Phật*”.²⁵

Ông Ung Ngọc Ky, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố cũng đánh giá rằng: “*Trong suốt cuộc đời 2/3 thế kỷ đó, giữa lúc đất nước còn điêu linh, Ni sư đã là một chiến sĩ đấu tranh cho độc lập dân tộc. Giữa lúc mỗi đạo còn suy vi, Ni sư là bậc chân tu có công với đạo pháp. Ngoài ra, Ni sư còn là một nhà hoạt động xã hội, và khi nước nhà đã thống nhất, hòa bình độc lập hoàn toàn. Ni sư đã nhiệt tình đóng góp vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thành phố và đóng góp vào nền hòa bình trong tổ chức phụ nữ và trong giáo hội Phật giáo Việt Nam, trong tổ chức Phật giáo Châu Á vì hòa bình, trong Ủy ban Bảo vệ Hòa bình của Thành phố*”.²⁶

Hình ảnh vị Bồ tát vốn là giới nữ lưu, nhưng tinh thần vững mạnh, sẵn sàng vượt khó, xông pha trong mọi cảnh huống để hòa nhập vào đời bằng tâm lượng vị tha, bằng trí lực thoát tục. Tất cả chỉ vì phục vụ cho nhân sinh, đất nước và quê hương, như bài *Nguyện Chung* đã thể hiện tâm tư hoài bảo của bậc Bồ tát hiện thân:

*Con nguyện siêng năng bố thí công,
Bao nhiêu cực nhọc vẫn vui lòng.*²⁷

Qua phân tích và chứng minh như trên, người viết thiết nghĩ, ở đây chúng ta không cần phải bàn luận nhiều cũng đủ khẳng định được tinh thần kế thừa tích cực của Ni trưởng Huỳnh Liên. Trong trang sử Phật giáo Việt Nam, tinh thần xuất trần, bi nguyện phổ độ quần sanh, kết hợp với kiến thức uyên bác, văn chương lỗi lạc, các bậc cao tăng luôn sử dụng chất liệu thơ văn để đưa Phật giáo lên lời và thấm nhuần vào tâm thức của đông đảo quần chúng. Hay nói cách khác, các vị đã dùng văn thơ, một phương pháp gần gũi với quần chúng, nhưng lại rất linh hoạt, đặc sắc có thể giáo huấn cho họ biết tin vào khả năng của chính mình để xây dựng một đời sống an lạc, hạnh phúc.

Khi xưa, các nhà sư có lúc đã thị hiện tinh thần cứu nước bằng trí tuệ chỉ đạo, hoặc bằng văn chương sắc bén để tham gia quốc sự khi đất nước

²⁵ Trích *Kỷ yếu Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên*, Nxb TP. HCM, 1994, tr.34.

²⁶ Như trên, tr. 123.

²⁷ Như trên, tr.129.

cần đến, hầu góp phần giúp các bậc lãnh đạo trong công cuộc dựng nước và giữ nước khi đất nước lâm nguy. Đòi nay, Ni trưởng Huỳnh Liên nói truyền gương hạnh người xưa, Người rõ ràng đã thể hiện tích cực vận dụng những áng văn chương xuất sắc, những vần thơ trong sáng, nhẹ nhàng và cao đẹp để cứu giúp xã hội, điều phục đưa dẫn con người sống hướng thiện, an vui. Có thể nói thơ của Ni trưởng đã có những đóng góp nhất định, cụ thể là góp phần thành tựu trong việc truyền bá giáo lý cũng như bồi bổ thêm cho văn học Phật giáo nước nhà thêm phong phú, đa sắc màu. Do vậy, trong tập thơ *Đóa Sen Thiêng* của Ni trưởng đã được Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam công nhận kỷ lục là tập thơ được viết theo nhiều thể loại nhất.

Ngoài ra, ngay từ thuở mới hành đạo, Ni trưởng đã biết vận dụng tài sản thiêng liêng vốn có từ truyền thống cha ông, đó là sử dụng văn hóa Việt, ngôn ngữ Việt để truyền đạo, răn người. Nói cách khác, với tài năng văn thơ kết hợp trí tuệ cùng sự hy sinh vì dân, vì nước, vì đạo pháp và dân tộc. Ni trưởng luôn tích cực phổ thơ, dịch sách thành văn ngôn thuần Việt. Cũng có thể nói, Ni trưởng đã không ngừng đóng góp cho hệ phái Phật giáo Khất sĩ nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung một di sản văn thơ thuần Việt. Người viết thiết nghĩ, phải chăng đây chính là thành tựu mà giới nghiên cứu cần quan tâm, nghiên cứu và thưởng thức cái đẹp trong nghệ thuật văn thơ Phật giáo. Thơ của Ni trưởng còn nhắc nhở cho kẻ hậu thế suy tư về cách sống, về hành động, tư tưởng. Nó không chỉ góp phần bảo vệ, xây dựng mà còn làm cho đất nước phát triển về nhân văn và văn hóa. Riêng đối với người tu sĩ, những hình ảnh này đã giúp cho kẻ hậu thế khơi dậy được tiềm năng và trách nhiệm đối với đạo và đời bằng tinh thần vô ngã vị tha, đúng với phương châm của đạo Phật “*sống vì hạnh phúc, vì lợi ích cho số đông*”, hoặc sống phù hợp, đúng với chủ trương của xã hội và nhà nước Việt Nam ngày nay, sống vì “*đạo pháp - dân tộc và chủ nghĩa xã hội*”.

Mặt khác, việc Ni trưởng soạn kinh Việt hóa bằng thơ, không những tạo cho người đọc có cảm giác, đọc kinh như đang thưởng thức cái đẹp, bên cạnh đó còn giúp họ thâm nhập triết lý sống vui, sống tốt, sống lợi mình, lợi người. Quan trọng hơn nữa, trong truyền thống kinh tụng của Phật giáo Việt Nam xưa nay, phần lớn đều dùng Hán văn, hoặc Pali văn để xưng tụng kinh Phật. Trong khi đó Hệ phái Phật giáo Khất sĩ nói chung, Ni trưởng nói riêng, đã sớm ý thức tinh thần dân tộc mạnh mẽ nên đã sử dụng và đọc tụng kinh văn thuần Việt. Đây là điểm biểu hiện tiêu biểu nhất, đề cao tinh thần vận dụng ngôn ngữ văn tự Việt. Riêng về thơ, Ni trưởng đã dùng văn chương để biểu đạt ý đạo, răn đời. Đây là dạng thơ ngôn chí đạo lý của nhà Phật. Đến đây, người viết nghĩ rằng, định hướng góp phần phát triển cho nền văn học Phật giáo Việt Nam trong tương lai, không gì quan trọng hơn, bằng cách ngược dòng lịch sử, học gương hạnh xưa, vun bồi trí tuệ, lập hạnh cao đức,

sống với tinh thần quên mình vì người, sẵn sàng cống hiến cho nhân loại. Đồng thời, cần phải biết kế thừa cái cũ, tiếp thu cái mới, học những điểm tinh hoa từ văn hóa ngoại lai, lấy đó làm nền tảng kiên cố để xây dựng cho nhân dân nước ta một tài sản tinh thần. Đây chính là từng bước góp phần phát triển và thành tựu vững chắc cho nền văn học Phật giáo Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên, *Kỷ yếu HTKH*. Nxb TP. HCM, 1994.
2. Ni trưởng Thích Nữ Khiêm Liên - Nhật Huy, *Ni trưởng Huỳnh Liên: Cuộc đời và Đạo nghiệp*, Nxb Hồng Đức, năm 2014.
3. Ni trưởng Huỳnh Liên, *Đóa Sen Thiêng*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2012.
4. TT. Thích Phước Đạt, *Giá trị văn học trong tác phẩm của Thiền phái Trúc Lâm*, Nxb Hồng Đức, năm 2013.
5. HT. Thích Giác Toàn, *Những sáng tác văn học của các Thiền sư thời Lý - Trần*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, năm 2011.
6. *Khái quát văn học Lý - Trần*, www.ldthcsmm.sch.vn.
7. Nguyễn Công Lý, *Mấy đặc điểm văn học Lý - Trần*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (47) - 2001. www.newvietart.com
8. Nguyễn Công Lý, *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: Diện mạo và đặc điểm*, Nxb ĐHQG TP. HCM, 2002.
9. Trịnh Thị Minh Hương, *Vai trò của giáo lý Thiền tông trong sáng tác thơ Thiền Lý - Trần*, www.clbhoanang30.vnweblogs.com.
10. Lê Sơn, *Văn học Phật giáo đã viết nên chương mở đầu xuất sắc của nền văn học Việt Nam*, www.tuvientuongvan.com.vn
11. *Yếu tố Phật giáo trong văn học thời Lý - Trần*, www.hoalinhthoai.com

TUỞNG NIỆM ÂN SƯ

★ Ni sư Viên Liên - Tịnh xá Ngọc Vân, Bình Thuận

Kính bạch Ni trưởng đương kim Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

Kính bạch Ni trưởng trụ trì Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương.

Kính bạch quý Ni trưởng, quý Ni sư.

Hôm nay nhân ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 Cố Ni trưởng Đệ Nhất Thích Nữ Huỳnh Liên (1923-1987).

Để nhớ lại những ngày tháng dày công khổ hạnh, Người đã cống hiến đời mình cho đạo pháp và dân tộc, hoằng pháp lợi sinh trên các nẻo đường đất nước, đã đem lại biết bao hạnh phúc cho chúng sanh, đưa ngọn đuốc trí tuệ soi đường, chỉ lối cho những đứa con mãi mê trong dòng đời ngũ dục, phá màn vô minh trong cuộc đời đầy khổ ải trầm luân. Nói khác hơn, Người đã đem lại nguồn hạnh phúc an lạc giải thoát cho đàn hậu học của chúng con và chúng sanh. Chúng con có được ngày hôm nay là nhờ hấp thụ tinh hoa nền giáo lý Phật Đà của Tổ Thầy. Trong đó, Người đã dày công hướng đạo giúp chúng con được trưởng thành trong ngôi nhà đạo pháp, chúng con đã và đang thực hiện lời giáo huấn của cố Ni trưởng Đệ Nhất. Đoàn hậu học chúng con luôn luôn thể hiện vai trò đoàn kết gắn bó tích cực, kiên trì dựng xây hoàn thiện ngôi nhà đạo pháp và dân tộc ngày đêm vững bền. Đoàn hậu học chúng con xin nguyện góp phần gìn giữ gia tài pháp bảo của Ni trưởng Đệ nhất truyền trao cho chúng con.

Giữ gìn tổ ấm tông phong,

Tốt đời, đẹp đạo giữ lòng thế nhân.

Kính bạch cố Ni trưởng, 30 cuốn lịch đã từ từ lui vào dĩ vãng, nhưng 30 năm dài quý Ni trưởng, Ni sư và các con mãi mãi khắc ghi những lời vàng ngọc của cố Ni trưởng Đệ nhất đã giáo huấn.

Hư không còn có ngày mòn,

Tám gương đức hạnh sắc son đời đời.

Thầy sống mãi trong lòng pháp tử,

Trong tư duy, trong tâm trí chúng con.

Dưới đài sen con ngưỡng nguyện trông

Thành kính nguyện Ta Bà thầy trở lại.

NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

★ Sư cô Thảo Liên – TX. Ngọc Trước, Bến Tre

1. Vài nét về sự hình thành và phát triển của Ni giới Hệ phái Khất sĩ

Tổ sư Minh Đăng Quang sau nhiều năm du phương tầm đạo, năm 1944 Ngài trở về Việt Nam ẩn tu tại núi Thất Sơn. Sau bảy ngày đêm thiền định quán xét nhân duyên tại rãnh mũi Nai - Hà Tiên, “*đức Tổ Sư đã ngộ nhập Phật pháp, chứng đạt lý vô thường, vô ngã, cảnh khổ trầm luân đầy vơi, có không còn mất, sống chết, khổ vui của cuộc đời*”²⁸. Rồi từ đây, với chí nguyện “*Nói truyền Thích Ca chánh pháp*”, đức Tổ sư đã khai sáng ra Hệ phái Khất sĩ theo truyền thống mà đức Phật đã vạch ra, noi gương Phật Tăng xưa, sống đời phạm hạnh của một “*du Tăng Khất sĩ*”, đêm tham thiền tĩnh tọa, sáng đi khất thực hóa duyên, trưa về độ ngộ, chiều học kinh, nghe pháp, dạy đạo cư sĩ, tối nghỉ dưới cội cây, không nhà cửa, không gia đình quyến thuộc, không cất chứa vật dụng tiền bạc, không ở một nơi nào nhất định.

Năm 1947, đức Tổ Sư được ông Bảy Tam mời về Linh Bửu Tự ở làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) giảng đạo. Tại đây, Ni trưởng Huỳnh Liên (1923 - 1987), hữu duyên gặp đức Tổ sư và xin xuất gia học đạo. Trong cuốn Bút Tích Ni trưởng Huỳnh Liên do Ni giới Hệ phái Khất sĩ biên soạn đã ghi lại việc này một cách rất chi tiết rằng: Những lần đức Tổ Sư giảng đạo, Ni trưởng đều rủ cô em gái và bà con bơi thuyền đến nghe Tổ Sư thuyết pháp. Sau nhiều lần nghe giảng, một hôm, Ni trưởng bước ra quỳ đánh lễ và bạch rằng:

- Xin đức Thầy nhận cho con xuất gia.

Bạch ba lần Tổ Sư vẫn lặng yên, đến lần thứ tư, Ngài mới hỏi:

- Tín nữ xuất gia với hạnh nguyện gì?

Ni trưởng thưa:

- Bạch đức Thầy, con xuất gia với hạnh nguyện làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ, xin đức Thầy từ bi tiếp độ cho con.

Đức Tổ Sư mới ngó lên khen và nói với Phật tử:

- Đó là hạnh nguyện của Bồ tát, chỉ có Bồ tát mới có hạnh nguyện lớn lao như thế, chúng tở người này tiền kiếp có tu, nay xuất gia có thể đảm

²⁸ *Ánh Minh Quang*, Hệ phái Khất Sĩ, TP. HCM, Nhà xuất bản Tổng Hợp TP. HCM, năm 2004, trang 13.

đương bên phái nữ. Rồi Đức Tổ Sư dạy:

- Tín nữ nên tìm thêm ba vị nữa cùng tu thì Thầy mới nhận.

Ni trưởng tìm đến chùa Sắc Tứ Long Hội mời Ni trưởng Nhi, Ni trưởng Tam (lúc bấy giờ đang tu học tại chùa này theo truyền thống Bắc Tông) và người mẹ bà con cùng xuất gia theo giáo pháp Khất sĩ.

Ngày 01.04.1947, bốn vị được thể phát xuất gia tại Linh Bửu tự, được Tổ Sư thọ ký pháp danh là: Huỳnh Liên, Bạch Liên, Thanh Liên và Bửu Liên.²⁹

Năm 1948, vì nhu cầu khai lập đạo tràng tiếp Tăng độ chúng, đức Tổ Sư đã thiết lập đàn tràng truyền trao giới pháp y bát Khất sĩ cho hai giới Tăng Ni đệ tử của Ngài. Thế là từ đây ba vị Ni trưởng (bà Bửu Liên vì già yếu nên không bao lâu con bà rước về nhà) đã chính thức bước vào hàng Tăng Bảo của Giáo hội Khất sĩ. Và từ đây, Ni giới Khất sĩ đã được khai sinh cùng có mặt trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam. Với tư cách là trưởng tử Ni, đứng đầu hàng Ni giới Khất sĩ, Ni trưởng Huỳnh Liên đã được đức Tổ Sư giao trọng trách đảm đương bên phái nữ, trực tiếp hướng dẫn, dạy dỗ Ni chúng tu học.

Cũng năm 1948, đức Tổ Sư thành lập đoàn du Tăng hành đạo đến những vùng lân cận như Long An, Thủ Thừa. Nơi đây đức Tổ Sư đã độ Ni trưởng Chơn Liên, Ni trưởng Quang Liên và Ni trưởng Tạng Liên và rời thẳng dặm về Chợ Lớn. Ở đây có Phật tử phát tâm xây cất tịnh xá Ngọc Sơn làm chỗ hành đạo cho Tăng đoàn.

Năm 1950, đức Tổ Sư mở rộng hướng hành đạo đến tận miền Tây như Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Xuyên... Lúc bấy giờ, hàng Ni chúng lại có thêm Ni trưởng Tuyết Liên, Ni sư Nghĩa Liên. Năm 1952 đến 1953 đức Tổ Sư hành đạo đến Châu Đốc, Thốt Nốt, Ô Môn, Cần Thơ, Trà Vinh, Ngã Bảy, Sóc Trăng, Bạc Liêu rồi đến Biên Hòa, Dầu Tiếng, sau đó về Gia Định rồi trở về lại Sa Đéc. Thời gian này, vâng lệnh đức Tổ Sư, nơi nào đức Tổ Sư chuẩn bị đến hành đạo, thì Ni trưởng Huỳnh Liên đều dẫn đoàn Ni chúng đến trước vài tuần, để đồng bào Phật tử làm quen với nếp sống của Khất sĩ. Sau khi đức Tổ Sư dẫn đoàn chư Tăng đến thì quý Ni trưởng lại bắt đầu cuộc hành trình mới, di chuyển đến nơi khác. Điều này trong quyển Bút Tích Ni trưởng Huỳnh Liên được ghi rất rõ: *“Đặc biệt nơi nào đức Tổ Sư định đến thì Ngài dạy Ni trưởng dẫn đoàn quý Ni trưởng đến trước vài tuần, sau đó đức Tổ Sư mới dẫn đoàn chư Tăng đến thuyết pháp giảng đạo và dựng lập đạo tràng, xong lại lữ hành đến nơi khác, đi đi mãi, màn trời chiếu đất, mưa nắng không màng, đói no chẳng quản, chỉ lo hoằng pháp độ*

²⁹ Bút Tích Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni giới hệ phái Khất Sĩ, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 19

sanh”.³⁰

Thời gian đầu quý Ni trưởng chịu nhiều gian truân, vất vả, sống nếp sống thanh bần, ăn ngọ, không tiền, đầu trần chân đất, bữa đói bữa no. Hằng ngày, quý Ni trưởng được trực tiếp học đạo nghe pháp với đức Tổ Sư qua những bài Chơn Lý, đêm về nghỉ dưới cội cây hoặc nghỉ dưới nhà mồ của bà con Phật tử. Việc này từng được Ni trưởng Huỳnh Liên thổ lộ trong hai bài thơ “*Nghỉ chân bên nghĩa địa*” và “*Nằm nghỉ tại rừng cây*”.³¹

Năm 1954, đức Tổ Sư thọ nạn vắng bóng. Lúc này, Tịnh xá khoảng 20 ngôi, Tăng Ni trên 100 vị, trong đó Ni chúng khoảng 53 vị.³² Với cương vị trưởng tử Ni, bằng hạnh nguyện làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ, kế thừa đạo nghiệp của đức Tổ sư, với phương châm “*Nói truyền thích ca chánh pháp*”, Ni trưởng dẫn đoàn Ni giới tiếp tục vân du khắp hai miền Nam - Trung nước Việt, thuyết pháp giảng kinh, thiết lập đạo tràng, tiếp chúng độ Ni.

Năm 1958, để thuận tiện trong hoạt động du hóa, Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên cùng quý Ni trưởng trong hàng Giáo phẩm đã đệ đơn xin phép thành lập Giáo Hội Ni giới Khất sĩ Việt Nam với Bản Điều Lệ gồm 30 Điều, làm tại Sài Gòn ngày 18.10.1957 được Bộ Nội vụ Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cho phép tại Nghị định số 7/BNV/NA/P5, do Tham lý Nội an Vũ Tiên Huân ký, với danh xưng Giáo Hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam (thường gọi là Giáo hội Liên Hoa Khất Sĩ), trụ sở đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương (nay là số 498/1 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh). Bản Điều Lệ, điều thứ nhất quy định: Giữa những người nữ tu xuất gia thuộc Phật giáo công nhận Bản Điều lệ này, có thành lập một Hiệp hội tên là: Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam, đặt dưới chế độ Dự số 10, ngày 6.8.1950. Điều thứ sáu quy định: Giáo hội gồm có hội viên là Ni cô, bất luận quốc tịch, bất luận hạng số, phân ra bốn hạng: Tỳ Kheo Ni và tập sự Tỳ Kheo Ni, Sa di ni và tập sự Sa di ni. Kể từ đó, Ni giới Hệ phái Khất sĩ đã chính thức thành lập với đầy đủ pháp nhân pháp lý.

Từ năm 1960 đến năm 1975, miền Nam bước vào giai đoạn khúc quanh của lịch sử. Với tấm lòng Bồ tát, đau nỗi đau chung của dân tộc, Ni trưởng Huỳnh Liên đã lãnh đạo hàng Ni giới Khất sĩ và tích cực vận động chư Ni cùng tín đồ Phật tử tham gia vào các phong trào đấu tranh cho hòa bình, tự do, độc lập cho đất nước, đấu tranh đòi quyền sống, đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và trường tồn đạo pháp, đòi tự do tín ngưỡng và các quyền dân sinh, dân chủ của Phật giáo, các phong trào của sinh viên học sinh, phong trào phụ nữ đòi quyền sống, phong trào dân tộc tự quyết, ủy ban cải

³⁰ *Bút Tích Ni trưởng Huỳnh Liên*, Ni giới Hệ phái Khất Sĩ, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 27

³¹ *Đóa Sen Thiêng*, Ni giới hệ phái Khất Sĩ, nhà xuất bản Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012

³² *Tìm hiểu về Hệ phái Khất Sĩ*, Thích Giác Duyên, nhà xuất bản Phương Đông, năm 2010.

thiện chế độ lao tù, tổ chức biểu tình đòi thả tù nhân chính trị, phối hợp với phụ nữ quốc tế lên án chiến tranh, vận động hòa bình... Và danh hiệu “*đội quân đầu tròn*” đã sánh vai cùng “*đội quân tóc dài*” hiên ngang đi vào lịch sử đấu tranh của dân tộc. Trong những ngày tháng chiến tranh, Tịnh xá Ngọc Phương, trú xứ của Ni giới Khất sĩ đã trở thành cơ sở cách mạng, phục vụ cho cách mạng, từng bị cảnh sát phong tỏa. Ni trưởng đã cho dựng một “*lò thiêu dã chiến*” trước cổng Tịnh xá nếu có bị cảnh sát tấn công, đàn áp thì chur Ni sẽ tự thiêu tập thể để chống đối và đòi sự tự do. Hòa bình lập lại, năm 1994, Tịnh xá Ngọc Phương đã được Bộ Văn Hóa - Thông Tin công nhận là “*Di tích lịch sử*” theo quyết định số 2754-QĐ/BT ngày 15.10.1994.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Ni trưởng Huỳnh Liên đã tham gia vào Ban Liên Lạc Phật giáo, Ban Vận Động thống nhất Phật giáo hòa mình cùng các tổ chức Phật giáo trong giai đoạn mới cho đến khi thống nhất Phật giáo cả nước. Năm 1981, đã có 92 ngôi Tịnh xá Ni và 500 Ni chúng.³³ Năm 1987, Ni trưởng viên tịch. Để tuyên dương thành tích và công hạnh của Ni trưởng, đạo hiệu của Ni trưởng đã được nhà nước đặt tên đường “*Ni sư Huỳnh Liên*” thuộc quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, Ni giới Hệ phái Khất sĩ đã trải qua 4 đời Ni trưởng Trưởng Ni giới: Ni trưởng Huỳnh Liên, đệ nhất; Ni trưởng Bạch Liên đệ nhị, Ni trưởng Tạng Liên đệ tam và Ni trưởng Trạng Liên đương kim đệ tứ. Theo thống kê mới nhất của Ni giới Hệ phái, tính đến năm 2016, chur Ni có 1493, 259 ngôi Tịnh xá, Tịnh thất, Thiền viện và Chùa³⁴ trải khắp ba miền Bắc - Trung - Nam của đất nước và còn lan rộng đến các nước như Mỹ, Úc, Canada... Qua đó cho thấy, Ni giới Hệ phái Khất sĩ hơn 70 năm qua đã không ngừng phát triển và hòa nhập vào dòng chảy của dân tộc, đồng thời cũng trở thành điểm son cho Phật giáo Việt Nam.

2. Ni giới Hệ phái Khất sĩ với hoạt động xây dựng và phát triển Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

2.1 Tham gia vận động thống nhất Phật giáo cả nước

Năm 1975, sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, Bắc Nam sum họp một nhà, một ước mơ lớn nhất của dân tộc và Phật giáo hai miền Nam - Bắc, đó là thống nhất Phật giáo. Thế nên ngay sau đó, năm 1976 Ban Liên Lạc Phật giáo ra đời do Hòa Thượng Thích Minh Nguyệt làm Chủ Tịch. Trong đó, Ni trưởng Huỳnh Liên đã tích cực tham gia với vai trò là Ủy Viên Ban Liên Lạc Phật giáo hòa mình cùng tổ chức Phật

³³ *Vài nét về lịch sử và đặc điểm của hệ phái Khất Sĩ Việt Nam*, TS. Nguyễn Quốc Tuấn, Hệ phái Khất Sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, nhà xuất bản Hồng Đức, trang 757.

³⁴ *Báo cáo Tăng Sự của Ni giới hệ phái Khất Sĩ*, năm 2016, Ni trưởng Ngoạt Liên.

giáo, bắt đầu cho công cuộc nối kết Phật giáo cả nước trong giai đoạn mới.

Tiếp theo đó, ngày 12-13/2/1980, chư tôn đức giáo phẩm tiêu biểu Phật giáo khắp ba miền Nam - Trung - Bắc đã có buổi họp tại Thành phố Hồ Chí Minh thảo luận về việc thành lập Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam. Kết quả là Ban Vận động thống nhất Phật giáo đã được thành lập với thành phần nhân sự gồm các vị tôn đức giáo phẩm cũng như các vị một đời tâm huyết cống hiến cho dân tộc và đạo pháp. Thành phần nhân sự gồm có:

Ban Chứng minh: 4 vị

1. Hòa Thượng Thích Đức Nhuận.
2. Hòa Thượng Thích Thanh Duyệt.
3. Hòa thượng Thích Pháp Tràng.
4. Hòa thượng Thích Hoàng Thông.

Ban Thường trực: 8 vị

1. Hòa thượng Thích Trí Thủ, Trưởng ban.
2. Hòa thượng Thích Thế Long, Phó trưởng ban.
3. Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Phó trưởng ban.
4. Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Phó trưởng ban.
5. Hòa thượng Thích Bửu Ý, Phó trưởng ban.
6. Hòa thượng Thích Mật Hiền, Phó trưởng ban.
7. Hòa thượng Thích Giới Nghiêm, Phó trưởng ban.
8. Hòa thượng Thích Thiện Hào, Ủy viên thường trực.

Ban Thư ký : 3 vị

1. Thượng tọa Thích Minh Châu, Chánh Thư ký.
2. Thượng tọa Thích Từ Hạnh, Phó Thư ký.
3. Thượng tọa Thích Thanh Tứ, Phó Thư ký.

Ủy viên : 11 vị

1. Hòa thượng Thích Giác Tánh.
2. Hòa thượng Thích Trí Nghiêm.
3. Hòa thượng Thích Đạt Hảo.
4. Hòa thượng Châu Mum.
5. Thượng tọa Thích Thanh Trí.
6. Thượng tọa Thích Chính Trực.
7. Thượng tọa Thích Giác Toàn.
8. Ni sư Thích nữ Huỳnh Liên.

9. Cư sĩ Nguyễn Văn Ché.

10. Cư sĩ Võ Đình Cường.

11. Cư sĩ Tống Hồ Cầm.

Qua thành phần nhân sự chúng ta thấy, Ni trưởng Huỳnh Liên là thành viên nữ cũng là thành viên Ni duy nhất tham gia trong Ban vận động. Nhiệm vụ của Ban vận động là kêu gọi, vận động các tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo trên cả nước cùng thực hiện công cuộc thống nhất Phật giáo. Qua đó, lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng, băn khoăn, suy nghĩ, lo lắng, khó khăn, quan điểm, tư tưởng của các tổ chức này để cùng trao đổi, bàn bạc, góp ý, sửa chữa, thảo luận các phương thức và đường lối thống nhất để tìm ra giải pháp tốt nhất cho ngôi nhà chung Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Chẳng những thế mà còn phải hoàn chỉnh vấn đề hệ thống và cơ cấu tổ chức của Phật giáo Việt Nam sau khi thống nhất, như chương trình tu học cho Tăng Ni, tính biệt truyền của Hệ phái, quản lý chùa chiền, quản lý Tăng Ni, nghi lễ Phật giáo...

Sau gần hai năm làm việc tích cực, khẩn trương, vận động khắp 3 miền Bắc Trung Nam với các cuộc thăm viếng, hội họp tại các trụ sở của các tổ chức, Giáo hội, Hệ phái Phật giáo..., kết quả là Đại Hội đại biểu thống nhất Phật giáo đã diễn ra tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội từ ngày 4-7/11/1981. Đại hội quy tụ 9 tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo trong cả nước, trong đó có Hệ phái Khất sĩ (*gồm Giáo Hội Tăng Già Khất sĩ Việt Nam và Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam*) quy về một mối, với danh xưng là Giáo Hội Phật giáo Việt Nam. Gồm có:

1. Hội Phật giáo Thống Nhất Việt Nam.
2. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất.
3. Giáo Hội Phật giáo Cổ Truyền Việt Nam.
4. Ban Liên Lạc Phật giáo Yêu Nước TP. Hồ Chí Minh.
5. Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam.
6. Giáo Hội Phật giáo Thiên Thai Giáo Quán.
7. Giáo Hội Tăng Già Khất sĩ Việt Nam.
8. Hội Sư Sãi yêu nước miền Tây Nam Bộ.
9. Hội Phật Học Việt Nam.

Ni trưởng Huỳnh Liên là vị đại biểu đại diện cho tiếng nói của Ni giới Khất sĩ cùng 5 vị đại biểu của Hệ phái trong 165 vị đại biểu Phật giáo Việt Nam, tham gia Đại hội Thống nhất Phật giáo cả nước. Đại Hội đã diễn ra thành công tốt đẹp và từ đó Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trở thành một khối đoàn kết thống nhất, đồng thời cũng là tổ chức đại diện hợp pháp duy nhất của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam và là người đại diện chính thức của

Phật giáo Việt Nam trong các quan hệ đối nội, đối ngoại và hoạt động quốc tế. Do vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng, Đại hội thống nhất Phật giáo là một điểm son đánh dấu cho việc khai phát tiền đề Phật giáo, góp phần làm rạng rỡ ngôi nhà Phật giáo Việt Nam.

2.2 Tham gia hoạt động giáo dục và đào tạo

Là người lèo lái con thuyền Ni giới Hệ phái Khất sĩ, trong sự nghiệp giáo hóa và dắt dìu Ni chúng. Ni trưởng Huỳnh Liên chẳng những đã không chấp nê thủ cựu mà còn dũng mãnh vượt qua những định kiến từ xưa của hạnh Khất sĩ du phương là chỉ chuyên tu giải thoát, chủ trương:

*“Tu có học mới rạng ngời Chánh pháp,
Học có tu mới lợi Đạo, ích Đời”.*

Do đó, Ni trưởng cho Ni chúng theo học các lớp Phật học, thậm chí Người còn chủ trương cho Ni chúng học thêm văn hóa phổ thông, ngữ văn, sinh ngữ, cổ ngữ, học thơ phú, trau dồi Việt văn, cách viết sách báo... Ngay từ những khóa đầu tiên của trường Cao Cấp Phật học, đã có sự tham gia của Ni chúng Khất sĩ. Trong đó, khóa I có 10 vị tốt nghiệp, khóa II có 12 vị và những khóa tiếp theo đến nay là khóa XI, mỗi khóa đều có chư Ni Khất sĩ tham dự. Ngoài ra, tại các trường Cao Đẳng, Trung Cấp của thành phố Hồ Chí Minh cũng như khắp các tỉnh thành đều không thiếu màu áo vàng của Ni chúng Khất sĩ góp phần tô sắc thêm cho các trường lớp Phật học được đa dạng, phong phú.

Ni sư Tín Liên tốt nghiệp khóa I Cao cấp Phật học đã được nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho phép nhận học bổng về nghiên cứu Phật học tại trường Đại học New Delhi - Ấn Độ do chính phủ Ấn Độ tài trợ theo chương trình trao đổi văn hóa giữa hai nước Ấn - Việt. Hiện Ni sư đã hoàn thành xong chương trình học bổng, từ nhiều năm qua đã trở về nước phục vụ cho Học Viện, Viện nghiên cứu, Hội đồng Trị Sự cũng như các lĩnh vực khác của Giáo hội.

Theo thống kê mới nhất của Hệ phái báo cáo về Ban Tăng Sự, hiện Ni giới Hệ phái Khất sĩ có: 2 Hậu tiến sĩ; 34 Tiến sĩ (học xong: 22; đang học: 12); 20 Thạc sĩ (học xong: 13; đang học: 7); 87 Cao Đẳng; 157 Cử nhân; 21 Cao cấp giảng sư và hàng trăm Ni chúng học tại các trường Trung Cấp, Sơ cấp tại thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh thành. Phần lớn các vị này đều đang phục vụ giảng dạy và làm việc tại các trường Phật học như Học viện, Viện nghiên cứu, Lớp phiên dịch Hán Nôm, Cao Đẳng, Trung Cấp, Sơ Cấp tại thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh thành. Ni giới hiện có một lớp Sơ Cấp trực thuộc Phật giáo quận Gò Vấp, lớp đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương, mỗi khóa 2 năm, đến nay là năm thứ nhất của khóa thứ 6.

Bên cạnh đó, Ni giới Hệ phái Khất sĩ còn tích cực tham gia vào Hội

đồng Trị Sự, các tổ chức Ban ngành của Giáo Hội. Cụ thể là:

Ni trưởng Huỳnh Liên: Ủy viên Kiểm soát Ban Thường trực HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ I, II (1981 - 1987).

Ni trưởng Tạng Liên: Ủy viên HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ IV (1997 - 2002).

Ni trưởng Ngoạt Liên: Ủy viên Ban Thường trực HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ II đến nhiệm kỳ VII (1987 - 2017).

Ni trưởng Tràng Liên: Ủy viên HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ IV, V, VI, VII (1997 - 2017).

Ni sư Tín Liên: Ủy viên HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ VI và VII (2007 - 2017).

Ni sư Hòa Liên (VP2): Ủy viên HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ VII (2012 - 2017).

Ni sư Phụng Liên, Ni sư Tuệ Liên: Ủy viên (Dự khuyết) HĐTS GHPGVN nhiệm kỳ VII (2012 - 2017).

Mặt khác, tại các Ban Trị Sự, Phân Ban Ni giới của các quận huyện tỉnh thành, Ni chúng Khất sĩ đều không quản gian lao, khó khăn tích cực góp phần phụng sự Giáo hội Phật giáo tỉnh nhà, cống hiến sức lực nhỏ bé của mình phục vụ chúng sanh, trang nghiêm Giáo hội.

Về mặt trước tác và dịch thuật, Ni chúng Khất sĩ cũng đã có một số tác phẩm, dịch phẩm góp phần làm phong phú thêm cho nền văn hóa, văn học Phật giáo Việt Nam. Những tác phẩm, dịch phẩm, hiệu đính, sách báo tiêu biểu được xuất bản:

- *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2012.

- *Bút Tích Ni trưởng Huỳnh Liên*, Ni giới Hệ phái Khất sĩ, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016.

- *Kinh Tam Bảo*, Ni trưởng Huỳnh Liên biên soạn, nhà xuất bản Tôn giáo, năm 2014.

- *Tinh Hoa Bí Yếu*, Ni trưởng Huỳnh Liên, nhà xuất bản Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

- *Chuyến Du Hành Miền Trung*, Ni trưởng Huỳnh Liên, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2015.

- *Ni trưởng Huỳnh Liên - Cuộc đời và đạo nghiệp*, Ni trưởng Khiêm Liên, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2015.

- *Kinh Hoa Nghiêm*, TN.Tuệ Liên, TN.Nguyễn Liên và TN. Nghiêm Liên hiệu đính, nhà xuất bản Tôn giáo, năm 2015.

- *Phật Giáo & Trí Thức Ngày Nay, tập I&II*, TN. Nguyễn Liên và TN.Thoại Liên dịch, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2015.

- *Tâm Và Đạo, Hiểu sâu tâm mình và Con đường tâm linh*, Liên Trí dịch, nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2014.

- *Cảm Ngộ Triết Lý Chân Không*, Nguyễn Liên dịch, nhà xuất bản Tôn giáo, năm 2010.

- *Từ Bi Cứu Nhân Độ Thế*, Nguyễn Liên dịch, nhà xuất bản Tôn giáo, năm 2010.

- *Trí tuệ, Thiện nghiệp, Đoạn sắc dục*, Nguyễn Liên dịch, nhà xuất bản Tôn giáo, năm 2010.

- *Liễu ngộ Phật pháp qua thành ngữ Phật học*, Nguyễn Liên dịch, nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2011.

- *Bí quyết dưỡng sinh theo nhà Phật*, Nguyễn Liên dịch, nhà xuất bản Thời Đại, năm 2012.

- *Phật sự tâm tuệ đạo*, Thích Nữ Thoại Liên dịch, nhà xuất bản Tôn giáo, năm 2010.

- *Quan điểm về tâm của Lục tổ Huệ Năng và Tổ sư Minh Đăng Quang*, Thích Nữ Thảo Liên, Khất sĩ Phật Việt, nhà xuất bản Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2015.

2.3. Ni giới Hệ phái Khất sĩ với việc gìn giữ và phát huy những nét đặc thù của Hệ phái

Năm 2014, nhân đại lễ kỷ niệm 70 năm (1944 - 2014) thành lập Hệ phái và đại lễ tưởng niệm 60 năm (1954 - 2014) Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng, Hệ phái Khất sĩ đã kết hợp với Viện nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam và Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, lần đầu tiên tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: Hệ phái Khất sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập. Hội thảo đã nhận được gần 100 bài viết từ chư tôn đức lãnh đạo Phật giáo, những vị Giáo sư, Tiến sĩ, nhà nghiên cứu, học giả, nhà báo trong và ngoài nước gửi về.

Trong phần này, chúng tôi muốn mượn ngòi bút của các vị này để giới thiệu những nét đặc thù của Hệ phái góp phần làm phong phú, đa dạng cho Phật giáo Việt Nam. Bởi chúng tôi nghĩ, giới thiệu nét đặc thù của Hệ phái qua cái nhìn của các vị tôn túc, các nhà nghiên cứu, học giả, như vậy sẽ mang tính khách quan và khoa học hơn. Thứ đến là thông qua việc gìn giữ và phát huy những nét đặc thù của Hệ phái nói lên sự đóng góp của Ni giới hệ phái.

2.4. Vận dụng linh hoạt những ưu việt của Phật giáo Bắc tông và Nam tông:

TS Nguyễn Quốc Tuấn, Viện trưởng Viện Nghiên Cứu Tôn giáo đã nhận định về sự vận dụng linh hoạt tư tưởng của Bắc và Nam tông qua bài viết *Vài Nét Về Lịch Sử Và Đặc Điểm Của Hệ phái Khất sĩ Việt Nam*: “*Tư tưởng của toàn bộ các bài giảng là sự dung hòa giữa hai trường phái Phật giáo Nguyên thủy (Nam truyền) và Phật giáo Đại thừa (Bắc truyền). Tổ sư Minh Đăng Quang đã phối hợp được tinh hoa hai trường phái đó theo tôn chỉ: “Việt Nam đạo Phật không phân thừa”. Dung hòa bằng việc kế thừa hình thức mặc y, mang bát và thiền định của Nam truyền: khát thực, ăn ngọ, giảng về y bát chân truyền và đạo quả A la hán; kế thừa việc ăn chay, nhập thế độ sanh và thu nhận Ni giới như Bắc truyền, cùng giảng kinh Pháp Hoa, kinh A Di Đà... triển khai các khái niệm của Đại thừa như Phật tính, Chân như... và kết hợp tinh hoa Nam - Bắc truyền để thành hình Hệ phái Khất sĩ*”.³⁵

Trong bài viết *Sự Bình Thường Vĩ Đại Của Ngài Minh Đăng Quang*, TT. Thích Thiện Thống đã viết: “*Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam hình thành một truyền thống tu học mới, các hình thức tu hành, lễ nghi tôn giáo được cách tân, nhưng vẫn giữ được sự kế thừa gần như hoàn hảo của hai truyền thống Phật giáo Bắc tông và Phật giáo Nam tông... Khất thực là truyền thống của Phật giáo Nam tông, Hệ phái Khất sĩ xem đây là việc “Nói truyền Thích Ca chánh pháp”; kinh điển và giới luật thì áp dụng theo truyền thống Phật giáo Bắc Tông được sử dụng bằng thơ lục bát và ngôn ngữ thuần Việt*”.³⁶

HT. Thích Như Niệm đã nói đến sự kết hợp hai truyền thống Phật giáo của Hệ phái trong bài viết *Những Điểm Nổi Bật Của Hệ phái Khất sĩ*: “*Một điểm sáng của Tổ sư Minh Đăng Quang là chiếc y cách thể, tuy mang màu giống Bắc tông nhưng đắp y theo kiểu Nam tông, do vậy làm cho không gần mà cũng không xa với dân chúng để họ nhìn ra và cảm thông đây là vị tu hành theo Phật giáo xưa nay. Khất thực theo lối Nam tông nhưng nhận thực phẩm không phải tùy thí tùy thực, mà toàn nhận thực phẩm chay tịnh*”.³⁷

Hình ảnh những vị Sư, Sư Cô với bình bát trên tay, cùng tấm y bá nạp, đầu trần chân đất, từng bước đi chậm rãi, ung dung, trang nghiêm từ nhà này sang nhà khác, từ đường này đến đường kia... khát thực hóa duyên không phân biệt tôn giáo, giai cấp, địa vị xã hội, giàu hay nghèo, tất cả đều tùy lòng hảo tâm của thí chủ, chỉ trái chuối, chén cơm..., thức ăn chay tịnh,

³⁵ *Vài nét về lịch sử và đặc điểm của hệ phái Khất Sĩ Việt Nam*, TS. Nguyễn Quốc Tuấn, Hệ phái Khất Sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 764.

³⁶ *Sự bình thường vĩ đại của ngài Minh Đăng Quang*, TT. Thích Thiện Thống, Hệ phái Khất Sĩ- quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 21.

³⁷ *Những điểm nổi bật của Hệ phái Khất Sĩ*, HT. Thích Như Niệm, Hệ phái Khất Sĩ – Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 115.

không khen chê ngon dở, nhiều ít, ngày ăn một bữa Ngọ trưa. Chính những hình ảnh này đã làm sống lại hình ảnh Phật Tăng xưa trong lòng người dân Việt. Như PGS.TS Nguyễn Công Lý đã nhận xét trong bài viết *Sức Hấp Dẫn Của Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam*: “Về vật dụng tùy thân, Tổ sư Minh Đăng Quang đã chọn hình thức “tam y nhất bát”. Hình thức pháp phục và bình bát của đoàn du tăng Khất sĩ Việt Nam giống như hình ảnh tăng đoàn đi khất thực hóa duyên thời Đức Phật còn tại thế”.³⁸

Lại nữa, với tấm thân nữ lưu tay yếu chân mềm, các vị Ni Khất sĩ đã không quản gió mưa khắc nghiệt, với bình bát đất, tấm y vá nhiều mảnh, đầu trần chân đất, khất thực hóa duyên, du phương hành đạo, nghỉ dưới cội cây, nghĩa địa, mồ hoang... đã góp phần tạo nên nét đặc thù chỉ có ở Hệ phái Khất sĩ. Hơn nữa, như chúng ta đều biết, chư Ni Phật giáo Bắc tông thường mặc áo tràng lam, đắp y điều. Phật giáo Nam tông thì người nữ xuất gia là các vị tu nữ mặc y trắng. Riêng chư Ni Khất sĩ mặc chăn áo dài vàng, đắp y bá nạp. Đây là một nét rất riêng của Ni giới Khất sĩ, không lẫn vào đâu được. Và hình thức này chỉ có Hệ phái Khất sĩ, thành viên của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.

Đặc biệt hơn nữa là đối với các nước phương Tây cũng như các nước châu Á khác chưa hiểu gì về nguồn gốc, sinh hoạt cũng như sự ra đời của Hệ phái Khất sĩ Việt Nam. Hình ảnh chư Ni Khất sĩ đắp y, mang bát, chân đất, đầu trần trước tiên đã đập vào mắt họ một ấn tượng đặc biệt, gợi cho họ một sự hiếu kỳ và không khỏi thắc mắc: pháp phục của các vị Ni này sao không giống chư Ni Bắc tông, cũng chẳng giống Nam tông, vậy các vị này tu theo phái nào? Đến từ đâu? Thế rồi họ sẽ tìm hiểu. Mặt khác, trong các công cụ truyền thông, thông tin, như ngôn ngữ, sách báo, phim ảnh, trong đó phim ảnh là công cụ truyền thông dễ đọng lại trong lòng người nhiều nhất, bởi tính hình tượng của nó. Khi đọc một quyển sách chúng ta ít nhớ nội dung của nó hơn là chúng ta xem một bộ phim, những hình ảnh sống động dựng lên từ cốt truyện trong quyển sách đó. Cũng thế, hình ảnh chư Ni Khất sĩ là một hình ảnh sống động, tạo nét riêng, không những làm nổi bật mà còn góp phần linh hoạt trong quá trình truyền bá Phật pháp đến với bạn bè thế giới một cách ngắn gọn và hữu hiệu nhất. Đặc biệt là hình ảnh này chỉ xuất hiện ở Phật giáo Việt Nam. Cũng như người phụ nữ Việt Nam với chiếc áo dài truyền thống không thể lẫn lộn vào đâu khi đứng trước phụ nữ quốc tế. Hình ảnh đắp y mang bát của chư vị Khất sĩ cũng là một trong những hình ảnh tiêu biểu không thể lẫn lộn với ai được. Bởi hình ảnh này xuất phát từ một Hệ phái của Phật giáo Việt Nam và chỉ có ở Phật giáo Việt Nam.

³⁸ *Sức Hấp Dẫn Của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam*, PGS.TS Trần Công Lý, Hệ phái Khất Sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, nhà xuất bản Hồng Đức, trang 122.

2.5. Nét thuần Việt về nghi thức hành lễ, kinh văn đọc tụng:

PGS.TS Phan Thị Thu Hiền, đã nhận xét về hệ thống kinh điển của Hệ phái với những nét riêng: “*Phật giáo Khất sĩ là hệ phái có hệ thống kinh điển riêng bằng tiếng Việt chứ không sử dụng kinh điển Ấn Độ trong nguyên bản tiếng Pali, tiếng Sanskrit hay qua các bản dịch*”.³⁹

TT. TS Thích Đồng Bồn trong bài viết *Nét Thuần Việt Ở Một Hệ Phái Phật Giáo Việt Nam* đã đưa ra quan điểm của mình về bộ Chơn Lý và Nghi thức tụng niệm của Tổ sư với lời khen ngợi: “*Hầu hết giáo lý căn bản của hệ phái nằm trong bộ Chơn Lý do Tổ sư Minh Đăng Quang soạn, ngắn gọn và dễ hiểu. Nghi thức tụng niệm và các bài kệ diễn đạt các giáo lý căn bản đều sử dụng tiếng Việt thuần túy, lại gần gũi và dễ nằm lòng nhờ thể loại văn vần*”.⁴⁰

Trong bài viết *Tám gương đạo đức của Tổ sư Minh Đăng Quang*, PGS.TS Trần Hồng Liên, người đã nhiều năm gắn bó với Phật giáo, đã nêu lên những đóng góp của Tổ sư qua bộ Chơn Lý về mặt kinh văn đã không còn mang âm hưởng tiếng Hán của văn hóa Trung Hoa và tiếng Phạn của kinh sách Ấn Độ. Giáo sư đặt tên cho phần này là giải Ấn hóa và Hoa hóa: “*Việc tự mình trải nghiệm, học hiểu và thực hành Phật pháp, rồi sau đó xiển dương nền đạo, thông qua bộ Chơn Lý là một đóng góp lớn trong quá trình giải trừ những yếu tố, những ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, cũng như văn ngữ Phạn, thông qua kinh sách, qua văn tự của Tổ sư Minh Đăng Quang*”.⁴¹

PGS.TS Nguyễn Công Lý thì lại cho rằng những lời thuyết giảng của Tổ sư trong 69 bài Chơn Lý không hoa mỹ, cầu kỳ mà giản dị, mộc mạc nhưng cũng không kém phần mạch lạc, rõ ràng theo kiểu Tam đoạn luận phù hợp với tâm lý của người dân Nam bộ, nơi đạo Phật Khất sĩ ra đời: “*Bộ Chơn lý là sự tập hợp những bài thuyết giảng của Ngài đã giảng dạy cho hàng đệ tử với 69 bài giảng chứa đựng nội dung về Kinh, Luật và Luận... Những bài thuyết giảng của Ngài được giảng bằng một ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, rõ ràng, cụ thể, không dùng ẩn ngữ. Với phương pháp diễn giải trực tiếp và lập luận rõ ràng vững chắc theo kiểu Tam đoạn luận, phù hợp với tâm lý và tính cách mộc mạc, giản dị của người dân Nam bộ nói riêng,*

³⁹ Sự tích hợp Nam tông và Bắc tông trong giáo lý của Phật giáo Khất Sĩ qua bộ Chơn Lý của Tổ sư Minh Đăng Quang, PGS.TS Phan Thị Thu Hiền, *Hệ phái Khất Sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 142.

⁴⁰ Nét thuần Việt ở một Hệ phái Phật giáo Việt Nam, TT. TS Thích Đồng Bồn, *Hệ phái Khất Sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 119.

⁴¹ Tám gương đạo đức của Tổ sư Minh Đăng Quang, PGS.TS Trần Hồng Liên, *Hệ phái Khất Sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 213.

của người Việt Nam nói chung”.⁴²

TT.TS Thích Nhật Từ trong Lời giới thiệu về quyển kỷ yếu hội thảo, *Hệ phái Khất sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập* đã khẳng định rằng Tổ sư Minh Đăng Quang đã dùng chính văn hóa của người Việt làm cơ sở truyền bá Phật pháp cho người Việt. Điều này được thể hiện rõ nét qua các bài kinh thuần Việt trong Nghi thức tụng niệm của Hòa thượng Giác Nhiên và Ni trưởng Huỳnh Liên. Và tất nhiên sự linh động ưu việt này đã đi vào lòng người dân Việt một cách tự nhiên và không thể thiếu như chính hơi thở của họ: *“Tổ sư Minh Đăng Quang lấy văn hóa Việt Nam làm cơ sở truyền bá Phật pháp cho người Việt Nam... Tổ sư Minh Đăng Quang đã mạnh dạn sử dụng các bài kinh thuần Việt với ngôn ngữ bình dân, dễ hiểu đi vào lòng người. Việt hóa nghi thức tụng niệm và hoằng truyền Phật pháp bằng tiếng Việt dễ hiểu không chỉ là chủ trương của Hệ phái Khất sĩ mà còn là con đường độ sinh thiết thực và hữu hiệu... chủ trương này đã được Hòa Thượng Giác Nhiên và Ni trưởng Huỳnh Liên chuyển thể qua hai ấn bản “Nghi thức tụng niệm” sau khi Tổ sư vắng bóng... Vượt qua hàng rào cản ngôn ngữ Hán Việt, các nghi thức tụng niệm thuần Việt, đậm chất thi ca của Hệ phái đã trở thành thực phẩm tinh thần không thể thiếu đối với các Phật tử tại miền Nam Việt Nam”*.⁴³

Nhắc đến Ni trưởng Huỳnh Liên nói riêng và Ni giới Khất sĩ nói chung mà không nhắc đến các bài kệ tụng, các bài kinh, các bài thơ ca thuần tiếng Việt thì quả thật là một điều thiếu sót. Bởi đây là nét riêng của Ni giới Khất sĩ. Và chính nét riêng này cũng đã góp phần tạo nên một Hệ phái Khất sĩ thuần Việt làm phong phú đa dạng thêm cho đạo Phật Việt Nam. Vốn có thiên phú về thơ ca văn học, Ni trưởng Huỳnh Liên đã diễn dịch gần 2000 bài thơ và hơn cả 1000 bản văn xuôi. Tập thơ Đóa Sen Thiêng của Ni trưởng đã được Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam công nhận kỷ lục là tập thơ được viết theo nhiều thể loại nhất: lục bát 46 bài, song thất lục bát 50 bài, song thất biến thể 37 bài, thất ngôn bát cú 202 bài, thất ngôn tứ cú, tứ tuyệt 70 bài, phú 5 bài, văn tế 17 bài, thi điều 18 bài, ngũ ngôn 28 bài.

Ngoài ra, một số kinh như *Kinh Di Đà, Kinh Phổ Môn, Kinh Vu Lan, Kinh Báo Hiếu, Bát Nhã Tâm Kinh, Kinh Vô Ngã Tướng, Kinh Pháp Cú, Kinh Di Giáo, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Kệ Trích Lục, Kệ Chơn Lý...* với các thể loại khác nhau như lục bát, song thất lục bát, thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, ngũ ngôn... đã được lấy làm nghi thức tụng niệm hằng ngày cho Ni chúng Khất sĩ được xuất bản với tựa đề *Kinh Tam Bảo và Kinh Xưng Tụng*

⁴² Sứ cấp dẫn của đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam, PGS.TS Nguyễn Công Lý, *Hệ phái Khất Sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 125.

⁴³ Lời giới thiệu, TT.TS Thích Nhật Từ, *Hệ phái Khất Sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang LVIII.

Tam Bảo. Qua đây chúng ta thấy Ni giới Hệ phái Khất sĩ chẳng những đã góp phần làm đặc sắc thêm cho văn học Phật giáo Việt Nam mà còn truyền bá Phật giáo với những nét riêng của Hệ phái với những bài kinh theo các thể thơ khác nhau dễ nhớ dễ đọc.

Qua lời trích dẫn trên chúng ta thấy rất rõ, một Hệ phái Khất sĩ thuần Việt đã để lại một ấn tượng sâu sắc và không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Việt. Nhưng liệu nét đặc thù này có làm phân phái trong nội bộ Phật giáo Việt Nam hay không? Đây là câu hỏi được đặt ra trong bài viết *Sự Bình Thường Vĩ Đại Của Ngài Minh Đăng Quang* của TT. Thích Thiện Thông, Ủy Viên Thư ký HĐTS GHPGVN. Qua phân tích, Thượng tọa cho rằng sự xuất hiện của Hệ phái Khất sĩ là một gạch nối giữa truyền thống và đổi mới trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo nước nhà và tạo cho bức tranh tổng thể của Phật giáo nước nhà thêm phong phú, đa dạng: *“Sự xuất hiện của ngài Minh Đăng Quang và Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam không chỉ có vai trò đặc biệt trong đời sống tinh thần của người dân Nam Bộ mà còn góp phần quan trọng làm phong phú văn hóa Phật giáo, văn hóa dân tộc, làm phong phú thêm sự nghiệp chấn hưng Phật giáo nước nhà trong giai đoạn này, là một gạch nối giữa truyền thống và đổi mới trong hành đạo. Chính từ những yếu tố này đã tạo nên một bức tranh tổng thể về sự thống nhất trong đa dạng, đồng thuận các Phật sự của các tổ chức, hệ phái trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện tại và mai sau”*.⁴⁴

Cuối cùng Thượng tọa đã đưa ra kết luận rằng Hệ phái Khất sĩ với những nét đặc thù đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, đã phát huy những gì tinh hoa nhất, tích cực nhất của văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc, rồi biến nó thành chất men hội tụ và làm chất xúc tác chẳng những làm cho Phật giáo Việt Nam phát triển một cách đa dạng mà không hề tạo thành bất cứ một sự phân phái nào trong nội bộ: *“Ngài Minh Đăng Quang đã vận dụng, phát huy văn hóa Phật giáo, văn hóa dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn những truyền thống có sẵn, đổi mới và sáng tạo một truyền thống mới để làm nền tảng trong việc lập giáo tu hành, chứ không tạo thành một sự phân phái trong nội bộ Phật giáo Việt Nam... Ngài Minh Đăng Quang đã kết hợp nhuần nhuyễn truyền thống và hiện đại, phát huy văn hóa Phật giáo và dân tộc với tất cả những gì tinh hoa nhất, tích cực nhất, phù hợp nhất với hoàn cảnh lịch sử, địa lý của Nam Bộ bấy giờ, biến nó thành chất men hội tụ và làm chất xúc tác để Phật giáo Việt Nam phát triển đa dạng, hội nhập bằng chính sự đoàn kết trong nội bộ Phật giáo Việt Nam, làm cho mỗi Tăng Ni, đồng bào Phật tử Hệ phái Khất sĩ trên những cương vị khác nhau, luôn phát huy cao độ trí huệ và dũng khí của chính*

⁴⁴ Sự bình thường vĩ đại của ngài Minh Đăng Quang, TT. Thích Thiện Thông, Hệ phái Khất Sĩ - *Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, nhà xuất bản Hồng Đức, trang 18.

mình để cống hiến cho đạo pháp và dân tộc”.⁴⁵

3. Lời kết

Là thành viên của Giáo hội, Ni giới Khất sĩ đã không ngừng đổi mới tự thân và giữ gìn phát huy những truyền thống tốt đẹp cùng với Hệ phái hòa mình vào dòng chảy của Phật giáo Việt Nam. Hơn 70 năm qua, Ni giới Hệ phái Khất sĩ đã từng bước từng bước khẳng định tự thân và đem sức lực nhỏ bé của mình tham gia vào các hoạt động chung của Phật giáo làm cho ngôi nhà chung Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam ngày càng phát triển và giữ vững vị trí trong lòng dân tộc cũng như bạn bè trên thế giới.

Và để thay lời kết, chúng tôi xin mượn lời của tác giả bài viết *Nét thuần Việt ở một Hệ phái Khất sĩ Việt Nam*, TT.TS Thích Đồng Bồn đã viết: “Hệ phái Khất sĩ đã tạo nên chỗ đứng vững chãi trong quá trình phát triển của Phật giáo Việt Nam thời cận đại. Một hệ phái dù mới phát triển thời cận đại, chưa có lịch sử dài lâu, nhưng là một hệ phái Phật giáo có xuất phát điểm từ Việt Nam, mang tính cách Việt Nam, đã hòa cùng bao thăng trầm của dân Việt trong những cuộc đấu tranh chống áp bức bất công. Bằng giáo lý văn vàn thuần Việt của mình, Tổ sư Minh Đăng Quang và các đệ tử của Ngài đã đi chung con đường lịch sử với Phật giáo, góp phần mình cùng với Phật giáo Việt Nam chung tay hóa giải nỗi đau, xây dựng một xã hội nhân văn bằng từ bi và trí tuệ của người con Phật, xứng đáng là một hệ phái chính danh trong ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam vậy.”⁴⁶

Tài Liệu Tham Khảo:

1. *Chơn Lý, Tổ sư Minh Đăng Quang*, NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
2. *Hệ phái Khất sĩ - Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập, Hệ phái Khất sĩ*, NXB Hồng Đức, năm 2016.
3. *Đóa Sen Thiêng*, Ni trưởng Huỳnh Liên, NXB Hồng Đức, năm 2012.
4. *Bút Tích Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni giới Hệ phái Khất sĩ*, NXB Hồng Đức, năm 2014.
5. *Kinh Tam Bảo, Ni trưởng Huỳnh Liên biên soạn*, NXB Tôn giáo, năm 2014.
6. *Tình Hoa Bí Yếu, Ni trưởng Huỳnh Liên*, NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
7. *NT. Huỳnh Liên - Cuộc đời và đạo nghiệp*, Thích Nữ Khiêm Liên,

⁴⁵ Sdd, trang 23.

⁴⁶ *Nét thuần Việt ở một hệ phái Khất Sĩ Việt Nam*, TT.TS Thích Đồng Bồn, Hệ phái Khất Sĩ - *Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2016, trang 120.

NXB Hồng Đức, năm 2015.

8. *Tìm hiểu về Hệ phái Khất sĩ*, Thích Giác Duyên, NXB Phương Đông.

9. *Báo cáo Tăng Sự của Ni giới Hệ phái Khất sĩ năm 2016*, Ni trưởng Nguyệt Liên.

KÍNH NIỆM DI HUẤN CỔ NI TRƯỞNG LÀ PHÁP TU GIỚI ĐỊNH HUỆ

★ Sư cô Hiệp Liên – Trụ trì Tịnh xá Ngọc An, Vĩnh Long

Kính lạy Đức Tổ Sư, Tổ khai sáng Hệ phái Khất sĩ Việt Nam

Kính lạy Giác linh Đệ nhất Cổ Ni trưởng

Kính bạch Ni trưởng đương kim Trưởng Ni giới, Quý Ni trưởng Giáo phẩm Ni giới Hệ phái Khất sĩ, Quý Ni sư, Sư Cô, cùng toàn thể chư nam nữ Phật tử.

Hôm nay, ngày 19 tháng 3 năm Đinh Dậu, DL 2017, ngày tưởng niệm Đệ nhất cổ Ni trưởng Niết Bàn.

Kính lạy giác linh Ni trưởng! Ngày này 30 năm trước, nơi tịnh xá Ngọc Phương:

*“Người đã đi vào cõi tịch nhiên,
Ngàn thu tứ chúng nhớ thầy hiền.
Tháng ba mười chín ôi đau xót!
Mây xám phủ mờ chốn chơn nguyên”.*

Dòng thời gian trôi mãi không ngừng, pháp hữu vi vô thường sanh diệt, có bao giờ có hợp mà không tan? Đã là định luật thì không trường hợp nào ngoại lệ, ngày hôm nay sẽ đi vào quá khứ, vì thời gian xóa nhòa tất cả bởi hai chữ “Vô thường”. Nhưng vô thường không biến diệt được trí: “Đại Giác Ngộ của bậc xuất trần thượng sĩ”. Lời Di huấn cuối cùng của Đệ nhất Cổ Ni trưởng vẫn còn trong tâm tưởng của đệ tử, của pháp hữu môn đồ từ bây giờ cho đến mãi mãi ngàn sau:

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định Huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng, đúng vừa khả năng”.*

Bốn câu thơ ấy, sau những thời khóa công phu tu tập của các Tịnh xá Ni, đánh lễ Phật và Tổ xong, Chư Ni cùng Phật tử đọc lên bài tưởng niệm này, rồi đánh lễ di ảnh Cổ Ni trưởng.

Từ lâu, con đã thuộc lòng lời dạy ấy, vậy mà, cho đến ngày mừng 10 tháng 3 năm Tân Mão, DL 2011, khóa tu Giới - Định - Huệ lần thứ nhất được tổ chức tại Tổ đình Ngọc Phương. Con mới thật sự nhận chân giá trị, cảm nhận sâu sắc lời Di huấn khế hợp với pháp tu truyền thống Khất sĩ, được xác chứng con đường tu tập là GIỚI - ĐỊNH - HUỆ.

Trong bốn câu thơ, GIỚI - ĐỊNH - HUỆ đặt trọng tâm ở giữa của bài thơ là hai câu:

*GIỚI giữ sao trong sạch như xưa,
Trong lời Di huấn Đệ nhất Cố Ni trưởng đã dạy:
Ngày đã tận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định - Huệ không thiếu không thừa...*

Như vậy cho thấy Giới - Định - Huệ là tôn chỉ, là pháp tu của Hệ phái Khất sĩ, nói truyền Thích Ca Chánh Pháp.

Hơn ba mươi năm về trước, Đệ nhất Cố Ni trưởng đã thấy rõ pháp tu chọn truyền của Đức Tổ Sư. Ni trưởng dạy chúng ta, Giới giữ sao trong sạch như thuở ban đầu, Giới có giữ được trong sạch mới năng sanh Định, do Định mà sanh Huệ. Tu Giới, tu Định, tu Huệ được tròn đủ, không thiếu không thừa, ở mức Trung đạo sẽ đem lại lợi ích cho chúng sanh bằng con đường tuệ giác mà Ni trưởng đã thể nhập và chứng nghiệm. Chúng ta không thể dùng tri thức thế gian để suy lường, nếu chúng ta có đầy đủ thiện căn, thấu triệt Chơn lý, với sự thâm tín, thực hành rốt ráo Giới - Định - Huệ nhiệt tâm tinh tấn, một ngày nào đó, khi Ba la mật tròn đầy, chúng ta sẽ đạt được chỗ của Tổ Thầy đã trao truyền và chứng đắc.

Chúng con không dám phạm thượng đánh giá về các bậc “Đại Giác Ngộ”, bởi chúng con còn là kẻ phàm phu, sự hiểu biết còn trong vòng giới hạn. Lịch sử nhân loại cũng đã cho chúng ta biết rằng những tuyên bố của các bậc vĩ nhân, phải trải qua hàng bao thế kỷ, loài người mới theo kịp, mới biết được là đúng. Một vị cao Tăng miền Nam đã nói: “*Đánh giá về một bậc chọn tu, không chỉ nhìn vào hiện tại của Vị ấy, mà phải nhìn vào hậu duệ của họ nữa. Và sự phát triển của đệ tử sau này, chính là thước đo tầm vóc về đạo đức của bậc Tổ Thầy*”.

Trong bối cảnh phức tạp của xã hội vào những năm bảy mươi lăm, những áng văn thơ tuyệt tác của Cố Ni trưởng mang đầy ý nghĩa với nội dung chuyển tải bốn vô lượng tâm trong mọi thời duyên, không ngoài mục đích hoằng pháp lợi sanh. Qua bài thơ “*Nếp Sống Vân Du*”, Người đã thể hiện:

*“Đường giải thoát gồm ba y một bát,
Đi, đi, đi học khắp bốn phương trời.
Hé tui khôn châu ngọc chứa muôn lời,
Tùy duyên tốt mà tuôn rơi pháp báu”.*

Với hạnh nguyện Bồ Tát, Ni trưởng xả thân hành đạo, từ Nam ra Trung, làng mạc, vườn rừng, khắp chốn, mọi nơi đều in dấu chân Người Khất sĩ.

Bởi khuynh hướng của Người rất gần gũi với quần chúng khổ đau, chớ không phải riêng lớp người trưởng giả. Với sứ mạng thiêng liêng đem ánh sáng trí huệ giác ngộ cho đời, diệt trừ những dục vọng và nguyên nhân dẫn đến mọi khổ đau. Bằng tâm nguyện ấy Người đã không ngại thả thuyền từ, xuôi ngược bến Ta bà, đưa rước kẻ trầm luân sang bờ giác, được nêu lên trong bài thơ “Cát Ái” Người đã thổ lộ tâm tư của mình:

*“Ta đã là người của chúng sanh,
Người nuôi ta để học gương lành.
Sống đây, ta sống cho muôn loại,
Ta có quyền đâu sống lấy mình”.*

Đức độ Ni trưởng cao siêu vời vợi, nặng với tinh thần vị tha, lo cho Đạo, gánh vác Đời. Với hoằng nguyện ấy, Người đã được Đức Tổ Sư thọ ký:

*“Người căn xưa, duyên trước vốn sâu dày,
Nói nguyện lành chuyển kiếp độ trần say,
Soi đuốc huệ, sáng tương lai nữ giới...”*

Đệ nhất Ni trưởng 65 năm thị hiện, gương hạnh sáng chói với thời gian, độ sanh không ngừng nghỉ, đến lúc viên tịch mới thôi. Những lời dạy của Người chính là cội gốc tinh hoa, cho đàn hậu tấn nối thành dòng pháp mãi mãi trường lưu. Trước lúc Niết Bàn, bậc “Thượng Trí” kim ngôn Di huấn:

*“Ngày đã cận cận tu gấp rút,
GIỚI giữ sao trong sạch như xưa.
ĐỊNH HUỆ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng, đúng vừa khả năng”.*

Bốn câu thơ bao gồm GIỚI - ĐỊNH - HUỆ. Con xin thành kính đánh lễ Giác Linh. Mong Người thù từ minh chứng.

Nam Mô Chúng Minh Sư Bồ Tát Ma Ha Tát.

Ý HÒA TRONG THƠ KỆ CỦA ĐỆ NHẤT NI TRƯỞNG

★ Sư cô Cầu Liên - Tịnh xá Ngọc Long

Gia đình, đoàn thể, xã hội, loài người, tất cả đều phải có tinh thần hòa ái, kính trọng lẫn nhau thì sự an vui, đoàn kết mới được vững bền trong cuộc sống tập thể. Thấy được sự lợi ích và cần thiết như thế nên Đức Phật, chư vị Tồ sư đều đưa ra những phép hòa kính dạy cho hàng đệ tử xuất gia và cư sĩ tại gia thực hiện trong đời sống hằng ngày.

Đệ nhất Cô Ni trưởng của Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam (nay là Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam) cũng không ngoài hoài bão làm cho Đạo pháp trường tồn, vững tiến và chúng sanh hết khổ đau, khi thực hiện chữ hòa một cách nhuần nhuyễn, hợp lý.

Sống trong tập thể, trước hết, mỗi người phải tự kiểm chế bản thân cho hòa đồng từ thân, khẩu, ý, giữ giới luật tinh nghiêm và nhất là phải có lòng từ bi, độ lượng, san sẻ nỗi khổ niềm đau với chúng bạn về mọi mặt. Ở đây, chúng ta sẽ tìm hiểu tinh thần “Ý HÒA” qua hai câu thơ của Cô Ni trưởng dạy trong bài “Đường Giải Thoát”.

*“Ý thanh tịnh cùng nhau vui vẻ,
Sớt đắng cay san sẻ ngọt bùi”.*

Ý ở đây là lời nói êm ái, hiền từ được thốt ra từ trong tâm hồn của người có lòng từ bi, khoan dung, hiền hòa, độ lượng, khiến cho người bớt đi đau khổ trong cuộc sống, đem lại hạnh phúc an vui. Cho nên trong *Kệ Trích Lục* Cô Ni trưởng dạy rằng:

*“Địa ngục, Thiên đường cũng tại tâm,
Nhơn nào, quả nấy há sai lầm.
Từ bi ban rải, tiêu oan trái,
Hy xả hoà đồng, dứt hận sân”.*

(Kệ Chơn Lý)

Làm thiện lành, phước đức, cứu giúp người hay tạo điều độc ác, tội lỗi, tất cả đều do tâm ý tạo tác, xui khiến, dẫn đường:

*“Trong các pháp do tâm làm chủ,
Tâm dẫn đầu tạo đủ các duyên...”*

(Kinh Pháp Cú)

Khi tâm ý hướng đến điều chánh chơn thì tâm hồn được an lành, sung sướng, nhẹ nhàng, trái lại, nếu tìm kiếm mưu sâu, chước quỷ, làm điều tội ác, tâm hồn sẽ lún sâu trong biển khổ, thế mới biết:

*“Cũng tâm là Phật, cũng tâm ma,
Tâm chánh chơn hay hướng vọng tà.
Giải thoát luân hồi non Pháp bảo,
Trôi lã sanh tử biển phù hoa”.*

(Kệ Chơn Lý)

Sống chung trong đoàn thể, tâm ý của mình nên có tính khiêm nhường, nhẫn nhịn, luôn lắng nghe ý kiến của người khác trong mọi công việc để rút tĩa cái hay, cái tốt mới mong đưa đến kết quả hoàn thiện trong tinh thần đoàn kết, nghĩa là:

*Đừng lòng cố chấp riêng tây,
Đừng lòng dung dưỡng ý này ý kia.
Ta, người, đừng tính phân chia,
Có, không, đừng tính đoạ lìa hai bên.*

(Ý - Kinh Tam Bảo)

Là người con Phật, cần phải hiền từ, bao dung, dầu có bị hàm oan cũng không vì thế mà thù oán, hiềm hận, miễn sao mình trong sạch, không cần phân trần, cứ nhẫn chịu rồi “Thời gian sẽ trả lời”, hãy tin tưởng vào “Ngày mai trời lại sáng” cho tâm hồn mình được thanh thản, nhẹ nhàng trên đường tu tập, vì có nhiều lúc:

*Bị nhục mạ không gây nhục mạ,
Bị oán thù không trả oán thù.
Ví như đất mẹ lặng lẽ,
Âm thầm chịu đựng sạch như sá gì.*

(Kệ Trích Lục)

Trong cuộc sống, không làm sao tránh khỏi sự phê bình, mặc dù vua quan hay người có quyền thế trong xã hội, nếu không giữ tâm ý của mình thì sẽ không tránh khỏi sự tạo ác nghiệp. Người xuất gia chúng ta cũng thế, phải giữ tâm mình như đất:

*“Dầu ai bình phẩm thế nào,
Dầu sai dầu đúng, dầu sao mặc dầu.
Giữ lòng trong sạch cần tu,
Tâm từ mở rộng suối từ chảy tuôn.
Niệm lành bao quát càn khôn,
Thương trùm vạn vật độ luôn muôn loài”.*

(Kệ Trích Lục)

Riêng bản thân mỗi người hãy sống vui, sống đúng, sống lợi ích cho đạo và đời.

*“Vui mà sống, dù đời đầy đau khổ,
Buồn làm chi, bận hơi thở than chi.
Và sầu lo nghĩ lại có ích gì,
Hãy can đảm sống những ngày hiện tại.
Đời tan vỡ, ta mau xây dựng lại,
Dù gian lao, cực khổ, chớ than van.
Tập kiên tâm, bền chí chịu nghèo nàn,
Nếu bạn muốn một ngày mai tươi sáng”.*

(Vui Mà Sống)

Ý hòa là pháp học, pháp hành rất hữu ích cho tất cả mọi người trong các đoàn thể. Nhờ có ý hòa, ai cũng yêu thương, thông cảm, kính trọng nhau. Không ai còn ngã mạn tự cao, ích kỷ sống riêng mình.

Trong cửa đạo, Ý Hòa còn là điều cần thiết, cơ bản hơn nữa để cho người tu sĩ tu tâm, dưỡng tánh, mới mong trở nên người đạo đức, chơn chánh, giữ sự hòa ái tốt đẹp trong chốn Thiên môn. Có thể, đạo pháp ngày một thăng hoa mới mong đền đáp công ơn Phật, Tổ, Thầy trong muôn một.

*“Sống chung Giáo hội hòa Tăng,
Không còn tư ý, mới năng thuận hoà.
Đừng làm trái ý người ta,
Đừng hay tự ý kiêu xa của mình.
Mới mong vui vẻ an lành,
Mới mong Đông độ biến thành Tây Phương”.*

(Ý - Kinh Tam Bảo)

Với tâm nguyện đem cả cuộc đời mình phụng sự chúng sanh nên Cố Đệ nhất Ni trưởng đã không từ gian khổ, lèo lái con thuyền Bát nhã vượt qua phong ba bão táp, cứu vớt kẻ lầm mê lên thuyền từ trở về bến giác. Ngài vận dụng trí lực, tâm lực, tài năng xuất chúng của mình để điều hành giáo hội Ni giới Khất sĩ phát triển về mọi mặt một cách tài tình, tỏ rạng khắp nơi không thể ngờ. Ngoài ra, những vần thơ, áng văn tuyệt tác dễ đi vào lòng người, thể hiện tâm huyết của Ngài về việc giáo dục hàng đệ tử, hoàng dương chánh pháp và giáo hóa chúng sanh thật tuyệt diệu, được lưu truyền cho hậu thế.

Ôi! Công hạnh, tài năng, đức độ của Ngài quá cao siêu tuyệt vời, không ngôn từ nào tả hết được! Con chỉ biết kính cẩn cúi đầu đánh lễ và nguyện được nương bóng từ bi của Ngài tu học, cứu độ chúng sanh.

NGUYỄN THẬP SÁNG GƯƠNG THẦY

★ Sư cô Cầu Liên - TX. Ngọc Long

*Chúng đệ tử vốn hàng hậu duệ,
Với tấm lòng nguyện thể lời chân.
Nhân ngày Ni trưởng thấu thân,
Vài dòng tâm huyết tri ân biển trời.*

*Thầy khó nhọc một đời vất vả,
Vững con đường nguyện cả thoát ly.
Hành theo nhất bát tam y,
Ba trăm bốn tám nghiêm trì luật răn.*

*Hàng đệ tử luôn hằng quyết chí,
Noi gương Thầy thiện mỹ sáng trong.
Kinh văn giáo lý uơm lòng,
Mở mang đạo pháp bẻ cong tánh phàm.*

*Thêm giới luật trù tham dưỡng nét,
Vẫn ôn tồn bỏ mọt dòi trau.
Hai mươi bảy khóa thông lâu,
Vững vàng kinh nghiệm truyền mau pháp hành.*

*Vì Ni chúng khai thành giáo phẩm,
Dốc quyết tâm nghiên ngẫm đạo mâu.
Thiện nam tín nữ tin sâu,
Giáo điều chơn lý làm đầu nghĩa nhân.*

*Các Tịnh xá trong ngàn đuốc tuệ,
Ánh quang minh nguyệt quế khai bày.
Đạo đời chung lực đắp xây,
Chiếc thuyền Giáo hội hiệp vầy xương minh.*

*Hàng đệ tử tâm thành chí nguyện,
Làm sáng tươi đạo chuyển tâm đây.
Hầu mong sự nghiệp bền xây,
Một lòng mạnh mẽ theo Thầy hiển dương.*

KINH DI GIÁO QUA THƠ VĂN NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN

★ Liên Châu - Tịnh xá Ngọc An

Kinh Di Giáo là lời dặn dò dạy bảo của Đức Phật để lại cho đệ tử trước khi Ngài Nhập diệt.

Thật ra những lời dạy bảo của Ngài để lại có đến ba Tạng giáo điển gồm: Kinh, Luật và Luận. Tuy nhiên *Kinh Di Giáo* là lời di chúc cuối cùng của Phật để lại chỉ bảo cho chúng Tăng con đường tu tập. Hay nói cách khác đó chính là những giới luật quan trọng và quý báu nhất mà Đức Phật để lại trước khi Ngài Nhập Diệt.

Tất cả giới luật Đức Thế Tôn chế định đều là những chuẩn mực đạo đức làm nền tảng cho sự giải thoát khổ đau, cắt đứt mọi tham ái ràng buộc. Thế nên, giới luật đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc tu tập giải thoát. Hành trì giới luật là làm theo lời Đức Phật dạy, luôn sống với sự chế ngự của giới bổn như trong Kinh Phật dạy:

Nhơn Giới sanh Định,

Nhơn Định phát Tuệ.

Muốn cầu được trí tuệ tu thiền định và trước hết là phải giữ gìn giới luật được xem là thức ăn, nước uống để bồi dưỡng cho Pháp thân. Giới luật như tròng con mắt của chính mình, hãy thận trọng giữ gìn, nên đức Thế Tôn luôn nhắc nhở rằng: “*Giới luật là mạng mạch của Phật Pháp, Giới luật còn là Phật Pháp còn, Giới luật mất là Phật Pháp không thể tồn tại*”. Vì vậy chúng ta phải tư duy, xác quyết và trác nghiệm để mỗi thành viên Tăng hay Ni trong Đạo Phật của chúng ta từng bước hoàn thiện nhân cách phẩm hạnh cho chính bản thân mình, nhằm đem lại đời sống an lạc hiện tại, giải thoát trong tương lai.

Là tu sĩ việc “*thượng cầu hạ hóa*”, đưa đạo vào đời là hoài bảo, xong việc dụng tâm giữ gìn phạm hạnh không bị đồng hóa bởi thế tục là điều luôn canh cánh bên lòng. Tuy nhiên với một xã hội hiện đại hóa, văn minh và phát triển như ngày nay thì chúng ta cũng dùng chút phương tiện giáo hóa thế gian, mới hòa nhập vào cuộc sống của mỗi cá nhân, xã hội một cách hợp lý và trí tuệ.

Phật giáo đang phát triển trên khắp năm châu bốn bể, nhưng chúng ta đừng sớm hãnh diện và chủ quan mà phải nỗ lực phấn đấu để bảo vệ Phật Pháp ngày càng trong sáng và lành mạnh hơn vì Phật giáo là đạo trí tuệ, đạo bình đẳng, là đạo sống cho nhân loại, không để cho một vết nhỏ làm nhòa

cả trang giấy trắng. Trong *Kinh Di Giáo*, Đức Phật có dạy: “*Ma Vương ngoài đạo không ai có thể phá hại được giáo pháp của Ta, chỉ có đệ tử Ta mới làm cho giáo pháp ta bị hủy diệt*”. Hoặc một câu khác rất có ý nghĩa: “*Chỉ có trùn trong thân sư tử mới ăn được thịt sư tử mà thôi*”. Như thế đối với một người tu sĩ, điều quan trọng nhất là phải giữ gìn giới luật, oai nghi mà tiến thân trên con đường đạo. Người mà không chịu giữ giới, oai nghi thì chẳng khác nào là người góp phần phá hoại Phật Pháp.

*“Tinh đàng phước huệ xứ an lành,
Giới trái nền già đất tịnh thanh.
Thiền quán kiên trì hoa Bất thoái,
Căn trần vắng lặng cõi Vô sanh”.*

(Số 11 - Luật Khất sĩ)

Người hành giả tu tập phải ý thức được rằng giới luật là mạng mạch, là nhịp đập con tim, là không khí, là thức ăn, nước uống cho đời sống hàng ngày. Nếu ai không khéo nỗ lực, hành trì một cách nghiêm túc e rằng đã không đem lại hạnh phúc an lạc, mà ngược lại nó sẽ trở thành sự trói buộc, đau khổ cho chính bản thân mình và cho cả Đạo Pháp.

Người mà chăm chỉ khéo giữ giới, xem giới luật là thầy dẫn đường đi trong đêm tối vô minh, người đó sẽ ngày càng bước đến sự giải thoát, sớm hoàn thiện được mọi phẩm hạnh và giá trị đạo đức của bản thân. Thân và tâm luôn cảm thấy an lạc và hạnh phúc trong mọi nơi, mọi khoảnh khắc hiện tại của chính mình. Giới luật như trái đất để chứa đựng mọi thứ. Là cái khuôn tròn của trống, để bao phủ lấy cái tiếng đồm ồm thanh tao của nó. Vì thế, chúng ta nên giữ gìn và thực hành giới luật như giữ cho bầu không khí xung quanh ta mãi tươi đẹp và trường tồn bất diệt. Có như thế ta mới làm tròn trách nhiệm của một người tu sĩ, mới giữ được những lời Phật đã truyền thừa.

ĐỜI - ĐẠO VIÊN DUNG

★ Liên Duyên - Tĩnh xá Ngọc Chiêu - Bình Thuận

Thế là đã 30 năm trôi qua, ngôi Tổ đình Ngọc Phương vắng hẳn hình bóng thân thương của đệ nhất Ni trưởng. Chúng con, hàng hậu học chỉ được nhìn thấy từ dung của ngài qua bức di ảnh tượng niệm trên bàn thờ trong chánh điện. Tuy chỉ là được chiêm ngưỡng gián tiếp nhưng lòng con cảm thấy ấm áp, kính thương và vô vàn ngưỡng mộ, tự hào về Người qua những bài thi kệ mà chúng con được học thuộc lòng từ những ngày đầu tiên cất bước ly gia nhập thân vào cửa đạo. Để rồi con tự thấy mình thật sự có duyên lành vì được làm người con Khất sĩ, được nuôi dưỡng tâm thức bằng nguồn sữa pháp ngọt lành từ lời chuyển dịch kinh văn bằng ngôn ngữ thuần việt theo nhiều thể thơ, phú... của vị Trưởng Ni giới Hệ phái.

Mỗi ngày sau giờ tụng kinh sáng, chúng con lại có cảm giác như bay bổng, như có một luồng khí nóng đang lưu chuyển trong cơ thể của mình, khiến chúng con cảm thấy mình như mạnh mẽ hơn, quyết tâm hơn trên con đường tu học khi được đọc hai câu thơ:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương”.*

(thơ Đệ nhất Ni trưởng)

Ni trưởng, một vị nữ lưu tay yếu chân mềm như những người nữ trong nhân thế, nhưng người có một sức mạnh vô hình, một ý chí kiên cường bất khuất, nói đúng hơn là Ngài có một tình yêu thương chúng sinh vô bờ, như tấm lòng của người từ mẫu bao dung, người đã dành hết cuộc đời mình cho đời cho đạo, bằng chứng là:

Khi đất nước lâm nguy, người đã đứng lên kêu gọi hòa bình, đấu tranh tư tưởng, thậm chí bằng sức lực, bằng mưu trí, bằng nhiều cuộc tổ chức xuống đường giơ cao khẩu hiệu, đòi lại sự bình yên cho dân tộc thân yêu.

Lòng khát khao hòa bình cho đất nước của Ni trưởng được bày tỏ qua bốn câu thơ:

*“Bệnh này bệnh của chúng sanh,
Có hòa bình, bệnh mới lành mà thôi.*

*Biểu tình chạy quá xa xôi,
Xiu rồi nằm xuống khỏe thời lại đi”.* (Khai Bệnh)

Thế đó tâm hồn người liệt nữ, yêu quê hương, khao khát tự do hòa bình cho nhân loại, Ni trưởng luôn quên mình, dốc toàn tâm toàn lực cho Tổ Quốc Dân tộc thân yêu!

Con luôn nghĩ: Không hiểu sức mạnh nào khiến Người có thể vừa lãnh đạo Ni chúng tiến tu, vừa đấu tranh giành độc lập, tháo củi sổ lồng cho những cánh chim Việt. Có lẽ sức mạnh từ hạnh nguyện từ bi ba la mật của một vị Bồ tát hiện thân giữa đời thường mới có thể phi thường đến thế.

Và rồi trời không phụ lòng người, sau cơn mưa bình minh ló dạng, khắp Việt Nam giải phóng hoàn toàn, lịch sử đất nước bắt đầu chuyển sang trang mới bình yên thì cũng là lúc Ni trưởng gác lại chuyện nước non, chuyên tâm hành đạo, với lòng mong cầu đưa người ra khỏi bến mê:

*“Gàu bé nhỏ nhưng lòng cố ráng,
Chỉ lăm le tát cạn biển trần.
Hỡi ai tâm Đạo xa gần,
Khá toan góp sức tát làn biển khơi”.*

(Cầm Gàu Tát Nước)

Một tấm lòng vị tha, thương người trọng pháp, Ni trưởng đã lãnh đạo Ni giới hệ phái khát mỗi ngày một phát triển về nhân sự, về học thức cả đạo lẫn đời, thế là Ni trưởng khuyến khích ni chúng đi học với mong mỗi Hệ phái mình sau này có được Ni tài, kiến thức sâu rộng để thuận duyên trong việc truyền bá chánh pháp, tiếp chúng độ sanh, phát triển ngôi nhà Khất sĩ, được vậy Ni trưởng mới an lòng:

*“Trong cảnh vườn muôn hoa đua nở,
Ta lẽ nào để lỡ cơ duyên.
Vun phân tưới nước cho bền,
Chọn thêm giống quý trồng bên cây già...”*

(Hào Quang Diệu Pháp)

Ni trưởng đã dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho quê hương nhưng vẫn không quên khêu lên ngọn đèn chánh pháp trong tâm thức hàng Ni chúng Khất sĩ. Để rồi một ngày lòng người mở hội, tâm người nở hoa:

*“Đèn pháp hôm nay đã chói loà,
Liên trì đua nở lắm bông hoa.
Tuyên dương đuốc huệ thông cùng xứ,
Nhuận thấm hương sen khắp mọi nhà...”*

(Mừng Giáo Pháp)

Dưới sự lãnh đạo dìu dắt của Ni trưởng, dần dần vườn thiền Khất sĩ nở đầy hoa, chư Ni Hệ phái mỗi lúc một thêm nhiều, Ni trưởng mừng vui ngắm nhìn đàn con trẻ.

Nhưng rồi cuộc thế vẫn xoay, thân giả hợp cũng đến hồi trả về cho tứ

dại, Ni trưởng của chúng ta cũng không ngoài quy luật đó, đến lúc người phải rời xa chúng con mà ra đi về cõi Phật.

Nhưng lòng người từ mẫu bao giờ cũng thương yêu lo lắng cho đàn con dại, nên trước khi rời bỏ cuộc hồng trần này, bằng tất cả tâm chân tình, người đã sách tấn chúng con bằng bài kệ:

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.*

(Lời Di Huấn)

Như một kiếp tầm nhả tơ, đến phút cuối của cuộc đời Ni trưởng vẫn đem tất cả tâm huyết, sản nghiệp tuệ giác của mình nhắn gửi truyền trao cho đàn hậu học chúng con.

Con nguyện xin khắc dạ ghi tâm lời giáo huấn của người, luôn chánh tâm trao dồi giới đức, đem một phần sức lực nhỏ bé của mình kê vai tiếp sức chư vị Trưởng bối mà tiếp tục bước đi trên con đường tu học, hành đạo, giúp đời, đền ơn Thầy Tổ, sáng đẹp Quê hương.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật !

CẢM TƯỞNG

★ Liên Nguyên - TX Ngọc Thường, Vĩnh Long

Những bài kinh văn mà Ni trưởng lưu lại trên cuộc đời này, ngày nay tất cả các Tịnh xá thuộc Hệ phái Ni giới Khất sĩ vẫn thường tụng đọc trong giờ công phu tu tập mỗi thời khóa hằng ngày. Từng câu, từng chữ của lời văn, thơ dễ hiểu, dễ thuộc, giúp chúng con lắng đọng tâm thức của tự thân, con thấy mình như những con chim non bay lạc từ đâu tìm về được nơi tổ ấm an bình, hạnh phúc, thêm vào đó là những tiếng chuông làm cho con cảm thấy cân bằng hơn, khi mà con nhớ đến lời thơ của Ni trưởng Đệ nhất:

*“Nguyên xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương”.*

Phải chăng Ni trưởng là vị Bồ tát cứu độ nhân sanh. Ngài đã thị hiện một khoảng thời gian trong những năm tháng loạn lạc chiến tranh nghèo khổ, của đất nước thời quốc nạn. Ngài từ bi như người mẹ hiền thương yêu con trẻ, bằng tấm lòng bao la vô bờ bến, nhớ nghĩ đến quê hương, đất nước, mong cho cuộc sống hòa bình đến tương lai đạo pháp, Ni trưởng đã gói gắm tâm mình vào lời văn, câu thơ, tuy đơn giản mộc mạc, nhưng thấm nhuần tình cảm đạo vị, được diễn đạt thông qua từng quyển kinh sách do Ni trưởng biên soạn. Đó chính là tài sản mà ngày nay Hệ phái vẫn còn lưu giữ, phụng trì, tu tập. Cứ mỗi lần được mở kho báu ấy ra xem, con lại ngậm ngùi chiêm nghiệm lại mình, thì “tài sản” nào trong quyển kinh văn của Ngài con cũng thấy như một viên minh châu sáng ngời, bài học nào con cũng muốn thọ nhận, vì những lời vàng của Ngài vô cùng quý giá mà suốt đời con không thể nào “sử dụng” cho hết được. Có phải chăng vì cái thân giả hợp này, mà con lại triu mến tài sản đó, nên con đã tập dừng lại chọn một “tài sản” trí tuệ mà Sư bà viết chủ đề về *Thân*.

*Thân này chưa biết ra chi,
Của kia lại có chắc gì mà ham.
Bao nhiêu cho thỏa lòng tham,
Càng thân càng đắm, càng làm càng say.*

Qua bài kệ nói về Thân, hằng ngày con thường tụng, từng câu, từng chữ ấy thấm vào tâm con, con mới thật sự nhận ra rằng: Mình thật là hạnh phúc khi được xuất gia tu học, không bon chen, giữa cảnh đời được mát hơn thua nữa. Giờ đây con tự nhìn lại được chính tâm mình, và đang dần dần tiến tu trên con đường giải thoát. Con thấy rõ hơn về sự thật cuộc sống bên ngoài, họ đang đua chen từng cái ăn, cái mặc để cho cái thân nó được âm no mà khổ vì đã mang cái thân thì ai cũng thương cũng lo cho cái thân, sợ nó

đói, sợ nó thua kém người khác... nên phải kiếm tiền nuôi dưỡng, cho nó ăn ngon mặc đẹp, rồi muốn cho cái thân được che mưa, che nắng thì phải xây cho nó cái nhà, muốn đáp được những yêu cầu đó thì bắt buộc lòng tham con người phải làm nên tất cả những mưu mô tính toán, nhiều khi phải gây tạo bao nhiêu là tội lỗi, càng gây tạo lòng tham muốn lại ngày một chồng chất lên thêm. Cuối cùng ta được cái gì, rồi ai cũng chết bỏ lại, phải tuân theo luật vô thường của sự sanh, già bệnh chết, vì đã sanh ra làm người thì ai cũng một lần trải qua cái khổ của sự bệnh, chết. Ngày nay sống còn, ngày mai không biết thân này có tồn tại nữa hay không? Vì một hơi thở ra không thở vào sẽ nghìn thu vĩnh biệt, không biết nghiệp lực sẽ đưa thân thức mình trôi dạt về đâu?

*Đời là bể khổ đau thương,
Sáng mai khỏe mạnh, buổi chiều ốm đau.
Tóc xanh thoáng đã đổi màu,
Đời là bể khổ có gì vui đâu.*

Khi đã biết rõ thân vô thường, thì tất cả vật chất cũng chỉ là tạm bợ, một ngày nào đó thân này cũng sẽ bỏ nó mà ra đi hoặc nó sẽ bỏ thân này đi qua thân khác, cứ như vậy mà làm cho thân này phải mỏi mệt, vậy thì ngay trong giờ phút này ai ai cũng nương vào ngôi Tam bảo để lắng lòng, thanh tịnh, suy nghiệm những gì mà mình đã và đang trải qua trong một thời gian chưa định tâm ấy. Con vô cùng tri ân Ni trưởng, qua bài kệ “*Thân*” của Ni trưởng mà con quán chiếu tu tập hạnh xả ly.

Giờ đây trong lời kinh tiếng kệ hòa cùng tiếng chuông đã giúp một ai đó thức tỉnh quay về thực tại và nhận ra lẽ thật trong cuộc đời được, mắt này...

*Trong tiếng chuông chùa ngân sớm mai,
Gọi ai thức tỉnh giấc mơ dài.
Lời kinh Ni trưởng còn lưu mãi,
Ghi tạc lòng con nguyện chẳng sai.*

(thơ Liên Duyên)

CHUYỂN HÓA TỰ THÂN

★ Liên Như - Dĩ An

*Chon lý đầu tiên là khổ đế,
Dầy dầy nổi khổ cõi trần gian.
Sanh, già, đau, chết thêm phiền não,
Nước mắt hơn sanh bốn biển tràn.*

(NT Huỳnh Liên - Tứ Diệu Đế)

Trong cuộc sống có các mối liên hệ tương quan với nhau, và tất cả mọi việc xảy ra đều là những bài học giúp con người tiến quá và sửa mình trên bước đường tu học. Đôi khi đứng trước một biến cố, một thách đố dù thành công hay thất bại, con cũng tin rằng mọi kinh nghiệm trong cuộc đời đều là những bài học sâu sắc, chung quy lại có bốn điều mà mọi người phải gặp trong cuộc sống, cho dù là Vua chúa, Tổng thống, Thủ tướng, cho đến những kẻ bần cùng, sống đầu đường xó chợ, dù trong thời đại nào tất cả cũng đều: sanh, già, bệnh, chết đó là định luật vô thường, ở giữa dòng đời vạn biến!

Như một đóa hoa hồng đang nở khoe sắc thắm, nhưng khi hoa tàn úa, nhợt nhạt, trông thảm hại xấu xí cực kỳ, giống như vẻ lão hóa của tuổi cuối đời. Chỉ cần nhìn sự sinh trưởng, diệt vong của hoa, chúng ta có thể liên tưởng đến sự chuyển biến, chóng đổi của sắc thân, hình như quy trình sinh diệt của kiếp người, được thu ngắn và thể hiện rõ nét trên loài hoa. Những cảm giác bi lụy, khổ đau vì mất mát đó, nó đến vội vã trong thời gian, rồi có thể sẽ tan tự nhiên. Nhưng, con người không chịu thế, cứ nếu kéo vọng niệm khổ đau, hễ nó vừa phai thì ta liền ôm lại, để khổ cho lâu, để khóc cho nhiều, trong khi mình thừa năng lực để thoát ra.

Có ai trên thế gian khi mới sanh ra mà không cất tiếng khóc đầu tiên, khi phải tiếp xúc với một môi trường hoàn toàn xa lạ, ai cũng muốn mình luôn xinh đẹp vui tươi hấp dẫn. Những ước muốn này phần lớn không được toại nguyện. Có ai muốn già mà chết đâu, rồi tuổi già vẫn cứ đến, bệnh tật lại phải mang. Những gì mình muốn mà không được, những gì không muốn lại đến, nhưng phải chấp nhận đều thuộc là khổ. Trong đời mình phải gặp gỡ chung sống với người mà mình không ưa, không yêu mến, điều này thật không dễ chịu chút nào. Trong khi những gì mình yêu thương triu mến, thì lại phải chia xa cách trở. Dù không rơi nước mắt nhưng trong tim cũng nhói đau vì phải xa rời người thân, hay nơi ở, đó là cái khổ của sự chia ly. Lại có những nỗi đau do thay lòng đổi dạ, như từ yêu thành ghét, từ thương thành giận, từ bạn thành thù... Những bệnh khổ, chết khổ, luyến ái khổ, biệt ly

khổ, những nỗi khổ cứ chồng chất lên nhau thành một bể khổ!

Cho đến một ngày nào đó hiểu được lý vô thường, thì tự nhiên cuộc đời sẽ trở nên an nhiên tự tại. Nghĩa là mình tìm thấy an lạc thanh thoi trong lòng là lúc cuộc đời tĩnh lặng nội tâm được bình an, chính là biết buông xả không chấp thủ, vượt qua những yếu điểm của chính mình và của hoàn cảnh, không nhu nhược nản lòng, cũng không hơn thua đấu tranh với người khác, mà phải dám từ bỏ bản ngã ích kỷ hẹp hòi, tu giới, định, tuệ, để thắng tâm vọng tâm. *Kinh Pháp Cú* do Cố Ni trưởng dịch có đoạn:

*“Thắng người đâu sánh thắng mình,
Chiến công tự thắng liệt oanh trên đời.
Thắng người đâu sánh thắng mình,
Thắng mình chế ngự dục tình cao siêu.”*

Thấy được cuộc đời là vô thường, nên chúng ta phải tránh xa ngũ dục lục trần, không để bất phong nhận chìm, thoát khỏi những bức xúc của dòng đời đảo điên, nhận thức rõ ràng nếu như trên vũ trụ luôn “sinh, trụ, dị, diệt” thì con người cũng “sanh, lão, bệnh, tử” và một năm thì cũng có “xuân sanh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn” bốn mùa đắp đổi thay nhau. Đệ nhất Cố Ni trưởng có dạy:

*“Xa rời hào nhoáng đẹp xuê,
Xa rời những chỗ si mê dục tình.
Chú tâm thiền định tịnh thanh,
Vững vàng phát triển hạnh lành quả cao”.*

Con thành kính tri ân Ni trưởng đã chuyển những bài Kinh thành những bài kệ ngắn bốn câu cho chúng con dễ học, tu. Nhờ bài kệ *Tứ Diệu Đế* của Cố Ni trưởng, con quán chiếu được khổ, nguyên nhân sinh khổ, con cố gắng làm tròn bổn phận một Tu sĩ, không chạy theo những ảo ảnh phù du luôn sống trong chánh niệm tỉnh thức, thấp sáng ngọn đuốc tuệ giác tự nơi thân để soi sáng mọi nơi. Nguyên mãi mãi là người con Phật, sống đúng trong giáo lý Phật Đà nương mình trong Chánh pháp, uống dòng nước Pháp, mà “truyền đăng tục diệt” nối tiếp hậu lai, không phụ lòng quý Ngài chỉ dạy, hầu đền đáp phần nào trong bốn ân sâu.

CẢM TƯỞNG THƠ ĐỆ NHẤT CỐ NI TRƯỞNG

★ Liên Thiên - Tịnh xá Ngọc Lộ

Ngược dòng quá khứ cách đây 70 năm, Cố Ni trưởng Đệ nhất Trưởng Ni giới HPKSVN đã góp phần làm vẻ vang đạo pháp, đi theo con đường “*Nói truyền Thích Ca Chánh Pháp*” của Phật Tăng xưa. Gương hạnh Ni trưởng không những đã ghi vào trang sử Đạo một hình ảnh mang đậm tính dân tộc, mà còn để lại cho hàng hậu học chúng con những bài thơ, bài văn tuyệt tác, toát lên vẻ thoát tục của bậc Nữ lưu Khất sĩ, khiến chúng con ngày nay mãi mãi khắc ghi trong tâm khảm. Đặc biệt là ý chí của người đã được HT Từ Thông đề bút tán dương:

“Chí bất khuất vì Hạnh Phúc Tự Do

chiếc áo Khất sĩ làm vẻ vang trong Ni giới

Nguyện kiên cường cho Hòa Bình Độc Lập

tâm thân Nữ lưu nêu gương sáng chốn Tông lâm”.

Thật đúng vậy, Cố Ni trưởng Đệ nhất là Trưởng tử Ni của Đức Tổ Sư, Người được Tổ Sư giao phó lèo lái con thuyền Liên Hoa Khất Sĩ, bằng hạnh nguyện làm chiếc thuyền chở che phái Nữ qua sứ mạng kế thừa đạo nghiệp của Đức Tổ Sư. Người đã lãnh đạo Ni đi hành đạo khắp hai miền Nam Trung, từ thành thị đến xóm làng, nơi nào cũng có dấu chân Ni trưởng. Bằng hình ảnh một Sư Nữ thân tướng oai nghiêm, Người thuyết pháp, giảng kinh, khất thực... Người độ cho hàng cư sĩ tại gia tu tập, tạo công đức bố thí, cúng dường, gieo duyên với Phật Pháp.

Những năm chiến tranh, Đệ nhất Ni trưởng đã anh dũng dẫn Ni đoàn xuống đường đòi hòa bình cho dân tộc. Công hạnh viên mãn của Người được gói trọn trong hai câu thơ bất hủ khiến người người đọc đến đều hết lòng khâm phục khi tưởng nhớ về Người:

“Nguyện xin hiến trọn đời mình,

Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương”.

Với Ni giới Hệ phái Khất sĩ, Ni trưởng như ánh thái dương soi sáng cả bầu trời, chiếu khắp cả muôn loại. Chúng con được biết, trong những lúc đi hành đạo, Đệ nhất Ni trưởng quán thấy căn cơ chúng sanh bất đồng, người căn cơ cao sâu, kẻ căn tánh thấp kém, sự hiểu biết sai khác, nên Người mới quyết định chuyển dịch Kinh sách từ tiếng Hán và tiếng Pali ra tiếng Việt theo lối văn vần dễ hiểu, dễ đọc tụng, để quần chúng trong mọi tầng lớp đều có thể tụng đọc dễ dàng, qua đó giúp họ thấm nhuần giáo lý Phật Đà, như Kinh Di Đà, Kinh Phổ Môn, Kinh Báo Hiếu, Kinh Vu Lan, Kinh Hồng

Danh Sám Hối... Ni trưởng còn viết diễn đạt ý của Đức Tổ Sư thành nhiều bài kệ tụng thật mộc mạc dễ hiểu nhưng ý tưởng thâm sâu, nhờ đó dễ đi vào lòng người, Người cũng để lại cho hàng hậu học hơn ba ngàn bài thơ, bài kệ đủ thể loại. Thơ của Người phần nhiều là do cảm hứng, tức cảnh làm thơ, Người có một tâm hồn nhạy cảm của một người yêu thơ, có thể đặt bút là dòng thơ tuôn trào trong mọi hoàn cảnh, mọi đối tượng: Thơ trong đấu tranh, thơ trên đường hành đạo, thơ giáo hóa chúng sanh... Có thể nói, thơ văn của Ni trưởng là phương tiện hoằng đạo rất hiện thực. Do vậy, thơ và đạo của Người rất hài hòa, hỗ trợ cho nhau như hình với bóng, điều này đã nêu rõ trong bài *Văn Với Đạo*:

*“Văn có Đạo cội bèn cây tốt,
Đạo nương Văn ý tốt lý mâu.
Lá cành sẫm uất bèn lâu,
Văn chương Đạo đức cùng nhau độ đời.
.....
Pháp thâm diệu Văn từ thâm diệu,
Văn phi thường Pháp hiểu phi thường.
Văn truyền Pháp hiển hoằng dương,
Văn phò lậy Đạo một đường dung thông”.*

Hoặc đôi với tình thương vạn loài, Người luôn thể hiện bằng tình cảm chân thành, thấm thiết qua bài *Hoa Tình Thương*:

*“Có những việc làm không bao giờ thất bại,
Đó là việc làm ban rải tình thương.
Những đoá hoa đẹp sắc thơm hương,
Những màu da, những tiếng nói, những tình thương gom kết.
Mỗi màu hoa, đẹp ra mỗi nét,
Mỗi tâm lòng, mỗi xúc cảm chân thành.
Mỗi bầu trời, mỗi vẻ đản thanh,
Hội đủ nét hoạ nên tranh lịch sử”.*

Lại nữa, để khuyến hóa hàng đệ tử chuyên lo tu tập, đoạn trừ tham, sân, si, ba món kiết sử phiền não làm nhiễm ô người sống đời thoát tục, nên Ni trưởng đã cảnh tỉnh Chúng Ni phải xa rời những lối sống trần tục để đạt đến con đường giải thoát, như trong bài *Khuyến Tu*:

*“Chen lán dầu ai giữa thị thành,
Riêng mình tự tại cõi vô tranh.*

*Sông mê sóng bủa cơn rừng rợn,
Biển khổ bèo trôi kiếp mỏng manh”.*

Có lúc Người còn khuyên đệ tử trên đường hành đạo, nên hành Tứ Y Pháp, gieo duyên với mọi người để sách tấn cho họ hoàn thiện đạo đức, hầu tiến đến con đường Chân Thiện Mỹ, như trong bài *Khất sĩ*, Người miêu tả rất sinh động:

*“Khất sĩ hạnh ta bà,
Tiêu diêu đường tự tại.
Không danh lợi cửa nhà,
Không của tiền con cái.
Đỡ lòng một bát cơm,
Che thân ba tấm vải.
Đầu đội nón càn khôn,
Chân mang giày thế giới”.*

Hoặc trong bài *Khuyên Con*, Ni trưởng đã ân cần khuyên nhắc:

*“Lên đường hành đạo độ sanh,
Những mong phước đức để dành cho con.
Tám thân chùng đã gãy mòn,
Cõi lòng thêm nổi héo von khổ sầu”.*

Ngoài ra, bằng hình ảnh so sánh, ẩn dụ sinh động, Ni trưởng đã giải thích những vấn đề phức tạp trở thành đơn giản, để cho đệ tử thấy rằng trên bước đường hành đạo sẽ gặp những chông gai, nghịch cảnh, mà người con Phật phải trải nghiệm qua, mới mong thành chánh giác, hình ảnh cụ thể này được diễn đạt rất rõ nét trong bài *Sức Chịu Đựng*:

*“Sức chịu đựng ai bằng quả đất,
Để trần gian chứa chất nặng nề,
Hồi rừng, hồi suối, hồi khe,
Hồi cây, hồi đá, hồi xe, hồi thuyền.
Cam chịu đựng muôn vàn sức nặng,
Chất bao nhiêu quyết chẳng nản lòng,
Vi đời âu phải ra công,
Vi đời âu phải gánh gồng bọc bao”.*

Không những tô bồi, dựng xây cho hàng Ni Chúng sức kham nhẫn vì tha nhân. Với hạnh tu Khất sĩ hòa cùng hạnh nguyện độ sanh, rày đây mai đó, không ở một chỗ, không dừng nghỉ dù chỉ một lần, lấy đời sống của chúng sanh làm niềm vui của mình, bốn phương trời làm nơi trú ngụ, không

nhà cửa, cũng không ruộng vườn, sống đời giải thoát, Ni trưởng đã cảnh tỉnh hàng đệ tử hằng tâm niệm, ta sống đây là sống cho nhân loại, ý chí này được thể hiện qua bài *Nếp Sống Vân Du*:

*“Cảnh dầu đẹp, ở hoài cũng hết đẹp,
Người dầu thân, gần mãi cũng thôi thân.
Một tàn cây, không dùng nghỉ hai lần,
Nghe Phật dạy, cho tâm hồn thanh thoát.
Đường giải thoát, gồm ba y một bát,
Đi, đi, đi học khắp bốn phương trời.
Hé túi khôn châu ngọc chứa muôn loài,
Tuỳ duyên tốt mà tuôn rơi pháp báu”.*

Người còn nhắc nhở mọi người luôn thấy cuộc sống của mình được an lạc trong nếp sống hóa duyên, nên trong bài *Sen Gương*, Ni trưởng đã ân cần dạy bảo:

*“Thiền trà vị đắng mùi thơm,
Thân tuy khổ hạnh tâm hồn thanh thoi
Nghiêng vai gánh Đạo vào đời,
Cho đời tỏ Đạo ta người đồng tu”.*

Với hình ảnh nhân cách hóa mang tính cách giản dị, lạ thường, kết hợp dòng thơ ngọt dịu, nhẹ nhàng, nhưng đã thấm đượm sâu sắc vào lòng người đọc, Ni trưởng đã khuyến khích chư Ni trong mọi công việc qua bài *Bàn Tay Đẹp*:

*“Bàn tay đẹp là bàn tay trắng muốt,
Ngón búp măng, móng chuốt nhuộm màu son.
Dáng thanh thanh da mát mịn mềm non,
Để dành ngắm, để dành tôn để mộng? ? ?
Không! Bàn tay đẹp là bàn tay “lao động”,
Chuyển đường gân dằng sức sống cho đời.
Hiện khắp nơi và ở khắp nơi nơi,
Nhu đất nước như khí trời vũ trụ.
Bàn tay đẹp là bàn tay “nông vụ”,
Dem sức người tranh đấu với thiên nhiên.
Biến tác vàng trong tác ruộng bùn đen,
Đổi hạt ngọc, mồ hôi chen thánh thót”.*

Đối với hàng Phật tử tại gia, Ni trưởng lại khuyên đem tình thương, mở lòng từ bỏ khắp đến muôn loài chúng sanh, dù loài nhỏ nhít, côn trùng. Ni

trưởng dạy không nên giết hại hoặc xúi người giết, vì sinh mạng của chúng cùng ta đều như nhau, đều muốn sinh tồn, nên trong bài *Giới Sát*, dạy rất tỉ mỉ:

*Muôn loài nào khác chi ta,
Cũng cần sanh sống, lánh xa tai nạn.
Có cha mẹ, có họ hàng,
Kết bè sinh hoạt, hiệp đoàn tương thân.
Ta đừng giết nó mà ăn,
Cũng đừng bắt nó trói trãng giam cầm.
Bấy câu chước độc mưu ngầm,
Làm cho chúng nó âm thầm đờn đau.
Lạc bầy dờn dác xôn xao,
Lại e cái nạn thót dao hầu gần.
Mình có thân, nó cũng thân,
Nuôi mình giết nó, nào cần công bằng.*

.....

*Ruột rà ai cắt chẳng đau,
Tình thương ai dứt chẳng xao gan vàng”.*

Và thực tế hơn nữa, trong bài *Ngũ Phước* còn biểu hiện sức cảm hóa cụ thể, đó là Ni trưởng dạy cho chúng sanh biết được tội phước của mình, gieo nhân nào thì gặt hái quả đó, qua năm giới cấm mà người Phật tử tại gia thọ nhận:

*“Kẻ không sát sanh,
Được khương minh thọ mệnh.
Kẻ không trộm tham,
Được giàu sang hưng thịnh.
Kẻ không tà dâm,
Được người đời yêu kính.
Kẻ không vọng ngôn,
Được thêm nhiều uy tín.
Kẻ không say sưa,
Được sáng tâm tỏ tánh”.*

Đặc biệt là đối với việc bố thí, cúng dường, không nên cầu phước báu, danh lợi, vì cầu như thế là tăng trưởng lòng tham. Thay vào đó, mỗi lần phát tâm cúng dường bố thí, mục đích chỉ mong mình giảm bớt tâm tham để dễ bề tu tập mà thôi, như trong bài *Cúng Chừa Không Cầu Phước*, Ni trưởng

dạy rất rõ:

*“Con cúng Chùa không mong phước đức,
Mà chỉ mong tiêu diệt tội duyên.
Tham lam nhiều kiếp vô biên,
Cầu xin hành phạt cho yên tâm lòng”.*

Nói chung, Ni trưởng luôn dạy cho môn đồ cũng như hàng Phật tử, muốn tu tập thì phải thực hành Giới, Định, Tuệ. Vì Giới, Định, Tuệ là đạo lộ đưa người đến bờ giải thoát Niết Bàn. Thế nên trong bài *Giới*, Ni trưởng đã khuyên tấn rằng:

*“Nhịn nhường là giới đầu tiên,
Kìa chư Phật vẫn nhắc khuyên ta hoài.
Kẻ mong lìa bỏ trần ai,
Mà còn phiền giận thật ngoài chữ tu”.*

Và Người cũng hằng nhắc nhở hàng đệ tử phải cố gắng tu tập để đền đáp công ơn Phật và các bậc Tổ Thầy, như trong bài *Nhớ ơn Phật*:

*“Đời chen lộn ngàn đường tội lỗi,
Ta bước riêng một lối thanh cao.
Đạo vàng quý báu biết bao,
Vừa mình tu tỉnh, vừa trau sửa người!”*

Không những Ni trưởng quan tâm, lo lắng cho hàng đệ tử, mà Người còn đồng hành với nhân dân, đất nước kiến tạo nền hòa bình, như trong bài *Khúc Thanh Bình*:

*“Dầu tu sĩ cũng công dân đất nước,
Vì tình thương vì Đạo đức đấu tranh.
Cho Tự do trong Độc lập Hoà bình,
Cho Hạnh phúc trong phồn vinh vĩnh cửu”.*

Thậm chí Ni trưởng còn quan tâm đến mọi nỗi khổ đau của người dân trong từng hoàn cảnh, nên trong bài *Giọt Sữa Tình Thương*, Người đã thổ lộ tâm tư cảm thương người dân rất chân tình:

*“Giọt sữa tình thương thấm cõi lòng,
Đạo Đời liên kết lý dung thông.
Kẻ đang xót khổ, người đang khổ,
Giọt sữa tình thương biển đại đồng”.*

Chính vì ý thức được điều này, nên Ni trưởng luôn thể hiện rõ mình là bậc Thầy mô phạm, soi đường dẫn bước đưa chúng đệ tử đi theo con đường hòa cùng dân tộc, kiến tạo hòa bình, từ bi, vô hại đúng với bản hoài của

Đức Phật, nên trong bài *Tôi yêu Phật giáo Việt Nam* người đã tâm nguyện rằng:

*“Tôi yêu Phật giáo Việt Nam,
Là vì Phật giáo không làm hại ai.
Trên đường du nhập xa dài,
Không khai đường máu, mà khai tâm lành”.*

Tóm lại, thơ văn của Đệ nhất Ni trưởng quả là chứa chan một nguồn đạo sống động. Mỗi bài thơ là dòng tuôn chảy vào lòng người như từng giọt sữa cam lồ, làm mát mẽ, thấm nhuần tinh thần “*Từ Bi Bình Đẳng*” của người con Khất sĩ nói riêng, và người con Phật nói chung. Mạch thơ không những phong phú, mà ý tứ lại càng sinh động sâu sắc hơn. Vì thơ Ni trưởng sáng tác rất linh hoạt, đa dạng. Có thể nói, mỗi ý thơ như dòng chảy quyện vào dòng đời, lại như những cánh nhạn tung bay khắp phương trời. Chính nhờ những vần thơ bất diệt của Người, đã đem lại ánh sáng giác ngộ cho đời, tạo cho nguồn đạo sáng ngời muôn vẻ. Lại nữa, ý thơ của Người như giòng suối trong lành, làm mát mẽ tâm tư vạn loại chúng sanh, như ánh trăng rằm, chiếu rọi đến khắp nơi giúp bao người thoát khỏi bóng mê, tiêu trừ khô não. Đặc biệt hơn nữa, thơ của Người còn nêu cao đức hạnh phi thường của bậc Bồ tát trên đường độ sanh. Nên nói, cả cuộc đời Cố Ni trưởng luôn cống hiến chẳng biết mỏi mệt, không hề chán nản, sẵn sàng hy sinh cho đạo pháp, cho tổ quốc, quê hương. Người là ngọn đèn trí tuệ soi đường dẫn lối cho đàn hậu bối chúng con tiến bước, Người còn là một nhà tôn giáo yêu nước, góp phần tích cực vào công cuộc lập lại Hòa bình cho dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, tuy Đệ nhất Ni trưởng không còn nữa, nhưng những vần thơ bất hủ ấy còn lưu mãi trong tâm khảm chúng con và mãi về sau. Chúng con nguyện cố gắng tu tập, để không phụ công ơn giáo dưỡng sâu dày của Cố Ni trưởng, và cũng không quên công ơn to lớn về sự nghiệp dựng xây hình thành nên một Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam. Kính Bạch Giác linh Đệ nhất Cố Ni trưởng, những lời văn của con hôm nay không sao diễn tả hết được cảm xúc trong con. “*Vì rằng hạt cát nhỏ không làm nên sa mạc*” con xin thành tâm sám hối Giác linh Người. Cuối cùng con xin thành tâm đánh lễ Giác linh Đệ nhất Cố Ni trưởng.

KHÁT SĨ

★ Liên Hỷ - Chùa Vạn Hạnh

Trải qua 2500 năm lịch sử, gót vân du của đức Phật đã in trên con đường sỏi đá Ấn Độ với hạnh trì bình khất thực hóa duyên độ đời, một vẻ đẹp oai nghiêm, thanh thoát với chiếc y vàng ôm bát đi khất thực, đã lưu lại trong lòng nhân loại một hình ảnh nhớ mãi không quên. Và rồi về sau, nét đẹp trì bình khất thực dường như mờ dần theo năm tháng, bởi thời kỳ Phật Giáo phát triển đã hình thành rất nhiều môn phái, nên gương hạnh xưa đã bị lãng quên đi. Nhưng hay thay đức Tổ Sư của chúng ta đã phục hồi trở lại với tông chỉ “*Nói truyền Thích Ca chánh Pháp*” kết hợp tâm nguyện “*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*”. Tiếp bước và noi theo bước chân hành đạo của Đức Phật, suốt quá trình tu tập và hành đạo, Tổ đã để lại cho những người con Khất sĩ nói riêng và cho đời nói chung bộ *Chơn Lý* thật xúc tích và cô đọng, trong đó đã vạch rõ phương hướng tu tập và hoàng đạo giúp cho hàng hậu tấn chúng con dễ dàng áp dụng trên đường tiến tu giải thoát.

Đặc biệt hơn nữa, trong bộ *Chơn Lý* từng lời dạy chân tình, thấm thiết đã phản ánh và nêu cao công hạnh người Khất sĩ hy sinh chịu sống cực thân, để lo tô đắp nền đạo cho thế gian. Vậy Khất sĩ là gì? Tổ định nghĩa: Khất nghĩa là “*Xin*”, lẽ xin là Chơn Lý võ trụ mà chúng sanh kẻ xin vạn vật để nuôi thân, người thì xin Pháp để nuôi trí. Như *Chơn Lý Khất sĩ* Tổ Sư đã dạy: *Đất xin nước, đất mới sống khỏi chết khô. Cỏ cây xin đất nước mới sanh chồi mọc nhánh. Thú xin đất nước cỏ cây mới có đi chạy*. Vậy xin như thế nào mới đúng? Tổ cho rằng có hai cách xin: Xin vật chất và xin tinh thần.

1. Xin vật chất (vạn vật) để nuôi thân như cơm, áo, thuốc men, tiền bạc... bất cứ những thứ làm phương tiện giúp cho mình và nuôi sống người gọi là vật chất. Những vật chất mà mình không trộm cắp hoặc tự tay mình làm ra, đó mới là xin đúng cách.

2. Xin tinh thần (các Pháp) để nuôi trí: có đủ thân trí mới sanh tâm là Phật, từ xin để nuôi thân như cỏ, cây, thú, đến lần xin để nuôi trí là người, trời, Phật.

Thí dụ người học trò ngày nào cũng cắp sách đến trường để xin học những kiến thức của ông thầy để nuôi trí, đó cũng chính là xin tinh thần đem lại sự thấy, nghe, hiểu, như thế con người mới nhận định được cái đúng cái sai, cái thiện cái ác nên gọi là nuôi trí. Xin trí thì có trí thiện và trí ác, nếu chúng ta dùng trí thiện để giúp đời và mình thì đó mới là xin tinh thần

đúng cách.

Sĩ nghĩa là “*Học trò*”, nhưng học ở đây không có nghĩa là chỉ học trên sách vở, mà còn phải học hỏi rất nhiều trên nhiều phương diện: học về cái gì?

Học là học cái thiện, học cách làm người toàn diện và nhất là học làm Phật, đó mới là thành quả của một học trò. Vì quả Phật là cao nhất viên mãn được mọi người xưng làm thầy, lúc đó gọi là vô học. Vậy Khất sĩ là học trò đi xin ăn để tu học, vì xin ăn mới tránh cái giả dối, tội lỗi: sát sanh, trộm cắp, danh vọng, địa vị...

Không những thế mà còn phải buông bỏ mọi thứ để nuôi sống thân theo tinh thần an phận, tri túc và thiếu dục, vừa lòng với những gì mình có. Đó là chánh nghiệp của người xuất gia bằng cách khất thực chơn chánh.

Vậy khất thực chơn chánh là như thế nào?

Khất sĩ xin ăn mà chẳng bao giờ than vãn, không có gì hết cũng chẳng than nghèo, đầu đội trời, chân đạp đất, sương màn cỏ chiếu mà chẳng hề biết chán nản.

*Trì bình khất thực hạnh thanh bản,
Lều vắng tàng cây tạm trú chân.
Giải thoát cảnh đời xa vật chất,
Giản đơn nếp sống nhẹ tinh thần.*

(Kệ Chơn Lý - Đạo Phật)

Người khất sĩ xin thức ăn với tâm thanh tịnh và xả bỏ tam độc (tham, sân, si). Tức trong khi khất thực phải giữ cho tam nghiệp thanh tịnh. Thân thanh tịnh với dáng đi thông dong tự tại, đầu trần chân đất với chiếc y vàng cùng bình bát, mỗi bước chân không nhanh không chậm luôn chánh niệm khi đi. Quan trọng hơn nữa, trong *Chơn lý Khất sĩ*, Tổ còn chủ trương rằng: *Đi xin để đem thân làm ruộng phước tốt đẹp cho kẻ mong cầu cúng thí đặng gieo giống Phật, diệt lòng ma.*

Đối với khẩu luôn giữ im lặng trong khi đi, không nói lời xin xỏ, không nói lời nịnh hót và giữ cho khẩu luôn thanh tịnh. Tổ cho rằng: *Chính sự không nói làm sai quấy là phân chất nước trong tốt đẹp, để cho người xem thấy đó mà nảy phát thiện huệ, chơn tâm, hột giống đặng đem gieo trồng có chỗ tưới vun.*

Về ý luôn nghĩ điều tốt và nhớ ơn người cúng dâng, luôn luôn tâm nguyện sống, làm, nói, nghĩ tất cả vì chúng sanh. Trong khi khất thực chúng ta niệm tưởng thức ăn như thuốc chữa bệnh cho cơ thể có sức, thì tâm chúng ta không khởi niệm tham luyến thức ăn. Khi không còn tham luyến thức ăn cho dù người ta có cúng gì cũng không khởi niệm chê bai xấu tốt, cái này ăn

được cái kia không ăn được. Như lời dạy của Đệ nhất Ni trưởng:

*Khất thực không nài vật uống ăn,
Mặc y phẩn tảo hạnh thanh bản.
Tàng cây, nhà vắng, tu thiền quán,
Rễ lá sơ sài, dụng thuốc thang.*

(Kệ Chơn Lý - Chánh pháp)

Nói chung, người Khất sĩ trên đường khất thực hóa duyên, trong tâm thức chẳng bao giờ khởi niệm khất thực là người bản cùng xấu hổ, phải luôn tâm niệm đó là phương tiện hành đạo. Thế nên nói, Khất sĩ là bậc tối thượng vô song là pháp môn của bậc Thánh hiền, chứ không phải như những kẻ khất cái ăn xin, gào thét, xin cái để ăn rồi luân hồi nghiệp báo làm trâu ngựa để trả nợ. Chính cái dốt nát, mê muội ấy nên khất cái là hạng mạt lưu. Còn Khất ở đây là hạnh của chư Phật ba đời, hạnh của lòng bao dung, khiêm hạ, vô ngã, vị tha, thực hành lục độ để cứu đời. Thế nên Tổ nói: Khất sĩ để làm gương không không, tránh khổ cho người giác ngộ. Khất sĩ để cảm hóa kẻ ác, dạy dỗ người thiện.

Nói cụ thể hơn, đối với hạnh khất thực, Tổ đã quan niệm, người Khất sĩ, đi xin là để thể hiện những tâm nguyện như sau:

- 1. Xin để nhắc chúng sanh hạnh bố thí và noi theo.*
- 2. Xin để ăn một bữa nhắc chúng sanh biết tiết độ thức ăn và hợp với giới luật ăn ngày một bữa nợ.*
- 3. Xin để có cái ăn nuôi sống bản thân, mới có sức khỏe tu hành tinh tấn, hằng nhắc cho chúng sanh biết thức ăn chỉ lạ cõi tạm còn tinh tấn tu hành mới là trọng yếu.*
- 4. Xin để hạ thấp bản ngã của mình giúp chúng sanh noi theo hạnh nhẫn nhục.*
- 5. Xin để thân giáo cảm ứng với chúng sanh tạo điều kiện cho họ sanh lòng tín tâm. Cảm ứng bằng tâm mục đích để truyền dạy cho chúng sanh Pháp thiên định tương ưng.*
- 6. Xin để nuôi trí từ phàm tiến đến thánh. Xin theo tinh thần Lục độ của Bồ tát cho nên khất thực không phải là hèn hạ mà là cao thượng của bậc thánh.*

Như lời Tổ dạy trong Chơn lý Khất sĩ: *Chính sự xin Pháp bảo để ăn, xin lòng tốt của người để sống, xin vật thiện để dùng, cái xin ấy mới ích lợi cho đời hơn hết, thiện chớ không phải ác.*

Với quan điểm trên, Ni trưởng đệ nhất đã khái quát tinh thần khất thực cao thượng qua bốn câu kệ như sau:

*Một bát muôn nhà độ chúng sanh,
Cô thân ngàn dặm bước du hành.
Đường mê sanh tử lắm hang tối,
Ánh đuốc quang minh hướng đạo lành.*

(Kệ Chơn Lý - Khất sĩ)

Từ lời dạy của Tổ cho đến thâm ý bài kệ của Ni trưởng nhằm giúp chúng ta ghi nhớ bát com của đàn na tín thí vô cùng sâu nặng, không những thế còn nêu cao lý tưởng tốt đạo, đẹp đời của hạnh xin ăn từ người Khất sĩ. Bởi vì mỗi bước chân trên dặm đường hóa duyên của người Khất sĩ, tuy sống đời bần cùng mà hạnh phúc, an lạc, tất cả chỉ để diệt đi bản ngã và phá tan tham, sân, si trong tâm, nhằm thắp lên ánh đuốc trí tuệ soi sáng con đường hành đạo. Vậy nên, Tổ đã khẳng định quan điểm đi xin trong *Chơn Lý Khất Sĩ* rất đặc sắc: *Đi xin để giải thoát phiền não, và để un đúc tâm hồn, rèn luyện chí hướng, tập sửa bản năng. Có đi xin mới có từ bi hỷ xả, trí huệ thông minh, cõi lòng mát dịu, rộng mở bao la, lặng yên sạch sẽ.*

Tóm lại, người Khất sĩ hành trì hạnh nguyện khất thực chân chánh, đó mới là lối sống chân chánh theo tinh thần chánh nghiệp trong Bát Chánh Đạo mà chư Phật đã dạy. Bởi vì, Khất thực là một pháp môn gieo duyên với chúng sanh dần đưa họ đến thiện nghiệp từ đó tin Tam Bảo. Có như vậy ta mới truyền trao cho họ pháp tu giải thoát đến bờ bên kia. Đó là xứ mạng của một người Khất sĩ. Cho nên, Tổ dạy: *Giáo lý của Khất sĩ là trung đạo, chánh đẳng chánh giác vô thượng, cốt yếu để đem lại chữ hòa cho muôn loại, xin cái cao ban vào cái thấp để tạo sự bằng phẳng giữa cõi đời... Xin cái tham lam, sân giận, si mê là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh để đưa người lên cõi người, Trời, Phật Thánh.*

Như vậy khất thực suy cho cùng chính là phương tiện để giúp Tu sĩ chúng ta có được một đời sống giải thoát, tạo nên tiền đề cho việc cầu chơn lý, lợi đạo ích đời. Qua hình ảnh khất thực hóa duyên vừa xin, vừa cho, vừa dạy, vừa học theo chủ trương của Tổ xin vật chất và tinh thần, sống đời phạm hạnh và thiếu dục tri túc với mục đích xây dựng con người ngày càng toàn diện hơn, đưa con người tiến dần từ phàm đến Thánh.

ĂN CHAY

★ Liên Yên - TX. Ngọc Lộ

Trong Phật giáo sự thể hiện tinh thần từ bi bình đẳng, hạnh nguyện lợi tha, không gì vẹn toàn bằng chủ thuyết ăn chay. Nói rõ hơn, ăn chay mục đích là nêu cao tình yêu thương giữa người và vật, và cũng để thể hiện tinh thần tôn trọng sự sống, yêu thương và không tổn hại lẫn nhau. Do vậy Tổ sư trong *Chơn Lý - Ăn chay* đã dạy: “*Chúng ta nên nhớ, chữ nhơn đạo là lòng nhơn, trước nhứt chớ giết hại người, đến loài thú, lần đến cây và đến cỏ, ta tập lần nhơn đạo, mà phải háo sanh... nuôi thân bằng thiện nghiệp, sống theo chánh mạng. Muốn không giặc giã thì đừng làm gương giết hại*”.

Ni trưởng Đệ nhất cũng có dạy:

*Mỗi người phải cữ sát sanh,
Xót thương loài vật lòng lành ăn chay.
Theo luật sống chẳng ai được giết,
Không sanh người sao diệt mạng người?
Lập nên luật sống ở đời,
Bảo tồn mạng sống các loài nhỏ nhen.*

Ngoài ra, ăn chay còn giúp chúng ta ít sanh bệnh tật, giúp thân tâm thanh tịnh, đây cũng là nấc thang đầu tiên trên con đường nuôi dưỡng lòng từ bi và tránh được quả báo luân hồi. Đạo Phật là đạo từ bi, bình đẳng Phật dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau. Vậy thì dưới tầm mắt của mình, không nên thấy người và vật khác nhau, mà chỉ thấy đồng một tri giác bình đẳng, ẩn chứa trong thân hình sai biệt. Nên ở đoạn khác trong *Chơn Lý - Ăn chay*, Tổ đã khuyến tấn: “*Thân người, thân thú in nhau, đều là tứ đại, hoặc may có khác là chỉ tại lòng nhơn có hay không mà thôi. Nhơn đạo không phải là gia đình hay xã hội mà là đạo tâm nhơn ái, thiện lành không sát hại*”.

Trong bài kệ *Giới sát*, Ni trưởng Đệ nhất cũng với ý này:

*Làm người là có lòng nhân,
Hãy khơi tánh Phật lần lần sáng ra.
Người cùng muôn vật một nhà,
Ta là anh chị, chúng là đàn em.*

(Ni trưởng Huỳnh Liên - *Giới Sát*)

Nếu ta nói rằng vật dưỡng nhân là một quan niệm sai lầm, do sự ích kỷ và ngạo mạn mà sanh ra, quan niệm ấy dung túng cho con người thẳng tay

giết hại sinh vật tạo ra hình trạng bất bình đẳng và dẫn đến chiến tranh chết chóc. Hơn nữa, đã là loài hữu tình thì ai cũng biết đau đớn buồn khổ và ham sống sợ chết, vậy có sao ta lại gây đau khổ cho nó chỉ vì miếng ăn ngon khoái khẩu của mình làm cho cả hai đều đau khổ. Đối với loài thú, khi sinh mạng bị kết liễu, làm chia lìa quyến thuộc của chúng, từ đó gây ra nỗi oán thù vô tận. Và lại Đức Phật đã dạy tất cả chúng sanh đều là cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp của mình.

Thế nên là người con Phật, chúng ta phải nhớ tạo gây nghiệp sát chắc chắn đưa ta vào con đường tội lỗi, phải gánh chịu nghiệp báo, nhân quả luân hồi trong nhiều kiếp. Từ ý nghĩa này, trong bài *Ăn Chay*, Tổ đã ân cần nhắc nhở: “*Miếng ăn độc ác bất nhơn, ăn thịt chúng sanh, vô nhơn phi nhơn, có đâu là phải lẽ cho loài người, mà sao chúng ta lại không chừa bỏ? Ăn là để sống, thì ăn thiện mới sống yên, chớ ăn ác độc thì làm sao mà sống được*”. Nếu chúng ta thực hiện lời Phật, Tổ răn dạy, để tránh việc trực tiếp hay gián tiếp sát sanh tạo nên cảnh trạng thê thảm đau thương, Phật dạy pháp ăn chay để trải lòng từ bi, thương yêu tất cả mọi loài, đồng thời cũng huân tập cho chúng ta hạnh ít muốn biết đủ về cách ăn uống có lợi cho sức khỏe, tăng thêm tuổi thọ, vì thịt có rất nhiều độc tố khó tiêu, nếu chúng ta lạm dụng sẽ gây ra các bệnh tật. Như vậy, ăn chay không những tạo cho chúng ta một thân thể khỏe mạnh, còn giúp cho thân tâm ngày càng thanh tịnh, vì không có oan trái, lại trường dưỡng lòng từ. Nương theo đó các vị Tổ, Thầy đều áp dụng và răn dạy hàng đệ tử thân tâm ngày càng trong sạch và tấn hóa. Như lời dạy trong bài *Kệ Chơn Lý - Ăn chay* của Đệ nhất Ni trưởng:

*Thanh trai tịnh hạnh phước duyên lành,
Nuôi dưỡng lòng từ đức hiếu sanh.
Tha giết ngàn trùng ban đạo nghĩa,
Dạy khuyên vô lượng rải ân tình.*

Là người xuất gia hay tại gia, chúng ta luôn mong được khỏe mạnh và sống an lạc hạnh phúc. Vì vậy chúng ta nên tạo kết duyên lành bằng cách ăn chay, đó cũng là phương thức trường dưỡng lòng từ, lập đức hiếu sanh, nhờ đó trí huệ của mình cũng được phát sanh, có trí tuệ và lòng từ bi dạy đạo giúp đời tiến hóa, đó chính là con đường hạnh phúc chân thật. Thế nên tổ dạy: *Chay lạt là sự trong sạch hiền lành để trau tâm, không thể ăn sống cho mình bằng cách ác hung cấu trược được. Nên gọi rằng miếng ăn của tâm chay, hay miếng ăn chay là của tâm trong sạch hiền lành vậy. Chính nhờ giữ gìn miếng ăn có giới luật đó, mà các sư được phát định huệ, dễ dàng đạt quả yên vui.*

Tóm lại, là người xuất gia hay tại gia, chúng ta đều là đệ tử Phật. Vì vậy để nuôi dưỡng lòng từ bi thì chúng ta phải ăn chay để luôn được đi trên đại

lộ bình an, và chính nơi đó chúng ta sẽ bắt gặp mình cùng chúng sanh ở trong một đồng thể đại bi tâm, cùng tìm về bến giác của con đường giác ngộ giải thoát.

LỤC CĂN - KỆ CHƠN LÝ SỐ 3

★ Liên Thông - Bình Thuận

Lục căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Hầu hết con người ai cũng đầy đủ lục căn, trong Phật pháp có câu: “*Khó thay được làm người, khó thay nghe diệu Pháp...*”. Ý nói thân người có được cần phải hội tụ đầy đủ phước đức. Nay chúng ta đã được thân người, lại đầy đủ Lục căn. Tuy nhiên trong *Chơn Lý - Lục căn*, Tổ dạy: *Mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu cửa, cần phải rút râu vụn vặt các pháp để nuôi tâm sanh trí, tạo thành tánh vậ*. Và ở đoạn khác, Tổ dạy tiếp: “*Người ta muốn lên cao, Trời, Phật bởi đã kinh nghiệm, được học, nên xa lánh cõi người, dứt bỏ lục căn, quét sạch lục trần, tránh xa lục thức, làm Trời, Phật, vui sướng, nhẹ nhàng chắc thật*”. Thế nhưng chúng sanh cứ mãi lầm tưởng vụn vặt thế gian là chân thật, là tồn tại vĩnh hằng. Nên họ “*cố chấp mê lầm ngã mạn xung ta, cái ta tham sân si trong trần, tự cho căn là ta, hay thức là ta*”. Do vậy Tổ nói: *Người lấy ý làm chủ nên bị mắt, tai, mũi, lưỡi, thân bao vây; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nhận lấp; thấy, nghe, hửi, nếm, sờ, tưởng hành phạt. Người như một kẻ tội nonh sanh trong khám, khổ trong tù*. Từ quan điểm trên, giúp con nhớ lại ý pháp trong *Kệ Chơn Lý số 3* của Đệ nhất Ni trưởng đã ân cần sách tấn chúng Ni:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân,
Sáu căn tiếp xúc sáu trần nhiễm mê.
Giống như địch thủ gần kề,
Phải nên nhiếp phục hộ trì sáu căn.
Biết rành tập khởi căn trần,
Biết rành đoạn diệt ân cần xả ly.
Nội tâm an tịnh kịp thì,
Cuộc đời chấm dứt thị phi não phiền.*

Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) như đã nói ở trên, còn sáu trần là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu chúng ta để sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không lo thu thúc, chỉ biết đắm chấp, nhiễm ô thì liền khi ấy sáu thức sanh khởi. Chính vì thế Cố Ni trưởng đã dùng từ nhiễm mê để cảnh tỉnh. Sở dĩ nhiễm mê là do sáu trần nhiều tốt, cấu loạn còn Lục căn thì thiếu xấu, vọng động tiếp xúc với nhau, sanh ra sáu thức rồi chấp có có, mê nhiễm trong sáu thức ấy, từ đó mà sinh ra buồn, vui, mừng, giận, thương, ghét, muốn... làm khổ chúng sanh. Do vậy, Ni trưởng dạy phải luôn canh mật, nghiêm phòng bảo vệ sáu căn:

*“Giống như địch thủ gần kề,
Phải nên nhiếp phục hộ trì sáu căn”.*

Trong chuyện tích Phật giáo có câu chuyện *Rùa và Dã Can*. Nhờ Rùa biết thu thúc sáu chi của nó vào trong mai rùa cứng chắc mà thoát được sự chết. Người tu hành cũng thế phải nên nhiếp phục, hộ trì sáu căn của mình. Ví như thời đại ngày nay iphone, ipad, máy tính ra đời hàng loạt, nhiều mẫu mã sang trọng, nhiều tiện ích, nhưng vấn đề là chúng ta sử dụng chúng như thế nào, nếu cần dùng trong phương tiện học hành, tìm hiểu thông tin, tra cứu tư liệu... đó là chúng ta biết quán chiếu thấu đáo tính năng thực dụng của những dụng cụ trên, tất nhiên sử dụng như thế sẽ giúp cho chúng ta rất nhiều trong việc nghiên cứu, học hành, hiểu biết... Nhưng than ôi! Hiện nay không ít các Ni trẻ hoặc hầu hết là giới trẻ vì không biết sử dụng tính thực dụng của vật chất, xem chúng như là phương tiện hỗ trợ tích cực, lại bỏ phí thời gian vô bổ vào việc chơi game, xem phim ảnh, tin tức, facebook, zalo trên mạng làm tổn hao tiền bạc, công sức và thời gian. Thay vào lượng thời gian đó nếu giới trẻ biết nghiên cứu, làm việc, học tập, hay làm một việc hữu ích cho đời thì quý báu biết bao. Hoặc đơn giản hơn là dùng lượng thời gian chơi đùa phí hao trên để ngủ nghỉ sau thời gian làm việc vất vả, sẽ giúp ích cho sức khỏe bản thân. Do vậy, là người học Phật, đặc biệt là giới xuất gia, chúng ta nên khéo thu thúc, hộ trì lục căn, như con Rùa trong câu chuyện trên, nhờ đó mà nó bảo vệ được mạng sống. Chúng ta cũng vậy thân người khó được, lại sống trong giáo pháp Như Lai, phải luôn sống trong Chánh niệm Tỉnh giác như lời chỉ giáo của Ni trưởng:

*“Biết rành tập khởi căn trần,
Biết rành đoạn diệt ân cần xả ly.
Nội tâm an tịnh kịp thì,
Cuộc đời chấm dứt thị phi não phiền”.*

Nói khác hơn, chúng ta thường tỉnh giác hộ trì sáu căn cũng chính là phương thức thiền định. Nhờ định tỉnh biết rành nguyên nhân sanh khởi căn trần, biết rành con đường đưa đến đoạn diệt và xả ly. Con đường đó không nằm ngoài Bát Chánh Đạo hay nói rộng ra là 37 phẩm trợ đạo. Mà việc đầu tiên là cần phải có chánh kiến, nhờ chánh kiến chúng ta mới thấy rõ được sự thật của các Pháp mà không mê nhiễm, vọng động nữa.

Đức Phật vì biết căn cơ kém yếu của chúng sanh, nên ngay khi còn ở lớp thấp của giới Phật tử, Ngài đã chế giới gồm năm điều căn bản, nhằm ngăn ngừa nghiệp ác tạo kết từ thân khẩu ý:

Không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu. Ví như người Phật tử vì thèm vị ngon muốn giết gà làm thịt, nhưng vì mình đã thọ giữ giới cấm sát sanh nên không được giết, hoặc như thấy của người khởi lòng

tham. Thứ đến là khi muốn trộm cắp vật gì của ai, nhưng vì nhớ lại mình đã thọ trì giới cấm trộm cắp, nhờ đó mà hộ trì được nghiệp thân (mắt thấy muốn lấy, tay lấy) và nghiệp ý (từ mắt thấy, ý khởi sanh lấy cắp); Nếu như trong khi lấy cắp bị phát hiện, người lấy kiên quyết phủ nhận, như thế lại tạo thêm nghiệp miệng là nói dối. Qua ví dụ trên chúng ta thấy giữ giới không những giúp ta phòng hộ được sáu căn, mà còn tránh được ba nghiệp: thân, khẩu, ý không tạo tác nghiệp ác.

Như vậy, người Phật tử chỉ cần giữ gìn năm giới cấm mà hộ trì được sáu căn thanh tịnh, ba nghiệp trong sạch. Thế thì Tu sĩ chúng ta là hàng xuất gia, muốn sáu căn thanh tịnh, ba nghiệp trọn lành cần phải kết hợp với pháp hành *Bát Chánh Đạo* thì sự hộ trì Lục căn sẽ trọn vẹn. Bởi vì theo Tổ sư giải thích: *Bát chánh đạo cũng là tám con đường ngay thẳng hay tám cửa giải thoát cho chúng sinh đang ở trong rừng sâu hổ thẳm là đời. Bởi không hiểu mục đích, không thông chơn lý, chẳng rõ nhưn duyên, sau trước khó phân, chỉ quanh quẩn trong sự sống hiện tại, nên chúng sanh đã tạo ra cho mình đám rừng nguy, hổ độc. Vậy nên để Lục căn được lành tốt, chơn như, thấy Lục trần ít xấu, tịnh định, coi Lục thức là không không, không mê nhiễm chính nhờ sự giữ giới, tu tập bát chánh đạo. Bởi vì trong Chơn Lý Bát Chánh Đạo, Tổ đã tuyên bố: Tám chánh đạo như tám món thuốc hay cứu chữa. Ai tự xét mình có chứng bệnh nào thì uống thuốc này. Phép tu cũng thế: người tà ngữ lấy chánh ngữ sửa trị, người tà nghiệp lấy chánh nghiệp sửa trị... Chúng ta ai cũng có riêng một bệnh tà trong tám món tà ấy, vậy nên phải tự xét mà răn chữa thì mới mong trọn lành tốt đẹp.*

Lại nữa, trong *Chơn Lý Lục Căn* Tổ cho rằng, để an vui giải thoát, Tổ khuyên hãy quan sát sự việc người học trò học hành: *“Kìa ai học giỏi rất yên, kẻ thi đậu thì vui; trái lại lục trần là địa ngục, sẽ chôn lấp nhận đê, kẻ đang bị lục dục lôi cuốn, bắt đem nạp để hành hình, lục thức đau khổ sẽ chết đi, khó mà sống lại, rất đáng tiếc”*. (*Chơn Lý - Lục căn* trang 46)

Còn người học giỏi thi đậu là người đã phòng hộ được Lục căn, là kẻ không còn bị lục dục lôi cuốn nữa. Vậy chúng ta phải cố gắng giữ cho được lục căn thanh tịnh, nhờ đó mà lục thức sáng suốt yên vui mà tấn hóa lên hàng trời Phật.

Tóm lại, thuyết Lục căn rất cần cho sự hiểu biết của chúng ta trên đường tu tập, vì sau khi hiểu biết ta mới tu tập đúng theo Chơn Lý, lối tu rất tự nhiên, có thể cải thiện cho đời sống của chúng ta nếu chúng ta nhận ra đời sống còn ít nhiều khuyết điểm. Để khi giác ngộ rồi, con người tìm ra lẽ sống an vui, không còn khổ não với sự vọng, lầm, chấp lấy cõi đời là thật, thân ta là thật. Ai mà sống đúng *Chơn Lý Lục Căn* như Tổ và Ni trưởng đã dạy thì sẽ trọn vui, trọn sống và sẽ hướng đến Niết bàn trong một kiếp này.

KỆ CHƠN LÝ - GIỚI PHẬT TỬ

★ Liên Liêm - TX. Ngọc An

Đức Phật có dạy: Giới luật còn thì đạo Phật còn, giới luật mất thì đạo Phật mất, cho nên giới luật rất quan trọng đối với Giáo hội Tăng già cũng như đối với người xuất gia tìm cầu giải thoát. Vì thế trong *Tam Tạng Pháp Bảo* của Đức Phật đã tồn tại một Tạng riêng nói về Giới luật. Cũng vậy, bộ *Chân Lý* của Đức Tổ Sư gồm 69 quyển, trong đó có 9 quyển nói về Giới luật, riêng có một quyển nói về giới Phật tử, được cố Ni trưởng Đệ nhất tóm tắt lại thành bài kệ, gồm 4 câu như sau:

*Giới giữ cho thân sạch lỗi lầm,
Cho tâm như ngọc luyện dồi tâm.
Cho hoa trí tuệ tươi ngàn kiếp,
Cho quả từ bi đẹp bội phần.*

Đối với con là hàng hậu học, kiến thức nông cạn chỉ nêu lên chút cảm nghĩ của mình về bốn câu kệ của cố Ni trưởng chớ không dám phân tích, luận giải.

Như trên đã nói, đây là bài kệ do Đệ nhất Ni trưởng tóm gọn lại những tư tưởng cốt yếu trong quyển giới Phật tử, cho nên ngay ở câu đầu “*giới giữ cho thân sạch lỗi lầm*” đã nêu rõ công năng của giới là giữ cho thân, khẩu chúng ta được trong sạch.

Vậy giới là gì? Và có công năng thế nào?

Giới tiếng Phạn là Sila, Tàu dịch là thanh lương, an ổn và tịch tịnh hay còn gọi là biệt giải thoát. Vì khi ta giữ viên mãn được giới nào thì sẽ giải thoát được giới đó. Giới là răn cấm không cho người vi phạm điều ác, do vậy nghiêm trì rất ráo những giới cấm, tức tạo nền tảng của thiện Pháp. Từ ý nghĩa đó chúng ta thấy, Đức Phật chế ra những giới điều nhằm ngăn chặn ác pháp nảy sinh, đồng thời cũng giúp tăng trưởng thiện pháp. Bởi vì trong bài *Giới Phật Tử*, Tổ dạy rất rõ: “*Người phạm giới, đương đời không đặng phát tâm Bồ đề, cũng mất ngôi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, mười phát thú, mười trưởng dưỡng, mười kim cương, mười địa, tánh Phật quả nhiệm màu, thường trụ, tất cả đều mất, đọa trong 3 đường dữ, hai kiếp, ba kiếp, chẳng nghe được danh hiệu của ngôi Tam bảo*”. Qua đó có thể khẳng định, Đức Phật chế giới cũng nhằm mục đích giúp chúng sanh đoạn tận khổ đau, dứt hẳn không đọa lạc ba đường ác, là thêm thang đưa người đạt đến giác ngộ giải thoát. Cụ thể chúng ta thấy, Đức Phật đã chế ra năm giới cho Phật tử tại gia, mười giới cho Sa di, Sa di ni, 250 giới cho Tỳ kheo, 348 giới cho Tỳ kheo ni. Từ sự giữ giới trọn vẹn làm cho thân khẩu trong sạch, dứt hẳn lỗi

làm, nên đưa đến tâm được an tịnh. Nên tiếp theo đó, câu “*cho tâm như ngọc luyện dồi tâm*” nghĩa là tâm chúng ta được mài dũa bằng cách nghiêm trì giới luật, vì chỉ có giới luật là hàng rào ngăn chặn các ác Pháp, làm cho thiện Pháp phát sanh, vì tâm này vốn là “*tâm viên ý mã*”. Do đó phải nhờ giới luật buộc ràng, dồi luyện và mài dũa thì tâm mới được trong sáng thanh khiết, từ tâm thanh tịnh phát sanh trí tuệ. Vì nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ.

Như vậy luyện tâm, dồi trí xong thì hoa trí tuệ trở, nên nói “*cho hoa trí tuệ tươi ngàn kiếp*” hoa dù có đẹp thế nào đi chăng nữa thì nó cũng sẽ tàn phai theo năm tháng. Chỉ có hoa trí tuệ sẽ mãi mãi tươi đẹp trong ngàn kiếp. Vì sao? Vì trí tuệ trí tuệ làm cho con người có khả năng nhận biết và hiểu rõ chánh pháp. Hay nói cụ thể hơn nhờ có trí tuệ mới giúp chúng ta hiểu biết rõ ràng, đúng đắn, thấy như thật vạn Pháp, là khổ, vô thường và vô ngã. Hay nói cách khác nhờ có trí tuệ, chúng ta mới thấy rõ khổ, nguyên nhân đưa đến khổ, sự chấm dứt khổ, và con đường Thánh đạo tám ngành có khả năng diệt trừ mọi khổ đau. Nếu chúng ta như thật tuệ tri được như thế thì sẽ không còn lầm chấp vào các Pháp, không còn chấp ngã và ngã sở, từ đó các lậu hoặc dần dần sẽ được đoạn dứt, cho nên trong *Kinh Di Giáo* có dạy:

*Trí tuệ như lương dược,
Chữa lành bệnh hiện tiền.
Trí tuệ như búa sắc,
Đốn bỏ cây não phiền.*

Bên cạnh sự giữ giới là có lợi ích cho mỗi người, chúng ta cần phải hiểu rõ sự giữ giới cũng là cách trưởng dưỡng tâm từ bi, lòng nhân ái, vị tha dứt trừ tâm tham lam, sân giận để từ đó “*cho quả từ bi đẹp bội phần*”. Đối với người xuất gia chúng ta luôn lấy lòng từ bi, vị tha để cứu độ chúng sanh, nhưng lòng từ bi phải luôn đồng hành với trí tuệ. Vì sao? Vì chỉ có tuệ giác mới giải quyết trọn vẹn vấn đề phiền não, sanh tử, vì lẽ ấy, phương châm tu học của người con Phật luôn là: “*Duy tuệ thị nghiệp*” để đi đến con đường chân thiện mỹ. Đức Phật đã nhập diệt cách đây hơn 2500 năm, chúng ta là đệ tử Phật, thì phải thay Phật, tiếp Tổ đem chánh Pháp truyền trao khắp nơi, để cứu đời thoát khổ, giải thoát. Đó cũng là bổn phận của người tiếp nối mạng mạch Phật pháp, có thể mới thành tựu viên mãn hạnh nguyện của bậc xuất trần. Tuy nhiên muốn đạt đến cảnh giới cứu cánh ấy, chúng ta cần phải thực hành viên mãn giới, định, tuệ. Nên nói giới, định, tuệ là cốt lõi của sự nghiệp tu tập, là kiềng ba chân chắc chắn nhất của người xuất gia.

Riêng đối với thế hệ Ni trẻ chúng con, trong thời đại văn minh tiến bộ, vật chất hưng thịnh, thì hàng hậu học chúng con cần phải trì giữ giới luật tinh nghiêm hơn. Vì sao? Bởi vì dù ở thời đại nào thì giới luật cũng rất quan

trọng đối với người xuất gia. Nên trong *Kinh Hoa Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Giới là cội gốc của Bồ đề, là cửa ngõ của niết bàn, là chiếc thuyền đưa chúng sanh qua biển sanh tử, là chuỗi anh lạc để trang nghiêm tự thân”. Trong *Kinh Di Giáo* cũng dạy: “Sau khi Như Lai diệt độ, các ông phải lấy giới luật làm Thầy, cũng như Phật còn tại thế, bởi vì giới luật còn là Phật pháp còn, giới luật mất là Phật pháp mất”. Tổ sư cũng dạy: “Đạo Phật xưa nay không mới cũ”, tức là ở thời đại nào, xã hội nào nếu ai muốn tu giải thoát thì phải đi trên con đường giới, định, tuệ không có con đường nào khác, chớ Phật ba đời đều đi con đường này mà thành tựu đạo quả.

Tóm lại, để bảo hộ sự thanh tịnh trang nghiêm của Tăng đoàn, để giữ gìn bản thể của các Tỳ kheo cũng như để thiết lập một đời sống an bình cho nhân loại, đức Phật đã tuyên bày giới luật. Và như bài kệ trên Ni trưởng đã trình bày, đều khẳng định tầm quan trọng của giới luật. Vì giới luật có công năng dứt trừ nghiệp duyên, nghiệp nhân trong đường sanh tử không chỉ hiện tại mà trong tương lai, giới đều là nền tảng đưa dẫn chúng ta tiến đến cuộc sống an lạc. Cho nên là đệ tử của đức Như Lai, chúng ta phải nghiêm trì giới luật rất ráo. Đó cũng là thể hiện đúng vai trò của mình là thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh, luôn lấy trí tuệ làm sự nghiệp để chuyển hóa thân tâm, nuôi dưỡng lòng từ và đạt đến giác ngộ giải thoát. Đây cũng là ý chỉ của bài kệ mà Ni trưởng đã tóm kết con đường tu học ngắn gọn, nhưng không vượt ngoài bốn hoài của Như Lai.

CHƠN LÝ 44: TU VÀ NGHIỆP

★ Liên Trang - TX. Ngọc Phương

Trong bộ Chơn Lý của Đức Tổ Sư gồm có 60 bài. Ngài trình bày đủ những tư tưởng giáo lý vi diệu và sâu sắc trong kinh luận của chư Phật, bên cạnh đó Ngài còn đưa vào ví dụ hoặc những mẫu chuyện của chư Tổ rất thiết thực, giúp cho hành giả càng thêm thâm hiểu ý pháp của tổ muốn trình bày. Qua đó, hàng đệ tử giáo pháp Khất sĩ có thể lấy đó làm hành trang trên bước đường tu tập tìm về bảo sở. Tuy còn nhiều hành giả, vì căn cơ còn non kém, chưa thông suốt nhiều về giáo lý của Đức Tổ Sư, riêng con có lẽ nhờ phước duyên đời trước, đời nay lại có chút cơ duyên gặp được pháp bảo của Đức Tổ Sư, khiến con tỏ ngộ nhiều ý pháp, giúp con tăng tiến và vững bước hơn trên đường tu tập. Nay con xin mạo muội trình bày theo sự suy nghĩ kém cỏi của mình, qua bài Chơn Lý “*Tu Và Nghiệp*”.

Đoạn mở đầu Chơn Lý “*Tu Và Nghiệp*” của Đức Tổ Sư nói rằng: “*Đành rằng người tu là phải dứt trừ tam nghiệp của thân khẩu ý không nên tích trữ nó nữa: Nhưng đó là dứt nghiệp hiện tại và không sanh nghiệp vị lai, chớ những nghiệp quá khứ đã gieo tạo rồi thì cũng không sao tránh được sự kết quả của thiện ác khổ vui xảy đến*”. Qua đoạn Chơn Lý nói trên chúng ta thấy Đức Tổ Sư đã khẳng định, tu đời nay là để trả nghiệp xấu ác của nhiều kiếp trước chúng ta đã tạo tác quấy ác, còn hiện tại chúng ta tu là để dứt nghiệp hiện tại và vị lai, chứ nghiệp quá khứ chúng ta vẫn phải trả theo luật nhân quả đã định sẵn. Như vậy hằng ngày chúng ta thường bị nghiệp cảnh bên ngoài chi phối, khiến cho buồn vui thất thường. Nếu chúng ta đã là người học Phật, nhìn nhận sâu sắc hơn một chút sẽ thấy tất cả mọi hoàn cảnh, nghiệp duyên đều do nhân duyên nhiều đời gieo tạo mà nay chúng ta phải nhận lấy. Bởi vì trong *Kinh A Hàm*, Đức Phật đã dạy: “*Do cái này có nên cái kia có, do cái này sanh nên cái kia sanh...*”. Trong Chơn Lý *Tu và Nghiệp*, Tổ cũng dạy: “*Cõi đời có ra là do Nhơn nghiệp, cái chi mỗi chút cũng là quả báo hết, ai còn thân khẩu ý tức nghiệp Nhơn thiện ác còn gieo, thì kết quả tội phước khổ vui vốn không sai chạy*”.

Do vậy trong cuộc sống tu tập hằng ngày, khi bị những nghiệp duyên bên ngoài chi phối, khiến chúng ta không được thuận duyên trên con đường học đạo. Hoặc khi các bậc tôn túc hết lòng chỉ dạy, nhưng vì vô minh che lấp nên chúng ta không thấy được, đó là sự quan tâm, là muốn chúng ta sớm mau trưởng thành, thế nhưng chúng ta chẳng hiểu tâm ý các Ngài, lại sanh tâm buồn tủi. Do đây trong Chơn lý *Tu và Nghiệp*, Tổ đã từng bày tỏ lòng hối tiếc: “*Nào ai có ngờ đâu, chính người khổ nạn cực nhọc, vui chịu thiệt*”.

thời mãi, kẻ ấy mới ắt phải giàu to tâm trí, an lạc, vĩnh viễn sau này, đó mới gọi là phép tu vậy". Bởi thế mà chư Phật mới thấy sự vô minh của chúng sanh là chỉ ưa thích sự ngọt ngào mà không thấy được sự nguy hiểm đằng sau nên mới phải chịu đau khổ trầm luân mãi.

Vậy nên ngày nay chúng ta đã là người học Phật, cần phải lắng đọng tâm tư suy nghĩ cho thông suốt mới biết trân trọng sự giáo huấn của các bậc Tổ, Thầy. Bởi đây là lòng từ bi và sự quan tâm đích thật của các bậc Trưởng Lão, đã vì tiền đồ Phật pháp mà hết lòng chỉ dạy cho hàng hậu học. Như lời dạy của Tổ sau đây: *"Một người tu tịnh nghiệp là để trau dồi tam nghiệp thanh tịnh, để được vãng sanh Tịnh Độ, là bước qua cõi sống tinh thần, làm chủ cõi lý trí, dứt bỏ sanh tử luân hồi, để làm bậc giác ngộ, sống bằng giác ngộ, ở trong sự giác ngộ thanh tịnh, lấy lực độ vạn hạnh làm gốc chân mặt đất, chỗ ở của tâm cũng y như thế"*. Bên cạnh đó, Quý Ngài còn luôn sách tấn chúng ta trong từng cử chỉ oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm... mỗi việc làm, mỗi cử chỉ đều được Quý Ngài quan tâm chỉ dạy. Thế nên chúng ta phải biết trân trọng lấy những lời quý báu đó làm pháp bảo cho tự thân, chớ nên vì bản ngã rom rác này mà sanh tâm buồn phiền thì thật không đáng với tiếng người tu. Chúng ta nên nghĩ rằng: Người được sự quan tâm nên mới ân cần chỉ dạy, còn người không được chỉ dạy mới là không có sự quan tâm, việc ấy mới thật đáng buồn.

Khi nói đến nghiệp duyên của mỗi người, cho dù sang hèn, đẹp xấu đều không tránh khỏi nghiệp quá khứ gây tạo. Ý nói, cõi đời có ra là do nhơn nghiệp, tức phải có nghiệp thiện ác nếu không nghiệp thì sẽ không thân. Điều quan trọng ở đây là chúng ta cần phải biết dừng nghiệp, dùng chánh pháp xây dựng ngôi nhà Lạc cảnh an vui giải thoát và quay trở về sống với bản tánh chơn như. Như lời dạy của Ni trưởng Đệ nhất:

*Nghiệp tồn, duyên kết, kiếp sanh thân,
Tội mới vay thêm đạm nợ nần.
Chánh pháp dựng xây toà Lạc cảnh,
Giác tâm thanh thoát cõi siêu trần.*

(Kệ Chơn Lý - Nguồn Đạo Lý)

Cho nên trong Kinh Đức Phật có nói đến hai hạng người đáng quý, đó là hạng người không tạo tội lỗi, và hạng người đã tạo tội rồi biết ăn năn sửa lỗi. Đây là hai hạng người mà Đức Phật tán dương công hạnh. Bên cạnh đó, chúng ta kết hợp với đoạn Chơn Lý trên của Đức Tổ Sư là muốn chúng ta đã là người học Phật rồi phải dứt bỏ tham sân si quấy ác trong tâm nên học hạnh của Chư Phật, Chư Tổ thì mới mong dứt nghiệp đặng.

Vậy hành giả muốn tam nghiệp được trong sạch thanh tịnh cần phải lấy giới luật của Chư Phật, Chư Tổ làm nấc thang cho bước đường tu đạo được

bền vững. Bởi giới luật là thuyền bè cho hành giả qua sông, cũng là chiếc áo giáp bảo vệ cho hành giả ra chiến trận của sanh tử luân hồi. Nếu chúng ta thực hành như lời của Đức Tổ Sư đã dạy: *Giới như mặt đất - Định như cây trên đất - Tuệ như hoa trái vậy*. Như thế, khi chúng ta đặt niềm tin vào Phật pháp điều ấy có nghĩa rằng chúng ta thật sự hiểu được những lời dạy của Đức Phật, lấy pháp là chỗ nương tựa cho chính mình. Hay nói cách khác, việc nghiên cứu tu học và hành trì giáo lý Giới, Định, Tuệ là một việc làm thiết yếu và chân chính đối với mọi người con Phật. Khi chúng ta hiểu đúng, biết đúng và hành trì đúng theo con đường của Chư Phật, Chư Tổ đã dạy như vậy, chúng ta sẽ đạt được Niết Bàn yên vui. Ngoài ra, Đức Tổ Sư cũng dạy rằng: *“Người xuất gia tu học cần cầu giải thoát sanh tử, phải nỗ lực hành trì giới luật cho nghiêm mật, để đoạn trừ các nghiệp xấu ác trong tâm không còn các lậu hoặc”*. Cũng như trong *Chơn Lý Tu Và Nghiệp* của Đức Tổ Sư nói rằng: *“Sự thật ít ai giác ngộ lẽ ấy. Kìa như những người tu, họ thường bảo với nhau rằng nghiệp quả đối với người định tâm giải thoát là phải dồn đến mau lẹ và nhiều hơn kẻ thế, nhưng rồi thì sẽ mau hết sớm, đỡ bớt vốn lời, có như thế mới mong sang qua ở được nơi bên kia xứ Phật”*.

Hoặc ở đoạn dưới, Tổ đã khẳng định rằng: *“Họ như người liều mạng xác thân để theo đuổi mục đích giải thoát. Vì thế mà họ càng được yên vui tốt đẹp thêm lên mãi về đức tánh thiện lành, trong sạch và giải thoát... trau dồi công đức cho tâm, để rửa sạch vết lem nơi lòng họ, để diệt tham sân si vọng động trong đức tánh của họ; tức là họ sẽ được tròn trịa trong sạch, là quả giải thoát A La Hán, đó mới thật gọi là Tu”*. Thông qua hai đoạn Chơn Lý trên, Tổ dạy người xuất gia học đạo lấy chơn như làm tâm, để nuôi dưỡng đức tin mỗi ngày thêm bền vững, bởi đức tin là mẹ đẻ sanh ra các công đức. Hơn nữa, là hàng xuất gia cần cầu giải thoát, chúng ta phải nỗ lực tinh tấn tu tập và làm tăng trưởng các điều thiện lành, để đoạn trừ các việc xấu ác đã ẩn sâu trong A Lại Da Thức của mỗi chúng ta trong nhiều đời trước. Bởi tam độc tham, sân, si trong tâm tánh của chúng ta ví như loại nọc độc của rắn có thể phun ra bất cứ lúc nào, nếu chúng ta không trang bị chánh kiến để thấu suốt vạn pháp trong thế gian đều vô thường. Tuy nhiên muốn diệt trừ nọc độc này, thì phải đầy đủ đức tin kết hợp tâm từ bi ban rải khắp muôn nơi. Cho dù là cảnh hợp ý hay nghịch lòng chúng ta đều hoan hỷ đồng sự với họ để hóa độ, cứu giúp mọi người cùng thoát khỏi khổ đau.

Đức Tổ Sư dạy trên đường tu tập, ai ai cũng phải chọn lấy một đề mục để làm tâm, đối với người hay làm quấy ác thì họ lấy tham sân si làm tâm. Người thiện lành thì họ lấy từ bi làm tâm, người hay tư duy họ lấy chánh kiến làm tâm... Còn chúng ta là người xuất gia học đạo cần cầu giải thoát, biết rõ cuộc đời là khổ, vô thường, không thật thì phải nỗ lực tu tập Giới Định Tuệ. Bởi trong Kinh dạy rằng: *“Giới năng sinh Định, Định năng phát*

Tuệ”. Khi gặp việc trái ý nghịch lòng chúng ta nên lấy chánh kiến làm tâm, lấy tâm trong sạch chơn như này để đoạn trừ. Một khi đoạn trừ rồi, bằng sự tư duy sáng suốt hiểu biết vạn pháp đều vô thường, tất cả do nhân duyên hòa hợp mà có, nhận rõ mỗi chúng sanh đều là quyền thuộc của chúng ta trong nhiều kiếp, như bài thơ sau đây miêu tả:

*“Trăm năm trước thì ta chưa gặp,
Trăm năm sau biết gặp lại không.
Cuộc đời sắc sắc, không không,
Thôi thì hãy sống hết lòng với nhau”.*

Trong Kinh Đức Phật dạy rằng: *Con người sống ở đời, dù xuất gia hay tại gia đều lấy đức tin và tình thương làm nền tảng cho sự sống*. Hay nói cụ thể hơn, chúng ta đến với nhau bằng tình thương, lấy từ bi làm gia sản, lấy đức tin làm sự sống, nhờ đó mọi người biết bao dung và tha thứ lẫn nhau, như thế thì xã hội sẽ được yên vui. Chúng ta biết, vạn pháp trong vũ trụ, kể cả con người đều vay mượn của nhau mà sống, để nuôi thân tâm cho trong sạch. Người thì vay mượn vật thực để nuôi thân tu học. Kẻ thì xin pháp lý của chư Phật để nuôi trí. Hoặc nói về thế gian, sự hiểu biết của mọi người được vay mượn để đối nhân xử thế, khiến cho cuộc sống trong xã hội ngày càng thiện lành, làm cho đẹp đạo tốt đời. Vậy chúng ta là người học đạo muốn bỏ phàm thành thánh cần phải trau tâm, sửa tánh dứt hẳn tham sân si quấy ác trong tâm cho được thanh tịnh. Theo Phật giáo Nghiệp là động lực chi phối đời sống của con người, từ đời trước cho tới đời nay và mãi về sau. Tuy nhiên nếu chúng ta biết cách tu tập đoạn trừ các Nghiệp xấu ác trong hiện tại, có thể thì nghiệp vị lai sẽ dứt hết. Như trong *Chơn lý “Tu Và Nghiệp”* của Đức Tổ Sư dạy rằng: *“Kìa như khi xưa có vị A La Hán mà khi chết còn bị chúng cắt đầu, Ông (Tổ) Huệ Năng còn bị người cướp mả. Lắm người tu đói khát bần cùng, bị sỉ mạ, bắt bớ, khiến sai đủ thứ... Đó tức là nghiệp quả cộng dồn, trả nhiều là mau hết nợ đã vay, ấy tức là sự phải hay lắm. Người chơn tu ai ai cũng muốn như vậy, bởi thân tứ đại mượn vay này, bợ chứa biết bao nhiêu tội lỗi lâu đời, nếu không trả xong thì đâuặng yên tâm Niết Bàn nghỉ khỏe”.*

Từ ý này, Ni trưởng Đệ nhất cũng dạy chúng ta:

*Muốn đi xứ khác ở lâu ngày,
Nợ cũ đòi liền kéo mạnh tay.
Hành động lâu ngày lành hoặc ác,
Nghiệp duyên nhiều kiếp trả rồi vay.*

(Kệ Chơn Lý -Tu và Nghiệp)

Tóm lại, bộ Chơn Lý mà Đức Tổ Sư để lại đã hàm chứa toàn bộ tông

chỉ cho chúng ta tu hành. Muốn thoát khổ, được vui, nghiệp sạch, tâm tịnh, giải thoát an vui. Chúng ta người con Khất sĩ chỉ cần thừa tự ý pháp của tổ để ứng dụng trong đời sống tu hành. Như khi xưa Đức Phật dạy chư đệ tử: *Hãy thừa tự pháp bảo, hơn là thừa tự tài sản*. Đối với người học Phật, pháp bảo chính là nguồn tài sản cao quý vô giá hơn hết, chẳng vật gì sánh bằng. Vậy nên chúng ta là người học Phật cần phải nỗ lực tinh tấn bằng tâm đồng mãnh với chí nguyện tha thiết cần cầu học đạo. Để không phụ công ơn Thầy Tổ dày công lao khổ xây dựng đạo pháp, còn để lại cho hàng hậu học chúng ta một gia tài pháp bảo. Nay chỉ cần sống đúng với tinh thần:

*“Nên tập sống chung tu học,
Cái sống là phải sống chung,
Cái biết là phải học chung,
Cái linh là phải tu chung”.*

HẠNH PHÚC VÀ ĐAU KHỔ

Sự sống đến với chúng ta là một điều may mắn. Có được thân người, chúng ta càng thấy may mắn nhiều hơn, và càng hạnh phúc hơn khi được làm đệ tử của Phật, dù là hàng xuất gia hay tại gia. Đức Phật thị hiện ra đời với bức thông điệp “*Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến*”, với mong muốn dẫn dắt chúng sanh thấy được tự tánh chơn như nơi bản tâm, và Đức Phật cũng đã khẳng định rằng: “*Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành*”. Chính nhận định ấy giúp chúng ta biết rằng chúng ta rồi cũng sẽ thành Phật. Vậy làm thế nào để đến cõi Niết bàn?

Do vô minh che lấp nên con người cứ mãi trôi hụp trong biển luân hồi. Những khát vọng, những si mê, những ưa thích việc thế gian như lãng xăng tạo lập bám víu hay lo sợ gìn giữ tiền của, vật chất, chạy theo các dục lạc thế gian, tranh giành mong muốn chức tước, địa vị, thích ăn uống tiệc tùng ngủ nghỉ, gọi chung là ngũ dục hồng trần đã làm cho chúng sanh ngày một lạc bước, ngày một rời xa bản thể của mình. Ngũ dục dẫn dắt, dòng đời cuốn trôi, ái dục buộc ràng đã đưa chúng sanh tìm về muôn vàn nẻo khổ. Đệ nhất Cố Ni trưởng trong bài “*Thân*” đã dạy rằng:

*“Dem thân làm kẻ tội đày,
Cho bao vật chất nó cai trị mình.
Để tâm làm vật hy sinh,
Suốt đời theo lệnh dục tình dắt lôi”.*

Thật vậy, cả thân và tâm của chúng sanh bị những dục vọng kéo lôi, bị cái cầu vòng nhiều màu sắc mê hoặc và quyến rũ, bị hoa mắt, bị mê mờ nên đã không nhận ra được đâu là màu sắc thật sự của khổ đau.

Vạn vật vô thường, cảnh vô thường và tâm vô thường, cuộc đời là phù du, giả tạm. Vậy trong cái vô thường ấy, thế nào gọi là hạnh phúc và đau khổ? Phải chăng hạnh phúc chính là có được những điều mà mình mong muốn, có được một gia đình êm ấm, vợ chồng con cái vui vẻ thuận hòa, công danh sự nghiệp sáng lạng, hình tướng xinh đẹp giàu có? Vâng, đó chính là hạnh phúc, nhưng cái hạnh phúc đó nó có hằng bền và vĩnh cửu hay không? Nếu chúng ta tin vào sự vô thường của vạn vật thì đến một ngày nào đó, những người thương yêu của chúng ta rồi cũng sẽ chết vì có ai sống được đến ngàn năm?

Đúng như:

*“Muôn pháp không thường còn,
Người sanh ắt có diệt,*

Sanh tử như thủy triều

Diệt tận chân phúc hiện...” (Kinh Vãng Sanh)

Đức Tổ sư đã khẳng định vạn pháp là vô thường, khẳng định sự sống chết của con người, giống như nước thủy triều lên xuống hằng ngày. Đó đã là quy luật, một quy luật chi phối tất cả vạn pháp hữu vi, xưa cũng như nay và ngàn sau vẫn thế. Vậy thì có phải khi vô thường sanh tử đến, chúng ta rất đau khổ khi phải vĩnh biệt người mình thương yêu, và phải chăng đó chính là hạnh phúc mà chúng ta tìm cầu, cái hạnh phúc mong manh và tạm bợ? Không! Cái hạnh phúc mà chúng ta cần tìm đó là cái hạnh phúc lâu dài và vững chắc. Hạnh phúc mà đưa chúng ta tiến đến sự an vui cả thân và tâm. Chúng ta hạnh phúc chỉ khi nào tâm không đắm nhiễm, không dính mắc, không khổ đau. Chúng ta khổ đau là do chúng ta chấp vô thường là thường, và lầm nhận thường là vô thường. Chúng ta tìm cầu nó với sự u mê và khi điều bất toại ý xảy ra thì khổ là điều chắc chắn.

Ai cũng muốn sống hoài không chết, nhưng có ai sống đến ngàn năm? Ai cũng muốn giàu có xinh đẹp, nhưng mấy ai muốn là được. Tất cả đều muốn, nhưng mấy ai sở ý sở cầu được thành tựu? Chúng sanh luôn “*Muốn, muốn, muốn...*” để rồi phải “*khổ, khổ, khổ...*”. Tâm chấp thủ vào cái tôi, cái ái, chấp vào cái tham, nên cứ mãi lẩn quẩn không ra khỏi được vòng lao khổ. Cái áo mới mặc rồi cũng cũ, chiếc xe mới đi hoài rồi cũng hư, con người sống rồi cũng đến lúc chết. Vậy có cái gì là trường tồn đâu? Tại sao ta không thay chữ “*Muốn, muốn, muốn...*” thành chữ “*Buông, buông, buông...*” và chữ “*khổ, khổ, khổ...*” thành “*an, an, an...*”. Tâm chúng sanh vô hình vô tướng nhưng cũng không phải là cái túi chứa hết tất cả sự tham muốn, sân giận, ganh ghét, và vô số các phiền não. Mang những thứ ấy vào tâm chẳng khác nào chúng ta đang tự bỏ lên mình một tảng đá lớn và tảng đá này đang chìm chúng ta xuống sâu biển luân hồi sanh tử. Đệ nhất Cố Ni trưởng có dạy rằng:

“Do tâm ý tạo ra nghiệp cảnh,

Cho thân hình chịu lãnh đau thương”.

(Kinh Tam Bảo - Câu Siêu)

Thật vậy, nếu chúng ta cứ chấp chặt vào tâm những điều bất toại ý thì cũng ví như khi đói thì ăn, nhưng ăn quá no sẽ bị khó tiêu, nặng bụng, gây khó chịu vậy. Có những điều chúng ta tìm cầu quá cao, mong cầu hạnh phúc quá nhiều, nhưng điều chúng ta đạt được lại là sự an ủi, là hạnh phúc ngắn ngủi trong đau khổ lâu dài. Vậy tại sao chúng ta không dùng biện pháp hoán đổi, hạnh phúc không tự mất đi, mà nó chỉ chuyển hóa từ hạnh phúc tạm bợ qua hạnh phúc lâu dài bằng cánh trau giồi một đời sống tâm linh. Biết tầm mình trong dòng sữa pháp, biết kính tin Tam bảo, tin luật nhân quả,

sống một đời sống thiện lành và tri túc, biết bố thí cúng dường, và nhất là biết dùng chân để nhìn lại trong chánh niệm tỉnh giác thì đó chính là cõi Niết bàn tại thế gian. Niết bàn chính là nơi tự tâm, Phật tánh nơi tự tâm. Cố Ni trưởng đã nhắc rằng:

*“Muốn ra khỏi biển luân hồi,
Quả kia phải hái cho rồi đừng gieo.
Dùng chân là bóng chẳng theo,
Nhơn tay thì nghiệp chẳng theo bên mình”.* (Giới Sát)

Tâm làm chủ tất cả vạn pháp, hạnh phúc hay khổ đau là do sự tu tập, luyện tâm của mỗi cá nhân. Sống tri túc và không mong cầu, tâm sẽ trở nên hoan hỷ và an lạc, thông dong như gió thoảng trên không gian và chẳng có vật chi ràng buộc nó. Đó chính là cõi Niết bàn tại thế gian.

Cuộc sống cứ mỗi ngày trôi qua, con người cứ thế mà bị cuốn trôi theo những dục lạc của trần gian. Dầu biết vọng tìm là khổ nhưng ta vẫn tìm cầu cái hạnh phúc tạm bợ trong sự khổ. Dầu biết vạn vật vô thường, nhưng ta vẫn chấp là thường nên khổ cứ bủa vây. Cố Ni trưởng có dạy rằng:

*“Chơn lý đầu tiên là khổ đế,
Dầy dầy nổi khổ cõi trần gian.
Sanh già đau chết thêm phiền não,
Nước mắt nhơn sanh bốn biển tràn”.*

(Kệ trích lục - Tứ Diệu Đế)

Dù nước mắt có làm tràn biển, dù trần gian có dầy dầy những khổ đau, dù sanh lão bệnh tử có chi phối và làm khổ đau đến tột cùng thì chúng sanh do vô minh che đậy, do ái dục trói buộc vẫn cứ mãi lao vào như những con thiêu thân, cứ mãi trôi hụp trong biển luân hồi sanh tử và cứ mãi đi tìm hạnh phúc, một hạnh phúc tạm bợ, mong manh, ngắn ngủi. Ôi! Thật là:

*“Rượu đời say biết bao giờ tỉnh,
Nhưng tỉnh rồi lại vẫn cứ say”.*

Vì vậy chúng ta phải tự mình cứu mình ra khỏi biển ái mênh mông, ngập đầy đau khổ đó bằng cách vươn mình cất bước thông dong bước ra khỏi cuộc đời ô trược, nương thân vào cửa đạo ném hương vị cam lồ, sống một đời tri túc, trở thành người con gái, trưởng tử của đức Từ tôn. Có như vậy mới phải là đáng sống, đáng tồn tại và không uổng phí kiếp làm người.

Ngày tưởng niệm 30 năm Ni trưởng vắng bóng, con xin viết đôi dòng hiểu biết của con về hai chữ “vô thường”. Con thực tập về thân, khẩu, ý được chuyên cần là nhờ được tụng những bài kệ của Ni trưởng hằng ngày. Con xin được kính dâng Ni trưởng chứng minh cho con.

TÍNH TRUỞNG PHU TRONG THƠ VĂN ĐỆ NHẤT NI TRƯỞNG

★ Liên Thông - Cần Thơ

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương”.*

Ngay từ lúc còn là Phật tử thọ trì ngũ giới cho đến nay con đã xuất gia, cứ mỗi lần đọc lời nguyện này của Đệ nhất Ni trưởng con lại có một cảm giác vừa cung kính, vừa nể trọng, vừa thương quý Ni trưởng biết bao, lời phát nguyện của một bậc trượng phu chớ không phải của một Nữ lưu thường tình.

Cách đây một năm, đủ duyên lành con được thầy cho quyển “Đóa Sen Thiêng” đây là quyển sách ghi lại toàn bộ thơ văn của Ni trưởng và tất cả những tư liệu có liên quan đến cuộc đời tu của Ngài.

Trong “Đóa Sen Thiêng” con như hình dung ra trong suốt 40 năm hành đạo của Ni trưởng là một đoạn đường dài phấn đấu, vượt qua tất cả gian nan thử thách chỉ với một chí nguyện: *“Vì đạo pháp, vì quê hương, vì dân tộc”*.

Tại Linh Bửu tự, Ni trưởng đã gặp Tôn sư, vị Thầy mà mới gặp lần đầu, uy nghi của một vị Sa môn, hạnh thanh bần của một vị Khất sĩ, nét từ bi của Tổ sư đã làm cho Ni trưởng phát tâm tôn kính. Bài pháp đầu tiên Tổ sư đã khai mở cho vị Trưởng tử Nữ ấy một con đường đi mà như đã quên từ bao giờ, bây giờ chợt nhớ lại.

Cũng bắt đầu từ đây với sức sống hoa niên, với ý chí kiên cường, với tài hoa ấy, Ni trưởng từng bước đi vững vàng trên con đường hành đạo.

*Con giác ngộ, bước ra quỳ đánh lễ,
Bạch Đức Thầy, con quyết chí xuất gia.
Nói nguyện Thầy, con dạo bước Ta Bà,
Giòng xe Pháp, đưa người qua Lạc quốc.*

(Hoài Niệm)

Thời gian đầu, mới lập đạo, bao gian nan khôn khó, làm sao đi hành đạo, làm sao đi khất thực, khi mà có quá ít người hiểu đạo, lại là người nữ, thật là trăm bề khó.

*“Là Khất sĩ bước trên đường khổ hạnh,
Mỗi ngày qua, tôi ôm bát xin ăn.
Bữa đói no, cam với phận thanh bần,
Nào có tưởng, có mong gì Tết nhứt”.* (Xuân Sa Đéc)

Quả quyết lên, đi suốt quãng đường dài, những khó khăn đó vẫn không làm nhục chí tang bồng, thực hiện hoài bão. Đôi lúc ngài lại tự giận mình là phận gái, qua bài “*Mộng Phiêu Lư*” ta thấy ý chí ấy như Cá Chép vượt vũ vưon thành Rồng vậy:

*“Cá chậu giương vây khoan tức bực,
Chim lông đóp cánh mực sâu bi.
Rồi đây đổi lột thay rồng phụng,
Mây nước biển trời mặc sức thi”.*

Trong tám năm đầu được Tô sư chỉ dạy, Ni trưởng trực tiếp lãnh đạo đoàn Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, đi khất thực gieo duyên khai mở đạo từ miền Nam đến miền Trung.

*“Đường giải thoát, gồm ba y một bát,
Đi, đi, đi học khắp bốn phương trời.
Hé túi khôn châu ngọc chứa muôn loài,
Tuỳ duyên tốt mà tuôn rơi pháp báu”.*

Và trong bài “*Vui Mà Sống*”, trong những khó khăn, Ngài luôn luôn lạc quan, lòng đầy nhiệt huyết.

*“Vưon mình lên với cánh lông đầy đủ,
Chim đại bàng vỗ cánh tung trời xanh.
Bạn lòng ơi hãy tu dưỡng lấy mình,
Vui mà sống dù đời đầy đau khổ”.*

Hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, Tô sư vắng bóng, ý chí ấy, tâm lòng bác ái ấy vẫn không lay chuyển dẫu có cơ cực trăm bề.

*“Con cơ cực một đoàn toàn trẻ dại,
Mười năm dư mòn mỏi đợi Thầy về.
Mười năm dư tai biến luống ê chê,
Vẫn một nguyện trọn bề lo báo đáp”.*

(Hoài Niệm)

Trong bài “*Ba Mươi Năm Diễn Tiến*”, những hình ảnh Ni trưởng cùng Ni chúng và phụ nữ Sài Gòn thời bấy giờ xuống đường đòi hòa bình, đi cứu trợ cho đồng bào nghèo Ni trưởng thật là một nữ lưu oai hùng. Đất nước nguy nan, thất phu hữu trách, nhưng đối với Ni trưởng:

*“Chim Linh bị nhốt trong lồng,
Đạo thiên bị nhốt trong vòng kềm gai.
Hoà bình tranh đấu cho ai,
Sư Cô tám nạn ba tai một mình”.* (Kềm Gai)

Cho dù có bao nhiêu tai nạn cũng không khuất phục được, cũng không làm cho người lùi bước, tất cả vì đạo pháp phải độ dân cứu đời. Có lúc Ngài lại quên luôn bản thân mình. Trong những ngày khốn nguy đó luôn trăn trở lo toan, làm sao để đạo đời luôn vẹn tròn, còn đời thì có đạo, có đạo thì đời bớt khổ, an vui.

*“Ta phải lấy tình thương làm cứu cánh,
Tế độ làm phương tiện để trau tâm.
Đối tượng là đau khổ của thế nhân,
Ta phải sống trong tinh thần lý tưởng”.*

(Nương Bóng Trăng)

Hay

*“Ta đã là người của chúng sanh,
Người nuôi ta để học gương lành.
Sống đây ta sống cho muôn loại,
Ta có quyền đâu sống lấy mình?”*

(Cát Ái)

Lời thơ như những lời tâm sự, con phải dừng lại để lắng lòng mình, Ôi! Ni trưởng của chúng con. Nhưng con đừng đi thực hành chí nguyện hòa đạo với đời, đâu phải chỉ vì đất nước, vì nhân dân là đã đủ, còn những gian nan thử thách khác? Có lúc Ngài cũng đau lòng vì bạn đạo nghịch ý trái lòng, nhưng bao giờ Ngài cũng nhận về mình phần khó khăn thua thiệt.

*“Tôi với bạn bỏ đời vào đạo,
Cha mẹ không con cháu thấy không.
Cùng nương nhau giữ sạch bụi hồng,
Sao bạn nữ đem lòng ác hại...”*

(Giải Nghiệp)

Có ai biết “*Nửa đêm thức giấc*” và có lúc phải tự “*Giải nghiệp*” để bớt sầu đau. Đối với Ni trưởng cái “*Ta*” không còn nữa, tất cả chỉ vì cứu khổ ban vui, vì hoài bão thiết tha. Đối với bề trên thì luôn tròn bổn phận, đối với kẻ dưới thì bác ái vị tha.

*“Khi đã mang thân một kiếp người,
Cố làm lợi ích giúp đời thôi.
Dù cho thiệt thòi đi chăng nữa,
Mình cũng đừng cho nó hẹp hòi...”*

Ý chí của Ngài kiên cường quá, tấm lòng của Ngài bác ái vị tha quá. Con như thấy Ni trưởng tồn tại trong cõi đời này là để cứu đời giúp đạo.

Và lời dạy cuối cùng trước khi viên tịch:

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.*

Đến những giờ phút cuối, Ngài cũng quan tâm đến hàng hậu bối chúng con.

Con nguyện cố gắng học theo Ni trưởng, những khó khăn, gian khổ trên đường đi mở đạo, những tai tiếng ê chề, những nghịch ý trái lòng, những oan ức... không bao giờ làm cho Bạc trượng phu ấy nản lòng nhục chí. Đó lại là chất xúc tác cho hạt giống Bồ đề thêm đâm chồi nảy lộc, như những chất đạm có từ những phân rác được ủ mục giúp cho rễ cây càng ăn sâu vào lòng đất. Ngài là bậc Bồ tát sống bình dị mà cao cả, mộc mạc mà thanh cao. Ni trưởng đã dành cả đời mình để “Phục vụ chúng sanh, thiết thực cúng dường chư Phật”.

NHỊP ĐIỀU CHO RIÊNG MÌNH

★ Liên Phát, Tịnh xá Nhật Huy

*Tôi đi bằng nhịp điệu 1 2 3 4 5,
Em đi bằng nhịp điệu 6 7 8 9 10.
Ta đi bằng nhịp điệu,
Nhịp điệu không giống nhau,
Ta đi bằng nhịp điệu,
Nhịp điệu sao khác màu.*

(Tình khúc O-Bai - Trịnh Công Sơn)

Mỗi người trong cuộc đời sẽ có những nhịp điệu cho riêng mình, không một nhịp nào, bước đi nào giống nhau. Vậy nên sẽ có những người sống thật sự có ý nghĩa cho mình, cho người, cho gia đình, xã hội và cho cuộc đời. Cũng sẽ có những Người luôn luôn mang lại phiền phức, khổ đau, oan trái cho người.

Ni trưởng đã đến cuộc đời này làm một phạm nhân như bao người khác. Nhưng nhịp điệu và bước đi của Người lại là bước đi của bậc Thánh nhân, để cứu khổ độ sanh, mang lại niềm an lạc giải thoát cho chính mình, cho mọi người và cho cuộc đời.

Nếu như tất cả nữ tu sĩ Phật Giáo nói chung trên thế giới này, đều ngược dòng quá khứ, về nơi Thành Ca Tỳ La Vệ cách đây hơn 2600 năm, để nghiêng mình đánh lễ công ơn sâu dày của Ngài Kiều Đàm Di, thì hôm nay toàn thể Ni chúng Hệ phái Khất sĩ xin thành tâm phủ phục trước di ảnh của Cố Ni trưởng Huỳnh Liên để tưởng nhớ, và tri ân công Người khơi màu huỳnh y rực rỡ cho Giáo Hội Liên Hoa xưa và nay cả trong và ngoài nước.

Lãnh thọ giới pháp từ bậc Tổ Sư Minh Đăng Quang khả kính, Người đã đồng mãnh lèo lái con thuyền Bát Nhã ra khơi nhờ nơi hạnh nguyện cao thượng của mình:

*“Con nguyện hiện thường kiếp nữ thân,
Bởi bao phụ nữ khổ trong trần.
Tiện bề thân thiện con dìu dắt,
Dầu phải cực lòng lột phụ nhân”.*

(Con Nguyện)

Mấy ai xuất gia với ý nguyện muốn làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ. Phải chăng như Ni trưởng đã nói: “Con đường giao cảm thiêng liêng giữa chúng ta do một sức mạnh nhiệm màu của tiền duyên bao đời nhiều

kiếp, khiến chúng ta người đứng kẻ lạ, khác họ, khác tên, khác xứ sở quê hương, tâm tình huyết nhục mà bỗng hội họp dưới một tàng Bồ Đề cao cả...” và người đứng vai trò quan trọng chính là Ni trưởng.

Chẳng khác một trang nam tử Người đã quyết chí dấn mình vào việc độ sanh, hoằng hóa, chiếc thuyền đã chờ che cho biết bao Ni lưu đang khát khao Chánh Pháp, giúp họ giác ngộ lìa mê.

Có nhiều người cho rằng Đạo Khất sĩ chỉ là đạo Tiểu Thừa của Thanh Văn. Nhưng nào đâu phải, Ni trưởng đến đâu đều ban rải lòng từ bi, độ lượng và tâm thương xót mọi người đến đó. Người lập Cô nhi viện với tên Nhất Chi Mai để dưỡng nuôi các em cô nhi, Ni trưởng không mong cầu các em sẽ xuất gia mà chỉ cần tất cả có đời sống an ổn được học hành đến nơi đến chốn.

Người đi đến đâu thì nơi đó trở thành đạo tràng, có rất nhiều nam nữ Phật tử thính pháp, cũng như Chư ni xin được xuất gia học đạo. Thế là người thuyền trưởng đã dong buồm ra khơi, mang màu huỳnh y đi về muôn lối.

Đời sống khất sĩ thanh bần giản dị, càng tô đậm thêm cốt cách thanh cao của Người, một Ni lưu bình dị nhưng gan dạ, dũng cảm đã mang trong mình dáng dấp của bậc xuất trần thượng sĩ:

*Chẳng cửa không nhà thân Khất sĩ,
Đói xin ăn mệt nghỉ chốn mồ hoang.
Áo ca sa vải vụn kể trăm ngàn,
Một túi vải để mang bình bát đất.*

(Nghỉ Chân Bên Nghĩa Địa)

Tưởng chừng như dòng sông mãi phẳng lặng để con thuyền xuôi theo chiều gió, nào ngờ đâu Bạc Thầy khả kính lâm nạn. Như ngọn thái sơn sụp đổ. Nhưng, ánh triêu dương lại bừng lên tiếp tục soi sáng, một nữ thuyền trưởng vãn tay lái vững vàng, bẻ quát, bẻ cạy... lèo lái con thuyền vớt bao người. *“Thuyền nhẹ lướt trên sông Tiền, sông Hậu cùng với chư Ni sư ra thẳng miền Trung nước Việt, đón đưa khách Nữ lưu sang bến giác”*.

Rồi những năm chiến tranh, giặc giã, Người cùng với chư Ni tham gia biểu tình, đòi hòa bình: *“Nhân dân đòi cơm áo, Phật Giáo đòi hòa bình”*. Người làm cả những bài thơ, ca dao đòi hòa bình độc lập và kêu gọi tinh thần chống giặc của nhân dân...

Cùng là con Rồng cháu Tiên, mang cùng dòng máu Lạc hồng, Người đã nguyện hiến dâng cuộc đời mình cho Đạo Pháp, cho quê hương đất nước. Lòng dũng cảm, chí khí hiên ngang nào khác bậc anh hùng hào kiệt.

Bên cạnh đó Người còn có biệt tài viết văn thơ khó ai có thể sánh, với

nhiều thể loại cùng những nội dung xác thực, sâu sắc dễ đi vào lòng người. Ý thơ là cái nhìn, cái thấy, cái biết, cái suy ngẫm của Bạc Giác ngộ, nhìn thấu mọi cảnh, mọi duyên, có chiều sâu về giáo lý Phật pháp mà hàng sơ cơ khó nhìn thấy tường tận.

Phải chăng sự xuất hiện của Người là để tiếp nối, truyền thừa từ vị Tỳ Kheo Ni đầu tiên Ngài Kiều Đàm Di nơi thành Ca Tỳ La. Để hôm nay không chỉ hàng Ni lưu chúng con được phủ phục trước di ảnh đê đầu đánh lễ công ơn thâm sâu của Người, mà cũng là dịp để chúng con ôn lại những dấu ấn vàng son một thời in bóng. Sự dung hợp giữa cốt cách thanh cao và phong thái giản dị, giải thoát nơi một vị Thánh Ni đã làm cho biết bao người phải nghiêng mình cúi đầu thán phục.

Hòa Thượng Thích Từ Thông đã làm hai câu đối tán dương Ni trưởng như sau:

*Chí bất khuất vì Hạnh Phúc Tự Do,
chiếc áo Khất sĩ làm vẻ vang trong Ni giới.
Nguyện kiên cường cho Hòa Bình Độc Lập,
tấm thân nữ lưu nêu gương sáng chốn Tông Lâm.*

Như một cơn gió thoảng qua làm mát lòng bao người. Ni trưởng đã đến và cũng đã khép lại nhịp điệu của mình khiến mọi người tiếc nuối nhớ thương và dường như những nhịp điệu ấy vẫn vang mãi trong lòng người con hậu thế. Bất giác cảm thấy hổ thẹn với chính mình, con tự hỏi mình đã bước đi được nhịp nào trong số những nhịp điệu nhiệm màu của Ni trưởng?

Lặng mình trong giây phút nghiêm trang này, con thâm niệm ơn vô lượng thuận nghịch nhân duyên đã đưa con đến với Đạo Phật Khất sĩ, đến với Giáo Hội Liên Hoa. Dù chỉ là hạt cát nhỏ trong sa mạc, là một giọt nước trong đại dương mênh mông, con cũng cảm thấy mình ngập tràn ân phước.

Vài dòng ngắn ngủi chẳng thể nói lên tận cùng Đạo nghiệp, đức hạnh và tâm huyết của Người. Như một bông hoa trong vườn hoa Thánh Ni nhằm tô điểm cho khu vườn thêm sinh động, như bản chất của hoa là dâng trọn sắc hương cho đời, mà không một chút đòi hỏi cuộc đời phải đáp trả lại, hương thơm ấy theo gió cuốn bay đi, lan tỏa muôn nơi, làm lòng người nhẹ nhàng, an lạc, mát mẻ và cứ thế bay đi, đi mãi....

Hôm nay nhân ngày Lễ Tưởng Niệm tròn 30 năm Ni trưởng xa cách, một chút cảm xúc trong muôn vàn xúc cảm đồng âm vang vọng. Con kính dâng lên Người cùng trên Quý Ngài lòng tri ân sâu sắc nhất, đã cho con cơ hội được tỏ bày một phần hiểu biết nhỏ nhoi của mình về cuộc đời Người, mong mỗi sẽ tìm được sự đồng cảm trong cung bậc cảm xúc dạt dào này.

NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN VỊ LÃNH ĐẠO NI GIỚI HỘ PHÁI KHẮT SĨ

★ Liên Nguyên - Tịnh xá Ngọc Vân
Định Quán, Đồng Nai

A. DẪN NHẬP:

Chư vị Bồ Tát luôn vận dụng trí tuệ vào phương tiện để hóa độ chúng sanh thì công đức mới được viên mãn. Phương tiện và mục đích của chư Bồ tát là giáo hóa con người ở cõi ngũ trược ác thế. Các Ngài sanh vào thế gian không phải vì bị nghiệp lực chi phối mà vì nguyện lực, tùy duyên hóa độ chúng sanh thoát khổ. Nếu thế gian này không có phiền não ngũ trược, thì sẽ không có các vị Bồ tát dùng phương tiện hóa độ chúng sanh. Cũng vậy, nếu hoa sen không vượt lên từ bùn nhơ thì nó sẽ không được mọi người ca ngợi là loài hoa quý. Con người cũng vậy, nếu sống trong đời mà vượt lên khỏi đời ố trược thì người ấy sẽ được mọi người tôn kính, quý trọng. Người đó chính là hiện thân của Bồ tát giữa cõi đời ố trược này. Ni trưởng Huỳnh Liên Đệ nhất Trưởng Ni giới Hộ phái Khất sĩ là một người như thế. Ni trưởng là đóa Huỳnh Liên tỏa ngát hương thơm của Ni giới Hộ phái Khất sĩ nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

Hôm nay, nhân ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của Ni trưởng, hàng hậu học chúng con xin bày tỏ đôi dòng tâm đắc về văn thơ của Người. Và con nghĩ, bài viết này chỉ góp thêm giọt nước biển trong đại dương mênh mông vậy.

B. NỘI DUNG:

I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ NI TRƯỞNG

1. Thân thế và hạnh nguyện xuất gia

Cố Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên, thế danh Nguyễn Thị Trù, sinh năm 1923 tại làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho, nay là Tỉnh Tiền Giang. Ni trưởng sanh ra trong gia đình thâm nho đạo đức, sống bằng nghề nông nhiều đời. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Vận, pháp danh Thiện Trí, thân mẫu là bà Lê Thị Thảo, xuất gia thọ giới Tỳ Kheo Ni trong Ni giới Hộ phái Khất sĩ, pháp danh là Thiện Liên.

Năm 1947, nhân Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang - vị Tổ khai sáng Hộ phái Khất sĩ, về chùa Linh Bửu, Phú Mỹ - Mỹ Tho hoằng pháp. Sau nhiều lần nghe Tổ Sư thuyết pháp, Ni trưởng đã đến xin phép Tổ Sư xuất gia.

Tổ Sư hỏi: Tín nữ xuất gia với hạnh nguyện gì?

Ni trưởng thưa: Bạch Đức Thầy, con xin xuất gia với hạnh nguyện “*làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ*”.

Đức Tổ Sư khen: Đó là hạnh nguyện của Bồ tát, chỉ có Bồ tát mới có hạnh nguyện lớn lao như vậy.

Ngày mùng 01 tháng 04 năm 1947, Ni trưởng đã được Đức Tổ Sư nhận vào hàng ngũ xuất gia với pháp danh là Huỳnh Liên, là trưởng tử Ni của Đức Tổ Sư.

Từ đó, Ni trưởng được trực tiếp học đạo, nghe pháp với Đức Tổ Sư. Sáng đi khất thực, trưa về độ ngộ, chiều nghe pháp học Chơn Lý, đêm về thiền định dưới cội cây hoặc nghỉ nơi nghĩa địa, nhà mồ của bà con Phật tử, sống nếp sống vân du, đầu đội trời chân đạp đất, không nhà không cửa.

2. Hoằng pháp độ sanh:

Với vai trò là Trưởng tử Ni và với hạnh nguyện “*làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ*”, Ni trưởng đã tiếp bước tiền nhân, theo dấu chân xưa “*Nói truyền Thích Ca chánh pháp*”. Dưới sự chỉ đạo của đức Tổ Sư, Ni trưởng đã hướng dẫn đoàn Ni giới Khất sĩ vân du hành đạo từ Nam bộ cho đến miền Trung du, đâu đâu cũng có dấu chân của những vị Ni Khất sĩ với chiếc y bá nạp, đầu trần chân không, tay mang bình bát đi khất thực mỗi buổi sáng.

Suốt 40 năm tu học và hành đạo Ni trưởng đã không ngừng thuyết pháp giảng đạo, tạo lập đạo tràng, Tịnh xá, tiếp độ chư Ni, mở lớp giáo lý dạy Ni chúng tu học, nuôi dạy trẻ mồ côi, giúp đỡ người nghèo khó, tham gia các công tác xã hội, tham gia đấu tranh bảo vệ đạo pháp dân tộc, quê hương đất nước. Thật đúng hạnh nguyện mà Ni trưởng đã phát nguyện:

Nghiêng vai gánh Đạo vào đời,

Cho đời tỏ Đạo ta người đồng tu.

Sen Gương - Ni trưởng Huỳnh Liên

Ngoài ra, Ni trưởng đã xuất khẩu thành thơ cùng chuyên dịch thành thơ những bài Kinh của Đức Phật, cho ra đời những tác phẩm văn thơ vừa giản dị, bình dân, hợp với ý đạo lòng dân, dễ đọc, dễ hiểu nhưng cũng không kém phần sâu sắc. Ni trưởng đã lấy thơ tải đạo, cảm hóa không biết bao nhiêu con tim khi có duyên đọc thơ văn của Người. Bằng nhiều hình thức, Ni trưởng đã cống hiến cả cuộc đời mình cho đạo, cho đời, cho quê hương đất nước qua con đường hoằng pháp độ sanh như chính Người đã phát nguyện:

Nguyện xin hiến trọn đời mình,

Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương.

II. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC THƠ VĂN

1. Văn tải đạo

Suốt 40 năm tu học và hành đạo Ni trưởng đã để lại cho đời một kho tàng văn thơ hiện đại nói chung và để lại cho Ni giới Khất sĩ một phương trời rộng mở và định hướng cho thế hệ mai sau tiếp nối con đường của Người.

Là thành viên của Ni giới Hệ phái Khất sĩ, con đã được Thầy Tổ nung đúc từ khi mới bước chân vào đạo. Hằng ngày con được học nằm lòng những câu chú nguyện Tỳ Ni Nhật Dụng cũng như những oai nghi, quy luật thiền môn, từ Tứ oai nghi, đi, đứng, ngồi, nằm, khi ăn, khi ngủ, tụng kinh, tụng kệ, tụng luật... Lúc đầu chỉ là học vẹt, nhưng sau nhiều lần học đi học lại con đã hiểu được rất nhiều điều qua văn thơ, kinh luật của Ni trưởng đã sáng tác. Con xin góp một phần nhỏ hiểu biết của mình, cũng ví như một giọt nước trong đại dương mênh mông của sự nghiệp sáng tác văn thơ của Ni trưởng Đệ nhất, Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

Trong kho tàng thơ của Cố Ni trưởng con tâm đắc rất nhiều điều nhưng xin được bộc bạch ra đây một ý nhỏ trong nhiều ý mà con tâm đắc. Bài thơ “*Bàn Tay Đẹp*” đã ăn sâu trong tâm trí khi con mới bước chân vào cửa Đạo. Điều mà con tâm đắc nhất trong bài thơ là:

*Không! Bàn tay đẹp là bàn tay “lao động”,
Chuyển đường gân dãn sức sống cho đời.
Hiện khắp nơi và ở khắp nơi nơi,
Như đất nước như khí trời vũ trụ.*

Bàn Tay Đẹp - Ni trưởng Huỳnh Liên

Qua bốn câu thơ, Ni Trưởng đã khẳng định: Bàn tay đẹp không phải là bàn tay trắng muốt, ngón bút măng, da trắng mịn màng, để dành ngắm, để dành mơ mộng, mà bàn tay đẹp ở đây là bàn tay “lao động”. Bàn tay ấy đem sức sống đến cho đời. Bàn tay ấy hiện khắp nơi và ở khắp nơi nơi, như đất nước như khí trời vũ trụ. Bàn tay ấy là bàn tay nông vụ, bàn tay thầy thuốc, bàn tay giáo chức, bàn tay cô đỡ, bàn tay tảo tần, bàn tay công nghệ, bàn tay từ mẫu, bàn tay chiến sĩ, bàn tay của đạo đức tình thương... Những bàn tay này hiện diện khắp mọi miền đất nước, chung sức chung lòng, tạo ra của cải vật chất chăm lo đời sống được no cơm ấm áo, góp phần xây dựng đất nước và giữ yên lành thổ đất nước, hướng con người đến Chân Thiện Mỹ.

Cũng qua những Bàn tay này, Ni trưởng muốn đề cập đến sự tương quan tương tác giữa con người với con người, chúng ta không thể sống tách rời, độc lập một mình. Chúng ta sống chung trong một xã hội, do đó cần

phải có sự trao đổi, tương duyên, tương tác, tương ái với nhau. Từ đó tạo nên một chuỗi đời sống hòa quyện với nhau, đan xen với nhau trở thành một chuỗi mắc xích dài vô tận. Đó mới là xã hội. Ví như khi ta ăn một chén cơm, uống một viên thuốc hay đọc một quyển sách, nó không đơn điệu chỉ là chén cơm, viên thuốc hay quyển sách mà nó là công sức của biết bao người đã đổ mồ hôi sôi nước mắt, trải qua biết bao công đoạn, tốn biết bao nhiêu tiền của, máy móc kỹ thuật thì mới thành phẩm cho chúng ta thụ hưởng. Đó là sự tương quan, tương duyên nhân quả đan xen lẫn nhau không thể tách rời. Đối với cuộc sống con người cũng vậy, sống cho người chính là sống cho ta, sống cho ta chính là sống cho tất cả. Vì thế, khi ta đang có mặt và tồn tại trên cuộc đời này đều phải biết ơn, nhớ ơn và đền ơn, mỗi ngày ta còn thọ lãnh sự ăn, mặc, ở, bệnh... thì ta còn mang ơn, còn giữ sự liên kết giữa ta với mọi người, mọi vật chung quanh. Cho nên ta phải cảm ơn đời, cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy, cho ta thêm nhiều điều mới để yêu thương.

Ngoài ra, Ni trưởng còn cho rằng bàn tay đẹp hay chính là bàn tay lao động hiện diện khắp muôn nơi, khắp mọi ngõ đường của đất nước, khắp năm châu bốn biển. Bàn tay ấy là bàn tay xây dựng đất nước giàu mạnh. Bàn tay ấy là bàn tay nối kết khắp bốn biển năm châu. Bàn tay ấy như khí trời vũ trụ đem đến sức sống cho con người. Bàn tay ấy là tinh thần yêu nước, lòng thương người sâu sắc, tinh thần đoàn kết, tinh thần lao động cần cù tiết kiệm, đặt lợi ích của đất nước, của nhân dân lên lợi ích cá nhân, luôn chăm lo xây dựng và bảo vệ đất nước, có ý thức giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc. Đối với mỗi người dân Việt Nam, tinh thần yêu nước, lòng tự hào với ý chí bảo vệ đất nước là nguyên tắc đạo đức, là tính nhân bản vốn có ở mỗi người.

Với bốn câu thơ của bài thơ Bàn tay đẹp, Ni trưởng đã lấy văn tải đạo, đem đạo vào đời khiến cho Đạo Đời hòa quyện. Ni trưởng đã ví bàn tay đẹp hiện diện ở khắp nơi như khí trời như vũ trụ chính là nói đến giáo lý nhân duyên của Phật giáo. Chúng là một chuỗi mắc xích hỗ trợ cho nhau, tồn tại cùng nhau. Cũng như con người trong xã hội không thể tách rời, tồn tại độc lập. Cũng như một đất nước phải được xây dựng từ sự góp sức chung lòng của mọi người dân trong nước. Một đất nước giàu mạnh không thể thiếu những bàn tay cần cù lao động, những tấm lòng yêu nước, những tinh thần đoàn kết. Đó là sự góp sức từ các nhà lãnh đạo, từ các nhà trí thức, cho đến người dân thường trong xã hội. Thậm chí đến cả sự cộng hưởng của môi trường thiên nhiên, môi trường sinh thái cho đến những giá trị đạo đức, giá trị tinh thần. Qua đó chúng ta thấy giáo lý đạo Phật không khung khổ bó hẹp trong phạm vi quan hệ giữa người với người, cá nhân với xã hội mà mối quan hệ này tỏa rộng đến thiên nhiên, môi trường sinh thái. Bảo vệ môi

trường sinh thái chính là bảo vệ chính mình và đời sống con cháu sau này. Thông qua bốn câu thơ, giá trị đạo đức đã được lan tỏa rộng khắp đến đời sống văn hóa dân tộc. Và chính giá trị đạo đức này đã thấm thấu và định hướng cho các cá nhân, xã hội thoát khỏi cái xấu, hướng đến giá trị Chân Thiện Mỹ đi vào tâm hồn người Việt.

2. Chuyển dịch các bài Kinh của Đức Phật thành các thể thơ

Những kim ngôn ngọc ngữ của Đức Phật dạy, đã được Ni trưởng chuyển thể từ âm Hán Việt sang ngôn ngữ thuần Việt, với thể thơ tự do, song thất lục bát, thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, ngũ ngôn... đã trở thành Nghi Thức Tụng Niệm hằng ngày tại các đạo tràng Tịnh xá thuộc Ni giới Khất sĩ như *Kinh Tam Bảo*, *Xưng Tụng Tam Bảo*, *Tịnh Hoa Bí Yếu*...

Trong quyển “*Tịnh Hoa Bí Yếu*” do Ni trưởng biên soạn có nhiều bài Kinh, nhiều đoạn Kinh con rất tâm đắc. Nay con xin mạo muội trình bài một ý nhỏ mà con tâm đắc trong “*Quy Sơn Cảnh Sách*” đoạn:

*“Bằng muốn học tham thiền,
Vượt qua cửa “phương tiện.
Phải tận tường tinh yếu,
Thấu rõ đạo tuyệt vời.
Quyết chọn lý thâm sâu,
Được nguồn chơn tỏ ngộ.
Rộng hỏi bậc cao đức,
Gần học bạn hiền tài.
Tông này khó được diệu huyền,
Quyết phải dụng tâm chín chắn.
Nhơn kia mau tỏ chơn chánh,
Tức là xuất thế lần hồi.
Được như thế phá tan ba cõi,
Cùng là dứt khỏi hăm lăm loài...
Các pháp trong ngoài không thiết cả,
Từ lòng biến khởi ấy giả thôi...
Tâm chẳng đem dùng toan tính vật,
Vật đâu nương cậy cản ngăn người.
Mặc dầu pháp tánh châu lưu,
Chấp có chấp không nào vướng nữa.
Tâm thường sắc thính nghe thấy,
Bên sự bên lý ứng dụng hoài”.*

Đoạn Kinh này ý muốn nói rằng người muốn học tham thiền để vượt qua cửa phương tiện phải rộng học từ các bậc Cao Tăng Thạc Đức, gần gũi bạn hiền tài đồng thời phải quyết chí dụng tâm thì mới mong đem đến kết quả tốt đẹp. Liên quan đến vấn đề phương tiện này, trong *Kinh Pháp Hoa phẩm Hóa Thành Dụ*, Đức Phật đã dùng phương tiện ba thừa là *Thanh Văn*, *Duyên Giác* và *Bồ Tát* để làm “*hóa thành dụ*” cho cho chúng sinh. Đức Phật biết căn tánh chúng sanh nhất thời không thể hiểu được Nhất thừa Phật quả, là nơi cứu cánh an lạc của Niết Bàn. Ngài dùng phương tiện thiện xảo phân Nhất thừa thành Ba thừa, với mục đích cứu độ chúng sanh ra khỏi nhà lửa Tam giới.

Trong *Kinh Pháp Hoa*, Đức Phật muốn cho chúng sanh cỗ xe lớn mạnh để đến được Bảo sở, đó là quả Như Lai nhất thiết trí, quả vị cứu cánh. Xe lớn ở đây là dụ cho lòng tin, lòng tin là mẹ sanh ra chư Phật, chư Bồ tát. Trong *Quy Sơn Cảnh Sách* đoạn này, đức Thế tôn cũng nhắc đến sự quyết tâm, sự dụng tâm, sự nỗ lực tinh cần. Chính sự dụng tâm chín chắn này sẽ giúp chúng sanh phá tan ba cõi, dứt khỏi hăm lăm loài. Điều này chính là nói những công năng tu tập sẽ tạo thành trí tuệ phá tan tất cả phiền não trần lao khiến chúng sanh thoát khỏi sanh tử luân hồi.

“*Các pháp trong ngoài không thiệt cả*”. Các pháp bên trong là: Thọ, Tưởng, Hành, Thức; các pháp bên ngoài là: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc. Khi các pháp bên trong và bên ngoài tiếp xúc tức căn và trần tiếp xúc sẽ làm phát sinh cảm thọ, bởi có cảm thọ nên mới có ái. Ái là điều kiện phát sinh thủ. Thủ có nghĩa là nắm giữ, muốn lấy làm của mình. Bởi vì chúng ta có tham dục với các đối tượng của sáu căn, nên ta muốn chiếm giữ, nắm bắt. Ta nhận chúng là mình, gắn bó với chúng. Bởi vì thủ mà ta bắt đầu tạo nghiệp, tiếp tục những hành động trong kiếp trước đã tạo nên thức tái sinh cho kiếp này. Như vậy, thọ sinh ái, ái sinh thủ, và thủ làm điều kiện cho hữu, tức là một sự hiện hữu tiếp nối, làm năng lực cho hạt giống luân hồi sai sử thức đi tái sinh cho kiếp sau. Từ những nghiệp lực được tạo nên do thủ mà có sinh. Vì sinh nên mới có bệnh tật, đau đớn; có khổ đau, có già chết. Từ sự tiếp xúc trên ta có thể kết luận: Tất cả các pháp hữu vi đều do duyên sinh, mà do duyên sinh thì nó không có thật tướng. Sự có mặt của một pháp thực ra chỉ là sự có mặt của nhơn duyên sinh ra nó. sự hoại diệt của một pháp cũng chỉ là sự hoại diệt nhơn duyên sinh ra nó. Các pháp không có thật sinh hay thật diệt. Nói một cách ngắn gọn, tất cả do duyên sinh nên vô thường, không thật tướng, không thật tướng nên nó là Vô Ngã.

“*Từ lòng biến khởi ấy giả thôi*”. Bởi vì, các pháp là do duyên sinh, nên nó vô ngã. Vì vô ngã nên nó không có thực tướng, chỉ là sự “*biến khởi*” của thức mà thôi. Không thật tướng, tức là bản thể bất sanh bất diệt, bất tăng bất giảm của vạn vật. Khi đã đạt đến mức sáng suốt triệt để, tức là Bát Nhã Ba

Ma Mật, thì phải thấy các pháp nó là không thật vậy, Không tướng tức là Chơn không, là cái Thể của vạn vật. Mà đã là Thể thì không sao có cái tướng hay Sắc được, cho dù Thể không khác Sắc. Ngay trong “*Tướng không*” không có Sắc thì làm gì có những cái tùy thuộc của Sắc là Thọ, Tướng, Hành và Thức. Khi đã đạt được đến cái Thể, là đến chỗ tuyệt đối. Do đó, khi thấy rõ cội nguồn gốc rễ của các pháp là không thật Tướng. Nắm vững sự vận hành của các pháp, thì tự chúng ta có thể phá được “*chấp có chấp không*” (chấp ngã, chấp pháp). Đó là ý nghĩa của toàn bộ đoạn văn trên.

3. Các bài kệ chú nguyện

Mục đích Đức Phật chế giới ra là giúp cho đoàn thể Tăng chúng được hòa hợp thanh tịnh, rốt ráo của giới luật là đưa người đến nơi an lạc của Niết Bàn. Từ giới mà sanh định, từ định mà tiến đến tuệ giải thoát. Như trong *Luật Ngôn* đã dạy: *Đạo Phật được bảo tồn lâu dài là nhờ giới luật, các Sư được sung bái là nhờ giới luật... Ai muốn lên cõi trên, ngay kiếp này, thì phải giữ giới cho kỹ, vì nó là chơn của mình, đưa mình đi.*

Khi mới bước vào cửa đạo, người xuất gia phải học thuộc lòng các bài kệ chú nguyện Tỳ Ni Nhật Dụng. Khi học thuộc Kệ Chú Nguyện con mới hiểu ra rằng các vị Tổ Thầy ngày xưa muốn cho đệ tử của mình khi làm bất cứ việc gì thì thân đầu tâm đó, luôn luôn thu thúc lục căn, không cho sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà sanh đắm nhiễm. Từ khi mở mắt bước xuống giường cho đến khi đi ngủ, đều gắn liền với câu chú nguyện. Bài *Kệ Xuống Giường*:

*Từ sớm về chiều đến tối tăm,
Chúng sanh tự khá giữ gìn thân.
Sa chân như rũi hình tan tác,
Cảnh Phật cầu người kiếp đến gần”.*

Kệ chú nguyện - Ni trưởng Huỳnh Liên

Bài *Kệ Súc Miệng*:

*Súc miệng lòng tịnh luôn,
Nước ngậm trăm bông thơm,
Ba nghiệp thường thanh tịnh,
Theo Phật đến Tây phương.*

Kệ chú nguyện - Ni trưởng Huỳnh Liên

Mỗi mỗi bài kệ đều dạy cho chúng ta luôn luôn thu thúc lục căn cho được thanh tịnh và tập mở tâm từ rộng lớn đến với tất cả chúng sanh. Phải biết tỉnh giác trong từng cử chỉ khi thọ dụng để tránh rơi vào si mê, lầm

lạc, cảnh khổ. Trên đường tu phải tinh tấn trì giới, bởi giới sanh định, định phát tuệ. Người tu chân thật phải luôn tỉnh giác, từ sáng sớm thức dậy bước chân ra khỏi giường, mỗi niệm mỗi bước chân phải nhiếp niệm. Người tu phải cố gắng đừng để các căn bị ảnh hưởng bởi các trần duyên bên ngoài. Người tu phải cố gắng làm cho các niệm của mình trở về với vắng lặng. Có như thế thì các duyên bên ngoài mới lần lần diệt mất. Có như thế thì mới đạt đến chỗ chân thật, tịch diệt của bản tâm hướng đến cõi an lạc Niết Bàn. đó cũng chính là chỗ diệu dụng của các bài kệ chú nguyện Tỳ Ni Nhật Dụng.

C. KẾT LUẬN

Đức Phật là bậc đã có “*giác hạnh viên mãn*”, chư Tổ nối tiếp theo Ngài là những vị đã tự mình giác ngộ và đang trên đường hoàn thiện hạnh giác tha. Chư Tăng Ni, các bậc tôn túc là những người kế thừa sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp của đức Như Lai. Công hạnh của các Ngài là bài học vô giá, là giá trị đạo đức định hướng, soi đường cho hàng hậu học chúng con noi theo.

Con thật diễm phúc khi được là thành viên của Ni giới Hệ phái Khất sĩ. Được tiếp xúc với giáo pháp Khất sĩ, hiểu biết về giáo pháp Khất sĩ qua cuộc đời, công hạnh, đạo nghiệp và thơ văn của Ni trưởng Đệ nhất con như bừng tỉnh ngộ. Ni trưởng là hiện thân của Bồ tát. Từ lúc mới xuất gia, Người đã thể hiện rõ tinh thần Bồ tát qua hạnh nguyện “*làm chiếc thuyền chở chuyên phái nữ*”. Đến khi đức Tổ Sư vắng bóng, Người đã dùng trí tuệ và đức hạnh của mình để lèo lái con thuyền Ni giới Khất sĩ vượt qua phong ba bão táp. Người đã đưa Ni giới Khất sĩ hòa nhập vào ngôi nhà Phật giáo. Người đã khiến cho Ni giới Khất sĩ có mặt khắp mọi miền đất nước như hôm nay. Người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho đạo pháp, cho quê hương, cho dân tộc. Người đã để lại cho Ni giới Khất sĩ chúng con một bài học tinh thần đáng kính. Người là niềm hãnh diện của Ni giới Khất sĩ. Người là đóa sen vàng của Ni giới Khất sĩ, là đóa Huỳnh Liên tỏa ngát hương thơm. Người thật xứng với pháp hạnh của vị Ni trưởng Đệ nhất trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ.

KỆ CHƠN LÝ-XỨ THIÊN ĐƯỜNG

★ Liên Chân - Hồng Trung Sơn

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có câu:

*“Nhược nơn dục liễu tri,
Tam thế nhứt thiết Phật.
Ứng quán pháp giới tánh,
Nhứt thiết duy tâm tạo”.*

Nghĩa là tất cả mọi việc do tâm tạo ra, tâm làm chủ. Vì vậy, nhận ra tâm mình và làm chủ tâm mình, chúng ta không còn tạo ác nghiệp, thì không còn khổ và không còn sanh tử luân hồi.

Và trong *Kinh Pháp Cú* có viết : *“Trong các pháp do tâm làm chủ, tâm dẫn đầu tạo đủ các duyên”*. Nghĩa là vạn pháp sai biệt trên thế gian này đều do tâm điều xử cả. Thế mà có mấy ai hiểu được điều này. Biển khổ trần gian cứ mãi dập dìu những mảnh đời vỡ vụn, không nhận diện được chân hạnh phúc ở đời sống hiện tại, rồi họ chỉ còn trông mong vào niềm hy vọng cuối cùng là cõi thiên đường nơi bên kia cửa tử. Cõi thiên đường có thật sự xa xăm, diệu vợi như thế chăng?

Chúng ta cùng tìm hiểu về xứ thiên đường qua bài kệ *“Xứ Thiên Đường”* được Đệ Nhất Ni trưởng phổ thơ dựa trên *Chơn Lý số 39* của Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang.

*“Tâm bình pháp giới tự nhiên bình,
Nghiệp tịnh thanh liên cảnh tịnh thanh.
Chim trời Tír đề ca giải thoát,
Gió đờn Bát chánh nhạc Vô sanh”.*

Trong Phật Giáo có mười cõi giới (pháp giới) tương ứng với mười cảnh giới của tâm gồm: Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thinh văn, Trời, Người, A tu la, Ngạ quỷ, Súc sanh, Địa ngục. Tâm con người vốn bao la rộng lớn bao trùm cả xum la vạn vật. *“Cũng tâm này Phật, cũng tâm này ma”* hay *“thiên đường địa ngục cũng tại tâm”*. Cũng là một tâm nhưng lúc là cảnh giới Phật lúc cảnh giới ma, tích tắc chỉ trong một sát na, cảnh khổ cảnh vui ngay trong một ý nghĩ. Trong *Kinh Tâm Địa Quán* Đức Phật dạy: *“Tâm tạo Chư Phật, tâm tạo chúng sanh, tâm tạo thiên đường, tâm tạo địa ngục, tâm vọng động thì muôn ngàn sai biệt, tâm bình thì thế giới thân nhiên, tâm thanh thì nhất đạo thanh tịnh, tâm hữu thì vạn cảnh tung hoành. Tự mình đập mây mà uống cam lồ hay uống máu mủ cũng tự mình gây nên, không phải Trời sanh hay đất mà có”*. Do đó ngay câu thơ đầu Đệ Nhất Ni trưởng giới thiệu cảnh

thiên đường ngay trong mỗi chúng sanh, dưới sự rọi soi của tâm bình lặng, sáng suốt, không vướng nơi nào thì cõi giới bình yên tự nhiên hé lộ. Nhưng chúng sanh ưa dính mắc với cảnh trần mà sanh ra vọng chấp. Chấp vào ta, cái của ta mà sanh ra ngã sở. Chính cái ngã này chi phối toàn bộ. Cuộc sống con người che lấp đi tâm bình an mà chúng ta không hay biết, chỉ khi nào chúng ta chịu dừng lại, lắng đọng tâm tư, quán xét nhân duyên giả hợp trên cơ cấu khung sườn thân tâm. Từ đó thấu suốt được bản chất cuộc đời Vô Thường - Khổ - Vô Ngã, đánh bật đi cội rễ tham, sân, si, chuyển hóa vô minh thành trí tuệ, khi ấy cuộc sống mới đích thực là cuộc sống Thiên Đàng, Niết Bàn sẽ tự hiển bày. Hằng ngày chúng ta nuôi lớn xác thân tứ đại này qua thức ăn của thân và tâm. Thức ăn của thân chúng ta có thể chọn lựa và tẩy trùng sạch sẽ trước khi nạp vào cơ thể, nhưng phần thức ăn thuộc về tâm chúng ta không thể lựa chọn tốt xấu. Thức ăn đưa vào có thể ô nhiễm hay trong sạch thanh tịnh cũng từ những giác quan thấy, nghe, ngửi, nếm... nhưng qua guồng máy hoạt động của tâm các giác quan ấy sẽ được nhận diện qua cánh cửa nhận biết của tâm đâu là sự khổ, rồi từ đó thiết lập quy trình diệt tận cái khổ ấy qua con đường diệt khổ bằng tám nút ấn “Bát Chánh Đạo”.

Sản phẩm cuối cùng của quá trình thanh lọc ấy chỉ còn lại thanh tịnh, Chơn Như. Tương Ứng Bộ Kinh, phẩm mới và cũ, Phần Nghiệp, Đức Phật dạy: *“Thế nào là con đường đưa đến sự đoạn diệt của các nghiệp. Đây là con đường Bát Chánh Đạo”* điểm cuối con đường ấy là cánh cửa vô sanh, cánh cửa của những người thanh lọc thân tâm, an lạc giải thoát. Ở đó có chim ca, gió đàn, tiếng nhạc nhưng tất cả chỉ hòa với một âm điệu giải thoát. Bằng chất liệu thơ ca, Đệ nhất Ni trưởng đã dùng biện pháp cách điệu nhẹ nhàng ngôn từ “Tứ Đế” và lối hành văn ví von thoát trần đã đưa những tâm hồn mỗi một tìm thấy Đạo Pháp dễ dàng.

Qua bài *Kệ Xứ Thiên Đường*, Đệ nhất Ni trưởng đã cho chúng ta thấy *Xứ Thiên Đường* luôn hiển hiện mọi nơi ngay trong kiếp sống này. Nó tượng trưng cho những điều cao thượng tốt lành, vui tươi sáng lạng, những cảnh an lạc giải thoát.

“Cõi thiên đường là cõi lòng trong sạch, cao thượng.

Cảnh thiên đường là cảnh trí rộng lớn, mát mẻ.

Xứ thiên đường là sự thông minh sáng lạng, đẹp tươi”.

(Chơn Lý - Xứ Thiên Đường, trang 517)

Thiên đường là con đường thánh thiện của loài người. Thiên đường cũng là thức trí, còn là tâm hồn, là giáo lý tốt đẹp có nơi tất cả mỗi bậc trí giả, cao thì thật cao, xa thì thật xa, nhưng những ai quyết đến thì chỉ trong nháy mắt mà thôi.

*“Cuộc giải thoát, như con thuyền rẽ nước,
Từ rạch cùng, ra sông cái mệnh mang.*

.....
*Mà đừng ngại cuộc hành trình diệu viển,
Hết nhất tâm, trong nháy mắt đến bờ”.*

(Mộng Trần - NT Huỳnh Liên)

SỢ TỘI LỖI

★ Liên Nghiêm - VL

Cuộc sống này chúng ta luôn chịu nhiều đau khổ, là do chính mình không hài lòng với những gì mình đang có, cứ mãi đi tìm điều gì đó xa vời hơn thế nữa, cứ như vậy rồi rơi vào con đường tội lỗi lúc nào không hay, khi trở quả nhận lấy mọi đau khổ, lúc bấy giờ mới than trời, trách số phận tội sao thế này, thế kia, nhưng có khi nào chúng ta lắng dịu để nhìn nhận, hiểu thật sâu, nhìn chậm lại, và chính mình nên làm thế nào để tâm mình luôn an lạc ngay trong hiện tại và vị lai.

*“Vô biên phước tội kiếp làm mê,
Trả hết, đền xong, tỏ lỗi về.
Đạo cả, đức dày, sung cội giác,
Công viên, quả mãn, đến bờ kia”.*

(Sợ Tội Lỗi - Chơn Lý - Số 36)

Chúng ta có mặt trên cõi đời này và bị trầm luân trong đau khổ là vì vô minh, tham ái, mê đắm luyến tiếc, cứ bám víu vào thân thể tạm bợ vô thường chi phối mà cho là thật có, là của ta là ta là tự ngã của ta, không nhận ra được các pháp là duyên sanh, rồi một ngày cũng sẽ hủy diệt theo thời gian bởi định luật vô thường. Vì vô minh chúng ta bị trôi lăn trong sanh tử luân hồi vô lượng kiếp, ngày nay chúng ta vẫn đang trong vòng lẩn quẩn bởi vô minh, không thấy được đâu là thiện đâu là ác, không thấy được nhân quả, thì cứ mãi trôi lăn trong đau khổ. Nếu gieo nhân tốt gặt quả thiện lành, hễ gieo nhân ác gặt quả xấu ác. Con người vì vô minh không nhận ra được đâu là đúng, đâu là sai, cái đúng cho là sai, cái sai cho là đúng, chấp thủ và đề cao bản ngã, do vậy lúc nào cũng cảm thấy nặng nề như cồng đá trên lưng làm cho con người lúc nào cũng cảm thấy mệt mỏi, bất an, đau khổ. Nhiều khi một lời nói tổn thương người khác, làm cho người khác phải đau khổ cùng tột “lời nói không là dao sao cắt lòng đau nhói” thế mà mình không nhận ra, hoặc khi biết người khác đau khổ vì lời nói của mình thì cảm thấy hài lòng, hoặc có khi nhận ra lời nói sai trái của mình nhưng vẫn cố ý tái phạm.

Khi học Phật, tin nhân quả, sợ tội lỗi, “Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả” chúng ta hãy ráng thu thúc lục căn, khi sáu căn tiếp xúc sáu trần đừng để chúng nhiễm ô, hãy làm việc thiện tránh xa điều ác, chánh niệm tỉnh giác. Khi làm một hành động xấu, ác, phải biết ăn năn sám hối, ngăn ngừa để không tái phạm. Sợ tội lỗi nên tránh xa điều ác, đoạn tận điều ác và không để điều ác phát sanh. Tuy rằng những tập quán xấu xa của con người đã tích

lũy từ quá khứ, nay khó từ bỏ ngay lập tức. Do vậy chúng ta hãy tinh tấn tu tập để đoạn trừ chúng dần dần. Hãy sống với lòng bao dung, yêu thương lẫn nhau và sợ tội lỗi. Một trái tim yêu thương chính là sự cho đi một vẻ đẹp của tâm hồn mà ai ai cũng đều mong muốn.

*“Ta đã là người của chúng sanh,
Người nuôi ta để học gương lành.
Sống đây ta sống cho muôn loại,
Ta có quyền đâu sống lấy mình?”*

(Cát Ái)

Chính vì lẽ đó, người xuất gia học Phật, lấy đạo đức làm nền tảng để noi gương cho đời. Cuộc đời còn đẹp, còn hạnh phúc, còn sự phát triển, đều nhờ vào con người biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, nương nhau để sống, mới tồn tại đến ngày hôm nay. Cho dù cuộc sống này không đủ duyên để tạo nhân lành với nhau đi chăng nữa, nhưng chỉ cần chúng ta mở rộng vòng tay thì sẽ kết thành những vòng hoa thơm dâng tặng cho đời.

Trong nhà Phật cũng vậy, chỉ có một chữ Phật thôi, tâm ai cũng nghĩ đến Phật, niệm Phật, học giáo lý của Phật, hành theo lời dạy của Phật thì sẽ được an lạc giải thoát như Ngài.

Tóm lại, chúng ta phải tin nhân quả, sợ tội lỗi, tránh xa điều xấu ác, làm các thiện lành để đem lại an lạc hạnh phúc cho mình và người.

TU TƯỞNG BÀI CHƠN LÝ SỐ 5: BÁT CHÁNH ĐẠO

★ Liên Nghĩa - Tịnh xá Ngọc Trường - Trà Vinh

Tám đường chánh đạo là “Bát chánh đạo”, hay còn gọi “Bát thánh đạo” là tám con đường chánh, đức Tổ sư Minh Đăng Quang gọi là “tám cách hành đạo, theo lẽ chánh của bậc thánh nhân”. Đây là giáo lý tự độ, độ tha hoàn hảo nhất mà đức Phật đã thân chứng. Ngài đem giáo pháp này chỉ ra cho những ai có tâm nguyện tu theo Ngài. Đức Tổ sư đã y cứ vào kinh điển triển khai giáo lý Bát chánh đạo thành pháp tu thiết thực, phù hợp với tầng ni Khất sĩ theo con đường hành trì Tứ y pháp trung đạo. Như lời Ni trưởng Đệ nhất đã dạy:

*“Tám đường chánh đạo độ trần gian,
Một nguyện thành tâm thấu Niết bàn.
Sáng suốt hành tàng thông trí huệ,
Xa rời vọng tưởng đắc tâm an”.*

(NT Huỳnh Liên - Chơn Lý số 5: Bát Chánh Đạo)

Bát chánh đạo là con đường đưa đến giác ngộ, giải thoát thông qua ba pháp tu căn bản Giới - Định - Tuệ. Tu theo Bát chánh đạo, chúng ta tự trang bị cho mình đầy đủ phạm hạnh, phát triển con đường tâm linh, tiến đến bậc thánh, đạt đến giải thoát, chứng quả Niết bàn. Vậy tám phương pháp mẫu nhiệm ấy là gì? Đó là: 1. Chánh kiến; 2. Chánh tư duy; 3. Chánh ngữ; 4. Chánh nghiệp; 5. Chánh mạng; 6. Chánh tinh tấn; 7. Chánh niệm; 8. Chánh định.

Chánh kiến là yếu tố đầu tiên căn bản nhất cần thiết cho mỗi người hành trì trên con đường tu học. Chánh kiến là sự thấy biết đúng đắn trên con đường đạo và cả trên con đường tạo nghiệp. Nếu cái thấy biết ban đầu sai lệch, nó sẽ dẫn theo hàng loạt sai lệch. Do đó, bằng sự nghiên cứu và tu tập của chính bản thân, đức Tổ sư triển khai chi phần này phù hợp với sự ứng dụng thực tế, khế cơ và khế lý, để tất cả đàn hậu học chúng ta đều được lợi ích từ pháp tu chánh kiến này.

Theo đúng tinh thần kinh điển, đức Tổ sư dạy, chánh kiến là thấy rõ sự thật của cái khổ của Tứ đế, bao gồm sự nhận thức đúng đắn từng hành động, cử chỉ của chúng ta, thấy được thế gian là vô thường, con người là giả hợp, chịu sự chi phối của sanh, già, bệnh, chết. Nhờ thấy được bản chất cuộc đời là như vậy để bỏ khổ tìm vui, xuất gia học đạo, xa lìa ngũ dục, sống đời yếm ly, nỗ lực tu tập hầu đạt đến sự an lạc. Đức Tổ sư nói những người nhìn thấy

được như vậy, có cách suy nghĩ đúng như vậy thì theo tinh thần nhà đạo gọi là có Chánh kiến.

Chánh tư duy là sự suy nghĩ một cách chơn chánh trong đời sống tu học của một người Khất sĩ. Đó là chúng ta luôn chiêm nghiệm, suy tầm chơn lý, nghiên cứu kinh điển để rút ra những cốt lõi mà phát huy trí tuệ. Thường các bậc chơn tu thường chọn nơi thanh vắng để tư duy thiền quán. Tư duy của các bậc chơn tu giúp cho những vị này phát triển định tâm mà không làm tổn thương đến người và vạn vật nên gọi là Chánh tư duy.

Chánh ngữ là lời nói thiện lành, ôn hòa hiền hậu, chân thật muốn đem lại an vui, hạnh phúc cho người. Với người xuất gia, để có thể thực hành Chánh ngữ trong cuộc sống, ta cần suy xét, cân nhắc trước khi thốt ra lời, dùng lời nói để nói chánh pháp lợi đạo ích đời, không nói lời sai lệch sự thật, lời phù phiếm, lưỡng thiệt và ác khẩu. Muốn vậy phải biết sợ quả xấu do lời nói tà ngữ gây ra. Ni trưởng cũng dạy:

*“Miệng ta là cánh hoa sen,
Một khi hé nở, một phen thơm lừng!
Tiếng ta là gió mùa xuân,
Một cơn thổi nhẹ, muôn dân mát lòng!”.*

Chánh nghiệp là hành động luôn giữ cho chơn chánh, cụ thể là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm... từ bỏ hết những việc làm phi phạm hạnh. Chánh nghiệp đối với người tu theo giáo pháp Khất sĩ là thực hành hạnh trì bình khất thực, ăn ngày một bữa trưa, nghỉ nơi lều vắng, gốc cây, thong dong nhẹ nhàng không tham chấp vào những nhu cầu về ăn, mặc, ở, bệnh theo tứ y pháp:

*“Khất thực không nài vật uống ăn,
Mặc y phần tảo hạnh thanh bản.
Tàng cây, nhà vắng, tu thiền quán,
Rễ lá sơ sài, dụng thuốc thang”.*

(NT. Huỳnh Liên - Kệ Chơn Lý số 25)

Chánh nghiệp thể hiện đời sống phạm hạnh, ít muốn biết đủ trên tinh thần của tôn chỉ “Nói truyền Thích Ca chánh pháp” của đức Tổ sư, làm sống lại hình ảnh chân chất, thanh bản của một người tu thoát tục. Người thực hành chánh nghiệp luôn ý thức rằng mọi thứ trong cuộc sống hằng ngày đều là sự vay mượn, không có cái gì là ta, là của ta. Do vậy, sống đời tri túc, lấy chánh pháp cứu độ người làm nghề nghiệp chánh đáng của người tu hạnh Khất sĩ, không làm tổn hại người và vật là sống theo Chánh nghiệp.

Chánh mạng là sống chơn chánh bằng nghề nghiệp lương thiện, không tham lam của người khác, không làm bất cứ việc gì gây ra tệ nạn xã hội,

không hại người hại mình, sống bằng tâm chơn như, luôn hướng về phụng sự đạo pháp, lợi lạc quần sanh với tinh thần của cố Ni trưởng Huỳnh Liên đã dạy:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp, cho tình quê hương.”*

Hoặc:

*“Sống đây ta sống cho muôn loại,
Ta có quyền đâu sống lấy mình?”*

Trên tinh thần sống chánh mạng, đức Tổ sư nhắc nhở chúng ta, là người xuất gia, không từ làm nuôi sống thân mình, mà phải nhờ vào sự phát tâm của đàn na tín thí, nên chúng ta cần phải nhắc nhở mình luôn nhớ ơn và báo ơn xứng đáng với tâm niệm của chúng sanh, sống cho trong sạch, chết cũng phải cho trong sạch. Đây mới được gọi là chánh mạng.

Chánh tinh tấn là pháp tu siêng năng, cố gắng, nỗ lực trong mọi sự tu tập, giữ gìn phạm hạnh trang nghiêm thanh tịnh, thường thực hành thiền quán để nhắc mình luôn làm thiện, sống thiện và xa rời ác, không nuôi dưỡng tâm ác. Người xuất gia có chánh tinh tấn luôn phát nguyện đồng mãn, luôn làm việc vì lợi ích cho chúng sanh. Chánh tinh tấn còn thể hiện ở chỗ đem sự hiểu biết, tu tập của mình để giáo hóa chúng sanh với tinh thần tự lợi, lợi tha.

Chánh niệm là lúc nào ta cũng ghi nhớ chơn chánh, luôn tưởng niệm đến Phật, pháp, tăng, tâm tâm niệm niệm về các pháp lành để ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh, không gây tạo nghiệp bất thiện. Người có chánh niệm luôn nghĩ đến điều lành, làm việc lành, nói lời lành, tránh xa các điều ác. Với những điều ác đã lỡ làm, một lòng dốc tâm sám hối, ghi nhớ trong tâm để không phạm lỗi lầm nữa. Chúng ta phải thường nghĩ nhớ đến bản chất cuộc đời là vô thường, khổ và huyễn hóa để xa lìa dục vọng và ái nhiễm. Nhờ chánh niệm, chúng ta biết nương vào cái giả để tìm cái thật. Như vậy, pháp chánh niệm luôn là phương tiện hỗ trợ chúng ta trên bước đường hoàn thiện mình trên lộ trình giải thoát.

Chánh định là con đường cuối cùng hay còn gọi là giai đoạn cuối cùng của tám con đường mà mỗi người tu chơn chánh đều phải đi qua. Nhờ sự hỗ trợ của bảy phương pháp chơn chánh trên mà chúng ta đạt được chánh định hoàn mãn. Khi có chánh định, chúng ta trở về với bản tánh chơn như, thanh tịnh của mình, diệt tận cội gốc vô minh, phiền não, lậu hoặc nhiễm ô.

Thực hành Bát chánh đạo là chúng ta thực hành đạo đế - con đường đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là mục đích của mỗi chúng ta. Do đó, Bát chánh đạo là con đường hoàn hảo, là chiếc thuyền vững chắc đưa chúng ta từ bến mê sang bờ giác, tiến vào ngôi nhà giải thoát, bất sanh, bất diệt, cứu cánh

Niết Bàn.

Bát chánh đạo là tám con đường, tám phương cách để diệt tận khổ đau, đưa chúng sanh từ bờ mê sanh tử luân hồi đến bến giác an vui, giải thoát.

Muốn thành tựu bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh an vui trong cuộc sống tại thế, chúng ta phải lập nguyện vững chắc như đức Phật thuở xưa ngồi dưới cội bồ đề suốt 49 ngày đêm với lời phát nguyện: “*Nếu không thành đạo chẳng hề dậy đi*”. Với nguyện lực vững chắc, cộng thêm sự nỗ lực, tinh tấn tu tập Bát chánh đạo, chúng ta sẽ đạt được từ bi và trí tuệ. Với bi và trí viên dung, chúng ta có thể làm lợi ích cho mình và cho người trên tinh thần tự lợi, lợi tha như các bậc Bồ tát sẵn sàng đưa chúng sanh ra khỏi biển đời sanh tử. Bát chánh đạo chính là con đường trung đạo tối thượng để hành giả thành tựu đạo quả tu tập ngay tại thế gian này, tạo dựng Niết Bàn tại thế chứ không cần tìm cầu ở kiếp sống nào khác xa xôi. Do đó, những người đang thực hành lời Phật dạy như chúng ta muốn tiến đến quả vị giải thoát giác ngộ cần phải luôn nuôi dưỡng nguyện lực của mình và không thể xa rời con đường Bát chánh đạo.

CHƠN LÝ: HỌC ĐỂ TU

★ Liên Thanh - Quận 12

Từ ngàn xưa cho đến ngày nay, bậc Thánh hiền đều lấy tâm làm gốc cho các pháp, cùng ý chí nỗ lực để vượt qua tất cả thử thách chông gai trên con đường tu tập. Nhưng chúng ta phải biết học là để làm trợ duyên cho việc tu tập chứ không phải học cho nhiều mà không tu tập thì không sao thoát khỏi sanh tử luân hồi. Vì học “*mới thông suốt được tam tạng kinh điển để rạng ngời Chánh pháp*”. “Tu” tập để sửa tâm ngụy thành tâm chơn, mà trong chơn lý của Tổ Sư được Cố Ni trưởng phổ thành thơ để nhắc nhở cho hàng hậu học biết rõ được giá trị của “*Học Để Tu*”:

*“Cửa pháp cài then thử thách người,
Kiên trì tinh tấn chí không lui.
Thức tâm vô ngã thân thông hiện,
Kiến tánh Chơn như giác ngộ rồi”.*

Thật vậy! Trên bước đường tu tập của chúng ta đầy dẫy những sự phức tạp, khổ đau thử thách chông gai, đầy khó nhọc. Muốn vượt qua chướng ngại thử thách đó hành giả phải thấu nhập pháp môn và kiên trì tinh tấn tu tập. Giáo pháp của Đức Phật dạy là để dành cho người đến, để mà nghe, thấy và hiểu. Phật dạy chúng ta phải can đảm nhìn vào sự thật vào chính tâm mình để diệt trừ tội lỗi, tâm bất thiện, tâm hư dối, khinh mạn tà kiến, hãy mau dẹp sạch những ý niệm đó ngay khỏi tâm mình và nó là duyên để tạo tội. Khi xưa, vào thời Đức Phật các chư Tỳ kheo nghe pháp thấy được điều đó là khổ, là vướng mắc, là tội lỗi. Nên các Ngài đã chứng đạt rất mau, vì các Ngài đã ngộ ra được lý vô thường, duyên khởi của các pháp, đoạn trừ được tất cả ái nhiễm tham lam, dục vọng đều được đoạn trừ sạch, công cao ngã mạn cũng được diệt luôn. Các Ngài luôn xem mình là dốt nát, thấp kém. Ví như Ngài Ca Diếp là một bậc Trưởng lão nhưng Ngài lúc nào cũng xem mình như đất, mặc dù đất là nơi người ta có thể giẫm đạp, thậm chí đổ cả những vật ô uế, dơ bẩn nhất mà đất vẫn lặng thinh chấp nhận.

Ngược lại, Ngài A Nan thì công cao ngã mạn, lúc nào cũng xem mình là thông minh, tài trí giỏi hay, học cao hiểu rộng nên sanh lòng ngạo mạn, lại thêm ý vào sự che chở của Đức Phật nên khi đi tu mà còn luyến ái, đến đời bị gái bắt, dẫn dụ nhốt giam, chỉ lo ham dạy người mà không lo tu tập, cho đến khi Phật nhập Niết Bàn thì bơ vơ tẻ lạc, đau đớn khổ sở... Khi ấy Ngài ăn năn hối quá không kịp nữa.

Chúng ta phải học tập, noi theo gương hạnh của Đại đức Ca Diếp nỗ lực tinh tấn tu tập, giữ gìn giới luật không sai phạm. Từ các hành vi cử chỉ

luôn trang nghiêm thanh tịnh, luôn nhẫn nhục, khiêm hạ, nói lời ôn hòa với mọi người trong mối quan hệ, gần gũi hay xa lìa, oán ghét, đều do nơi lời nói mà ra. Cho dù bất cứ hoàn cảnh nào thuận hay nghịch, khen chê, khổ vui, tán thán hay phỉ báng chúng ta đều phải giữ một trạng thái trầm tĩnh, biết mình biết người. Chúng ta nên biết rằng tội hay phước là do tự mình gieo tạo mà sanh ra quả báo, duy chỉ luật nhân quả mới thật sự định đoạt được nghiệp lực chính mình mà thôi. Chúng ta đã được đi học ít nhiều gì cũng hiểu được, vì thế nên ta cần phải nỗ lực tinh tấn tu học thực hành thì đắc đạo quả không sai.

Tổ dạy: *“Trong đời một kẻ nói một kẻ hành cũng như thế, hành đạo là đắc đạo chứ học đạo là chưa đắc đạo đâu. Học là để biết đường tu hành chứ không phải học là để học, học mãi cho điên, cho chán, cho chết, cho hết thời giờ tự vẫn...”* Chúng ta cứ mãi lo học mà không hành, không tu tập sẽ khiến cho con đường tu không tiến bộ. Và lúc nào ta cũng cống cao ngã mạn ý mình học giỏi, học nhiều, cái gì cũng biết, bằng nào cũng có... xem mọi người không ra gì, cho mọi người là nhỏ bé là sai trái, còn mình thì lúc nào cũng to lớn cũng hay cũng giỏi khiến dần dần mất đi phước báu, chỉ còn lại những kiến thức mà không có trí tuệ. Ngài A Nan cũng thế, do vì ý lại mình là hậu cận thân Phật, là con cháu vua, là thông minh bậc nhất, chỉ ham dạy người mà không chịu tu tập. Nên khi Ngài Ca Diếp lấy nơi trí tuệ mà hỏi một câu ông A Nan trả lời không được, chừng ấy mới biết mình là đót kém... Sau khi bị Ngài Ca Diếp đóng cửa đuổi ra ngoài không cho vào Giáo hội kiết tập kinh điển, bị sa thải nhục nhã, đau đớn, mọi người xem thường, bấy giờ ông A Nan chỉ muốn chết vô cùng đau khổ, Ngài nghĩ rằng mình không thể nào đắc nối Thánh quả thanh tịnh A La hán được. Vì Ngài ý vào Đức Phật nên không chịu học hỏi và không chịu tu thiền định nên mới khổ não đến tột cùng như vậy. Thấy rõ điều ấy là tai hại chúng ta phải cố gắng tu tập thiền định vì thiền định chính là một pháp môn tu tập giúp hành giả phát sanh trí tuệ và là món ăn tinh thần không thể thiếu của người xuất gia. Giúp hành giả chú tâm vào đối tượng duy nhất, không cho tâm tán loạn, để tâm được vắng lặng an tịnh hoàn toàn thì Phật tánh sẽ hiển bày, trí tuệ được khai mở giống như mặt hồ trong xanh, vắng lặng thì ta có thể thấy được tận đáy hồ và thấy rõ được mọi sinh vật đang sinh sống trong ấy. Chúng ta cố gắng tinh tấn tu tập sẽ vượt qua mọi thử thách chông gai. Muốn thành tựu Phật dạy *“hành giả phải tự mình thấp đuốc lên mà đi”*, đi bằng chính đôi chân của mình, bằng sự học hỏi tu tập. Vì có học hỏi mới biết, mới hiểu rõ ràng, mới vững chắc trên lộ trình đi đến kiến tánh giác ngộ được:

*“Tu có học mới rạng ngời Chánh Pháp,
Học có tu mới lợi Đạo ích Đời”.*

(Cố Ni trưởng Huỳnh Liên)

Chúng ta cứ tinh tấn tu học thật tốt sẽ được chư Phật, chư Thiên gia hộ thì con đường giải thoát cũng đang kề bên chúng ta.

Suy cho cùng người xuất gia điều cần thiết nhất là “*Học Để Tu*”, vừa học vừa tu mới trở nên người đức hạnh có đạo đức, sống an vui trong mọi hoàn cảnh, mọi thời khắc, tuy ta chưa được giải thoát, nhưng siêng năng tinh tấn tu học thật tốt, làm việc thiện lành, giúp đỡ mọi người, sống ý thức trách nhiệm, không kiêu mạn, không chạy trốn sự thật, không y vào người khác mà phải luôn tự quyết định hành động của mình, đem lợi ích đến cho mọi người xung quanh. Góp nhặt cho thật nhiều phước đức để làm tư lương trên lộ trình giải thoát, bằng một nghị lực phi thường không vương bận để vượt thoát mọi khổ ách xảy ra, hướng dẫn mọi người cùng qua khỏi bến sông mê bước lên thuyền giác. Đó chính là mục tiêu cứu cánh nhất mà mọi người xuất gia cần phải thực hiện và thành đạt.

CHƠN LÝ: VÕ TRỤ QUAN

★ Liên Nguyên

Trong thời gian Đức Tổ Sư còn tại thế Ngài đã hoằng hóa độ sanh giảng pháp ở khắp miền Nam Việt Nam. Với bốn nguyện hoằng hóa độ sanh không bờ bến, bởi tâm lòng từ ái vô biên, Tổ Sư đã tận lực hoằng hóa không một ngày dừng nghỉ, không một phút xao lãng. Những bài thuyết giảng của Ngài là một pháp bảo vô cùng quý báu với bộ Chơn Lý thể hiện tinh hoa của Phật giáo Nguyên thủy cũng như phát triển. Nhờ vậy, nguồn đạo pháp được khai mở, chẳng bao lâu mà bóng y vàng lan tỏa, Già lam Tịnh xá phủ bóng nhiều nơi. Bộ Chơn Lý này để cho dễ học, Đệ nhất Ni trưởng có tóm lược mỗi bài là một bài kệ theo thể thất ngôn tứ tuyệt. Trong bài *Võ Trụ Quan* được Đệ nhất chuyên thành thơ như sau:

*“Thăm thăm bao la khoảng đất trời,
Người hơn muôn vật giữa trần ai.
Nghệp duyên thay đổi phàm nên Thánh,
Chánh pháp truyền ban đạo cứu đời”.*

Để hiểu rõ bài kệ này, chúng ta hãy tìm hiểu Võ Trụ Quan là gì? Võ là bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc còn gọi là bốn phương tám hướng. Trụ là chỉ cho thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai. Hai chữ Võ Trụ này bao gồm tất cả sự, mọi vật, con người đều nằm ở trong đó. Võ trụ rộng lớn như vậy nên thế giới được hình thành và phát triển. Quan là quán sát, cách nhìn, xem xét. Vậy Võ trụ quan là nghiên cứu sự vô thường biến dị, sanh trụ dị diệt, thành trụ hoại không, sanh già bệnh chết và đây cũng chính là quá trình của mỗi đối tượng.

“Thăm thăm bao la khoảng đất trời”, với một câu kệ có tính chất văn học cao, Ni trưởng đã nêu lên được cái hay bao gồm tất cả trời đất, không gian, con người thật nhỏ bé trong khoảng đất trời thăm thăm bao la đó. Trong bài *“Giả chơn tịnh quán”* kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, Đức Phật dạy: *“Quán sát trời đất nhớ tưởng đến sự vô thường, quán sát thế giới cũng vô thường. Quán tánh linh và sự giác ngộ chơn tâm bản tánh của mình tức là Bồ đề. Có sự hiểu như vậy sẽ đắc đạo rất nhanh”*. Đây cũng là công phu tu tập, hiểu ngộ cuộc đời vô thường, khi vô thường đến thì chúng ta có thể đối diện với vô thường được hay không? Chúng ta phải quán nghiêm mật thì đắc quả mới nhanh, quán cái chết rồi thì không còn gì phải quuyến luyến gì hết. Thời các Ngài Độc Giác Phật giác ngộ rất dễ dàng. Các Ngài Độc Giác sanh ra thời không có Phật, nhưng các Ngài nhìn lá vàng rơi có thể chứng đạo quả. Vì trong quá khứ nhiều kiếp các Ngài cũng quán sự vô thường nên

hôm nay quán sự vô thường thấy lá vàng rơi các Ngài đắc đạo quả nhanh hơn.

“Người hơn muôn vật giữa trần ai”.

Trong lục đạo gồm có: Trời, người, A Tu La, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu đếm từ dưới thì con người đứng thứ năm. *Kinh Khóa Hư* có nói:

*“Trong tam tài con người đứng giữa,
Trong vạn vật, con người chí linh”.*

(Kinh Khóa Hư - NT Huỳnh Liên)

Muôn vật là tất cả vạn vật, vạn sự, vạn chúng sanh và Đệ nhất Ni trưởng nhân mạnh con người là hơn hết. Cõi trời quá hạnh phúc còn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh quá khổ, quá lu mờ. Súc sanh thì không thể tu được mặc dầu nó vẫn có tánh linh. Trong Kinh Phật dạy: *“Vạn vật đều bình đẳng”*, cũng trong *Kinh Khóa Hư* có câu:

*“Trần nghe Sám mà sanh lên trời,
Rồng nghe Kinh mà hiểu tới đạo”.*

(Kinh Khóa Hư - NT Huỳnh Liên)

Long nữ là rồng nghe kinh đắc đạo. Nhưng muốn thành Phật phải chuyển tướng nam tử rồi mới chứng thành Phật quả. Loài vật cũng có tánh linh nhưng trong cảnh giới của chúng là mê mờ khó có nhân duyên gặp đạo tu hành. Trong Chơn lý Đức Tổ Sư có nói thời tiền hóa đầu tiên là cỏ, cây, thú, người, trời, Phật. Ở cõi người, con người mới có điều kiện tu hành thành Phật được. Bởi thế, Đệ nhất Ni trưởng cũng có câu: *“Chơn tu thành Phật, Phật là người tu”*.

Đức Phật Thích Ca thành Phật là phải giáng sinh xuống cõi người tu mới thành Phật. Chúng ta sanh làm người giống như đất ở trong tay, còn sanh ở địa ngục giống như đất ở đại địa. Câu chuyện rùa mù một trăm năm mới nổi lên một lần là một ví dụ thể hiện làm người rất khó. Với câu của Đệ nhất Ni trưởng chuyển kệ, chúng ta nhỏ bé giữa cuộc đời vô thường, con người chính là hơn hẳn muôn vật. *Kinh Pháp Cú* có câu:

*“Toàn được khen toàn bị chê,
Xưa, sau, hiện tại chưa hề có ai”.*

(Kinh Pháp Cú - NT Huỳnh Liên)

Trong cuộc đời tu chúng ta phải tu học tinh tấn và phải tu học làm sao để thành công suốt cuộc đời trong sự an lạc.

“Nghiep duyên thay đổi phàm nên thánh”. Nhiều tôn giáo khác nói rằng mọi việc, mọi vật đều do trời sanh ra nhưng trong Phật giáo nói nghiệp do chúng ta. Đất nước Ấn Độ vào thời Đức Phật có sự phân chia giai cấp rõ

ràng, Bà la môn và Sát đế lợi được xem là những người thuộc giai cấp bề trên, còn Phê xá và Thủ đà la là hạng nông nô, nô lệ phải phục tùng, hầu hạ hai giai cấp trên. Trước sự bất công của xã hội, con người sống trong đau khổ, than oán. Đức Phật đã ra đời xóa tan sự bất bình đẳng, mở ra cho những người cùng khổ một ánh sáng mới, cuộc sống mới. Với lòng đại từ đại bi, Đức Phật đã mang đến cho muôn loài bức thông điệp bất hủ, một tình thương muôn thuở đó là: *“Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có giai cấp trong giọt nước mắt cùng mặn”*.

Thời Đức Phật, thông minh như Ngài Xá Lợi Phất, Phật cũng độ, ngu dốt như Ngài Bàn Đặc Phật cũng độ, cho đến những người làm nghề đối với thế gian cho rằng là như nhóp như kỹ nữ Liên Hoa Sắc mà Phật cũng độ. Nghiệp duyên thay đổi, con người làm chủ. Ngài cũng phá bỏ chế độ giai cấp, Ngài là một người vĩ đại đến thế, như *Kệ Trích Lục Đệ nhất Ni* trường có nói:

*“Cũng thân này tạo gây nghiệp ác,
Cũng thân này tu các hạnh lành.
Cũng thân này mê vọng chúng sanh,
Cũng thân này giác chơn thành Phật”*.

“Chánh pháp truyền ban đạo cứu đời”. Bốn phạm người con Phật đều là chánh pháp truyền ban. Đức Phật vì lòng từ bi vô lượng không từ một nhọc cứu độ chúng sanh, đưa chúng sanh từ bến mê qua bờ giải thoát. Nhiều người nghe giảng pháp tu tập theo pháp mà đã an lạc, hạnh phúc. Nhờ có tu, nhờ có pháp, học pháp mà được chứng ngộ rồi đem pháp truyền ban cho mọi người. Đối với khẩu giáo thì thuyết giảng, thân giáo giữ oai nghi, ý giáo tâm từ bi thanh tịnh hướng mọi người về đạo. Từ thân, khẩu, ý trang nghiêm thanh tịnh, thực hành đúng chánh pháp đem lại lợi ích cho tự thân và tha nhân.

Thật vậy, Đệ nhất Ni trường tóm lược ý chính trong chơn lý của Tổ Sư thành bốn câu kệ ngắn gọn có giá trị văn học và rất ý nghĩa. Vì nó bao gồm những đại ý trong chơn lý Tổ Sư, chỉ với bốn câu đã nói lên sự cấu thành của vũ trụ. Đức Tổ Sư cũng nói đầu tiên là cỏ, cây, thú, người, trời, Phật. Tu làm sao để tiến tới nẻo Phật và quán được trời đất, quán vô thường. Mỗi ngày hằng suy niệm đến sẽ tiến bộ rất nhanh trên đường đạo. Vậy nên quan trọng hơn hết là cần phải có tu, vì nhờ có tu mà chúng ta mới có thể lợi đạo ích đời:

*“Tu có học mới rạng ngời Chánh pháp,
Học có tu mới lợi Đạo, ích Đời”*.

(Ni trường Huỳnh Liên)

SÁM HỐI

★ Liên Pháp - Chùa An Ninh, Phú Yên

Mỗi người chúng ta hiện hữu trong cõi đời, đều có một nhân thân, một duyên nghiệp khác nhau, không ai giống ai, từ thân tướng đến giới tính, cá tính, biệt nghiệp, lời nói, tâm tính cho đến cảm xúc, biểu hiện.

Đó là kết quả tất yếu, từ nhiều đời, nhiều kiếp, của chính mình gây tạo và tích tụ. Đức Phật dạy tội do tâm tạo thì cũng do tâm diệt. Trong *Kệ Chơn Lý* có câu:

*“Tội khởi từ tâm sám tại tâm,
Tâm bằng diệt dứt tội tiêu trầm.
Tội tiêu tâm diệt hai đàng dứt,
Sám hối như vậy mới thật chân”.*

(Chơn Lý số 59: Sám Hối - NT Huỳnh Liên)

Ý nghĩa sám hối - sám là ăn năn lỗi trước, hối là chữa bỏ lỗi sau. Sám hối nghĩa là hối hận những lỗi lầm đã gây ra và nguyện không tái phạm nữa.

Sống trong cõi đời chung quanh ta mọi vật dường như quyến rũ tâm tham để ta sa vào vòng ham muốn, gây ra tội lỗi mà con người không cưỡng lại được. Tâm tham hiện hữu như một dòng sông vẫn đục chìm trong tội lỗi càng lúc càng sâu dày.

*Tâm nghĩ ác sanh ra sát sanh,
Tâm nghĩ tham sanh ra trộm cắp,
Tâm nghĩ tư tưởng sanh ra tà dâm,
Tâm nghĩ hành vi sanh ra vọng ngữ.*

Và sáu căn tiếp xúc sáu trần nhiễm mê, kìa như dinh thự, lầu đài, gấm vóc, tổ sa đẹp tốt, cao lương mỹ vị, bĩ bạng ngon quý.

Tất cả nguồn ấy như thúc dục, như cuốn lôi không hạn lượng của tâm người, muốn thọ hưởng và chiếm giữ cho riêng mình.

Đó là thức trí lu mờ nên tâm vọng động tham lam, không biết đầu đuôi, thiệt giả, đánh liều mặc cho cái tham thúc giục lôi kéo. Thật là thảm thương cho sự mê muội, mà trong đời từ lâu chúng sanh ngộp đắm trong lầy sâu đêm tối. Nay chúng ta có duyên lành được đến với đạo, quy y tam bảo. Đây chính là bước đột phá nơi mỗi cuộc đời của chúng ta, tìm ra lẽ sống an vui. Biết xác thân là giả hợp không còn chấp lầy cõi đời là thật, cái thân là thật. Bây giờ mới giác ngộ, mới hiểu được. Sự vui thiện nhẹ cao hơn cái vui ác là sự vui vật chất, gốc khổ sâu, tai họa và tội lỗi. Người ta phát tâm, bỏ ác, làm

lành, diệt trừ tâm ham muốn, khởi tâm từ và đồng mãn đoạn trừ nghiệp ác.
Diệt tâm ác sống trong chánh nghiệp mở lòng từ mua vật phóng sanh.
Diệt tâm tham phát tâm cúng dường bố thí.
Diệt tâm tà sống chánh trực trang nghiêm không vọng ngữ nói lời chơn
chánh thật thà.

*“Dùng chân là bóng chẳng theo,
Nhơn tay thì nghiệp chẳng đeo bên mình”.*

(Giới Sát)

Sám hối lời nói xuất phát từ trong tâm phát khởi, là một yếu tố quan trọng cho bước đường xây dựng ngôi nhà an lạc, thánh thiện, nó không những là tội lỗi được tiêu trừ, mà còn tạo nguồn an lạc, hạnh phúc vĩnh cửu.

Sám hối đạo Phật muốn chỉ cho chúng ta biết rằng, tội lỗi do chính chúng ta tạo tác thì cũng chính chúng ta phải tháo gỡ, bằng cách là phải nỗ lực tinh cần, sám hối và khắc phục ngăn ngừa tội quấy sắp phát sanh và thực hành, từ bi, bố thí nhẫn nhục, tinh tấn, trì giới, có đủ những yếu tố trên, mới gọi là xây dựng nấc thang tiến hóa của sự sám hối. Và nhờ giới luật làm nguyên tắc đạo đức mà Phật đã chế định cho đệ tử cùng Phật tử tu tập những điều lành, ngăn chừa các điều dữ.

*“Giới giữ cho thân sạch lỗi lầm,
Cho tâm như ngọc luyện dồi tâm.
Cho hoa Trí huệ tươi ngàn kiếp,
Cho quả Từ bi đẹp bội phần”.*

(NT Huỳnh Liên - Chơn Lý số 55: Giới Phật Tử)

TAM HỌC

★ Diệu Liên - Tịnh xá Ngọc Bình, Cẩm Mỹ

Bậc cổ Đức dạy:

*“Cây có cội mới tựa cành xanh ngon,
Nước có nguồn mới bủa khắp rạch sông.
Trò giác ngộ ắt nhờ công Thầy Tổ”.*

Ngày nay Ni giới Hệ phái Khất sĩ. Ni chúng, chúng con được về Tổ đình Ngọc Phương an cư kiết hạ thúc liễm thân tâm trau dồi giới giới đức, tu giới định tuệ; được bước chân vào các trường Phật học, được tham dự các Khóa tu, được đi du học... Tất cả đều do tinh thần đoàn kết, lấy phương châm phục vụ đạo pháp và dân tộc làm kim chỉ nam cho cuộc sống tu hành lúc ban đầu của Ni trường Đệ Nhất.

Trước lúc viên tịch Ni trưởng ân cần nhắc nhở Chư Ni, nỗ lực tu hành lấy giới, định, huệ làm căn bản:

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định Huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.*

Thật vậy, ngày giờ trôi qua rất nhanh. Chúng ta phải siêng năng tinh tấn cầu học giới pháp, trong lòng ghi nhớ để hành trì, không nên lần lữa qua ngày, sanh tâm khinh mạn giới, luống ra vào cửa Tịnh xá lãng phí thời gian, cuối cùng lãnh thọ quả khổ đau:

“Giới giữ sao trong sạch như xưa”: Giới là nguồn cội của Đạo Phật, giới còn thì đạo Phật vẫn còn, giới mất thì đạo Phật phải mất; giới ví như khuôn hình cái trống, để bảo thủ lấy cái tiếng đầm âm thanh tao của nó; giới ví như bầu không khí để hộ lấy sự sống của muôn loại. (Kệ Giới)

Định phải trên cơ sở “Tứ Niệm Xứ” (Bốn chỗ ghi nhớ), tinh cần chánh niệm về thân, thọ, tâm, pháp, phòng hộ sáu căn.

Người Khất sĩ chỉ có ba pháp tu học vắn tắt là: Giới, Định, Huệ. Bởi giữ giới Y Bát là giải thoát mọi điều trói buộc, phiền não ô nhiễm rồi, nên hằng được thông thả rảnh rang ở trong cái thật, cái không xao động, chỉ còn có nhập định và tham thiền, tức là vừa tìm học trong trí não, vừa để tâm yên lặng đứng ngừng: Gọi là tâm nghĩ ngợi và trí làm việc, khỏe làm mệt nghỉ. Khi trí làm thì năng sanh huệ, lúc tâm nghỉ thì phát thần thông. Cho nên, quả linh vào đạo lý tiến triển nhiệm mầu mà người Khất sĩ thì không có phút nào gọi là lêu lổng. Nhưng đối với sự làm việc định huệ ấy, không có

hình tướng chi cả. Nên xem bề ngoài như kẻ ở không. Vậy giới luật là Y Bát là Khất sĩ là Định Huệ. Nếu Khất sĩ không có tu về Định Huệ đầu mà có trì giới không đi nữa, cũng chưa gọi được là Khất sĩ. Vì chữ Sĩ đây là sự học đạo lý với quả linh, bằng pháp tu Định Huệ. Tu tức là học, hay học tức là tu. Bởi tại hành mà dạy sanh ra học. tu học Định Huệ là do giới Y Bát Khất sĩ. Như vậy là trong tiếng Khất sĩ, đủ gồm cả Giới, Định, Huệ. Có giới hạnh mới được làm Khất sĩ, nên trước khi vào đạo cũng phải học giới và tu tập cho thuộc nhuần (Chơn lý Y Bát Chơn Truyền).

Kẻ Khất sĩ mà không có định là ra người khát cái. Chỉ có Định mới sanh Huệ, Định Huệ song tu. Do nơi giới luật Khất sĩ thì chơn như toàn giác mới sống đời, đúng theo chơn lý lẽ thật. Tức là Chánh đạo, đạo của võ trụ, của ta và của tất cả, hay là đạo của tâm mình (Chơn lý Nhập Định).

Định Huệ không thiếu không thừa: Giới là sanh mạng là hơi thở của người xuất gia. Người sống theo giới luật là tự mình tìm được căn nguyên phát triển tất cả pháp lành. Cho nên không luận Tăng hay tục cần phải tu học, khép mình vào giới nghi, kỷ luật mới có thể trở thành bậc đồng lương trong Phật pháp, người hữu dụng của Xã hội.

Giới luật là điều quan trọng. Trong một đoàn thể, đạo hay đời. Nếu không cùng nhau giữ gìn giới điều đã thọ, kỷ luật quy tắc, thì chúng ta không bao giờ sống chung với nhau được. Vô kỷ luật thì một đoàn thể không tồn tại được. Ni trưởng dạy:

*“Tâm như mang tâm Y vàng,
Giới nghi bừa bãi chẳng thà không mang”.*

Sự tu chỉ cốt ở chỗ thực hành, dù thông minh tài trí đến đâu, dù tham hiểu kinh, luật, giáo lý đến đâu mà không thực hành cũng vô ích. Chúng ta đừng nên quên rằng chữ “Hành” thường đi theo chữ “Học” và chữ “Tu” (học hành, tu hành).

*“Tu có học mới rạng ngời Chánh pháp,
Học có tu mới lợi Đạo ích Đời”.*

Chúng ta là đàn hậu tấn hằng ngày bằng sự thực hành tu học sống chung với nhau trong nhà đạo.

*“Mỗi người, mỗi nước, mỗi non,
Bước vào cửa Đạo như con một nhà”.*

Hằng ngày huân tu các pháp lành, đoạn trừ các pháp ác, đề cao tinh thần lục hòa, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, tôn trọng giới luật, vâng giữ lời dạy của cố Ni trưởng: “Người si nhờ người tuệ đỡ nâng, lợi quyền đa thiếu trợn chia phân, lòng đạo diệt lòng trần ô uế”.

Có trì giới mới sanh Thiên Định, có Thiên định mới tăng trưởng Trí huệ,

có Trí huệ mới hiểu biết, phân biệt được thế nào là trong sạch. Thầm chuyển đổi những thói hư tật xấu, được tiến hóa trên con đường tâm linh, hướng đến đời sống thánh thiện.

*“Thân trong sạch ấy là xứ Phật,
Miệng trong sạch ấy là pháp Phật.
Ý trong sạch ấy là con Phật,
Tâm trong sạch tức là Đức Phật”.*

Qua lời thơ của Ni trưởng Đệ Nhất là món ăn tinh thần pháp bảo cao quý không thể thiếu được trong lòng Ni chúng. Đây là cốt tủy của người học Phật sống chung tu học thực hiện nếp sống “*Đoàn kết hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm giáo hội*”, cũng để thành tựu cho mỗi cá nhân một pháp học pháp tu thù thắng, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, lợi sanh là bản hoài, phước trí viên minh và chánh pháp mới được trường tồn. Vì Phật pháp có xương minh là do Tăng hoằng pháp. Chúng ta là người biết lợi mới cứu được người chết đuối.

Ni trưởng trụ trì thường giáo giới: Đọc, tụng chơn lý của Tổ, văn thơ, kinh kệ... của cố Ni trưởng để lại vạch sẵn con đường mình đi mà mình không đi rất là uổng. Tổ Thầy vắng bóng, cố Ni trưởng để lại cây đuốc sáng cho mình khỏi sa hầm sụp hố. Mình phải dụng công tu cái của mình, tìm được bên trong nội tâm có nguồn vui hạnh phúc trong nếp sống của mình. Chính cái đó là của báu của mình, không ai tu dùm mình được. Ai uống nước nóng, lạnh tự biết, giáo hóa chúng sanh phải từng giờ, từng khắc phải quan tự kỷ, phải chánh niệm tinh giác đừng để cho thanh danh lợi dưỡng phát khởi, sống theo tứ y pháp: Ăn, mặc, ở, bệnh vừa biết đủ. Văn, Tu, Tu hành trì Giới, Định, Huệ. Người tu là người vay mượn của thế gian. Học đạo không thông lý trả nợ đàn na tín thí. Người tu hành phải giữ giới thanh tịnh mà thân tâm được định tĩnh, nhân giới sanh định, nhân định phát huệ, từ đó phát sanh trí huệ, có giác ngộ chơn chánh, Phật tánh, bản tâm thanh tịnh tròn sáng tỏ lộ ra, mình mới có ngọn đuốc sáng soi đường cho tất cả mọi chúng sanh hướng đến giác ngộ giải thoát.

Nay con có đầy đủ phước duyên, được nép mình trong tình thương bao la che chở dắt dìu Tổ Thầy, được ăn cơm thiền, uống sữa pháp, tắm mình trong suối từ bi, thúc liễm thân tâm, trau giồi giới đức. Con nguyện khắc ghi và nguyện tinh tấn tu hành làm cho đất tâm ngày thêm tươi tốt, hạt giống từ bi trí huệ ngày một đơm hoa, để xứng đáng là người con Phật, ngõ hầu đền đáp bốn trọng ân, cứu khổ tam đồ.

TƯỜNG NIỆM

★ Liên Thanh - Chùa Thuận Phước

Kính bạch Chư Tôn Đức.

Hôm nay là ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của Sư bà đệ nhất, con thành kính dâng lên Sư bà đôi dòng tưởng niệm.

Hằng ngày con tụng, đọc kinh của Sư bà con càng khâm phục, tôn trọng, kính nể Sư bà với một tấm lòng cao thượng của bậc Bồ tát. Sư bà có ước nguyện bao la, đức độ từ hòa sức tinh tấn không mệt mỏi trên mọi lãnh vực cũng như con đường tiếp độ Ni chúng, giáo hóa chúng sanh. Như Sư bà đã phát nguyện:

Nguyện xin hiển trọn đời mình,

Cho nguồn Đạo Pháp, cho tình Quê hương.

Sư bà rất chú trọng đến việc đào tạo nhân tài mai hậu bằng việc luôn tạo môi trường thuận tiện nhắc khuyến Ni chúng phải cố gắng học lên cao đẳng, đại học, học Phật pháp tinh chuyên để đền ơn Tổ Thầy. Sư bà đã dạy chư Ni và tín đồ Phật tử phải biết trưởng dưỡng thiện nghiệp, tiêu trừ ác nghiệp, đủ đức, đủ tài hoằng dương chánh pháp, hóa độ chúng sanh. Sư bà đã dạy trong bài *Cát Ái*:

*“Ta đã là người của chúng sanh,
Người nuôi ta để học gương lành.
Sống đây ta sống cho muôn loại,
Ta có quyền đâu sống lấy mình?”*

(Cát Ái - NT. Huỳnh Liên)

Sư bà dạy người xuất gia là người của chúng sinh, người vì chúng sinh. Vì vậy người xuất gia phải sống cho muôn loại chứ không phải sống cho riêng mình. Tất cả mọi người trên thế gian này ai cũng không thể sống độc lập một mình mà không nhờ đến sự giúp đỡ của người khác. Xã hội là sợi dây mắc xích lẫn nhau. Và cũng không ai có thể tiêu diệt mạng sống của người khác cả. Bởi vì ai cũng quý trọng mạng sống của mình. Như Sư bà đã dạy trong bài *Giới Sát*:

*“Muôn loài nào khác chi ta,
Cũng cần sanh sống, lánh xa tai nạn.
Có cha mẹ, có họ hàng,
Kết bè sinh hoạt, hiệp đoàn tương thân.
Ta đừng giết nó mà ăn,*

Cũng đừng bắt nó trôi trắng giam cầm.

(Giới Sát - NT. Huỳnh Liên)

Ngoài ra, Sư bà còn dạy chúng ta phải biết tu tập hạnh nhẫn nhục.

*“Chút nhẫn lòng được giải khó khăn,
Câu niệm Phật vừa dần nóng nảy.
Học phép nhẫn chẳng sanh oan trái,
Giữ tâm không khỏi phải lụy phiền.
Sống cõi đời thong thả bình yên,
Hướng nẻo đạo diệu huyền trực chỉ”.*

(Khuyến Nhẫn - NT. Huỳnh Liên)

Hôm nay nhân ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của Sư bà đệ nhất, con kính dâng lên Sư bà những lời tưởng niệm chân thành của con. Đọc thơ kệ của Sư bà con giác ngộ được rất nhiều điều và không còn lầm đường lạc lối như những ngày qua. Qua thơ kệ của Sư bà con đã tìm được cho mình một hướng đi chân chính. Con nguyện cố gắng làm theo lời dạy của Sư bà để thân tâm được an lạc và con cũng nguyện trau dồi giới đức tu hành tinh tấn để sau này cứu giúp và hóa độ chúng sanh. Cuối cùng con cầu xin chư Phật, chư Bồ tát, Tổ thầy, Sư bà chứng minh và gia hộ cho con có đầy đủ nghị lực để vượt qua những chướng duyên và tinh tấn trên con đường tu học cho đến ngày thành công đắc quả.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

HẠNH PHÚC

★ Tịnh Diệp

Trong thế gian, người ta luôn muốn cho mình có một đời sống an vui và hạnh phúc.

Họ luôn cho rằng: Hạnh phúc là khi một người tìm được một nửa kia của mình, hạnh phúc khi được gia đình và xã hội công nhận mối quan hệ gia đình của người nam và người nữ, hạnh phúc khi đưa con đầu lòng ra đời tròn vẹn, xinh đẹp, hạnh phúc khi được đầy đủ công danh, sự nghiệp... Nói tóm lại, hạnh phúc khi họ cảm thấy cuộc sống của mình đầy đủ vật chất, tinh thần.

Đó chính là hạnh phúc của tự thân, riêng từng cá thể, cái hạnh phúc ấy nhỏ bé trong phạm vi gia đình hạn hẹp, không nằm ngoài ngũ trược đó chính là tài sắc, danh, thực, thù. Vì thế nên chỉ cần một điều không vừa ý trong cuộc sống như: Vợ hay chồng không chung thủy, con không ngoan, hoặc sự nghiệp không ổn định thì lập tức cái hạnh phúc trước kia vụn tan chỉ còn lại sự đau khổ ray rứt khiến người cảm thọ nó không còn muốn sống nữa, và rồi có một số người không giữ vững lập trường thì lại chọn cho mình một kết thúc đau buồn...

Vậy hạnh phúc nào là hạnh phúc thật sự? Hạnh phúc nào không đem lại sự chấp ngã, ái luyến và luôn đi kèm đau buồn?

Đó là: Hạnh phúc cao thượng của người xuất gia, đoạn trừ phiền não lậu hoặc, đem lại cuộc sống cho mình và người, tạo nên tốt đời đẹp đạo, đó mới chính là hạnh phúc bền bỉ, lâu dài và cao thượng nhất. Trong thơ Đệ nhất Ni trưởng có câu:

*Con nguyện đời đời độ chúng sanh,
Bao nhiêu lao nhọc cũng cam đành.
Miễn con đủ trí đầy năng lực,
Phật chứng cho con đắc Pháp lành.*

(Con nguyện)

Đó chính là hạnh phúc rộng lớn hơn tất cả, khi mà mình có thể đem lại an vui cho cuộc sống xung quanh bằng những việc làm thiện lành, bằng cử chỉ ân cần, và tình thương rộng lớn vô bờ của người xuất thế tục gia...

Trong bài thơ “*Bàn tay đẹp*” của Đệ nhất Ni trưởng có đoạn:

*Bàn tay đẹp là bàn tay “lao động”,
Chuyển đường gân dâng sức sống cho đời.*

*Hiện khắp nơi và ở khắp nơi nơi,
Như đất nước như khí trời vũ trụ...*

Trên thế gian này, vẫn có những người ngày đêm miệt mài lao động bằng trí, bằng sức của mình mà không hề thoái tâm hay mệt mỏi, để tạo cho cuộc đời này nhiều hoa trái ngọt thơm theo tinh thần từ bi và trí tuệ mà Đức Thế Tôn đã tìm ra và truyền lại cho đến hôm nay.

Đó chính là những nhà lãnh đạo của một quốc gia, một đoàn thể... trong đó có Đệ nhất Ni trưởng của chúng ta, người đã:

*Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương.*

Hạnh phúc là phải biết yêu thương, biết hy sinh niềm vui riêng tư bé nhỏ, để tạo nên sự bình an, lợi lạc cho cuộc đời mới là hạnh phúc miên viễn, trọn vẹn, giữa đạo và đời.

*Thân len lỏi một cuộc đời hiếu vắng,
Để tâm hồn thông thả mộng xuân tươi.
Thả hương lòng phưởng phất khắp ngàn nơi,
Mong được thấy cõi đời tròn lạc phúc.*

(NT Huỳnh Liên - Bước Phiêu Lưu)

Thế đó, Ni trưởng đã để lại cho hàng hậu học một tấm gương sáng về hạnh phúc của người xuất gia mà người đã từng tự thân mình chứng nghiệm, và người chắc đã nở nụ cười mãn nguyện hạnh phúc khi thấy cuộc sống xã hội ngày càng đi lên trong hòa bình độc lập, Phật giáo thăng hoa.

*Giải phóng mười năm đạo chuyển mình,
Làm ăn tập thể sống quang vinh.
Trương lai rạng rỡ trường cao cấp,
Yếm võ tu văn lúc thái bình.*

(Phật giáo và Hòa bình)

Qua những tác phẩm thơ đầy màu sắc Ni trưởng đã để lại cho hàng đệ tử của người một tấm gương đạo đức sáng ngời, để mỗi khi đọc lại những dòng thơ của Người con cảm nhận ra rằng: Hạnh phúc, là điều mà ai ai cũng có thể làm được khi bỏ đi cái “*Tôi nhỏ hẹp, riêng tư của tự thân mình!*” Vì vậy muốn đền ơn tín thí, muốn xứng đáng đứng trong hàng ngũ xuất gia thì trước hết chúng ta phải tự chuyển hóa thân tâm được “*hạnh phúc*” an lành cho chính bản thân và tha nhân, vạn loại trong cuộc đời này.

KHUYẾN NHÃN

★ Tiểu Chơn - Chùa Thuận Phước

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính lạy đức Tổ Sư, Tổ khai sáng Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

Kính lạy Giác linh Sư Bà đệ nhất.

Kính bạch quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư cô

Kính thưa quý Phật tử.

Hôm nay ngày 19 tháng 3 năm Đinh Dậu (2017) là ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của cố Sư Bà đệ nhất, con tiểu Chơn, chùa Thuận Phước, Long An, thành kính dâng lên Giác linh Sư Bà bài tưởng niệm mà con tâm đắc nhất.

Kính bạch giác linh Sư Bà,

Tất cả mọi người trên thế gian này không ai không đang gánh chịu những nghiệp duyên, quả báo từ nhiều đời nhiều kiếp mà chính mình đã tạo nên. Và chính những nghiệp duyên quả báo này đã khiến chúng sanh phải luân trầm đọa lạc trong sanh tử luân hồi và rồi hôm nay được làm người được gặp Phật pháp không phải là điều ngẫu nhiên, mà chính con người đã tích lũy phước báu, tu nhân tích đức không biết bao nhiêu kiếp mới được thọ nhận thân người. Chính vì điều này, Sư Bà đã làm rất nhiều bài thơ để khuyên mọi người hãy cố gắng tu tập, sửa đổi bản thân mình, kham nhẫn với mọi người, kham nhẫn với mọi hoàn cảnh khắc nghiệt của xã hội để hoàn thiện nhân cách con người, để không uổng phí kiếp người. Trong số những bài thơ đó, con tâm đắc nhất là bài *Khuyến Nhãn*.

Trong bài *Khuyến Nhãn*, Sư Bà đã dạy:

“Kiếp chúng sanh đọa lạc luân trầm,

Ai cũng có căn thâm gốc tội.

Vì lẽ ấy ngày nay sửa đổi,

Bước đường tu nhuần gội Phật ân”. (*Khuyến Nhãn*)

Bốn câu thơ với mối quan hệ nhân quả đã nói rõ: sở dĩ chúng sanh “đọa lạc trầm luân” là vì “căn thâm gốc tội” mà họ đã tạo. Chính vì thế mà ngày nay cần phải sửa đổi, cần phải tu tập để được thấm nhuần Phật pháp, giải oan túc trái thoát kiếp luân hồi. Bốn câu thơ cũng đã nói lên sự cần thiết của việc tu tập và sự sửa đổi của bản thân mỗi người. Nếu con người tu hành tinh tấn, thường cải sửa, làm mới con người mình thì sẽ được an vui. Nếu con người giải đãi, không quan tâm kiểm soát những hành vi bất thiện của thân khẩu ý thì sẽ đọa vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì vậy

con người cần phải thực hành hạnh “*Nhẫn*” như Sư Bà đã dạy:

“Nhẫn! Ráng nhẫn! Sao sao cũng nhẫn”.

Một câu thơ với ba chữ “*nhẫn*”, với ba mức độ nhẫn khác nhau. Chữ Nhẫn thứ nhất khuyên chúng ta gặp việc khó khăn phải nhẫn nhịn. Chữ Nhẫn thứ hai thì mức độ khó của sự nhẫn nhịn đã tăng dần lên, chữ “*ráng*” ở đây nói lên sự cố gắng, nỗ lực dù khó nhẫn cũng phải nhẫn nhịn. Đến chữ Nhẫn thứ ba thì dường như đã lột tả đến tận cùng mức độ của nhẫn, dù khó khăn đến cách mấy, dù có gặp chuyện gì đi nữa, dù có như thế nào đi chăng nữa, dù có ai chọc giận thế nào đi nữa thì cũng phải nhẫn nhịn. Một mức độ Nhẫn mà không phải ai cũng làm được. Phải là người có định lực cao thì mới có thể nhẫn nổi. Nhưng tại sao Sư Bà lại khuyên chúng ta phải nỗ lực nhẫn nhịn như thế. Đó là bởi vì:

*Chút nhẫn lòng được giải khó khăn,
Câu niệm Phật vừa dần nóng nảy.
Học phép nhẫn chẳng sanh oan trái,
Giữ tâm không khỏi phải lụy phiền.
Sống cõi đời thong thả bình yên,
Hướng nẻo đạo diệu huyền trực chỉ. (Khuyến Nhẫn)*

Đoạn thơ trên nói lên lợi ích của sự nhẫn nhục. Người xuất gia là người đã quyết chí đi tìm con đường liễu sanh thoát tử. Chắc chắn trên đường đi không sao tránh khỏi những khó khăn, vất vả, thất bại, vinh nhục, hơn thua, được mất, danh vọng, địa vị, oan khiên, tức trái, nghiệp nhân quả báo bủa vây. Chính vì thế mà người xuất gia cần phải học phép Nhẫn để chấp nhận trả nghiệp, giải oan tức trái từ nhiều kiếp trước đồng thời không gây thêm oan trái ở kiếp hiện tại để tâm trí luôn được thong thả, nhẹ nhàng mà thẳng tiến đến nẻo đạo diệu huyền. Đó là ý nghĩa thiết thực của bài *Khuyến Nhẫn* mà Sư Bà muốn gửi gắm đến toàn thể mọi người.

Chúng con là hàng hậu học, khi chúng con bước chân vào nhà đạo thì Sư Bà đã viên tịch lâu rồi. Tuy chúng con không có duyên được gặp Sư Bà, chỉ được nhìn thấy tôn dung Người qua bức di ảnh được tôn trí tại các tịnh xá thuộc Ni giới Khất sĩ hoặc trên sách báo; Chúng con chỉ được nghe các bậc tôn túc kể lại về Người hoặc đọc thơ văn nói về cuộc đời Người, nhưng khi đọc thơ Người, chúng con thấy thật cảm động, thật gần gũi như Người đang hiện diện trước chúng con, nhắc nhở chúng con siêng năng tu tập tiếp bước Tổ Thầy rạng danh Ni giới như Người đã từng phát nguyện:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương”.*

KHUYẾN NHÃN

★ Tiểu Nhu - Chùa Thuận Phước

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính lạy Đức Tổ Sư, Tổ khai sáng Hệ phái Khất sĩ Việt Nam

Kính lạy Giác Linh đệ nhất Ni trưởng.

Kính bạch quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư cô.

Kính thưa quý Phật tử.

Hôm nay nhân ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của Sư bà Đệ nhất, con xin mạn phép kính dâng đôi dòng cảm tưởng. Con học rất nhiều bài kinh bài kệ của Sư Bà và bài nào con cũng cảm thấy hay nhưng bài mà con tâm đắc và thấm nhuần nhất đó chính là bài “*Khuyến nhĩn*”.

Mở đầu bài *Khuyến Nhĩn*, Sư Bà dạy:

*“Vào cửa đạo làm người thiện tín,
Phải học câu nhĩn nhĩn thuận hòa.
Việc nhỏ nhen thắc mắc bỏ qua,
Chỗ tranh cãi rầy rà nên tránh”.*

Khuyến Nhĩn - Ni trưởng Huỳnh Liên

Phàm là con người ai cũng vậy, khi còn ở thế tục thì không tin nhân quả hoặc ít tin nhân quả, ít sợ quả báo, tạo nhiều điều ác hoặc chỉ tin suông qua ngôn từ sách vở, chưa từng bắt tay vào thực hành, chưa từng để lại ấn tượng sâu sắc về nhân quả. Nhưng khi một người đã bước vào cửa Đạo thì ít nhất người đó cũng đã quyết chí quay về với Phật, quy y Phật, Pháp, Tăng và mong muốn làm một Phật tử thuần thành trong đạo pháp, có ích cho Giáo hội mai sau. Nhưng điều kiện tiên quyết để trở thành một Phật tử thuần thành đó là phải học hai chữ “*Nhĩn nhĩn*”.

Nhưng phải nhĩn nhĩn như thế nào, chúng ta hãy đọc tiếp bốn câu thơ sau:

*Việc nhỏ nhen thắc mắc bỏ qua.
Chỗ tranh cãi rầy rà nên tránh.
Tu phải học cần ngôn cần hạnh,
Đạo phải hành sửa tánh trau tâm.*

Khuyến Nhĩn - Ni trưởng Huỳnh Liên

Sư Bà khuyên chúng ta không nên câu nệ vào những việc nhỏ, đừng làm lớn chuyện những việc không đáng. Hãy mở rộng tấm lòng bao dung,

đừng để “việc nhỏ xé ra to” mà đưa đến sự tranh cãi không cần thiết. Chẳng những phải bỏ qua chuyện người, tránh gây chuyện với người, mà người học Phật còn phải biết cẩn trọng từng hành vi, lời nói và sự suy nghĩ của mình để “sửa tánh trau tâm” ngõ hầu tiến xa hơn nữa trên bước đường học Phật.

Nhưng phàm là người sống trên cõi đời này không ai không phạm phải lỗi lầm, sai trái. Điều quan trọng là biết nhận lỗi và sửa lỗi. Như Sư Bà đã dạy:

*Kiếp chúng sanh đọa lạc luân trầm,
Ai cũng có căn thâm gốc tội.
Vì lẽ ấy ngày nay sửa đổi,
Bước đường tu nhuần gội Phật ân.*

Khuyến Nhân - Ni trưởng Huỳnh Liên

Từ vô lượng kiếp đến nay chúng ta đã chìm đắm, lặn ngụp trong biển sinh tử luân hồi, trải qua không biết bao nhiêu lần làm đường lạc lối, xuống lên ba cõi. Kiếp này đủ duyên được sinh làm người với đầy đủ sáu căn, được chút hiểu biết. Vậy hãy cố gắng dùng chút trí thức, sự hiểu biết cộng với lòng từ vốn có ở con người để sửa đổi, cải thiện bản thân, làm những việc thiện lành, kiểm soát lời nói, việc làm và suy nghĩ của mình hướng đến chân, thiện, mỹ ngõ hầu hoàn thiện bản thân cũng như hoàn thiện nhân cách con người.

Mặt khác, không phải chỉ có người học Phật mới kiểm soát lời nói, việc làm và suy nghĩ của mình mà ngay cả người thế tục cũng phải thực hành điều này. Cũng như tục ngữ có câu: “Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói”. Chữ “uốn lưỡi” có nghĩa là trước khi nói phải nghĩ đi nghĩ lại có nên nói hay không. Người thế tục còn phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói thì người học Phật càng phải cẩn ngôn cẩn hạnh hơn thế nữa. Nếu nói mà làm người khác buồn phiền, đau lòng thì không nên nói. Chỉ nên nói những lời tốt lành làm cho người khác vui lòng. Như Sư Bà đã dạy trong bài *Khẩu*:

*Miệng ta là cánh hoa sen,
Một khi hé nở, một phen thơm lừng.
Tiếng ta là gió mùa xuân,
Một cơn thổi nhẹ, muôn dân mát lòng.*

Khẩu - Ni trưởng Huỳnh Liên

Thật vậy, người học Phật là người ở trong đời nhưng vượt lên khỏi sự ướm trước của đời. Cũng như hoa sen mọc giữa bùn nhưng không nhiễm mùi bùn. Vì thế, Sư Bà đã ví lời nói của người học Phật giống như cánh hoa sen tỏa ngát hương thơm, như ngọn gió mùa xuân ấm áp đem đến sự mát dịu, an

vui cho mọi người. Và Sư Bà đã dùng chính việc làm cũng như ý chí để minh chứng cho lời nói của mình. Sinh ra làm kiếp nữ lưu tay yếu chân mềm, ít nhiều đã là chướng duyên trong cuộc sống, đồng thời so với nam giới thì nữ giới có phần thiệt thòi hơn rất nhiều. Cũng là một người phụ nữ, Sư Bà đã hiểu rõ những bất công cũng như nỗi khổ của người nữ. Sư Bà thương cho thân phận người nữ và phát nguyện thường làm kiếp nữ thân để thân cận, gần gũi tiện bề hóa độ người nữ:

Con nguyện hiện thường kiếp nữ thân,

Bởi bao phụ nữ khổ trong trần.

Tiện bề thân thiện con diu dắt,

Dầu phải cực lòng lớp phụ nhân.

(Con Nguyện - Ni trưởng Huỳnh Liên)

Dù biết mang thân người nữ phải chịu nhiều thiệt thòi nhưng Sư Bà vẫn phát nguyện thường làm thân nữ. Sư Bà là một hình ảnh sống động cho đóa hoa sen tỏa ngát hương thơm, là ngọn gió xuân ấm áp đem đến sự mát dịu, an bình cho nữ giới. Đây không phải là một hạnh nguyện mà ai cũng có thể làm được. Một việc làm với lòng bao dung lớn, một sức nhẫn chịu cho sự dấn thân, một hành động đầy sự thuyết phục cho việc *Khuyến Nhân* của Sư Bà. Cũng là một người nữ, con thật kính phục ý chí và nguyện lực của Sư Bà. Được dự vào hàng xuất gia chúng con lại được thọ hưởng những thành quả mà mấy chục năm qua Sư Bà đã dốc công gầy dựng. Để đền đáp công ơn lớn lao của Sư Bà, chúng con nguyện sẽ nỗ lực tu hành trau tâm dồi tánh, lấy lòng bao dung, vị tha của chính mình giúp người vượt qua khó khăn đồng mãnh trên con đường Đạo. Đã 30 năm ngày Sư Bà viên tịch nhưng Sư Bà vẫn luôn hiện hữu trong tâm trí của Ni giới Hệ phái Khất sĩ nói riêng và Tăng Ni Việt Nam nói chung. Sư Bà mãi mãi là tấm gương sáng ngời cho hàng hậu học chúng con noi theo.

TƯỜNG NIỆM

★ Tiểu Thiện - Chùa thuận Phước

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính lạy Đức Tổ Sư, Tổ khai sáng Hệ phái Khất sĩ Việt Nam

Kính lạy Giác Linh đệ nhất Ni trưởng.

Kính bạch quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư cô.

Kính thưa quý Phật tử.

Hôm nay là ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của Sư Bà Đệ nhất con thành kính dâng lễ dâng lên Giác linh Sư Bà đôi dòng tưởng niệm.

Trong bài *Khuyến Tu*, Sư Bà có dạy:

Răn khuyên: đời khổ lắm thương ôi,

Sanh, chết, đau, già mãi thế thôi.

Duyên tục vắn vương, vương chẳng dứt,

Nợ trần vay trả, trả không rồi.

Khuyến Tu - Ni trưởng Huỳnh Liên

Qua đoạn thơ trên, Sư Bà dạy rằng: Chúng sanh trên đời này, không có ai mà sung sướng suốt cuộc đời và cũng không ai tránh khỏi được cái khổ của sanh, lão, bệnh, tử. Ai tạo nhân nào thì hưởng quả đó. Không ai có thể thoát khỏi sự chi phối của nhân quả, dù có chạy xa cách mấy hoặc trốn đến chân trời hay tận góc biển. Chạy trốn đến đâu đi chẳng nữa thì cuộc đời con người cũng chỉ lẩn quẩn trong vòng nhân quả vay trả, trả vay không ngừng ngớt. Vì thế, phải tin tưởng Phật pháp. Chỉ có ánh sáng của Phật pháp mới có thể giúp con người thoát khỏi nhân quả. Nếu ai chê bai hoặc không tin tưởng Phật pháp thì đời đời kiếp kiếp nghiệp duyên sẽ không bao giờ chấm dứt mà nó cứ quanh quẩn mãi theo chúng ta.

Và để giúp mọi người thoát khỏi nhân quả khổ đau, nhất là người nữ phước mỏng nghiệp dày, chướng duyên đeo đẳng, Sư Bà đã phát nguyện thường làm kiếp nữ thân để tiền bề gần gũi, giúp đỡ, cảm hóa:

“Con nguyện hiện thường kiếp nữ thân,

Bởi bao phụ nữ khổ trong trần.

Tiện bề thân thiện con diu dặt,

Dầu phải cực lòng lột phụ nhân”.

(Con nguyện - Ni trưởng Huỳnh Liên)

Khi quỳ trước đức Tổ Sư, Sư Bà đã bày tỏ ý nguyện xuất gia làm chiếc

thuyền chở chuyên phái nữ. Và ý nguyện đó đã trở thành lời phát nguyện của Sư Bà, không những đời này mà suốt chặng đường cho đến ngày đạo quả viên mãn. Sư Bà nguyện sẽ làm kiếp nữ thân để che chở cho những người phụ nữ khổ đau trong thế gian này. Sư Bà nguyện dầu phải cực khổ đến đâu thì Sư Bà cũng sẽ không bao giờ từ bỏ chúng sanh.

Những ai là Phật tử mỗi ngày đi Chùa tụng Kinh tại các Tịnh xá thuộc Ni giới Khất sĩ, không Phật tử nào không biết đến lời di huấn của Sư Bà:

Ngày đã cận, cần tu gấp rút,

Giới giữ sao trong sạch như xưa.

Định Huệ không thiếu, không thừa,

Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng.

Đây là lời Di huấn của Sư Bà mà các Tịnh xá Ni giới Khất sĩ đã đọc mỗi tối sau khi tụng kinh xong để đánh lễ Sư Bà, tỏ lòng tôn kính, nhớ đến công hạnh của Sư Bà đã cống hiến cho Ni giới Khất sĩ. Đồng thời cũng giúp mọi người nhớ đến lời Di huấn của Sư Bà, tự răn khuyên nhắc nhở chính mình tinh tấn tu Tam vô lậu học Giới, Định, Tuệ để làm hành trang khi một mai vô thường đến. Bởi tất cả vạn vật trên thế gian này đều là vô thường, ai ai rồi cũng phải chết, không phân biệt giàu nghèo, Vua quan hay thứ dân.

Khi đọc những bài kệ thơ của Sư Bà làm cho con cảm thấy mình cần phải dũng mãnh hơn trên bước đường tu học, cần phải siêng năng trau dồi tâm tánh cho ngày một tốt hơn. Nhân ngày tưởng niệm lần thứ 30 của Sư Bà con kính dâng đôi dòng cảm tưởng. Kính nguyện giác linh Sư Bà thù từ chứng giám.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

THƠ TƯỢNG NIỆM NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN

★ Bảo Minh Trang

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo pháp cho tình Quê hương”.*
*Nói lên đức hạnh phi thường,
Của hàng Bồ tát trên đường độ sanh.*

*Tâm hồn bi mẫn cao thanh,
Nguyện đưa sanh chúng thoát vònh trầm luân.
Vì đời tạo vạn mùa xuân,
Đem mưa Chánh Pháp tưới nhuần đất Nam.*

*Hoa Chân Như - nhụy Ưu Đàm,
Uớp hương mật chón Già lam Tịnh Thiên.
Nhanh tay chèo lái con thuyền,
Truyền thừa Phật Pháp khắp miền nhân gian.*

*Xuất gia Ni giới hơn ngàn,
Tín đồ hàng vạn tinh cần học tu.
Từ Cam Lộ đến Cà Mau,
Đạo tràng Tịnh xá có hầu khắp nơi.*

*Nêu cao công hạnh sáng ngời,
Tạo duyên giúp chúng người người tiến tu.
Lòng nhân hậu, đức bi từ,
Rạng danh Sư trưởng chân tu bậc Thầy.*

*Hệ phái phát triển từng ngày,
Chư Ni tốt nghiệp có đầy miền Nam.
Làm nên thành quả vẻ vang,
Chấn hưng cửa đạo ngày càng tiến nhanh.*

*Hoằng dương Pháp bảo thịnh hành,
Dịch Kinh phổ kế lưu danh để đời.
Văn chương thi phú tuyệt vời,
Lòng từ trao tặng cho người hữu duyên.*

*Hành theo hạnh nguyện Phổ Hiền,
Tinh thần Vô Úy an nhiên vào đời.
Đức Bi - Trí - Dũng cao vời,
Giữ gìn đại nguyện nào lời tâm thiên.*

*Bốn mươi năm một lời nguyện,
Giúp đời phụng đạo chí kiên vững vàng.
Tâm hồn bất khuất hiên ngang,
Khắc ghi đậm nét vào trang sử nhà.*

*Từ bi hỷ xả độ tha,
Xứng danh đệ tử Thích Ca chân truyền.
Đuốc Bát Nhã gốc Uyên Nguyên,
Mãi hoài tỏa sáng lưu truyền muôn năm.*

ĐỌC THƠ SÁNG TỎ ĐẠO MÀU

★ Chơn Ngâm - Phật tử Chùa Thuận Phước

Nhân ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của Ni trưởng đệ nhất, con xin nêu một vài cảm nghĩ của con về lời dạy của Người còn để lại qua thơ văn. Ni trưởng dạy:

*“Tu có học mới rạng ngời chánh pháp
Học có tu mới lợi đạo ích đời”.*

Ni trưởng Huỳnh Liên

Học ở đây là học giáo pháp vi diệu từ kim ngôn của Đức Phật trao truyền. Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn, những lời dạy của ngài là Chân Lý, là ánh sáng soi đường đưa chúng sanh thoát khỏi bến mê để bước sang bờ giác. Vì vậy, người xuất gia trước phải học giáo lý của đức Phật kể đến thực hành và áp dụng vào cuộc sống thực tế biến tri thức thành trí tuệ. Nếu không tu thì sự học chỉ là sáo rỗng, nếu tu không học thì chỉ là tu mù. Như vậy tu và học cần phải hỗ trợ cho nhau.

Đối với hàng Phật tử sơ cơ học đạo như chúng con mà nói Phật quả là một cái gì đó thật cao xa, huyền bí, có lẽ suốt cuộc đời chúng con không bao giờ với tới. Nhưng qua thơ văn của Ni trưởng con cảm nhận đức Phật, một con người thật gần gũi, chân phương, bình thường như bao con người khác và quả vị Phật mà Ngài đã chứng nghiệm thì ai cũng có thể đạt được nếu người đó nỗ lực tu tập. Bằng tài họa thơ của mình, Ni trưởng đã vẽ nên bức tranh về đức Phật thật giản đơn:

*“Nơi Đức Phật, con người thực tế,
Không thần linh tô vẽ hoang đường.
Lòng nhiệt thành nếp sống giản đơn,
Tự nỗ lực phát huy ánh sáng”.*

Kệ Trích Lục - Ni trưởng Huỳnh Liên

Qua thơ của Ni trưởng cho con hiểu: Đức Phật cũng là con người như bao con người chúng ta, Ngài sinh ra là một người bình thường, sống một đời sống cũng chịu chi phối bởi định luật vô thường về thân tứ đại, ngũ uẩn như chúng ta. Nhưng chỉ khác chúng ta ở chỗ là Ngài có trí tuệ và định lực phi thường. Ngài đã từ bỏ lầu son, gác tía, ngai vàng ra đi tầm đạo và chứng đạo trở thành một bậc siêu phàm xuất thế. Và rồi sau 49 năm hành đạo Ngài đã xả bỏ nhục thân, từ giã cõi đời như bao con người trên cõi đời này.

Con nghĩ, sở dĩ Ngài đạt đến quả vị Phật là do ngài có một trí tuệ sáng hơn nhật nguyệt, tình yêu thương chúng sinh vô bờ bến và một nghị lực phi

thường cùng sự kiên trì nỗ lực cá nhân. Như trong bài *Phật Đản* và *Nhớ Ôn Phật* đã kể lại quá trình tầm đạo của Đức Phật:

*“Sáu năm ép xác gây thân,
Năm năm tâm đạo bước chân mỗi mòn”.*

Phật Đản - Ni trưởng Huỳnh Liên

Hay:

*“Dãi dầu nắng táp mưa sa,
Yếu lèn đến đôi thân đà mòn hơi”.*

(Nhớ ơn Phật)

Giáo pháp của Đức Phật đưa ra là do Ngài đã tự thân chứng nghiệm. Vì vậy, chúng ta, những người con Phật phải kính tin và phải học cho thật kỹ, hiểu cho thật sâu, thực hành cho thật thấu triệt để tự mình chứng ngộ. Vì học mà không thực hành thì không được lợi ích, không đem lại sự an lạc nơi thân và tâm. Như đức Phật đã dạy: *“Học giáo pháp mà không được thực hành như một cánh hoa lộng lẫy đủ màu sắc mà không có hương vị”*. Và Ngài đã chứng minh rằng: *“Con người có thể thành đạt trí tuệ cao siêu và đạo quả tối thượng là do sự cố gắng của mình”*. Ngài cho rằng con người muốn thoát khỏi trầm luân khổ não phải tự mình gia công cố gắng chớ không phải tùy thuộc phục tùng một nhân vật hay một vị thần linh nào. Đức Phật dạy cho chúng ta lý tưởng cao nhất là phục vụ bất cầu lợi.

Sau khi thành đạo Đức Phật đã thuyết bài pháp đầu tiên là *Tứ Diệu Đế* cho 5 anh em Kiều Trần Như và ông A Nhã Kiều Trần Như đã chứng quả Tu Đà Hoàn. Bốn chân lý ấy là nền tảng của giáo lý Đức Phật. Bốn chân lý đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, lấy con người làm nền tảng cho sự tu tập chứ không nương tựa vào bất cứ vị thần linh nào. Vì chính Đức Phật cũng đã tự mình chứng ngộ chứ không nhờ vào bất cứ sự hỗ trợ nào từ bên ngoài.

Chơn lý về sự khổ là: Sanh, già, bệnh, chết, xa lìa những người thân, sống với người không ưa, muốn mà không được, thân ngũ uẩn là khổ. Chơn lý về nguyên nhân của khổ là: Chính vô minh và ái dục là nguyên nhân của sự khổ. Chính ái là nguyên nhân của sự tái sanh, lôi kéo, dẫn dắt con người đọa lạc trong sinh tử luân hồi. Và chơn lý về con đường diệt khổ là Bát Chánh Đạo, đưa chúng sinh đến hạnh phúc trường cửu.

Đạo Phật lấy từ bi làm quy tắc căn bản cho người xuất gia và tại gia, không kể người thân hay sơ, quen hay lạ. Vì vậy, đạo Phật đã phát triển trên đoạn đường dài hơn 2500 năm mà không hề có một sự ép buộc hay dùng thần quyền làm mê hoặc ai cả. Qua nhiều bài kệ của Ni trưởng con nhận thấy Đức Phật là nhà truyền giáo đầu tiên và vĩ đại nhất trên thế gian. Phật giáo được hoàng dương rộng rãi trên khắp thế giới chính vì giá trị tốt đẹp

của lòng nhân đạo và trí tuệ của Ngài. Chính Đức Phật là người đầu tiên phá bỏ sự bất công trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ và đã đón nhận đoàn thể 500 người nữ xuất gia, mở ra cho Nữ giới một phương trời cao rộng mới. Tình thương vô biên của Đức Phật không chỉ hướng cho nhân loại mà bao trùm cả vạn vật. Ngài khuyên đệ tử nên mở rộng tình thương đến tất cả vạn vật muôn loài. Ngài dạy không người nào có quyền tiêu diệt mạng sống của kẻ khác bởi ai cũng quý trọng mạng sống của chính mình. Và những lời dạy của Ngài đã được Ni trưởng Đệ nhất chuyển tải thành thơ với tựa đề là *Giới Sát*:

*“Muôn loài nào khác chi ta,
Cũng cần sanh sống, lánh xa tai nạn.
Có cha mẹ, có họ hàng,
Kết bè sinh hoạt, hiệp đoàn tương thân.
Ta đừng giết nó mà ăn,
Cũng đừng bắt nó trói trắng giam cầm ”.*

Giới Sát - Ni trưởng Huỳnh Liên

Ngoài ra, Ni trưởng còn chuyển thành thơ rất nhiều bài Kinh của Đức Phật, như *Kinh Pháp Cú* nói về tâm con người là yếu tố quan trọng dẫn dắt con người tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ:

*“Trong các pháp do tâm làm chủ,
Tâm dẫn đầu tạo đủ các duyên.
Tâm thanh tao nghiệp tốt hiền,
Như hình dọi bóng vui liền theo sau.*

Kinh Pháp Cú - Ni trưởng Huỳnh Liên

Ni trưởng xuất gia khi tuổi đời vừa tròn 25, sau đó với vai trò là trưởng tử Ni, Ni trưởng đã dẫn đoàn chư Ni hành đạo khắp hai miền Nam - Trung của đất nước. Nhờ bi nguyện bao la, đức độ từ hòa, tinh tấn không mệt mỏi, Ni trưởng đã tiếp chúng độ Ni, mở mang đạo tràng tịnh xá ngày càng nhiều. Mặc dù như thế, Ni trưởng cũng không quên nhắc nhở Ni chúng luôn sống đúng với hạnh nguyện của người xuất gia:

*“Ta đã là người của chúng sanh,
Người nuôi ta để học gương lành.
Sống đây ta sống cho muôn loài,
Ta có quyền đâu sống lấy mình?”*

Cát Ái - Ni trưởng Huỳnh Liên

Thật vậy, đời sống con người thật ngắn ngủi, phải sống sao cho thật ý

ngĩa. Vật chất thế gian là trò mộng ảo, thân tứ đại hợp tan là định luật từ ngàn xưa. Tại sao chúng ta phải bám víu?

*“Thân này chưa biết ra chi,
Của kia lại có chắc gì mà ham?*

.....

*Mênh mông trong khoảng đất trời,
Thân ta biết gởi về nơi chốn nào?”*

Thân - Ni trưởng Huỳnh Liên

Thân này là giả, là vô thường không giữ được bền lâu, huống gì của cải, vật chất thế gian. Biết thế ta dùng thân này làm phương tiện tu hành để làm tư lương khi từ giả cõi đời này. Chẳng những phải tu thân mà còn phải xét suy cả lời ăn tiếng nói của mình:

*Mở lời trước cần xét suy,
Rằng ta cất tiếng ích chi chằng là?
Bằng như lời ấy thốt ra,
Làm buồn kẻ khác thì ta xin đừng.*

.....

*Miếng ta là cánh hoa sen,
Một khi hé nở, một phen thơm lừng!
Tiếng ta là gió mùa xuân,
Một cơn thổi nhẹ, muôn dân mát lòng!*

Khẩu - Ni trưởng Huỳnh Liên

Ni trưởng dạy ta phải sống trong tỉnh thức, khi nói phải biết ta đang nói gì, nếu lời nói làm buồn kẻ khác thì đừng nói. Nên nói những lời để người nghe cảm thấy an lạc, mát lòng để không tạo nghiệp dữ.

*“Thường nên kiểm soát hành vi,
Khi ăn, khi nói, lúc đi, lúc nằm.
Đừng cho vọng ý phóng tâm,
Phải nhờ giới luật buộc cầm khít khao”.*

Hoặc:

*“Ngày ngày ra sức kìm cương,
Giờ giờ, phút phút, tâm thường soi tâm”.*

Ý- Ni trưởng Huỳnh Liên

Ni trưởng dạy con người ý vọng, thương ghét, vui, buồn, sân giận... thay đổi luôn nên ta phải dùng gươm trí tuệ cắt đứt những vọng tâm để tâm

được định, tâm định thì phát huệ.

Với hạnh nguyện Bồ tát, Ni trưởng đã phát nguyện:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo pháp cho tình quê hương”.*

Hay:

*“Nghiêng vai gánh đạo vào đời,
Cho đời tỏ đạo ta người đồng tu”.*

Sen Gương - Ni trưởng Huỳnh Liên

Tấm lòng vì đạo vì đời của Ni trưởng bao la như biển cả, như hư không bất tận, dù Ni trưởng đã về với Phật nhưng Người vẫn sống mãi trong tâm trí của hàng môn đồ Phật tử chúng con. Và những ai đọc qua thơ Người cũng sẽ cảm nhận được đạo màu vi diệu lan tỏa khiến mỗi người tự hoàn thiện bản thân để cuộc đời trở nên tươi đẹp và có ý nghĩa hơn. Chúng con nguyện tinh tấn tu hành theo lời dạy của Ni trưởng, để có cuộc sống an lạc, hạnh phúc trong đời này, mà không cảm thấy bất mãn bởi sự ràng buộc gia đình, hay lo âu, sợ hãi về sự sinh diệt của chính mình.

KỆ CHƠN LÝ: SINH TỬ

★ Chơn Ngâm - Phật tử Chùa Thuận Phước

Là một Phật tử hằng ngày được đọc tụng thơ kệ của Ni trưởng Đệ nhất, trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ. Càng đọc con càng suy tư, càng thấu hiểu hơn về giáo pháp của Đức Phật để dễ bề tu tâm dưỡng tánh, trau dồi Giới Định của người con Phật. Vì thế, mỗi ngày tụng Kinh con càng nghĩ nhớ và biết ơn Ni trưởng rất nhiều. Con xin nêu vài cảm nghĩ của mình về bài “*Sinh Tử*” trong *Kệ Chơn Lý*.

*Vốn liếng hành trang đến cõi trần,
Người hơn muôn vật tấm lòng nhân.
Tâm lành hướng thượng càng cao phẩm,
Nghiệp ác sa đà mới lụy thân.*

Kệ Chơn Lý: Sinh Tử - Ni trưởng Huỳnh Liên

Cùng nhìn lại những người mà chúng ta đã gặp trong cuộc đời này: Người thì đủ 6 căn, người thì lại thiếu; Người thì giàu sang, sung sướng, người thì nghèo hèn vất vả; Người thì thông minh sáng suốt, người thì lại quá chậm chạp; Người thì đẹp như hoa, người thì lại quá xấu... Và ta thấy trên thế giới có hơn tám tỉ người, nhưng không ai giống ai cả. Vì sao như thế?

Khi mới sinh ra ai cũng đến cõi đời này với hai bàn tay trắng và chết đi cũng trắng tay. Nhưng sở dĩ có những sai biệt trên là do những nghiệp lành hay nghiệp ác mà ta đã gieo tạo từ vô lượng kiếp về trước. Đó là vốn liếng, hành trang mà ta mang đến cõi trần, nhưng ta nào hay biết, cứ nghĩ là Trời bắt ta phải chịu như thế.

Câu thứ hai của bài kệ: “Người hơn muôn vật tấm lòng nhân”, ý muốn nói rằng: Người và thú vật giống nhau ở chỗ cùng có thân, cùng có tánh linh, cùng biết đau đớn khi bị đánh đập hành hạ. Như trong bài *Khuyên Đừng Giết Thú*, Ni trưởng đã dạy:

*Thú kia nó cũng là thân,
Cũng xương cũng thịt có phân như ta.
Đánh đau chúng nó kêu ca,
Tiếng rên đứt ruột tiếng la xé lòng.
Tánh linh người vật cũng đồng.*

Khuyên Đừng Giết Thú - Ni trưởng Huỳnh Liên

Nhưng người và thú khác nhau ở chỗ: Thú không có lòng nhân, sống

theo bản năng, ăn nuốt lẫn nhau. Người thì có lòng nhân, biết suy nghĩ, biết tu học Phật pháp để nâng cao đời sống tâm linh của mình mỗi ngày một thăng hoa. Vì vậy mà Ni trưởng luôn khuyên mọi người:

*Làm người là có lòng nhân,
Hãy khơi tánh Phật lần lần sáng ra.*

Khuyên Đình Giết Thú - NT. Huỳnh Liên

Câu thứ ba của bài kệ: “*Tâm lành hướng thượng càng cao phẩm*”, ý nghĩa của câu này là: Phật dạy: Thân người khó được nhưng dễ mất. Nếu để thân này mất đi thì biết đến kiếp nào mới có lại được. Vì vậy, được làm thân người là rất quý. Cho nên, ta hãy mượn thân này làm phương tiện tu hành cho đến ngày thành công đắc quả.

Trong cuộc sống, việc tạo ra của cải vật chất là rất cần thiết, nhưng ta cũng nên chia sẻ với những người khó khăn hơn mình. Theo quan điểm của Phật giáo, chết chưa phải là chấm hết. Nó chỉ chấm hết cái thân ngũ uẩn, còn nghiệp thức vẫn tiếp diễn trong vòng luân hồi sinh tử. Vậy, điều gì giúp chúng ta tái sanh vào cõi lành? Trong *Kệ Chơn Lý* Ni Trưởng có dạy.

*Tu phước ngày đêm cội phước trồng,
Phước trồng thấm thoát huệ sanh bông.
Quên thân vì đạo lòng thơ thới,
Học pháp hành thiên, trí sáng thông.*

Kệ Chơn Lý: Cư Sĩ - NT. Huỳnh Liên

Bố thí là phương tiện rất cần thiết để giữ tài sản và phước báu cho mình ở đời này và đời sau. Bố thí cũng là cách chúng ta chia sẻ tình thương yêu với mọi người, mọi loài. Sống phải biết thương yêu chia sẻ lẫn nhau.

*Thương người như thể thương thân,
Giúp người mưa hè tiếc bạc,
Thấy nghèo gặp ngặt,
Mau ra tay cứu giúp,
Chớ nề kẻ lạ người quen.*

Bố Thí - NT. Huỳnh Liên

Cho nên nếu ta biết tu tập, sống với ngũ giới Đức Phật dạy thì chúng ta sống hiện đời an lạc và đời vị lai cũng an lạc, hạnh phúc. Như Ni trưởng đã dạy trong *Kinh Pháp Cú*:

*Kẻ trong sạch từng làm việc phước,
Chỗ này vui, chỗ khác an vui.*

*An vui rải rác nơi nơi,
Nhớ mình tạo phước mừng vui tịnh lòng.*

Kinh Pháp Cú - NT. Huỳnh Liên

Câu cuối của bài *Kệ Sinh Tử*: “*Nghiệp ác sa đà mới lụy thân*”. Nếu sống trên đời ta tạo những nghiệp ác, thì nghiệp ác ấy sẽ đẩy chúng ta vào cảnh giới đau khổ. Không có vị thần thánh nào bắt chúng ta lên thiên đàng hay xuống địa ngục cả. Chúng ta phải nhận lãnh những nghiệp quả mà chính chúng ta đã gieo tạo, vì ta là chủ nhân của nghiệp, đây là nhân quả của chính mình. Như trong *Kinh Pháp Cú*, Ni trưởng đã dạy:

*Hối chỗ này, ăn năn chỗ khác,
Kẻ bạo tàn làm ác nhiều nơi,
Nơi nào cũng chẳng yên vui,
Mắt nhìn ác nghiệp, bùi ngùi khổ đau.*

Kinh Pháp Cú - NT. Huỳnh Liên

Người mê thì lo sự nghiệp đời này, người trí thì lo sự nghiệp đời này và đời sau. Tất cả chúng ta ai rồi cũng phải chết. Nhưng chết rồi đi về đâu? Nếu chúng ta biết tu tập sống với 5 giới Đức Phật dạy thì chắc chắn sẽ sanh về cõi lành. Nếu không biết tu sẽ sanh vào 3 đường dữ: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì thế, muốn thoát khỏi cảnh giới đau khổ, ta phải sống có đạo đức, tạo được nhiều nhân lành để được an lạc, hạnh phúc ở hiện tại và tích quả phước cho tương lai. Như Ni trưởng đã dạy trong bài *Giới Sát*:

*Muốn ra khỏi biển luân hồi,
Quả kia phải hái cho rồi đừng gieo.
Dừng chân thì bóng chẳng theo,
Nhơn tay thì nghiệp chẳng theo bên mình,
Ai ơi hãy khá giữ gìn !*

Giới Sát - NT. Huỳnh Liên

Phật dạy: Được làm thân người là rất khó. Được làm người đầy đủ 6 căn là khó. Được làm người khỏe mạnh ăn no, mặc ấm lại càng khó hơn. Đó cũng là phước báu mà không phải ai cũng có được. Hơn nữa, được biết Phật Pháp, được nghe và được thực hành lời Phật dạy là ta đã có căn lành và phước báu từ nhiều đời. Vậy ta hãy phát huy căn lành ấy để đến bến bờ giác ngộ và giải thoát. Vì:

*Khổ nào bằng khổ trần gian?
Vui nào sánh kịp Niết bàn thanh cao?*

Kinh Pháp cú - NT. Huỳnh Liên

Tấm lòng vì đạo vì đời của Ni trưởng bao la như biển khơi, như hư không bất tận. Dù Ni trưởng đã về với Phật nhưng những lời dạy của Người vẫn còn sống mãi trong tâm trí của hàng Phật tử chúng con. Và mong rằng những ai có duyên đọc qua thơ Ni trưởng đều sẽ có sự cảm nhận sâu sắc về ý đạo tình đời trong thơ mà tự sửa mình để cuộc sống trở nên tươi đẹp và có ý nghĩa hơn. Riêng bản thân chúng con nguyện tu hành tinh tấn theo lời dạy của Người để được an lạc hạnh phúc trong đời này và đời sau. Con xin mượn lời dạy của Người qua *Kệ Chơn Lý - Giới Phật tử* thay cho lời kết cũng là ước nguyện của hàng Phật tử chúng con sẽ cố gắng thực hành cho thật tốt để không phụ công ơn của Người:

*Giới giữ cho thân sạch lỗi lầm,
Cho tâm như ngọc luyện dồi tâm.
Cho hoa trí tuệ tươi ngàn kiếp,
Cho quả từ bi đẹp bội phần.*

Kệ Chơn Lý: Giới Phật tử - NT. Huỳnh Liên

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

VÀI DÒNG CẢM NHẬN

★ Ngọc An - Phật tử Tịnh xá Ngọc Phương

Nhân ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của Ni trưởng Huỳnh Liên, Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, tịnh xá Ngọc Phương Tổ đình Ni giới Hệ phái Khất sĩ đã tổ chức cuộc thi về Cuộc đời, Công hạnh và Đạo nghiệp của Ni trưởng Đệ nhất. Chúng con nghĩ đây là một việc làm rất có ý nghĩa, tạo điều kiện cho Phật tử chúng con hiểu biết về thân thế, đạo nghiệp, công hạnh cũng như tài đức của Ni trưởng Đệ nhất.

Trên nổi truyền “Thích Ca chánh pháp” dưới tiếp dẫn hậu lai, Ni trưởng đã lèo lái con thuyền Ni giới Khất sĩ khi đức Tổ Sư vắng bóng cho đến ngày Người viên tịch. Với bốn mươi năm gian truân, vất vả, từ những ngày đầu mở đạo khi Phật tử chưa biết đến các nhà Sư trì bình khất thực phải chịu bữa đói bữa no, nghỉ chân nơi mồ hoang nghĩa địa, cho đến hôm nay Ni giới Khất sĩ đã hơn ngàn vị, Tịnh xá mọc lên khắp các miền của đất nước và còn lan rộng đến các nước như Mỹ, Úc, Canada... Ni chúng tốt nghiệp các trường Phật học ngày càng nhiều. Tất cả đều là nhờ vào công ơn của Ni trưởng đã cống hiến cuộc đời mình vì Ni giới, vì đạo pháp, vì quê hương đất nước. Ni trưởng là tấm gương trong sáng dung hòa giữa đạo và đời theo truyền thống thương người và yêu quê hương đất nước của dân tộc Việt Nam. Vì thế Ni trưởng rất được người dân trong cả nước ngưỡng mộ về tài đức của Người.

Ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 của Ni trưởng, là Phật tử chúng con nguyện cố gắng tu tập, dứt các phiền não, khổ đau... để tâm mình được thanh thoát nhẹ nhàng, làm được nhiều việc tốt theo khả năng của mình, giúp đỡ người khó khăn, hoạn nạn, bệnh hoạn, để cho xã hội bớt đi những người đau khổ và bất hạnh. Mong sao những cuộc thi như thế này sẽ được Tổ đình Ngọc Phương tổ chức nhiều lần nữa để Phật tử chúng con có cơ hội hiểu biết thêm nhiều điều về Phật giáo.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ

★ Huyền Phương (Theo giacngo.vn)

Đạo Phật Khất sĩ là một hệ phái biệt truyền, đầu tiên chỉ có ở Nam Bộ, xuất hiện năm 1943 do Tổ sư Minh Đăng Quang thành lập, với chí nguyện “*Nói truyền Thích Ca Chánh pháp*”.

Cũng trong lúc này, Ni trưởng Huỳnh Liên vốn mang tâm niệm ưa thích việc tu trì, buổi đầu tiên với 24 tuổi đời đầy hoa mộng và nhiều hương sắc nhưng lúc nào cũng ôm ấp hoài bão tìm phương cứu khổ nhơn sanh. Sau một thời gian tìm hiểu học đạo, Ni trưởng cùng hai bạn đồng hành là NT. Bạch Liên và NT. Thanh Liên được Đức Tổ sư chứng minh làm lễ xuất gia vào ngày mùng 01.04.1947 tại Linh Bửu tự. Không bao lâu, cả ba vị đều được truyền thọ giới pháp Y bát Khất sĩ và NT. Huỳnh Liên được Tổ sư ủy thác trọng trách tiếp Ni độ chúng. Từ năm 1947 đến năm 1987, tròn 40 năm, công hạnh - trí tuệ của Ni trưởng đã tỏa sáng khắp nơi.

1. Thời khởi thủy (1947 - 1954):

Nói tiếp tâm nguyện sáng lập Đạo Phật Khất sĩ biệt truyền do Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang phác họa và triển khai trên nền tảng tư tưởng dung hợp Nam Bắc tông Phật giáo qua bộ “Chơn lý”. Đây là bộ Kinh hình thành đầu tiên tại Nam Bộ, hoàn toàn không lệ thuộc vào kinh chữ Hán. Qua tên gọi, bộ Kinh muốn đưa ra một phương thức sống và hành đạo thông qua đời sống phạm hạnh của vị Sa môn Khất sĩ, thực hành Cụ túc giới và Tứ y pháp Trung đạo:

“Một bát cơm ngàn nhà.

Thân đi muôn dặm xa.

Ghi lòng sự sanh tử.

Độ chúng thánng ngày qua”.

Hệ phái Khất sĩ ngày càng phát triển, Ni giới ngày càng đông, nổi gót Tổ sư tu học.

Với hạnh nguyện làm chiếc thuyền chở che phái nữ, Ni trưởng đã nỗ lực lèo lái Ni giới Khất sĩ (NGKS) song song con thuyền Giáo hội Tăng già, truyền thừa Phật pháp sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Nhờ bi nguyện bao la, đức độ từ hòa và tinh thần không mòn mỏi của Ni trưởng, từ năm 1948 đến 1954, những chiếc y vàng của Ni giới Khất sĩ đã uyển chuyển hiền hòa trong nắng sớm mưa chiều, hội nhập vào lòng người, hiện diện khắp các tỉnh thành hai miền Nam-Trung nước Việt dưới sự trực tiếp chỉ đạo của Đức

Tổ sư. Cho đến ngày mùng 01.02 Giáp Ngọ (1954), Đức Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng, Ni trưởng kế tục sự nghiệp Tổ thầy, trực tiếp lãnh đạo Ni giới Hệ phái trong phạm sự trưởng tử Ni.

2. Thời kỳ phát triển (từ năm 1954 đến nay):

Với “hạnh nguyện Bồ đề”, Ni trưởng đã hướng con thuyền Ni giới Khất sĩ hòa nhập một cách tuyệt diệu giữa Đạo pháp và Dân tộc. Trong sự nghiệp lãnh đạo Ni giới Khất sĩ sau thời kỳ Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng, Ni trưởng thường xuyên hướng dẫn Ni chúng vâng hành Pháp bảo cao quý của Tổ thầy:

“Lâng lâng tâm cảnh, khăng khăng chí nguyện”.

“Bát là ruột, Y là da, bạn thiết châu du cùng thế giới.

Trời làm màn, đất làm chiếu, Tinh thần thông cảm khắp trần gian”.

Ngày 11.01.1958, Giáo hội Ni giới Khất sĩ Việt Nam được thành lập và hoạt động. Tịnh xá Ngọc Phương là trụ sở chính cũng là Tổ đình của Ni giới Hệ phái Khất sĩ ngày nay.

Sau ngày 30.04.1975, đất nước hòa bình, chư Tăng Ni Khất sĩ dừng chân du hóa, tu hành theo lời giáo huấn của Tổ sư: *“Nên tập sống chung tu học. Cái sống là phải sống chung, cái biết là phải học chung và cái linh là phải tu chung”*. Tháng 02.1980, HT. Thích Giác Toàn đại diện Giáo hội Tăng già Khất sĩ, NT. Huỳnh Liên đại diện Giáo hội Ni giới Khất sĩ tham gia Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam. Trong tinh thần hòa hợp, NT. Huỳnh Liên là một trong 6 đại biểu của Giáo phái Khất sĩ tham dự Hội nghị đại biểu thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) vào tháng 11.1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội và trở thành một trong 9 tổ chức Phật giáo, thành viên của GHPGVN ngày nay. Tại Đại hội này, Ni trưởng được mời làm Ủy viên Kiểm soát T.U GHPGVN.

Quá trình hình thành và phát triển của Ni giới Hệ phái Khất sĩ cho chúng ta thấy rõ: NT. Huỳnh Liên đã cống hiến cho Đạo pháp bằng tất cả tâm huyết của mình, dũng cảm thông tuệ, đạo đời dung hợp. Ni trưởng còn là người luôn tìm câu học hỏi, diễn dịch sáng tác và đã trở thành một nhà thơ đạo. Hầu hết các tác phẩm của Ni trưởng đều giản dị chân thành, dễ đi sâu vào lòng người, đã được xuất bản và tái bản nhiều lần. Với hạnh nguyện hoằng dương Chánh pháp qua chủ trương Việt hóa, Người đã diễn thơ các kinh chữ Hán và Pàli ra chữ Quốc ngữ, theo thể văn vần cho dễ học, dễ hiểu, dễ nhớ. Những công trình văn hóa xã hội mà Ni trưởng để lại cho đời cho đạo là những tặng phẩm vô giá với khoảng 2.000 bài thơ kệ đủ loại, hàng ngàn bản văn xuôi. Nội dung văn thơ phần nhiều khích lệ, sách tấn hội chúng xuất gia cũng như tại gia nỗ lực tiên tu đạo nghiệp. Ni trưởng làm thơ với mong muốn cụ thể hóa giáo lý uyên thâm của đạo Phật để cho mọi

người dễ dàng tiếp nhận Chánh pháp. Đây là cách Ni trưởng đem Đạo vào Đời như một cách truyền Pháp nhẹ nhàng và đã trở thành nghệ thuật: linh hoạt, đa dạng, phong phú.

Còn đối với Dân tộc thì cuộc đời Ni trưởng: *“Lấy nghĩa non sông làm nghĩa đạo”* trong bối cảnh lịch sử đất nước Việt Nam đang chiến tranh, vừa là người mẹ hiền của giới học sinh, sinh viên thành phố, vừa là người phụ nữ xứng đáng với danh hiệu cao quý: *Anh hùng - bất khuất, đấu tranh cho quyền lợi giới nữ nói riêng và cho sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất Tổ quốc nói chung*. Chính lòng từ bi, bao dung quảng đại của Ni trưởng đã đem lại hạnh phúc cho biết bao gia đình, bao trẻ mồ côi bất hạnh, bao lớp dân nghèo... Đồng thời vừa là một vị thầy khả kính cho Ni chúng và đồng bào Phật tử. Với cương vị lãnh đạo, những công hiến của Người đã làm rạng danh tu sĩ Phật giáo Việt Nam nói chung và Ni giới Hệ phái Khất sĩ nói riêng.

Sau khi Đệ nhất Ni trưởng Huỳnh Liên, Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam viên tịch 1987, chư Ni trưởng lần lượt tiếp tục lãnh đạo Ni giới Hệ phái Khất sĩ đến nay: Năm 1987, NT. Bạch Liên được suy tôn làm Đệ nhị Ni trưởng, Trưởng NGHPKSVN. Năm 1996, NT. Tạng Liên, Đệ tam Ni trưởng, Trưởng NGHPKSVN. Năm 2002, NT. Tràng Liên, Đệ tứ Ni trưởng, Trưởng NGHPKSVN.

Quý Ni trưởng lãnh đạo hệ phái kế thừa sự nghiệp thực hiện hoài bão của Đệ nhất Ni trưởng, chủ trương cho Ni chúng học thêm văn hóa và nâng cao trình độ Phật pháp, nhằm đào tạo Tăng tài để *“kế vãng khai lai”*.

Xuyên suốt quá trình lãnh đạo mang tính kế thừa, các Ngài đã luôn ý thức trách nhiệm vun bồi cho thế hệ mai sau. Cũng chính vì thế mà Ni chúng Ni giới Hệ phái Khất sĩ ngày nay đa phần đều tốt nghiệp các trường Phật học như: Sơ - Trung cấp, Cao đẳng Phật học, Trung - Cao cấp giảng sư, Học viện Phật giáo... Ngoài ra, một số vị còn tốt nghiệp cử nhân văn chương, báo chí, ngoại ngữ, y khoa, thạc sĩ, tiến sĩ Phật học, giáo dục học, ngôn ngữ học... ở Trung Quốc và Ấn Độ.

Hiện nay, trong dòng truyền thừa có khoảng 150 ngôi tịnh xá và hơn 1.500 Ni chúng ở khắp hai miền đất nước, cùng hòa hợp kế thừa phát triển sự nghiệp độ sanh của Ni trưởng.

Hơn 60 năm qua, kể từ ngày quý Ni trưởng lãnh đạo Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam lần lượt xả bỏ dương trần huyễn mộng... hình bóng của quý Ngài vẫn luôn ngự trị đậm nét trong lòng Ni chúng. Những đóng góp cho Đạo pháp và Dân tộc mà quý Ni trưởng đã thực hiện tuy còn khiêm tốn so với chiều dài lịch sử, nhưng qua đó chúng tỏ sự hòa nhập tích cực vào những hoạt động của GHPGVN, đồng thời giữ gìn truyền thống tốt đẹp -

đặc thù của Hệ phái biệt truyền mà Tổ sư đã dày công tạo dựng và các bậc tôn túc lãnh đạo kế thừa, phát huy cho đến ngày nay.

GIỚI PHẬT TỬ

★ Ngọc Linh - Phật tử Chùa Thuận Phước

Đệ nhất Ni trưởng là bậc nữ lưu anh tài, Ngài có lòng từ bi, có trí tuệ cao siêu, có tình yêu quê hương mãnh liệt. Ngài giúp đời hiểu đạo, đưa Đạo vào Đời bằng những bài văn thơ tuyệt phẩm, rất phong phú và rất sâu sắc. Nói về văn thơ của Ni trưởng có nhiều bài rất hay, rất có ý nghĩa. Nhưng con tâm đắc nhất là *Kệ Chơn Lý - Số 55 “Giới Phật Tử”* trang 260.

Như chúng ta đã biết, mỗi người sinh ra lớn lên ai cũng tạo ra nhiều tội lỗi, dù kiếp này mình ăn hiền ở lành, tạo nhiều thiện căn nhưng mình đã tạo tội ở những kiếp quá khứ vì trong Kinh Đức Phật có dạy rằng: *“Con người sinh ra do nghiệp, con người là chủ nhân của nghiệp, và tự kế thừa nghiệp của mình”*.

Muốn chuyển nghiệp là phải tu, tu là chuyển nghiệp. Vậy tu là gì ? Tu là sửa cái ác thành cái thiện, sửa cái xấu thành cái tốt, sửa dở thành hay, đó là tu. Vì biết đời trước mình tạo nhiều nghiệp nặng cho nên kiếp này mình phải biết vào Chùa Quy Y Tam Bảo, hướng về ba ngôi quý báu đó là Phật Pháp Tăng để trở thành người Phật tử, biết giữ Giới luật do đức Phật chế ra. Vì sao chúng ta phải giữ giới, giữ giới để làm chi?

*“Giới giữ cho thân sạch lỗi lầm,
Cho tâm như ngọc luyện dôi tâm.
Cho hoa Trí huệ tươi ngàn kiếp,
Cho quả Từ bi đẹp bội phần”*.

1. Giới giữ cho thân sạch lỗi lầm:

Trong quyển Chơn Lý Giới mà Đức Phật dạy cho người Phật tử tại gia và xuất gia là 10 giới trọng và 48 giới kinh và đó cũng là giới Bồ tát. Nhưng ở đây, vì thời gian có hạn, con chỉ phân tích 5 giới cơ bản của người Phật tử. Mong quý Ngài ban hỷ cho con.

1.1. Giới thứ 1 : Không sát sanh

Không những chúng ta giữ giới không sát sanh, mà chúng ta còn phải phóng sanh. Không sát sanh là chúng ta có lòng từ bi, mà phóng sanh để chúng ta được trường thọ, không bị oan gia trái chủ, không bị báo ứng luân hồi. Ni trưởng dạy:

*“Giữ giới răn, không tạo nghiệp đau thương,
Sống an lạc cõi trường xuân bất lão”*.

1.2. Giới thứ 2: Không trộm cắp

Của cải người không cho mà mình lấy là phạm giới, không những phải giữ giới không trộm cắp, mà còn phải bố thí cúng dường để kiếp sau được giàu sang phú quý.

1.3. Giới thứ 3 : Không tà dâm

Sống chung thủy một chồng một vợ, không quan hệ nam nữ bất chánh để chúng ta có gia đình hạnh phúc.

1.4. Giới thứ 4 : Không nói dối

Không nói vọng ngữ, ý ngữ, lưỡng thiệt, không nói lời ác.

Không nói chuyện, chuyện có nói không, không nói đâm thọt, không nói hai chiều, không nói lời ác.

Ni trưởng dạy:

*“Miệng ta là cánh hoa sen,
Một khi hé nở, một phen thơm lừng!
Tiếng ta là gió mùa xuân,
Một cơn thổi nhẹ, muôn dân mát lòng!”*

1.5. Giới thứ 5: Không uống rượu

Chẳng những không được uống rượu, mà còn cấm bán rượu, giữ được giới này để mình có sức khỏe, có trí tuệ.

Đó là 5 giới cấm đề Thân, Khẩu trong sạch. Bây giờ đến Tâm Ý như thế nào?

2. Cho tâm như ngọc luyện dôi tâm

Cho Tâm như Ngọc: Ngọc ở đây là ngọc ngà châu báu, phản chiếu lấp lánh, ngọc không mài không dũa thì không trở thành lưu ly. Tâm chúng ta cũng vậy, mỗi ngày chúng ta phải biết thanh lọc tâm để ngăn ngừa điều ác, phát triển những điều lành. Người Phật tử chúng ta khi Quy y Tam bảo, được mang họ Ngọc, được mặc chiếc áo giới màu Trắng, biểu hiện những tâm hồn trong trắng thanh cao như Ni trưởng dạy:

*“Sắc tinh anh, cánh băng tuyết nõn nà.
Màu sạch trong, áo cư sĩ tại gia,
Màu tiêu biểu, những tâm hồn thanh khiết”.*

Giữ giới cho Thân Khẩu Ý trong sạch là : Có sắc đẹp không những đẹp bên ngoài mà còn đẹp từ trong tâm hồn, lại thêm có trí tuệ.

3. Cho hoa trí tuệ tươi ngàn kiếp

Người thế gian nói đến Hoa là chỉ cho hoa Cúc, Lan, Huệ, Đào... Hoa

nào rồi cũng tàn, nhưng chỉ có Hoa Trí Tuệ mà Ni trưởng đã ẩn dụ là loài *Hoa tươi ngàn kiếp*. Trí Tuệ đây là người có trí tuệ có sự hiểu biết, biết làm lành lánh dữ, biết quy chính bỏ tà, người có trí tuệ làm việc gì cũng nghĩ đến hậu quả của nó, người có đức hạnh, có tâm từ bi luôn luôn như cánh hoa thơm ngát.

Trong Kinh Pháp Cú Phẩm Hoa câu 51 Đức Phật dạy:

*“Mùi hương các thứ danh hoa,
Tuyệt thơm nhưng khó sánh qua hương người.
Hương người đức hạnh thanh tươi,
Xông lên bát ngát khắp vời Thiên cung”.*

4. Cho quả từ bi đẹp bội phần

Người ta thường nói: “cây lành thì sanh trái ngọt”.

Đạo Phật vốn Đạo của từ bi, Đạo cứu khổ, ban vui cứu giúp mọi người hết khổ đem lại niềm vui đến cho tha nhân. Nói thì dễ nhưng làm thì khó, ví như trong thực tế, cuộc sống ai cũng mong cầu niềm vui, niềm an lạc đến với mình, mà đâu phải mình mong muốn có là được, mình phải gieo tạo mới có gặt hái, mình phải biết đem niềm vui hạnh phúc đến cho người để mình được an lạc hạnh phúc, mình phải thương người để người thương mình. Mỗi ngày mình biết gieo chút phước đức giúp dân lành, để mình có cuộc sống tốt đẹp.

Ni trưởng dạy trong bài *Cư Sĩ*:

*“Tu phước ngày đêm cội phước trồng,
Phước trồng thấm thoát huệ sanh bông.
Quên thân vì đạo lòng thơ thới,
Học pháp, hành thiền, trí sáng thông”.*

Nhờ sự chuyên hoá nội tâm bằng những bài thơ, bài văn hùng hồn cảnh tỉnh Ni trưởng đã làm tăng thêm nhân cách cho chúng con để chúng con sống tốt Đồi đẹp Đạo mà trưởng thành trong Chánh pháp.

Qua bốn câu thơ vừa phân tích cho chúng con hiểu rằng, nhờ có giới luật mà chúng con thoát khổ, nhờ giữ giới luật mà khi bỏ thân này không bị đọa vào 3 đường ác. Trong cuộc sống không ai thập toàn, thập mỹ, chúng con hứa sẽ biết tu sửa, noi gương theo hạnh từ bi và trí tuệ của Ni trưởng, Ngài xứng đáng là bông sen vàng trước ngôi Bảo tọa, chúng con nguyện tiếp bước theo Ngài, nguyện giữ giới trong sạch cho đến ngày giải thoát.

Xin thành kính, kính chúc chư tôn đức pháp thể khinh an, Bồ đề viên mãn, Phật sự viên thành, để hoàng dương Chánh pháp, quý Ngài mãi mãi là những bậc Thầy cao cả để hướng dẫn, dạy dỗ chúng con từng bước đúng

đăng ở cõi ta bà.

Xin cầu chúc toàn thể quý Phật tử nhiều sức khỏe, nhiều niềm vui, luôn sống an lành trong Chánh pháp.

GIÁC NGỘ

★ Ngọc Điều - Phật tử Chùa Thuận Phước

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính lạy Đức Tổ Sư, Tổ khai sáng Hệ phái Khất sĩ

Kính lạy giác linh chư vị Ni trưởng

Kính bạch Quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư Cô

Kính thưa toàn thể Quý Phật tử

Hôm nay nhân ngày lễ tưởng niệm 30 năm của Đệ nhất Ni trưởng, con xin thành kính cuối đầu lễ tạ thâm ân. Người là vị Bồ tát hóa thân, là một vĩ nhân đại đức. Người đã truyền thừa lại cho hàng hậu học chúng con một kho tàng pháp bảo vô giá, những bài thơ, bài kệ của Ngài là vàng thái dương, là ngọn đèn chân lý, xoá tan bóng tối vô minh dìm dặt chúng con lia bỏ bờ mê quay về bến giác.

Hôm nay con xin trình bày một ý nhỏ trong hai từ “*Giác Ngộ*”, kính dâng lên giác linh Ni trưởng, ngưỡng mong đức Ngài hoan hỷ chứng minh.

Trong cuộc sống, thân bằng quyến thuộc gần xa, bạn bè xa gần, xóm giềng sống chung quanh ta rất là đông, nhưng chỉ có một số ít biết vào chùa quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới, ăn chay niệm Phật làm lành lánh dữ, biết cúng dường bố thí, tin nhân quả và tin vào Phật pháp. Đây là bước đầu sơ cơ trên con đường đi đến giác ngộ giải thoát.

Giác ngộ là tâm chúng ta ngộ ra một chân lý thường hằng vĩnh cửu diệt trừ được gốc bản ngã của mình, không còn vọng tưởng không còn tham, sân, si, đoạn lìa khổ đau phiền não, đưa tâm linh chúng ta đến một cảnh giới thanh tịnh. Trong bài *Kệ Chân Lý bài số 64*, Ni trưởng Đệ nhất có dạy:

Có khổ nào hơn khổ tử sanh,

Giọt sương, bọt biển, kiếp tơ màn.

Trần gian vốn là biển khổ mà chúng ta đời đời kiếp kiếp trôi lăn mãi không thoát ra được, trong khi tám vạn bốn ngàn pháp môn đang mở mà chúng ta không thể nào thoát ra được là do vô minh che lấp, chúng ta không phân biệt được đúng sai, thiện ác. Sống trong vọng tưởng tạo ra biết bao điều xấu ác tội lỗi để rồi trôi theo dòng nghiệp ràng buộc cuốn trôi ta trầm luân trong sáu nẻo luân hồi. Như chúng ta cũng biết tiền tài, danh vọng, tham dục, luyến ái và vạn vật trên thế gian đều vô thường, thân ta cũng vô thường, tâm ta cũng vô thường, ta biết tất cả đều vô thường nhưng cái biết chỉ là hình thức bên ngoài, chứ không thật sự rõ biết, cho nên cái biết không

thâm sâu vào trong tâm thức của chúng ta, nên không diệt trừ được gốc bản ngã, còn chấp thân này là của ta là còn vọng tưởng, vọng tưởng là duyên khởi cho tham, sân, si. Tham, sân, si là nguồn gốc tạo ra ác nghiệp đem đến khổ đau phiền não và trầm luân trong sáu nẻo luân hồi.

Thuở Đức Phật còn tại thế, Đức Thế Tôn đã nhìn thấy được vì sao chúng sanh mãi đắm chìm trong biển khổ, vì thương xót chúng sanh, nên Ngài mới truyền thừa lại cho chúng ta bốn chiếc chìa khóa vạn năng từ bi, hỷ, xả để mở cánh cửa vô minh, trong *Kệ Chân Lý* bài 30 có dạy:

*Từ bi ban rải tiêu oan trái,
Hỷ xả hoà đồng dứt hận sân.*

Trong cuộc sống hằng ngày những điều thuận theo ý ta thì ít, những điều nghịch lại ý ta thì nhiều, nhưng những điều nghịch lại ý ta là cơ hội để ta trải tâm từ bi hỷ xả, mở cửa vô minh cho chính mình. Trong bài pháp “*Tổ Bách Trượng*” và “*Ông Già Chôn*” có dạy: “*Không làm nhân quả*”, có nghĩa là trong cuộc sống hiện tại chúng ta đang được giàu sang quyền cao chức trọng, hay nghèo hèn khốn khổ, chúng ta có đầy đủ trí huệ hay ngu khờ dốt nát, chúng ta đang hưởng phước hay đang gặp họa là do chúng ta tự tạo ra kiếp này hay nhiều kiếp khác, hôm nay đúng thời duyên chúng đến tìm ta, chớ không bị chi phối bởi một vị thánh nhân nào hay một vị chư thiên, Trời, Phật nào có đủ quyền năng, vì thương chúng ta mà ban phước cho ta, hay ghét chúng ta mà đem tai họa đến cho ta. Trong bài thơ *Giới Sát*, Ni trưởng có dạy:

*Muốn qua khỏi biển luân hồi,
Quả kia phải hái cho rồi đừng gieo.
Dừng chân thì bóng chẳng theo,
Nhơn tay thì nghiệp chẳng theo bên mình.*

Ni trưởng dạy chúng ta muốn qua khỏi biển luân hồi thì phải hái hết những quả đắng cay mà ta đã gieo trồng từ trước, nếu như tâm ta còn vọng tưởng tham, sân, si đối trá lại những gì nghịch với ý ta là ta hái một trái ớt mà trồng lại một cây ớt.

Trong lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà nếu chúng sanh nào trước khi xả bỏ báo thân niệm danh Ngài 10 tiếng thì được Ngài rước về cõi Tây phương Cực lạc. Chúng ta đừng nhầm tưởng mỗi ngày ta niệm một hai trăm tiếng A Di Đà Phật thì khi xả bỏ báo thân được Phật A Di Đà rước về cõi Tây phương Cực lạc, không phải vậy. Trong bài thơ “*Nguyện Về Cõi Phật*”, Ni trưởng có dạy:

*Càng quanh lộn mãi, càng si mê hoại!
Mảng lo xây đắp mộng đài,*

*Ở nơi huyền cảnh đặc dài thời gian!
Niên hoa mấy độ nở tàn,
Chủ nhân khuất bóng trong màn vô minh.
Cõi trần kiếp kiếp lụy mình,
Dây thương vẫn vít, lưới tình bủa giăng!
Áo quần vật chất trời trăng,
Cửa nhà nhốt phật, miếng ăn hành hà.*

Vì sao Ni trưởng dạy: “*Niên hoa mấy độ nở tàn, chủ nhân khuất bóng trong màn vô minh*”, bởi vì khi ta niệm một câu A Di Đà Phật thì trên ao thất bảo cõi Tây phương Cực lạc một đóa sen được mọc lên, nhưng miệng ta niệm A Di Đà Phật mà tâm ta không hướng về cõi Phật, trong tàng thức của chúng ta không có cảnh giới của Tây phương Cực lạc, không có thân kim sắc của Phật A Di Đà. Miệng ta niệm A Di Đà Phật mà tâm ta hướng vọng về tiền tài danh vọng, tham dục, luyến ái của thế gian, khi ta xả bỏ báo thân ta không thể nào về Tây phương Cực lạc được. Nếu như chúng ta còn sơ cơ, còn thấp kém ta không hiểu được những giáo lý cao sâu ta không thể thực hành theo được, thì hàng ngày ta nên “*Quán Tâm*”, có nghĩa là nhìn lại tâm mình, nếu như tâm ta hướng vọng theo từ bi hỷ xả thương yêu giúp đỡ những người xung quanh, ăn chay niệm Phật làm lành lánh dữ hay bố thí cúng dường, đây là kết quả an vui giải thoát. Nếu như tâm chúng ta hướng vọng theo hơn thua tham, sân, si, tham dục luyến ái của thế gian, thì đây là kết quả của khổ đau phiền não và trầm luân trong biển khổ.

Nếu như chúng ta có đầy đủ trí huệ tinh thông các pháp, hiểu thông giáo lý mà chúng ta không đem những điều hiểu biết áp dụng trong cuộc sống hàng ngày, ta không đem những điều hiểu biết đó làm bài trắc nghiệm cho chính bản thân ta. Mỗi ngày ta niệm trăm tiếng A Di Đà Phật, làm mười việc phước lành, nhưng chỉ mong cầu lợi dưỡng thì đời đời kiếp kiếp ta không thể nào về cõi Tây phương Cực lạc được.

Hai từ “*Giác Ngộ*” ý pháp rất cao sâu thù thắng, với ý kém của con không thể nào giải thích hết được.

Đây là một ý nhỏ hiểu biết của con, xin kính dâng lên quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư Cô hoan hỷ chứng minh.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

CUỘC ĐỜI VÀ CÔNG HẠNH CỦA SƯ BÀ

★ Ngọc Hưng - Phật tử Chùa Thuận Phước

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức,

Kính bạch quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư Cô,

Kính thưa toàn thể đại chúng.

Ngày 19 tháng 3 năm 2017 là ngày tưởng niệm Sư bà Ni trưởng Đệ nhất lần thứ 30.

Con là Phật tử Ngọc Hưng chùa Thuận Phước có duyên phước mới được trở về Tổ đình Ngọc Phương dự thi và thuyết trình về cuộc đời và công hạnh của Sư bà Ni trưởng Đệ nhất.

Con xin cúi đầu đảnh lễ Sư bà, quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư cô với tấm lòng thành kính biết ơn và trân trọng.

Chúng con cảm kính Sư bà là một bậc thiêng liêng cao cả, một đời vì đạo pháp, một đời vì quê hương đất nước và chúng sanh muôn loại.

Con ít học tu muộn nhưng nhờ đi chùa thường xuyên mỗi lần lễ lớn hoặc ngày Rằm cúng hội thì Sư cô, Sư phụ, Sư thầy chùa Thuận Phước thuyết giảng kể về cuộc đời và công hạnh hành đạo của Sư bà. Chúng con được nghe thật là xúc động và rất hãnh diện về Sư Bà.

Sư bà theo Đức Tổ sư du hành học đạo và hành đạo từ năm 1948 đến năm 1954 thì Đức Tổ Sư lâm nạn và vắng bóng.

Bão xây, gió cuốn, mây vùn,

Ào ào lá rụng, lằn lằn quả rơi.

Bồ đề thọ tươi bời hao hớt,

Bồ đề tràng thưa thớt quạnh hiu.

Sư bà kế tục sự nghiệp Tổ Thầy trực tiếp lãnh đạo hàng Ni chúng Khất sĩ trong phạm sự Trưởng Ni giới Khất sĩ. Sư bà tay yếu chân mềm nhưng có tấm lòng bao la rộng lớn chí khí kiên cường, hoá đau thương thành sức mạnh để vững niềm tin lèo lái con thuyền Bát nhã trong đêm tối. Sư bà đem ánh đuốc Chân lý thấp sáng từ Nam đến Trung, mở rộng con đường hành đạo hóa độ chúng sanh, kiến tạo nhiều Tịnh xá thu hút hàng ngàn tín đồ Phật tử.

Trong những năm chiến tranh gian khổ, Sư bà vì yêu dân mến nước nên không thể ngồi yên, Sư bà tham gia xuống đường đấu tranh giành quyền lợi

giúp đỡ học sinh sinh viên đòi quyền sống tự do cho dân tộc. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Sư bà khuyến khích Ni chúng học hỏi mở rộng kiến thức Nội điển cũng như Ngoại điển để cho ánh sáng đạo vàng tỏa sáng muôn nơi. Đối với xã hội, Sư bà tiếp tục con đường từ thiện, giúp đỡ người nghèo, trẻ mồ côi, những thương bệnh binh, những nơi thiên tai bão lụt và những mảnh đời đau khổ mà chiến tranh đã gây ra.

Công hạnh phụng Đạo giúp Đời của Sư bà đã được Hoà thượng Thích Từ Thông khen tặng:

*“Chi bất khuất vì Hạnh Phúc Tự Do,
chiếc áo Khất sĩ làm vẻ vang trong Ni giới;
Nguyện kiên cường cho Hòa Bình Độc Lập,
tấm thân nữ lưu nêu gương sáng chốn Tông lâm”.*

Từ năm 1976 đến 1981 nhiều nhiệm kỳ Sư bà đảm nhiệm chức vụ Đại biểu quốc hội khóa VI. Phó chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy viên Ủy ban Trung Ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhiều chức vụ khác...

Sư Bà để lại rất nhiều Kinh kệ được dịch ra Việt văn, theo nhiều thể thơ như *Tinh Hoa Bí Yếu, Kinh Tam Bảo*. Trong *Tinh Hoa Bí Yếu* có những bài Kinh được Sư bà chuyển dịch ra thơ rất dễ đọc, dễ học và dễ nhớ, như là: *Kinh Di Giáo, Kinh Từ Bi, Kinh Vô Ngã Tướng, Kinh Pháp Cú... Trong Kinh Tam Bảo Sư Bà viết Kinh A Di Đà, Kinh Phổ Môn, Kinh Báo Hiếu, Kinh Vu Lan ...*

Như *Kinh Pháp Cú* được Sư bà chuyển dịch ra thơ rất dễ đọc dễ học và dễ nhớ, vì vậy trong đó con tâm đặc nhất những câu kệ nói về “cái tâm” như:

*Trong các Pháp do tâm làm chủ,
Tâm dẫn đầu tạo đủ các duyên.
Tâm như tạo nghiệp chẳng hiền,
Như xe lăn bánh, khổ liền theo sau.
Trong các Pháp do tâm làm chủ,
Tâm dẫn đầu tạo đủ các duyên.
Tâm thanh tạo nghiệp tốt hiền,
Như hình dọi bóng, vui liền theo sau.*

Những bài kệ khác như là *Thân, Khẩu, Ý, Nhãn...* Sư Bà dạy cho chúng con biết thân này là vô thường,

*Thân này chưa biết ra chi,
Của kia lại có chắc gì mà ham?*

Phải nên giữ gìn khẩu nghiệp:

*Nói chi mắng nhiếc tung bừa,
Miệng xây núi nghiệp biết chừng nào tan?
Nói chi chửi rửa kêu vang,
Lưỡi đào hố nghiệp biết đàng nào lên?*

Là người Phật tử phải biết cúng dường, ăn chay phóng sanh, bố thí, biết thương người nghèo khó, những người già yếu, những người neo đơn và hòa đồng với những người chung quanh, đừng nên bòn xén, keo kiệt, ích kỷ, tham lam thì ngày nhắm mắt chẳng còn chi cả. Còn ngược lại, người có tấm lòng từ bi hỷ xả, thì:

*Ngày nhắm mắt chẳng lo chi nữa,
Khỏi âm công tích chứa từ xưa,
Néo về đã có người đưa,
Cõi riêng đã có phước thừa an vui.*

Thơ văn, Kinh kệ của Sư Bà viết rất là phong phú, dạt dào, đây là những di sản văn hóa thiêng liêng tuyệt vời mà Sư Bà đã để lại cho đời sau. Đặc biệt là *Lời Di Huấn* của Sư Bà nhắc nhở đoàn hậu học chúng con luôn tinh tấn dũng mãnh tu tập, khi “ngày đã tận” không còn gì nữa, chỉ còn lại “Giới Định Tuệ” với chí nguyện cao cả:

*Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo pháp cho tình Quê hương.*

CHẾ PHỤC LỤC CĂN

★ Ngọc Tấn - Phật tử Tịnh xá Ngọc Tháp
Thị xã Kiến Tường - Long An

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Kính bạch Chư Tôn Đức trong Ban Tổ Chức
- Kính bạch Chư Tôn Đức trong Ban Giám khảo
- Kính thưa quý bạn đạo dự thi

Con pháp danh Ngọc Tấn, Phật tử Tịnh xá Ngọc Tháp - Thị xã Kiến Tường - Long An, tham gia vào cuộc thi hôm nay, với tinh thần nhớ và đền ơn các bậc Thầy Tổ đã vun bồi huệ mạng cho chúng con.

Con xin thuyết trình chủ đề trong Kinh Pháp Cú phẩm Tỳ kheo - câu 360- 361.

Chế phục được nhãn căn

Chế phục được nhĩ căn

Chế phục được tỷ căn

Chế phục được thiệt căn

Chế phục được thân căn

Chế phục được ý căn

Lành thay chế phục lục căn

Tức thì giải thoát các phần khổ đau

Câu thứ nhất Đức Phật dạy: “*Chế phục được nhãn căn*”. Khi nhãn căn được chế phục mắt chúng ta chỉ thấy một màu thanh tịnh. Không nhiễm sắc trần thì sẽ không sanh ra buồn giận, thương ghét, mến, yêu hay liếc trộm nhìn xiên, rồi dậy khởi dục tình, phân biệt đủ điều đẹp xấu, khen chê. Khi ấy chúng ta thấy vạn cảnh mà tâm không mê nhiễm, lúc nào nhìn con người cũng đượm vẻ từ bi. Sắc nước nghiêng thành lòng chẳng ước chi, phú quý công danh xem như giấc mộng.

Mắt thường thanh tịnh quan chiêm,

Đừng hay nhìn liếc, kiếm tìm chi chi.

Ngó đường chánh, ngó nẻo đi,

Ngó vào tâm trí, kiên trì không rời.

Và khi chế phục được nhĩ căn thì tâm chúng ta mới được sung sướng thanh nhàn, nguyện xa rời sắc tướng thanh âm, tiếng nịnh hót khen chê lòng không mê nhiễm, nghe lại tự tánh mình hòa vào thể vô sanh.

Có câu:

*Tai thường thanh tịnh thành thoi,
Đừng hay nghe lóng những lời đơn sai.
Nghe thuyết pháp, nghe giảng bài,
Nghe vào tâm trí, hôm mai sửa mình.*

Và chế phục được tử căn: Phật dạy:

*Mũi thường thanh tịnh trong lành,
Đừng hay ngửi hít thơm tanh thế thường.
Người Giới hương, người Định hương,
Người vào tâm trí, hơi thường tinh anh.*

Đó là những câu thơ trong bài kệ Ý mà Cố Đệ nhất Ni trưởng viết trong kinh Tam Bảo để chỉ cho những người đã chế phục được tử căn, khi ấy chúng ta không còn mê đắm mùi hương, hay phân biệt hương trầm, tinh tấn tu hành cho đạt ngũ phần hương: Hương Giới, hương Định, hương Tuệ, hương Giải thoát, hương Giải thoát tri kiến, phát triển những hạnh lành cho phiền não tiêu tan. Khi thở vô biết rõ ràng, thở ra cũng nhận biết rõ ràng, hơi thở ra vô, dài ngắn, đều nhận biết rõ ràng, thì sẽ được minh tâm kiến tánh, được an tịnh trong thế chơn như, như lời Ni trưởng Đệ nhất đã dạy:

*Thở vô dài biết thở vô dài,
Khi thở ra dài cũng biết ngay.
Hơi thở ra vô dài hoặc ngắn,
Biết liền quán sát, giác tâm khai.*

(Kệ Chơn Lý - Sở tức quán)

Còn nếu như thiết căn được chế phục, tức thì nghiệp lưới không còn tham miếng ăn ngon mà sát sanh hại vật, hay chuyện có nói không, buông lời gian dối, lảm chuyện điêu ngoa, thêu dệt trăm điều, không còn tham đắm vị ngon đủ loại trên đời. Ôi thật buồn khi có 3 tất lưới mà gian dối lọc lừa nguy hiểm khen chê.

*Con nguyên vượt khỏi sông mê.
Trang nghiêm giới luật nói lời kệ kinh.
Soi đèn trí tuệ quang minh,
Cho người hiểu được tánh linh nhiệm màu.*

Tiếp theo Đức Phật dạy: Chế phục được thân căn vì nếu không chế phục được thân căn ta sẽ tạo ra vô vàn tội lỗi, nào là sát sanh, trộm cắp và dâm. Ta phải nên tu tâm tinh trí, đem thân phàm làm lợi ích giúp chúng sanh, nguyện trở về thanh tịnh pháp thân, khai mở từ tâm, trang nghiêm tịnh độ, rời ngã chấp sang bờ giác ngộ, đèn đáp tứ trọng ân cứu khổ ba đường.

Thân thường thanh tịnh xúc trần,

*Đừng hay ô nhiễm xúc căn đưng sờ.
Sờ diệu lý, nắm huyền cơ,
Sờ vào tâm trí, xem hờ kéo quên.*

Tiếp theo là câu “*Chế phục được ý căn*”, khi ý căn được chế phục thì mọi tâm vong đều tiêu tan hết, khi ấy tham, sân, si không còn. Tam độc không còn thì phiền não cũng tiêu tan, lúc ấy chánh niệm sẽ sáng soi trên mỗi bước đường chúng ta đi, lòng gian tham không còn che đi tánh thiện, lửa hận thù không còn vùi lấp hạt giống từ bi.

*Ý thường thanh tịnh tự nhiên,
Đừng hay vọng tưởng, rồi ren mơ màng.
Tưởng Bát chánh, tưởng Tam không,
Tưởng vào tâm trí, tập trung điển lành.*

Câu kết là:

*Lành thay chế phục lục căn,
Tức thì giải thoát các phần khổ đau.*

Đó là bài kệ mà Đức Phật dạy cho chúng ta thấy được sự giải thoát và hạnh phúc, khi chế phục được lục căn.

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân,
Sáu căn tiếp xúc sáu trần nhiễm mê.
Giống như địch thủ gần kề,
Phải nên nhiếp phục hộ trì sáu căn.
Biết rành tập khởi căn trần,
Biết rành đoạn diệt ân cần xả ly.
Nội tâm an tịnh kịp thì,
Cuộc đời chấm dứt thị phi não phiền.*

Trong bài thuyết trình, sự hiểu biết của con còn nông cạn, có điều gì sơ sót, kính mong Chư Tôn Đức hoan hỷ tha thứ.

Lời sau cùng con xin kính chúc Chư Tôn Đức Pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu, kính chúc quý bạn đạo bồ đề tâm kiên cố, tinh cần tu học và nguyện chúng ta sẽ mãi gặp nhau trong chánh pháp.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

KHẨU

★ Ngọc Trí - Phật tử Tịnh xá Ngọc Tháp
Thị xã Kiến Tường - Long An

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Kính bạch Chư Tôn Đức trong Ban Tổ Chức
- Kính bạch Chư Tôn Đức Ban Giám Khảo
- Kính thưa quý bạn đạo thí sinh.

Nhân ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 Ni trưởng Huỳnh Liên, Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, tại Tổ đình Ngọc Phương tổ chức thi về cuộc đời và đạo nghiệp của Ni trưởng, trong đó có mục thi thuyết trình. Con pháp danh Ngọc Trí, Phật tử Tịnh xá Ngọc Tháp, Thị xã Kiến Tường - Long An, con xin được thuyết trình chủ đề : “*Khẩu*” trong *Phụ Lục Kế Ngôn - Kinh Tam Bảo* trang 162.

Kính bạch Chư Tôn Đức,

Kính thưa quý bạn đạo.

Theo lời Phật dạy: Thân, Khẩu, Ý là 3 nơi gieo tạo nghiệp, con người tạo nghiệp là do thân, khẩu, ý.

Nghiệp là sự tạo tác nên nghiệp lành hay dữ.

- Khẩu nghiệp là một trong 3 nghiệp rất quan trọng cho nên đối với người cư sĩ Phật tử tại gia Đức Phật đã chế định giới, để người Phật tử vâng giữ trong đó giới thứ 4 là không nói dối, phát xuất từ khẩu để tạo nghiệp và sẽ kết tập thành quả, khẩu là tội mà người bình thường như chúng ta, khi khởi tâm sân, tâm đố kỵ dễ tạo ác nghiệp. Nên trong *Kệ Xưng Tụng Tam Bảo*, Cổ Ni trưởng Đệ nhất khuyên dạy :

“Trăm năm vật đổi người dời.

Một câu quý giá, muôn đời còn ghi.

Mở lời trước cần xét suy,

Rằng ta cất tiếng ích chi chẳng là?

Bằng như lời ấy thốt ra,

Làm buồn kẻ khác thì ta xin đừng...”

Thật là như vậy, vết thương gây ra nơi thân có thể làm lành được, nhưng một lời nói ác sẽ gây cho vết thương lòng khó phai.

- Khẩu nghiệp: có khẩu nghiệp lành có khẩu nghiệp ác mà ở lĩnh vực nào sẽ cho nhân quả đó.

- Khẩu nghiệp lành: từ lời nói ái ngữ, lời hay, ý đẹp đem lại lợi ích cho chính bản thân mình và cho tất cả những người xung quanh.

- Khẩu nghiệp ác: lời nói dối để thủ lợi, nói ác ý, nói thêu dệt, nói đâm thọc... sẽ đem đến hậu quả xấu cho chính bản thân mình và phiền lụy những người xung quanh.

Chuyện kể rằng: Có 1 ông Phú hộ một hôm sai người giúp việc bắt 1 con heo đem làm thịt và phải đem 1 bộ phận nào tốt nhất, ngon nhất dâng lên cho ông Phú hộ ăn, người giúp việc sau khi làm xong con heo liền đem dâng lên cho ông cái lưỡi.

Ông Phú hộ hỏi người giúp việc tại sao lưỡi lại là bộ phận ngon nhất.

- Người giúp việc bèn trả lời rằng: Bẩm ông lưỡi là bộ phận quan trọng nhất, lưỡi có thể nói được lời hay ý đẹp, nói lời dịu hòa, xoa dịu nỗi đau, lưỡi làm ích nước lợi dân.

Ông phú hộ nghe xong khen phải.

Ít lâu sau ông Phú hộ lại sai người giúp việc làm 1 con heo nữa nhưng lần này ông nói đem cho ông bộ phận nào xấu xa nhất trong con heo. Sau khi làm xong người giúp việc cũng dâng cho ông cái lưỡi, ông Phú hộ hỏi sao lại là lưỡi?

Người giúp việc trả lời: Bẩm ngài lưỡi cũng chính là bộ phận xấu xa nhất vì lưỡi biết nói dối, nói lời đâm thọc, lời hung ác, làm cho thị phi, đảo lộn trật tự xã hội và đôi khi lưỡi cũng có thể giết người nữa.

Qua câu chuyện trên chúng ta thấy được những ích lợi và tác hại do khẩu tạo ra.

Chưa kể đến khẩu tham ăn, miệng đòi ăn món ngon vật lạ bất chấp để thỏa mãn lòng tham mà phải phạm vào sát sanh hại vật đầy thương tâm và cuối cùng để cho thân phải gánh chịu. Sát sanh là không thọ mạng; Tham ăn vô độ sẽ vướng nhiều bệnh nan y và Cố Ni trưởng dạy rằng:

“...Họa tai từ miệng mà nên,

Bệnh căn vì miệng mà truyền vào thân...”

Cho nên khi chúng ta đã hiểu hết những tác hại về khẩu hãy xin dừng lại, sám hối và dè dặt cẩn trọng lời nói của mình.

Hãy nói những lời ái ngữ, nói với nhau những lời dịu hòa, gắn kết yêu thương, hãy giữ thân khẩu, ý được trong sạch thì chắc chắn ta sẽ được nhân quả tốt lành, sống cuộc đời hạnh phúc, an lạc sẽ đến với chúng ta, hãy thực hành theo lời dạy của Ni trưởng, sống đời an lạc, hạnh phúc sẽ đến với chúng ta.

“Miệng ta là cánh hoa sen,

Một khi hé nở, một phen thơm lừng.

*Tiếng ta là gió mùa xuân,
Một cơn thổi nhẹ muôn dân mát lòng”.*

Kính bạch Chư tôn đức,

Trong bài thuyết trình, sự hiểu biết của con còn nông cạn, có điều gì sơ sót, kính mong Chư tôn đức hoan hỷ tha thứ.

Lời sau cùng con xin kính chúc Chư tôn đức Pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu, kính chúc quý bạn đạo bồ đề tâm kiên cố, tinh cần tu học và nguyện chúng ta sẽ mãi gặp nhau trong chánh pháp.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

KHI THĂNG TRẦM LÚC VUI BUỒN

★ Ngọc Quang - Phật tử Tịnh xá Ngọc Tháp
Thị xã Kiến Tường - Long An

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Kính bạch Chư tôn đức trong Ban Tổ Chức,
- Kính bạch Chư tôn đức Ban giám khảo,
- Kính thưa quý bạn đạo dự thi,

Nhân ngày lễ tưởng niệm lần thứ 30 Ni trưởng Huỳnh Liên Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, tại Tổ đình Ngọc Phương tổ chức thi về cuộc đời và đạo nghiệp của Ni trưởng Đệ nhất, trong đó có mục thi thuyết trình, Con pháp danh Ngọc Quang, Phật tử Tịnh xá Ngọc Tháp Thị xã Kiến Tường, Long An.

Con xin được thuyết trình 4 câu kệ trích lục trong *Kinh Tinh Hoa Bí Yếu* - trang 244.

*Khi thăng trầm lúc vui buồn,
Giữ tâm như đất, luôn luôn không phiền.
Dầu dơ sạch, dầu chê khen,
Vi tâm như đất, thản nhiên mặc tình.*

Kính bạch Chư tôn đức,

Kính thưa quý bạn đạo,

Trong đời sống của mọi người trên thế gian, không ai không gặp những bước thăng trầm.

Lúc được lúc thua - lúc vinh lúc nhục.

Lúc vui lúc khổ - lúc sướng lúc cực.

Lúc lên voi - lúc xuống ngựa.

Lúc danh dự lúc nhọc nhằn - lúc lạc quan lúc bi quan.

Lúc bước lên xe - lúc ngã xuống ngựa.

Lúc được làm vua - lúc thua làm giặc.

Lúc lên đài danh vọng - lúc xuống tận bùn đen.

Lúc tươi cười hỷ hả - lúc cười ra nước mắt.

Lúc hân hoan ra mặt - lúc khóc thầm trong tâm.

Lúc muốn sống dai với đời - lúc muốn chết phứt cho rồi.

Những bước thăng trầm như vậy, sở dĩ làm cho con người phải phiền

não khổ đau bởi vì: Khi gặp phải bất cứ cảnh ngộ nào, dù vừa ý hay không vừa ý, tâm trí con người luôn luôn xao động bất an. Cho nên nếu chịu khó tìm hiểu đạo lý thực tâm tu học, kiên trì công phu, quán chiếu tự tâm - thì chắc chắn chúng ta sẽ có an lạc. Chúng ta tự cảm nhận rằng:

*Có những hồi thất bại,
Là những dịp trau tâm.
Nếu cứ đắc thế mãi,
Đâu thấy được lỗi lầm.
Thất bại là ông thầy,
Thất bại là bà mẹ.
Năng đánh đập quở rầy,
Cho tội mình được nhẹ.*

(Đóa Sen thiêng - Những Hồi Thất Bại, trang 688)

Sự thịnh suy, vinh nhục, được mất khen chê là 8 ngọn gió đời làm chao đảo ngọn đèn tâm của chúng ta.

Chúng ta nên quán chiếu rằng: Ngay cả thân tứ đại của chúng ta nhất định cũng phải bị mất đi, tan rã và trở về cát bụi và bất cứ vật gì có hình tướng cũng đều trải qua 4 giai đoạn “Thành, Trụ, Hoại, Không”, hay “Sanh, Trụ, Di, Diệt”. Phật đã dạy như vậy, chúng ta nghe hiểu để giảm bớt phiền não và khổ đau trong cuộc đời, để ta có thể giữ tâm được bình thản trước những sự mất mát trên thế gian này.

*“Thắng thì sanh oán, sanh thù,
Bại thì đau đớn lo rầu mãi thôi.
Sống đời hoà hiếu an vui,
Chẳng cầu thắng bại lời thôi nhọc nhằn”.*

(Kinh Pháp Cú - Phẩm Lạc, câu 201 trang 63)

Trong hạnh phúc, trong phiền não, lúc thăng, lúc trầm ta hãy giữ tâm như đất. Vì trên đất ta có thể vút bất cứ vật gì, đất không cự tuyệt.

*Dầu dơ sạch, dầu chê khen,
Ví tâm như đất thản nhiên mặc tình.*

(Đóa Sen Thiêng - Sức Chịu Đựng, trang 193).

Con người có được tâm như đất đó, sự thản nhiên đó thì phải có nội lực, ý chí kiên cường phải là người thật bản lĩnh, đồng thời phải có tâm quảng đại mới thoát ra khỏi sự ràng buộc của các thứ phiền não.

*Vạn vật trần gian là vô thường,
Sang hèn vinh nhục tựa như sương.*

*Thênh thang một cõi không biên xứ,
Tâm trí còn đâu cảnh vẫn vương.*

Kính bạch Chư Tôn Đức,

Trong bài thuyết trình trí con hiểu biết hạn hẹp, có điều gì sơ sót, kính mong Chư Tôn Đức hoan hỷ tha thứ, nếu được đồng thuận con xin đem công đức đó hồi hướng cho khắp chúng hữu tình, kẻ âm siêu thoát, người dương thọ thới.

Lời sau cùng con xin kính chúc Chư tôn đức, pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu. Kính chúc quý bạn đạo, bồ đề tâm kiên cố, tinh cần tu học.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

GIÁC NGỘ

★ Huệ Thạnh, Phật tử Tịnh xá Ngọc Tháp
Thị xã Kiến Tường, Long An

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch Chư Tôn Đức trong Ban Tổ Chức

Kính bạch Chư Tôn Đức Ban giám khảo.

Kính thưa quý bạn đạo dự thi.

Nhân ngày Lễ tưởng niệm lần thứ 30 Cố Ni trưởng Huỳnh Liên Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, tại Tổ đình Ngọc Phương tổ chức thi về cuộc đời và đạo nghiệp của Ni trưởng Đệ nhất. Trong đó có mục thi thuyết trình, Con pháp danh Huệ Thạnh, Phật tử Tịnh xá Ngọc Tháp - Thị xã Kiến Tường, Long An.

Con xin thuyết trình đề tài *Giác Ngộ* trong *Kệ Chơn Lý số 30* (Tinh Hoa Bí Yếu trang 253).

Địa ngục Thiên đường cũng tại tâm,

Nhơn nào quả nấy há sai lầm.

Từ bi ban rải tiêu oan trái,

Hỷ xả hoà đồng dứt hận sân.

Kính bạch Chư Tôn Đức,

Kính thưa quý bạn đạo,

Kiếp sống nhơn sinh mỗi con người, đều trải qua qui luật, không ngoài 4 chữ: Sanh, già, bệnh, chết, như lời Ni trưởng Đệ nhất đã dạy:

Món đồ góm có ngày bẻ nát,

Tánh bẻ kia theo sát món đồ.

Thân ta cái chết chực chờ,

Luôn luôn “cái tử” đợi chờ “cái sanh”.

(Kệ Trích Lục - Tinh Hoa Bí yếu, trang 223)

Mỗi con người sinh ra nơi cõi Ta bà này, với tâm thân giả tạm, nhưng luôn luôn mong cầu đủ điều để lo cho tâm thân ấy.

Là hàng cư sĩ, chúng ta có bao giờ tư duy vì sao Đức Phật ngày xưa sẵn sàng từ bỏ cung vàng - điện ngọc, vợ đẹp - con xinh để đi tìm chơn lý giác ngộ - giải thoát. Để tìm ra chân lý, Ngài cũng đã trải qua vô vàn sự quán sát, trực nhận sự thật nơi các pháp, để rồi tỉnh thức - giác ngộ mà rõ nhất, hiện thực nhất từ bản thân, từ kiếp người khổ đau, mà tìm ra chân lý con đường đưa đến an vui vĩnh viễn. Trạng thái chứng ngộ của Đức Phật được Đệ Nhất

Ni trưởng thi hóa trong bài *Kệ Khải Hoàn*.

*Trải bao nhiêu kiếp luân hồi,
Ta đi đi mãi tìm hoài không ra.
Ai là người thợ cắt nhà,
Dựng nên kiếp sống, tạo ra cuộc đời.
Hồi này người thợ kia ơi !
Ta vừa tìm gặp được người đây là.
Từ nay người khỏi cắt nhà,
Những sườn cùng nóc ta đà phá tan.
Như Lai đã chứng Niết bàn,
Tận trừ ái dục vào hàng Vô sanh.*

(Kệ Trích lục - Tinh Hoa Bí Yếu, trang 216)

Khô đau, là trạng thái địa ngục bất như ý xứ - Thiên đường, là cõi an vui giải thoát - hai trạng thái đó ở tại nơi tâm, từ tâm.

Thật rõ ràng:

*“Địa ngục Thiên đường cũng tại tâm,
Nhơn nào quả nấy há sai lầm”.*

(Chơn Lý – Số 30: Giác Ngộ - NT Huỳnh Liên)

Trong cuộc sống hàng ngày với bản thân, với gia đình, với xã hội, trong các bồn phận như: sự giao tiếp, đối đãi, từ nơi thân, khẩu, ý có được thiện lành, lợi lạc cho ai chưa?

Chúng ta bị mê hoặc vì những vọng chấp nhỏ nhen. “Người và Ta” nên lòng ích kỷ tràn đầy, át hết cả tâm tính chân như, khiến ta chỉ mong cho mình giàu sang, sung sướng, hưởng mọi sự tốt đẹp hơn người, mà làm hạn hẹp vòng sống của tâm, không mở rộng lòng từ bi yêu thương, giúp đỡ người chung quanh mà gây nên mọi oan trái khổ đau.

Một vị Giáo sư khuyên 1 người muốn tự tử chết rằng: “*Mỗi ngày anh hãy làm một việc thiện, chẳng hạn cho 1 con chó 1 chén cơm, dắt 1 bà lão băng qua đường, việc làm đó không tạo niềm vui, hạnh phúc nơi tâm anh, thì anh muốn chết tôi không cản, vì đời người của anh không làm lợi lạc cho ai”.*

Cho nên trong *Kệ Chơn Lý* bài *Giác Ngộ* Đệ nhất Ni trưởng đã cô đọng:

*“Từ bi ban rải tiêu oan trái,
Hy xả hoà đồng dứt hận sân”.*

Tóm lại: Tâm làm chủ, tâm tạo tác, tâm dắt dẫn ta lên xuống 3 cõi 6 đường. Nên chúng ta hãy mở rộng lòng thương, phát triển 4 tâm “Từ - Bi -

Hỷ - Xả” để xóa tan mọi sân hận trái oan thì cuộc sống chúng ta sẽ được an vui, hạnh phúc.

*“Không làm nghiệp ác là hơn,
Nhơn ác, nhất định, thọ con khổ nần.
Nên làm nghiệp thiện là hơn,
Nhơn lành, nhất định lãnh phần an vui”.*

Kính bạch Chư Tôn Đức,

Kính thưa quý bạn đạo,

Bài thuyết trình của con biết sao nói vậy theo kiến thức của mình, nên không tránh khỏi những sơ sót, kính mong Chư Tôn Đức hoan hỷ tha thứ.

Sau cùng con xin kính chúc Chư Tôn Đức sức khỏe dồi dào, lợi lạc quần sanh. Kính chúc quý bạn đạo bồ đề tâm vững chắc như cây tùng bá, ước mong chúng con sẽ cùng hội ngộ trùng phùng làm quyến thuộc với quý vị nơi đạo tràng chánh pháp Phật Đà.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

TƯỞNG NIỆM

★ Yên Ngọc - Phật tử Tịnh xá Ngọc Nguyên
huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Thời gian thấm thoát qua nhanh, mới đó mà đã kỉ niệm 30 năm ngày Ni trưởng đệ nhất trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam viên tịch. Con ngồi đây nơi hội trường tịnh xá Ngọc Phương cùng đông đảo Phật tử khắp trong cả nước tụ họp về dự lễ tưởng niệm của Người. Con bồi hồi và xúc động làm sao khi được về chốn Tổ đình của Ni giới Khất Sĩ, nơi mà con lưu lại quá nhiều dấu tích của Ni trưởng.

Trong kho tàng thơ văn của Ni trưởng, con tâm đắc nhất là bài Khẩu. Lời nói là phương tiện giao tiếp hằng ngày giữa người với người. Lời nói có thể làm cho người ta xích lại gần nhau và cũng có thể khiến cho con người trở thành thù hận, oán ghét lẫn nhau. Có lời nói hàm chứa ý nghĩa cao xa thâm thúy được người đời lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ đất nước này sang đất nước khác, trở thành danh ngôn bất hủ. Ngược lại cũng là lời nói phát ra từ tâm ý con người, nhưng khiến người nghe khó chịu và đau khổ đôi khi mang theo đến chết cũng không quên được. Chính vì thế, mở đầu bài kệ Khẩu, Ni trưởng đã khuyên mọi người :

*“Trăm năm vật đổi người đời,
Một câu quý giá, muôn đời còn ghi”*

Hay là:

*“Bằng như lời ấy thốt ra,
Làm buồn kẻ khác thì ta xin đừng”.*

(Khẩu - NT. Huỳnh Liên)

Qua lời dạy của Ni trưởng chúng ta thấy lời nói phát ra từ miệng mỗi người nó quan trọng như thế, nên trước khi nói lời nào chúng ta nên cẩn trọng. Tục ngữ Việt Nam cũng có câu:

*“Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.*

Trong 5 giới của Phật tử hay trong thập thiện, tội về lời nói (vọng ngữ) được đức Phật quy thành bốn tội danh cụ thể mà Phật tử chúng ta cần biết và cần phải tránh, đó là: *“Nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói lời ác khẩu”*. Dù là tội danh nào, chung quy cũng là tội đã gây nên những tác hại, khổ đau cho người khác, đồng thời cũng là tổn hại cho chính bản thân mình. Chỉ việc giữ gìn lời nói thôi mà trong khi tu thập thiện Phật tử chúng ta đã làm được bốn điều. Cho thấy rằng việc nói năng quan trọng biết bao trong

đời sống tu học của những người con Phật. Con nhớ Ni trưởng đã từng dạy:

*“Cũng thời tiếng nói thốt ra,
Của chư Phật Thánh diệu hoà biết bao”.*

(Khẩu - NT. Huỳnh Liên)

Lời nói không chỉ đơn giản là thông tin đến người nghe, mà nó còn đi sâu vào tâm hồn của người nghe nữa. Vì vậy, Phật tử chúng ta đừng tiết gì những lời nói dịu dàng, lời nói đẹp, lời nói hay dành cho người sống xung quanh ta. Đôi khi chính lời nói đó sẽ giúp cho người nghe thay đổi cả lối sống và việc làm mà bấy lâu nay họ không nhận ra sai lầm. Đúng y như lời Ni trưởng đã dạy:

*“Ta nên cất tiếng ôn tồn,
Phá tan những giấc mộng hồn tối đen!”*

(Khẩu - NT. Huỳnh Liên)

Thực tế cho thấy, những câu nói nổi tiếng của các bậc vĩ nhân đã từng ngày từng giờ tác động và làm thay đổi biết bao cuộc đời của người có duyên đọc nó. Hai câu thơ bất hủ của Ni trưởng đã làm triệu triệu con tim thức tỉnh giác ngộ cả đạo lẫn đời:

*“Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo Pháp, cho tình Quê hương”.*

Nhớ ngày đầu tiên con vào Tịnh xá đọc kinh mỗi buổi tối cùng với quý Sư cô và Phật tử. Cuối thời kinh sau khi đánh lễ Tổ Sư, đạo tràng đã đọc hai câu thơ bất hủ trên của Ni trưởng để đánh lễ và nhớ đến công hạnh của Người. Con thuộc lòng ngay sau vài hôm và thuộc mãi cho đến tận bây giờ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, bậc danh nhân thế giới, Bác đã có lời kêu gọi đồng bào Việt Nam nhân ngày lễ Quốc Khánh 2 tháng 9: *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*. Sau bao năm chịu nhiều gian khổ, đói nghèo sống dưới gông cùm xiềng xích của ngoại bang, nhân dân Việt Nam đã kiên cường đứng lên chống giặc ngoại xâm, khiến đất nước thoát khỏi ách nô lệ, độc lập, tự do như ngày hôm nay.

Lời nói luôn xuất phát từ tâm ý mỗi người, hãy chọn lọc và thể hiện những lời nói tốt đẹp gửi đến những người xung quanh mình. Lời nói nằm trong khẩu miêng của mỗi người. Mỗi người là chủ nhân của lời nói. Tạo ác nghiệp hay thiện nghiệp hoàn toàn là do phụ thuộc vào lời nói của chính mình. Lời nói chính là thước đo để đánh giá nhân cách một con người, là thước đo chiều cao, chiều rộng của một tâm thức. Lời nói không phải để gió cuốn đi, lời nói như những hạt mầm gieo vào tâm trí của người nghe, người nhận, để từ đó sẽ nảy nở thành hoa, thành trái xanh tươi thơm ngát như lời thơ của Ni trưởng đã đúc kết cuối bài kệ *Khẩu*:

*“Miệng ta là cánh hoa sen,
Một khi hé nở, một phen thơm lừng!
Tiếng ta là gió mùa xuân,
Một cơn thổi nhẹ, muôn dân mát lòng!”*

(Khẩu - NT. Huỳnh Liên)

Chúc tất cả lời nói của người con Phật đều thơm ngát như đóa hoa sen.
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

CẢM NHẬN VỀ NI TRƯỞNG

★ Ngọc Bích - Phật tử Tịnh xá Ngọc Nguyên
huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Nam mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư cô

Nhân kỷ niệm 30 năm ngày đệ nhất Ni trưởng viên tịch, con xin kính dâng đôi dòng tưởng niệm về người Thầy, bậc nữ lưu đáng kính đã “*hiển trọn đời mình cho đạo pháp, cho tình quê hương*”.

Kính bạch quý Ngài,

Tháng ba những tia nắng cuối xuân vẫn còn vương trên cành cây hoa cỏ. Tháng ba, một tháng đáng nhớ của Ni giới Hệ phái Khất sĩ, một tháng với sự vất vả lao nhọc có gì bù đắp khi đệ nhất Ni trưởng đã về cõi vĩnh hằng. Đã 30 năm Ni trưởng vắng bóng nhưng hình ảnh Người vẫn luôn ghi đậm trong lòng tâm khảm của hàng Phật tử chúng con. Bởi những bài kệ, bài thơ được Ni trưởng chuyển thể từ các bài kinh của Đức Thế Tôn vô cùng dễ nhớ dễ hiểu giúp cho những Phật tử sơ cơ như chúng con dễ dàng tiếp xúc với đạo hơn.

Chúng con có nghe:

*“Mùi hương hoa quý tiết ra,
Khó bề ngược gió bay xa khắp cùng.
Mùi hương đức hạnh ngát lòng,
Mặc dầu ngược gió bay cùng bốn phương”.*

(Kinh Pháp Cú - NT. Huỳnh Liên)

Thật vậy, cuộc đời Ni trưởng là “bài pháp không lời, cho con sức sống rạng ngời niềm tin”. Người đã để lại những bài thơ, bài kệ mà từng câu, từng chữ của nó vô cùng sâu sắc, càng đọc con càng thấy thấm thía. Mặc dù không được sinh ra vào thời kỳ Ni trưởng còn trụ thế, cũng như không có duyên được nghe lời giảng của Người. Nhưng chúng con may mắn được đọc các tác phẩm thơ văn của Người như Tinh Hoa Bí Yếu, Kinh Tam Bảo, Kinh Xưng Tụng Tam Bảo, Đóa Sen Thiên... Từ đó, chúng con đã cảm nhận được rất nhiều điều. Chúng con hiểu được bản chất vô thường của cuộc đời. Kiếp sống của con người tạm bợ, thân người giả tạm như sương móc ban mai. Dù cho sương có lóng lánh đến đâu chẳng nữa khi nắng lên sương sẽ tan nhanh trong phút chốc mà thôi. Như Ni trưởng đã dạy:

*Chắc chi bọt nước đầu gành,
Chắc chi sương đọng trên cành ban mai.
Bọt kia làn gió nhẹ lay,
Sương kia ánh nắng chiếu ngay tan rồi.*

(Thân - NT. Huỳnh Liên)

Nhưng thật đáng thương cho các hàng Phật tử chúng con, lại không hiểu được bản chất vô thường của vạn vật, mãi đắm chìm trong cái gọi là ngã chấp xem thân này là “của tôi”, tình cảm này là “của tôi”, gia đình này là “của tôi” để rồi tạo không biết bao nhiêu nghiệp xấu ác. Chúng con thật đúng là:

*“Đem thân làm kẻ tội đày,
Cho bao vật chất nó cai trị mình.
Để tâm làm vật hy sinh,
Suốt đời theo lệnh dục tình dặt lơi”.*

(Thân - NT. Huỳnh Liên)

Chúng con nào biết đâu càng chạy theo vật chất, danh lợi, ngũ dục thì càng khổ đau, càng quay lộn trong sinh tử luân hồi bởi nghiệp đã mà mình đã tạo. Khi ta chào đời với hay bàn tay trắng lúc ra đi cũng chẳng mang được gì, có chăng là nghiệp sẽ theo ta như hình với bóng. Như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã viết trong lời bài hát: “*Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai tôi trở về với các bụi*”. Nhưng không phải ai cũng hiểu được điều này, phần lớn con người luôn chạy theo tiền bạc vật chất để thỏa mãn lòng tham.

*“Cái tham bao thuở cho rồi,
Cái không một phút tỉnh hồi là xong.
Dã Tràng xe cát biển Đông,
Vô tình lượn sóng cướp công nhọc nhằn”.*

(Thân - NT. Huỳnh Liên)

Chỉ vì tham đắm tiền tài, danh lợi con người đã tạo biết bao nghiệp miệng nói ác, nói xấu hoặc “*mắng nhiếc tung bừa, chửi rửa kêu vang*” miễn sao được lợi cho bản thân, tìm đủ mọi cách để vun vén cho thân:

*“Của người nhọc đổ mồ hôi,
Dùng mưu chước lấy đắp bồi thân ta”.*

(Sám Hối Tam Nghiệp - NT. Huỳnh Liên)

Với cái nhìn tuệ trí Ni trưởng thấy được sự vô minh của chúng sanh nên Người đã dẫn lối chỉ đường bằng những câu thơ thật dễ hiểu:

“Đòn cân phước thưởng, tội trừng,
Biết công hay nợ, biết mừng hay lo?
Thử theo công quá mà so,
Tội đòn muôn kiếp biết to thế nào?”

(Thân - NT. Huỳnh Liên)

Qua đoạn thơ, Ni trưởng nhắc nhở chúng con chỉ có con đường tu tập mới giúp ta dứt bỏ những nghiệp duyên đã tạo mà thoát khỏi luân hồi sinh tử. Nếu cứ mãi chạy theo danh lợi hoặc tự cao ngã mạn không nỗ lực tinh tấn tu tập, mãi dong ruổi theo trần cảnh, không quay về chơn tâm Phật tánh thì không thể tìm được niềm vui chân thật trong cuộc sống. Những thú vui ở thế gian nếu có cũng chỉ là giả tạm mà thôi. Như một thi sĩ đã nói:

Bể khổ mênh mông nước ngập trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió,
Ngãm lại cùng trong bể khổ trôi.

Không ai có thể giúp chúng ta vượt qua bể khổ trần gian ngoài bản thân chúng ta. Vậy còn chần chừ gì nữa mà chúng ta không tự mình đưa tay tháo bỏ dây dục tình, đoạn trừ vô minh phiền não trở về tánh linh vốn có nơi mỗi người:

Chán chê mộng cảnh đọa đày,
Đưa tay trí tuệ, tháo dây dục tình.
Đoạn trừ hoặc chướng vô minh,
Tâm chơn trở lại, tánh linh đem về.

(Thân - NT. Huỳnh Liên)

Ni trưởng đã cho chúng con hiểu được cõi trần là tạm bợ, sớm còn tối mất. Vì vậy, phải biết mượn thân giả tạm vượt bên mê trở về bờ giác.

“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định Huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.

(Lời Dạy Cuối Cùng - NT. Huỳnh Liên)

Chỉ với bốn câu thơ ngắn gọn nhưng chứa đựng tất cả các pháp căn bản để tu tập. Bốn câu này, ý muốn khuyến khích người học Phật cần phải tinh tấn nỗ lực lấy Giới làm kinh chỉ nam cho việc tu tập để làm hàng rào ngăn chặn những nghiệp xấu. Giới sẽ giúp người học Phật không nghĩ sai, làm sai giữ được ba nghiệp thân, khẩu ý trong sạch, thanh tịnh. Và nhờ giữ giới sẽ

có Định. Khi tâm Định thì Huệ phát sinh. Nhờ có Huệ người học Phật sẽ hiểu rõ bản chất vô thường, quán nghiệp quả nhân duyên, thấu rõ lý tứ Diệu Đế... Như vậy Giới, Định, Huệ cả ba không thể tách rời. Đồng thời Ni trưởng còn nhắc nhở chúng con không chỉ tu vì lợi ích cá nhân mà còn phải vì tất cả mọi người, vì quê hương đất nước, đem lợi ích cho mọi người theo khả năng của riêng mình.

Kính bạch quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư cô

Dù không có duyên được nghe pháp từ kim ngôn của Đệ nhất Ni trưởng nhưng những lời dạy của Người mãi hiện hữu trong tâm khảm chúng con. Người mãi là đóa sen vàng tỏa ngát hương thơm trong lòng dân tộc. Người mãi là ngọn đuốc thiêng soi đường cho chúng con. Chúng con nguyện tinh tấn tu tập, thực hành lời dạy của Người, dưng nghiệp xấu, gieo nghiệp thiện, phát Bồ đề tâm. Bởi:

*Tâm phải phát,
Nguyện phải lành,
Việc mới thành.*

Cuối cùng con thành kính cảm ơn quý Ni trưởng quý Ni sư, Sư cô đã cho phép con nói lên cảm nghĩ của mình nhân ngày lễ tưởng niệm 30 của đệ nhất Ni trưởng. Con xin kính chúc quý Ngài mãi là ngọn tuệ đăng soi đường cho chúng con tiến bước trên con đường giải thoát.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

LỜI DẠY CỦA CỐ NI TRƯỞNG

★ Ngọc Lễ - Phật tử Tịnh xá Ngọc Nguyên
huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Kính bạch Quý Ni trưởng, quý Ni sư, quý Sư Cô!

Con : Đặng Kim Dung - Pháp danh: Ngọc Lễ là Phật tử Tịnh xá Ngọc Nguyên, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Nhân dịp tưởng niệm 30 năm ngày Ni trưởng Đệ nhất viên tịch, cho con nêu lên đôi dòng cảm nghĩ, lòng tri ân với bậc Thầy khả kính.

Kính bạch Quý Ngài!

Ba mươi năm không còn Đệ nhất Ni trưởng hiện diện trên cuộc đời nhưng hình bóng Người vẫn sống mãi trong lòng Phật tử chúng con. Bản thân con dù không được gặp và nghe các bài giảng của Ni trưởng, chỉ nghe qua lời kể của cố Sư Phụ Nguyệt Liên hoặc qua những bài giảng của Thượng Tọa Giác Nhân, Giác Tây trong những ngày thọ bát quan trai nơi đạo tràng tịnh xá Ngọc Nguyên. Càng nghe con càng kính ngưỡng công hạnh của cố Ni trưởng, một bậc nữ lưu hết lòng vì đạo pháp, vì dân tộc. Cố Ni trưởng đã để lại biết bao bài kệ để chỉ dạy Phật tử chúng con. Hàng ngày cuối buổi công phu tối, chúng con được đọc bài kệ:

*“Ngày đã cận cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định Huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng đúng vừa khả năng”.*

Chỉ bốn câu kệ ngắn gọn nhưng đã thâm tóm cả con đường tu tập đi đến giải thoát. Từ bốn câu kệ, con đã hiểu Ni trưởng khuyên chúng con cần phải tinh tấn tu học, không nên giải đãi, buông lung, chạy theo cuộc sống đời thường, chạy theo vật chất thế gian. Được sinh ra làm người, được gặp Phật Pháp là điều may mắn cho chúng con. Nhưng nếu không biết thực hành lời Phật dạy đúng pháp, sẽ dễ dàng tạo nghiệp xấu ác. Bởi lẽ chúng ta hiện hữu và đến với cuộc đời này đều do nghiệp mà chính chúng ta đã tạo tác từ vô lượng kiếp.

*Áo trần con lỡ mặc vào,
Nợ trần con biết ngày nào cởi ra!*

(Nguyễn Về Cõi Phật)

Với cái nhìn tuệ trí cố Ni trưởng đã thấy cuộc đời là vô thường, mạng sống con người không biết sẽ trả về cho tứ đại lúc nào nên Người đã ân cần

nhắc nhở:

“Ngày đã cận cần tu gấp rút”

Thời gian qua đi không thể trở lại, vì thế cần phải gấp rút tu tập, dù là Phật tử tại gia cũng cần có ý thức nỗ lực tinh tấn tu tập, đừng để già đến, sức khỏe không còn, có hối tiếc không kịp nữa.

“Giới giữ sao trong sạch như xưa”

Là người con Phật cần lấy giới làm kim chỉ nam, giới làm rào cản giúp Phật tử không bị vướng vào nghiệp ác. Khi qui y bất cứ người Phật tử nào cũng được nghe giảng về năm giới của Phật tử tại gia. Chính năm giới là con đường đưa ta về bản tánh trong sạch, thanh tịnh, chơn tâm Phật tánh vốn có của mỗi người. Và câu kệ như một lời nhắc nhở ngày quy y chúng ta đã phát tâm thọ trì giới thì giờ đây phải cố gắng hành trì, giữ gìn trong sạch đến trọn đời.

“Định Huệ không thiếu không thừa”

Nhờ có giữ giới giúp ta không buông lung, phóng dật, dứt trừ các tạp niệm sinh khởi trong tâm nên dễ dàng đi đến Định. Khi tâm đã định, trí tuệ sẽ phát sanh. Nhờ có trí tuệ, chúng ta sẽ có cái nhìn đúng theo Phật Pháp, có suy nghĩ đúng. Từ đó, thấy được bản chất của cuộc đời, cội gốc của khổ đau. Và từ đó vô minh cũng sẽ bị đẩy lùi, con người sẽ tìm được an lạc, hạnh phúc. Là người Phật tử cần lấy trí tuệ làm sự nghiệp, lấy Giới, Định, Tuệ làm pháp học căn bản tu tập để hoàn thiện bản thân. Nhưng nếu chỉ lo cho bản thân, cho tâm mình được an lạc thì cũng chưa đúng với quan điểm từ, bi, hỷ, xả của đạo Phật. Cần phải nghĩ đến người khác, đến nhân sinh. Cho nên cổ Ni trưởng đã nhắc nhở:

“Lợi ích dân chúng, đúng vừa khả năng”

Cái nhìn của cổ Ni trưởng sâu sắc làm sao! Bởi lẽ, là con người ai cũng có bản ngã, luôn lấy cái tôi làm trung tâm, luôn nghĩ mình là đúng, là giỏi hơn người. Và như vậy dễ sa vào ngã mạn. Chính ngã mạn là vật cản con người tiến bộ và hủy diệt mọi công đức đã tạo ra, hoặc có người do quá đề cao mình dễ dàng làm những việc quá khả năng, quá sức và tất yếu dễ đi đến chán nản, thất vọng khi thất bại, thậm chí còn ảnh hưởng đến sự việc chung. Hoặc đôi lúc vì sĩ diện mà không chấp nhận khả năng hạn chế của mình hay vì sĩ diện ảo làm những việc quá trình độ ảnh hưởng đến cái chung trở thành kẻ phá hoại. Cho nên là Phật tử muốn đem lại lợi ích cho chúng sanh cần phải biết nhìn lại bản thân mình để hiểu rõ khả năng điều kiện cũng như căn cơ, hoàn cảnh của bản thân.

Tóm lại, bài kệ di huấn của Đệ nhất cổ Ni trưởng giản dị nhưng mang đậm màu sắc giáo lý Phật đà. Bài kệ là kim chỉ nam định hướng cho hàng hậu học chúng con tu tập Giới, Định, Tuệ để đạt đến giải thoát. Hàng ngày

trì tụng bốn câu kệ như một lời nhắc nhở cho hàng Phật tử chúng con. Và chúng con xin nguyện y giáo phụng hành.

Cuối cùng con nguyện cầu Mười Phương Chư Phật gia hộ cho quý Ni trưởng, quý Ni sư, Sư Cô pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu, Phật sự viên thành. Kính chúc quý Phật tử thân an tâm lạc.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

HỌA Ý BÀI THƠ “BỨC TRANH RỪNG LÁ” CỦA NT HUỖNH LIÊN

★ Phật Tử Tâm Hồng

*Rừng lá thấp cây xanh bao phủ
Dân tuy nghèo nhưng đủ đạo tâm
Ngọc Long Tịnh xá chuông ngân
Sớm nghe kinh kệ chiều văn pháp lành
Kể từ thuở chiến tranh bùng nổ
Đất dùi nhau tìm chỗ nương thân
Xuân Hòa là chỗ dừng chân
Cùng nhau quy tụ lần lần dựng xây
Dân tí xí về đây lập nghiệp
Khai đất cần chẳng tiếc công lao
Nhớ khi mới đến năm nào
Mà nay đồi núi thay vào rẫy nương
Nhìn thế cuộc càng thương càng cảm
Đường thế đồ đâu nản châu bon
Nhớ quê hương cũ héo hon
Nhớ song thân đứng trông con tháng ngày
Nghe kinh kệ càng chầy thương cảm
Tiếng chuông chùa là giảm sầu bi
Đạo tâm sánh núi Tu Di
Đức tin muôn thuở không gì đảo điên
Cuộc sống mới thêm duyên phước thiện
Tình chứa chan hòa tiếng chuông ngân
Mai chiều khuya sớm mấy lần
Lời kinh tỉnh thức xa gần thế nhân
Thuyền Bát nhã không phân giai cấp
Đường tu tâm từ thấp lên cao
Nhớ lời hứa hẹn hôm nào
Tháng mười tái ngộ mong sao duyên lành
Người vẽ cảnh bức tranh Rừng Lá
Lễ dâng y Đại Xá Vu Lan*

*Nao nao thiện tín các hàng
Chờ mong Sư Trưởng tái ban phước lành.*

MỤC LỤC

| | | |
|--|----------------------------|-----|
| 1. Lời Nói Đầu | Ban Biên tập | 3 |
| 2. Lược Sử Tưởng Niệm Ni Trưởng Huỳnh Liên | Ban Thư ký | 6 |
| 3. Bàn Tay Đẹp | Ni trưởng Huỳnh Liên..... | 10 |
| 4. Đường Giải Thoát | Ni trưởng Huỳnh Liên..... | 12 |
| 5. Gương Sen Chiếu Diệu | Hòa thượng Giác Toàn | 15 |
| 6. Báo Cáo Tăng Sự Của Ni Giới HPKS..... | Ni trưởng Ngoạt Liên | 16 |
| 7. NGKS, Một Dấu Ấn Trước Dòng Thời Gian | Ni trưởng Ngoạt Liên | 26 |
| 8. Ni Giới HPKS Trong Ngôi Nhà Chung GHPGVN | Ni trưởng Ngoạt Liên | 33 |
| 9. Cổ NT. Huỳnh Liên, Vị Lãnh Đạo Ni Giới HPKS..... | Ni trưởng Liễu Liên | 39 |
| 10. Bước Trưởng Thành Của Ni Giới HPKS | Ban Thư Ký..... | 42 |
| 11. Đạo Nghiệp Viên Dung | Ni trưởng Tố Liên | 46 |
| 12. Đóa Sen Thiêng Của Ni Giới HPKS | Ni trưởng Tố Liên | 47 |
| 13. Công Hạnh Và Đạo Nghiệp NT. Huỳnh Liên | Ni trưởng Tố Liên | 56 |
| 14. Tinh Thần Bồ Tát Đạo trong thơ Cổ Ni trưởng | Ni trưởng Sâm Liên | 61 |
| 15. NT. Huỳnh Liên - Công Dân Xuất Sắc Của Thế Giới Cực Lạc | Ni trưởng Khiêm Liên | 68 |
| 16. Đuốc Tuệ Soi Đường | Ni trưởng Hiện Liên | 76 |
| 17. Tưởng Niệm Ân Sư..... | Ni trưởng Hiếu Liên | 77 |
| 18. Chuyển Hành Đạo Miền Trung | Ni trưởng Thẩm Liên | 78 |
| 19. Giọt Sữa Từ..... | Ni trưởng Thẩm Liên | 80 |
| 20. Ngắm Cảnh Nhớ Thầy | Ni trưởng Thẩm Liên | 82 |
| 21. Đôi Dòng Cảm Niệm..... | Ni trưởng Hội Liên | 84 |
| 22. Tưởng Niệm 30 Năm Cổ Ni trưởng Viên Tịch | Ni trưởng Ánh Liên | 88 |
| 23. Lặng Nhớ Người Xưa | Ni trưởng Gương Liên | 92 |
| 24. Kính Dâng Thầy..... | Ni sư Trạng Liên..... | 96 |
| 25. Tưởng Niệm Cổ Ni Trưởng | Ni sư Giác Liên | 98 |
| 26. Viên Thành Hạnh Nguyễn | Ni sư Minh Liên | 100 |
| 27. Pháp Thiên Trong Bài Kệ <i>Chào Bình Minh</i> | Ni sư Xuân Liên | 102 |
| 28. Cuộc Đời Và Đạo Nghiệp Của NT. Huỳnh Liên | Ni sư Hoa Liên | 106 |
| 29. Đại Lễ Tưởng Niệm Lần Thứ 30 Ni trưởng Ân Sư Viên Tịch | Ni sư Tiến Liên | 112 |
| 30. Cảm Hoài | Ni sư Tiến Liên | 117 |
| 31. Lòng Biển Bao La | Ni sư Tiến Liên | 122 |
| 32. Ngọc Uyển Một Chiều Mưa..... | Ni sư Kiên Liên | 126 |
| 33. Cảm Tác | Ni sư Kiên Liên | 128 |
| 34. Ni Trưởng Huỳnh Liên Cuộc Đời, Đạo Hạnh Và Thi Ca | Ni sư Nguyễn Liên | 131 |

| | | |
|---|-----------------------|-----|
| 35. Tưởng Niệm Ân Sư..... | Ni sư Viên Liên | 146 |
| 36. NGHPKS và những đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển GHPGVN | Sư cô Thảo Liên | 147 |
| 37. Kính Niệm Di Huấn Cố Ni Trưởng Là Pháp Tu Giới Định Huệ | Sư cô Hiệp Liên | 163 |
| 38. Ý Hòa Trong Thơ Kệ Của Đệ Nhất Ni Trưởng..... | Sư cô Cầu Liên | 166 |
| 39. Nguyễn Thập Sáng Gương Thầy | Sư cô Cầu Liên | 169 |
| 40. Kinh Di Giáo Qua Thơ Văn Ni trưởng | Liên Châu | 171 |
| 41. Đời - Đạo Viên Dung | Liên Duyên | 173 |
| 42. Cảm Tưởng | Liên Nguyên | 176 |
| 43. Chuyển Hóa Tự Thân | Liên Như | 178 |
| 44. Cảm Tưởng Thơ Đệ Nhất Cố Ni Trưởng | Liên Thiên | 180 |
| 45. Khất Sĩ | Liên Hỷ | 187 |
| 46. Ăn Chay | Liên Yên | 191 |
| 47. Lục Căn - Kệ Chơn Lý Số 3 | Liên Thông | 194 |
| 48. Kệ Chơn Lý - Giới Phật Tử | Liên Liêm | 197 |
| 49. Chơn Lý 44: Tu Và Nghiệp..... | Liên Trang | 200 |
| 50. Hạnh Phúc Và Đau Khổ | | 205 |
| 51. Tính Trưởng Phu Trong Thơ Văn Ni Trưởng | Liên Thông..... | 208 |
| 52. Nhịp Điệu Cho Riêng Mình | Liên Phát | 212 |
| 53. Ni Trưởng Huỳnh Liên, Vị Lãnh Đạo Ni Giới HPKS . | Liên Nguyên | 215 |
| 54. Kệ Chơn Lý-Xứ Thiên Đường..... | Liên Chân | 223 |
| 55. Sợ Tội Lỗi..... | Liên Nghiêm..... | 226 |
| 56. Tư Tưởng Bài Chơn Lý Bát Chánh Đạo..... | Liên Nghĩa | 228 |
| 57. Chơn Lý: Học Để Tu..... | Liên Thanh | 232 |
| 58. Chơn Lý: Võ Trụ Quan..... | Liên Nguyên..... | 235 |
| 59. Sám Hối..... | Liên Pháp | 238 |
| 60. Tam Học..... | Diệu Liên | 240 |
| 61. Tưởng Niệm | Liên Thanh | 243 |
| 62. Hạnh Phúc | Tịnh Diệp..... | 245 |
| 63. Khuyến Nhẫn..... | Tiểu Chơn | 247 |
| 64. Khuyến Nhẫn..... | Tiểu Nhu | 249 |
| 65. Tưởng Niệm | Tiểu Thiện | 252 |
| 66. Thơ Tưởng Niệm Ni Trưởng Huỳnh Liên..... | Bảo Minh Trang..... | 254 |
| 67. Đọc Thơ Sáng Tỏ Đạo Mẫu | Chơn Ngân | 256 |
| 68. Kệ Chơn Lý: Sinh Tử | Chơn Ngân | 261 |
| 69. Vài Dòng Cảm Nhận..... | Ngọc An | 265 |
| 70. Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển Của Ni Giới HPKS | Huyền Phương | 266 |
| 71. Giới Phật Tử..... | Ngọc Linh | 270 |

| | | | |
|-----|---|------------------|-----|
| 72. | Giác Ngộ | Ngọc Điều | 274 |
| 73. | Cuộc Đời Và Công Hạnh Của Sư Bà | Ngọc Hưng | 277 |
| 74. | Chế Phục Lục Căn | Ngọc Tấn | 280 |
| 75. | Khẩu | Ngọc Trí | 283 |
| 76. | Khi Thăng Trầm Lúc Vui Buồn | Ngọc Quang | 286 |
| 77. | Giác Ngộ | Huệ Thạnh | 289 |
| 78. | Tướng Niệm | Yến Ngọc | 292 |
| 79. | Cảm Nhận Về Ni Trưởng | Ngọc Bích | 295 |
| 80. | Lời Dạy Của Cổ Ni Trưởng | Ngọc Lễ | 299 |
| 81. | Họa Ý Bài Thơ "Bức Tranh Rừng Lá" | Tâm Hồng | 302 |

| | |
|--|-----|
| Lời nói đầu | 3 |
| LƯỢC SỬ TƯỞNG NIỆM NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN | 6 |
| Bàn tay đẹp | 10 |
| Đường Giải Thoát | 12 |
| GƯƠNG SEN CHIẾU DIỆU | 15 |
| BÁO CÁO TẶNG SỰ CỦA NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ | 16 |
| NI GIỚI KHẮT SĨ MỘT DẤU ẤN TRƯỚC DÒNG THỜI GIAN | 26 |
| NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ TRONG NGÔI NHÀ CHUNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM - XƯA VÀ NAY | 33 |
| Cổ Ni trưởng Huỳnh Liên vị lãnh Đạo Ni giới Hệ phái Khất sĩ | 39 |
| Bước trưởng thành của Ni giới Hệ phái Khất sĩ | 42 |
| Đạo nghiệp viên dung | 46 |
| ĐÓA SEN THIÊNG CỦA NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ | 47 |
| CÔNG HẠNH VÀ ĐẠO NGHIỆP NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN | 56 |
| Tinh thần Bồ tát đạo trong thơ cổ Ni trưởng | 61 |
| NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN CÔNG DÂN XUẤT SẮC CỦA THẾ GIỚI CỰC LẠC | 68 |
| ĐUỐC TUỆ SOI ĐƯỜNG | 76 |
| TƯỞNG NIỆM ÂN SỰ | 77 |
| Chuyến Hành Đạo Miền Trung 2016-2017 | 78 |
| GIỌT SỮA TỪ | 80 |
| Ngắm Cảnh Nhớ Thầy | 82 |
| ĐÔI DÒNG CẢM NIỆM | 84 |
| TƯỞNG NIỆM 30 NĂM CỔ NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN VIÊN TỊCH | 88 |
| Lặng nhớ người xưa | 92 |
| Kính Dâng Thầy | 96 |
| TƯỞNG NIỆM CỔ NI TRƯỞNG | 98 |
| VIÊN THÀNH HẠNH NGUYỄN | 100 |
| PHÁP THIÊN TRONG BÀI KỆ CHÀO BÌNH MINH | 102 |
| Cuộc Đời và Đạo Nghiệp Của Ni trưởng Huỳnh Liên - Đệ Nhất Trưởng Ni giới HPKS Việt Nam | 106 |
| ĐẠI LỄ TƯỞNG NIỆM LẦN THỨ 30 NI TRƯỞNG ÂN SỰ VIÊN TỊCH | 112 |
| CẢM HOÀI | 117 |
| LÒNG BIỂN BAO LA | 122 |
| NGỌC UYỂN MỘT CHIỀU MƯA | 126 |
| CẢM TÁC | 128 |
| NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN CUỘC ĐỜI, ĐẠO HẠNH VÀ THI CA | 131 |
| TƯỞNG NIỆM ÂN SỰ | 146 |
| Ni giới Hệ phái Khất sĩ và những đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam | 147 |
| KÍNH NIỆM DI HUẤN CỔ NI TRƯỞNG LÀ PHÁP TU GIỚI ĐỊNH HUỆ | 163 |
| Ý HÒA TRONG THƠ KỆ CỦA ĐỆ NHẤT NI TRƯỞNG | 166 |
| Nguyện Thắp Sáng Gương Thầy | 169 |
| Kinh Di Giáo Qua Thơ Văn Ni trưởng Huỳnh Liên | 171 |
| ĐỜI - ĐẠO VIÊN DUNG | 173 |
| CẢM TƯỞNG | 176 |
| CHUYỂN HÓA TỰ THÂN | 178 |
| CẢM TƯỞNG THƠ ĐỆ NHẤT CỔ NI TRƯỞNG | 180 |
| KHẮT SĨ | 187 |
| ĂN CHAY | 191 |

| | |
|--|-----|
| LỤC CĂN - KỆ CHƠN LÝ SỐ 3..... | 194 |
| KỆ CHƠN LÝ - GIỚI PHẬT TỬ..... | 197 |
| CHƠN LÝ 44: TU VÀ NGHIỆP..... | 200 |
| HẠNH PHÚC VÀ ĐAU KHỔ..... | 205 |
| TÍNH TRƯỞNG PHU TRONG THƠ VĂN ĐỀ NHẤT NI TRƯỞNG..... | 208 |
| NHỊP ĐIỀU CHO RIÊNG MÌNH..... | 212 |
| NI TRƯỞNG HUỖNH LIÊN VỊ LÃNH ĐẠO NI GIỚI HỆ PHÁI KHẮT SĨ..... | 215 |
| KỆ CHƠN LÝ-XỨ THIÊN ĐƯỜNG..... | 223 |
| SỢ TỘI LỖI..... | 226 |
| TƯ TƯỞNG BÀI CHƠN LÝ SỐ 5: BÁT CHÁNH ĐẠO..... | 228 |
| Chơn lý: HỌC ĐỂ TU..... | 232 |
| Chơn lý: VỠ TRỤ QUAN..... | 235 |
| SÁM HỐI..... | 238 |
| TAM HỌC..... | 240 |
| Tưởng niệm..... | 243 |
| HẠNH PHÚC..... | 245 |
| KHUYẾN NHÃN..... | 247 |
| Khuyến nhĩa..... | 249 |
| Tưởng niệm..... | 252 |
| Thơ Tưởng Niệm Ni trườg Huỳnh Liên..... | 254 |
| ĐỌC THƠ SÁNG TỎ ĐẠO MÀU..... | 256 |
| KỆ CHƠN LÝ: SINH TỬ..... | 261 |
| Vài dòng cảm nhận..... | 265 |
| Quá trình hình thành và phát triển của Ni giới Hệ phái Khắ sĩ..... | 266 |
| Giới Phật tử..... | 270 |
| GIÁC NGỘ..... | 274 |
| CUỘC ĐỜI VÀ CÔNG HẠNH CỦA SƯ BÀ..... | 277 |
| Chế phục lục căn..... | 280 |
| Khẩu..... | 283 |
| Khi thăng trầm lúc vui buồn..... | 286 |
| Giác Ngộ..... | 289 |
| tưởng niệm..... | 292 |
| Cảm nhận về Ni trườg..... | 295 |
| LỜI DẠY CỦA CỐ NI TRƯỜG..... | 299 |
| HỌA Ý BÀI THƠ “BỨC TRANH RỪNG LÁ” Của NT Huỳnh Liên..... | 302 |